

1

Hạt Cải Trời

Các môn đệ nói với Chúa Giê-Su, “Hãy nói cho chúng tôi nghe Nước Trời giống như cái gì.”

Ngài nói với họ, “Nước Trời giống như hạt cải trời - nhỏ hơn mọi hạt giống khác, nhưng khi rơi xuống mảnh đất đã được cày xới, nó sẽ sinh ra một cây lớn và trở thành nơi nương tựa cho muôn loại chim trời.” (1)

Những mối quan hệ của con người đã thay đổi rất nhiều; thay đổi nhưng xấu hơn. Trong tất cả mọi khía cạnh, những mối quan hệ thâm sâu đã biến mất; vợ không còn là vợ mà chỉ là đào; chồng không còn là chồng mà chỉ là kếp. Tình bằng hữu thì tốt nhưng thiếu chiều sâu. Hôn nhân là một loại quan hệ thâm sâu. Đó là một loại cam kết linh thiêng, mà nếu đôi bên không cam kết thật tình, tình nghĩa không thể nảy sinh. Trừ khi bạn cam kết thật tình, bạn không thể hiến đời cho tình yêu. Bạn chỉ dừng lại trên bề mặt, nhưng bạn không hề biết chiều sâu.

Dĩ nhiên, vực sâu có cái nguy hiểm của nó - nhất định phải vậy, bởi vì trên bề mặt bạn rất hiệu quả. Trên bề mặt bạn có thể hành động như một cái máy, không cần đến sự tỉnh thức. Nhưng bạn phải cảnh giác hơn khi tiến xuống chiều sâu, bởi vì thần chết có thể rình rập bất cứ lúc nào. Sự sợ hãi chiều sâu đã đưa đến sự nông cạn trong mọi quan hệ của con người. Họ vẫn chưa trưởng thành.

Chỉ là đào, kếp thì thú vị thật, nhưng đó không phải là cánh cửa dẫn đến những huyền bí thâm sâu nhất nằm ẩn tận bên trong mỗi người. Bạn có thể liên hệ với tình nhân về mặt tình dục, nhưng tình yêu không thể trưởng thành. Tình yêu cần phải mọc rễ thật sâu. Dục có thể xảy ra trên bề mặt, nhưng nếu chỉ có dục mà không có tình yêu thì có gì hơn thú vật? Dục chỉ được thăng hoa khi nó là một phần của tình yêu. Nhưng nếu không phải là một phần của tình yêu sâu xa, nó rất xấu xa; xấu xa nhất vì không có sự tương thân - bạn tìm đến nhau rồi vội chia tay. Hai thể xác gặp nhau nhưng thiếu hai tâm hồn – không có ta mà cũng chẳng có người. Điều này đã xảy ra trong mọi mối quan hệ. Mà mỗi quan hệ vĩ đại nhất đã biến mất, và quan hệ đó là quan hệ giữa đạo sư và môn đệ. Bạn không thể hiểu được Chúa Giê-Su nếu bạn không hiểu được ý nghĩ của quan hệ giữa thầy và đệ tử. Điều đó đã biến mất hoàn toàn. Vợ được bạn gài thay vào, còn chồng thì

được thay thế bởi bạn trai. Nhưng một đạo sư và mối quan hệ giữa Ngài và chúng đệ tử đã hoàn toàn biến mất. Cũng có thể nói rằng quan hệ ấy đã được thay thế bởi quan hệ giữa một bác sĩ tâm thần và bệnh nhân.

Giữa bác sĩ tâm thần và bệnh nhân chỉ có một mối quan hệ bệnh hoạn, thần kinh - bởi vì bệnh nhân không đến vì chân lý, không phải đến vì sức khỏe. Từ sức khỏe (health) này rất là thâm thúy; nó có nghĩa là nguyên vẹn (wholeness), linh thiêng (holiness); nó mang ý nghĩa của sự chữa lành chính bản thân mình. Vì vậy, nếu một bệnh nhân thực sự đi tìm sức khỏe, anh ta nhất định phải là một môn đồ.

Bệnh nhân muốn được hết bệnh. Đó là một thái độ tiêu cực. Anh ta muốn được trở lại bình thường, như mọi người bình thường khác. Anh ta bị trục trặc, cần được điều chỉnh, và vị bác sĩ tâm thần giúp anh ta điều chỉnh lại. Nhưng điều chỉnh theo người nào? Điều chỉnh theo thế giới bệnh tật này, xã hội bệnh tật này sao?

Người mà bạn gọi là “bình thường” chẳng qua là bình thường một cách bệnh hoạn, điên khùng một cách bình thường, mất giây một cách bình thường. Người “bình thường” cũng điên khùng, nhưng điên khùng có giới hạn - cái giới hạn mà xã hội, văn hóa chấp nhận. Người nào bước ra khỏi giới hạn ấy, ranh giới ấy thì bị coi là bệnh hoạn. Lúc đó thì toàn thể xã hội, vốn là bệnh hoạn, sẽ nói rằng người ấy bệnh hoạn. Và bác sĩ tâm thần làm việc tại ranh giới để giúp người ấy trở lại với đám đông.

Bác sĩ tâm thần không thể là một đạo sư, vì ông ta vốn không nguyên vẹn. Mà bệnh nhân thì không thể là môn đệ, vì chủ đích của anh ta không phải là học hỏi; anh ta bị xáo trộn mà anh ta không muốn; anh ta chỉ muốn được điều chỉnh, không phải được chữa lành. Bác sĩ tâm thần không thể là đạo sư, mặc dù ở trời Tây ông ta đóng vai đó, và chẳng chóng thì chầy ông ta cũng sẽ làm bộ như vậy ở Đông phương nữa. Nhưng ông ta không thể làm được – chính ông ta là người bệnh. Ông ta có thể giúp người khác điều chỉnh lại; điều đó thì được: một người bệnh có thể giúp người bệnh khác, trong phạm vi nào đó.

Nhưng một người bệnh không thể làm cho một người bệnh khác trở thành nguyên vẹn được. Một người điên không thể giúp người điên khác khỏi điên. Thậm chí ngay cả Sigmund Freud, Carl Jung và Alfred Adler – ba ông tổ của Phân tâm học – cũng là những người bệnh; nói chi đến các bác sĩ tâm thần bình thường, người vĩ đại nhất trong bọn họ cũng bệnh hoạn và thần kinh. Tôi sẽ đưa ra vài thí dụ điển hình. Mỗi khi có người đề cập đến cái chết là Freud run cầm cập. Hai lần ông ta ngất xỉu và té khỏi ghế ngồi, vì có người nói về xác ướp Ai Cập. Ông ta ngất xỉu! Một lần khác Jung, học trò của ông, nói về cái chết, về thân ma thì bỗng nhiên Freud run lên và ngã xuống, ngất xỉu, bất tỉnh nhân sự. Nếu Freud sợ chết đến thế, các học trò của ông ta thì sao? Tại sao phải sợ chết đến thế? Bạn có thể tưởng tượng nổi một vị Phật mà sợ chết không? Thế thì ông ấy không thể là Phật được. Jung kể lại là nhiều lần ông ta muốn đến La Mã để thăm tòa thánh Vatican, mà đặc

biệt là thư viện vĩ đại của tòa thánh – nơi đó chứa những bản thảo bí mật nhất của tất cả các tôn giáo từ xưa đến nay. Nhưng mỗi khi ông ta định đi mua vé thì lại run lên. Mà đây là mới chỉ đi La Mã thôi. Chuyện gì sẽ xảy ra khi ông ta đi tìm giải thoát hoàn toàn? Ông ta trả lại vé và trở về. Ông ta không bao giờ đến đó, không bao giờ. Ông ta cố gắng nhiều lần và cuối cùng quyết định, “Không, Tôi không thể đi.” Đi thăm La Mã có gì mà sợ? Tại sao một bác sĩ tâm thần lại sợ viếng thăm một nơi tôn nghiêm?

Lý do là La Mã chỉ là một biểu tượng, một đại diện. Mà Jung đã xây dựng một triết lý chung quanh tâm trí của ông ta, và Jung sợ triết lý ấy bị đập vỡ tan tành. Khác gì con lạc đà sợ đi đến Hi Mã Lạp Sơn, bởi vì khi đến gần Hi Mã nó sẽ thấy nó chỉ là con số không. Toàn bộ triết lý mà Jung đã xây dựng rất là ấu trĩ. Con người đã tạo ra biết bao nhiêu là hệ thống đồ sộ về vũ trụ, mà nay tất cả chỉ là những hoang tàn. Sợ đi đến La Mã là sợ tìm về những điều tàn của những hệ thống đồ sộ mà quá khứ đã tạo ra. Thế thì những hệ thống nhỏ bé thì sao? Thế thì cái xó xỉnh nhỏ bé này mà bạn từng lau chùi và tô điểm thì sao? Thế thì triết lý của bạn thì sao? Những học thuyết lớn đã sụp đổ và trở về cát bụi: Hãy đến La Mã để xem cái gì đã xảy ra. Hãy đến Athens (2) mà xem! Những viện triết học của Aristotle, Plato và Socrates đã biến đi đâu rồi? Tất cả đã biến vào cát bụi. Những hệ thống vĩ đại nhất cuối cùng cũng trở thành tro bụi. Mọi ý tưởng đều được chứng minh là vô ích, bởi vì ý tưởng là sản phẩm của con người. Chỉ khi không bị ý tưởng khuấy động, bạn mới thể nghiệm được chân lý. Bạn không thể nương theo ý tưởng mà đạt được vĩnh cửu, bởi vì ý tưởng thuộc về thời gian. Ý tưởng không thể thuộc về vĩnh cửu. Không một triết học nào, không một hệ thống tư tưởng nào có thể tồn tại mãi mãi. Sợ hãi là ở chỗ đó.

Ít nhất là bốn hay năm lần Jung đã đặt mua vé rồi lại thôi. Mà Jung là một trong những nhà phân tâm vĩ đại nhất. Nếu Jung sợ không dám đi La Mã, dám học trò thì sao? Mà nếu bạn không sợ - không phải vì bạn khác hơn Jung, mà chỉ vì bạn đang say ngủ hơn ông ta. Jung biết rằng khi đến La Mã, ông ta phải cúi đầu. Khoảnh khắc mà ông ta nhìn đến những đồ vỡ của những hệ thống lớn, sự run rẩy, sợ chết điếng sẽ xâm chiếm tâm hồn, “Sự gì sẽ xảy ra cho hệ thống của ta? Sự gì sẽ xảy ra cho ta?” Nghĩ đến đó mà run nên trở về, và trong hồi ký ông ta viết, “Cuối cùng tôi bỏ hẳn dự án. Tôi không đi thăm La Mã.” Điều đó cũng xảy ra cho Freud rất nhiều lần. Ông ta cũng muốn đến La Mã – không phải là một sự trùng hợp – và ông ta cũng rất là sợ hãi. Tại sao? Freud cũng nổi giận như mọi người, cũng ham muốn xác thịt như mọi người, cũng sợ chết như mọi người, cũng xử sự điên rồ như mọi người. Vậy có gì khác đâu? Ông ta có thể thông minh hơn, có thể là một thiên tài, và có thể hữu ích một đôi chút, nhưng cũng mù quáng như mọi người trước chân lý tối thượng và những bí ẩn nhất, cốt lõi nhất của bản thể con người. Không, tâm bệnh học không thể trở thành tôn giáo được. Nó có thể trở thành một bệnh viện, nhưng không thể trở thành giáo đường. Và bác sĩ tâm thần có chỗ dụng vì có người bệnh, không thích nghi, nhưng ông ta không phải là đạo sư, và bệnh nhân không phải là môn đệ. Nếu đến với đạo

sư như một bệnh nhân, bạn đi lạc đường, bởi vì Ngài không phải là bác sĩ tâm thần.

Tôi không phải là bác sĩ tâm thần. Nhiều người đến với tôi và nói, “Con bị khổ não vì những lo âu tinh thần, loạn thần kinh và những bận tâm khác.” Tôi bảo họ rằng, “Không sao hết. Tôi không chữa những lo âu của bạn. Tôi sẽ chữa bạn. Tôi không quan tâm đến bệnh tật của bạn, mà chỉ quan tâm về bạn thôi. Bệnh tật chỉ ở ngoài chu vi, mà chính bản thể của bạn thì chẳng có bệnh tật gì hết.” Một khi bạn đã nhận ra mình là ai, mọi chứng bệnh đều biến mất. Chúng tồn tại chỉ vì bạn đang che giấu cái ý thức về chính mình; bạn đang chạy trốn khỏi chính mình; bạn lẩn tránh sự đối mặt chỉ vì bạn không chịu nhìn vào chính bạn. Tại sao bạn không chịu nhìn vào chính mình? Điều gì đã xảy ra cho bạn? Trừ khi bạn sẵn sàng đối mặt với chính mình, bạn không thể là một môn đệ, bởi vì đạo sư sẽ chẳng làm được gì nếu bạn vẫn còn tránh né. Ngài chỉ có thể giúp bạn giáp mặt với chính bạn.

Tại sao bạn sợ như vậy?... Bởi vì một nhảm lẫn nào đó trong quá khứ. Một đứa trẻ sinh ra, và nó không được chấp nhận hoàn toàn. Nhiều điều phải thay đổi, phải ép buộc; nó phải được khép vào kỷ luật. Nó có những phần mà xã hội và cha mẹ không chấp nhận, nên những phần đó phải chối bỏ, đè nén; chỉ một phần nhỏ được chấp nhận và khuyến khích. Vì vậy nó phải cố gắng thực hiện những phần nhỏ đó. Nó phải chối bỏ những phần còn lại và không cho phép biểu lộ. Nó phải chối bỏ quá nhiều đến nỗi chính nó cũng không biết nữa.

Đó là ý nghĩa của đè nén, và toàn thể xã hội tồn tại nhờ đè nén. Phần lớn bản thể của đứa trẻ bị đè nén, bị nhét hoàn toàn vào bóng tối. Nhưng phần bị đè nén ấy cố khẳng định chính nó; nó nổi loạn, phản ứng lại; nó muốn biểu lộ, và bạn phải trấn áp dài dài. Cho nên bạn sợ không dám đối mặt với chính mình, bởi vì cái gì sẽ xảy ra cho phần bị đè nén ấy? Nó sẽ trở lại; nó sẽ ngẩng đầu lên. Chuyện gì sẽ xảy ra cho phần vô thức. Nếu bạn đối mặt với chính mình thì sẽ chạm trán vô thức, và những gì bạn chối bỏ sẽ có mặt đầy đủ. Và điều đó làm cho bạn sợ. Trừ khi đứa trẻ được chấp nhận một cách trọn vẹn, sự sợ hãi này sẽ nằm chờ ở đó. Nhưng cho tới nay chưa có một xã hội nào chấp nhận đứa trẻ một cách trọn vẹn. Mà có lẽ không một xã hội nào có thể chấp nhận đứa trẻ một cách trọn vẹn; điều đó không thể xảy ra. Cho nên sự đè nén nhất định phải có, ít hay nhiều. Và mỗi người một ngày nào đó sẽ phải chạm trán với vấn đề đối mặt này. Bạn trở thành môn đệ cái ngày bạn quên hẳn mọi ý niệm về cái tốt, cái xấu; bạn bỏ sau lưng những gì được chấp nhận và những gì không được chấp nhận. Bạn chỉ trở thành môn đệ cái ngày bạn sẵn sàng lìa toàn thể con người bạn ra ánh sáng. Đạo sư chỉ là bà đỡ. Ngài giúp bạn đi qua một cuộc sống mới, để được tái sinh. Và thế nào là mối quan hệ giữa một đạo sư và môn đệ? Môn đệ phải tin tưởng; anh ta không thể nghi ngờ.

Nếu nghi ngờ anh ta không thể phơi bày chính mình. Khi bạn nghi ngờ người nào, bạn sẽ thu lại; bạn không thể mở rộng. Khi bạn nghi ngờ.... Một

kẻ lạ mặt; thế thì bạn tự khép kín; bạn không thể rộng mở, vì bạn không biết kẻ lạ mặt này sẽ làm gì. Bạn không muốn bị người đó lừa đảo; bạn phải đề phòng và khoác lên áo giáp che thân.

Với một đạo sư bạn phải buông rơi áo giáp – đó là điều tối cần. Ngay cả với một tình nhân, bạn cũng mang áo giáp mỏng; khi bên cạnh người yêu, bạn cũng không hoàn toàn cởi mở. Nhưng với một đạo sư, sự cởi mở phải toàn phần, nếu không thì chẳng có gì sẽ xảy ra. Nếu bạn giữ lại chỉ một phần nhỏ của bạn, mối quan hệ với Ngài sẽ không xảy ra. Tin tưởng trọn vẹn là điều cần thiết; chỉ có thế thì những bí mật mới có thể tỏ lộ; chỉ có thế thì chìa khóa mới có thể trao cho bạn. Nếu bạn che dấu chính mình, nghĩa là bạn đang giằng co với Ngài, và thế thì không gì có thể hoàn thành được.

Tranh chấp không phải là lẽ lối của môn đệ; qui phục là chìa khóa. Và qui phục đã biến mất hoàn toàn khỏi thế giới này rồi. Nhiều điều đã dọn đường cho việc đó: trong ba hay bốn thế kỷ vừa qua con người đã được dạy để trở thành cá nhân chủ nghĩa, ích kỷ; hấn không được dạy để qui phục mà phải đấu tranh, không phải vâng lời mà nổi loạn; hấn không được dạy để tin tưởng mà nghi ngờ. Điều đó có lý do: bởi vì khoa học phát triển qua sự nghi ngờ. Khoa học lấy nghi ngờ là nguyên tắc; nó không dùng đến niềm tin mà xây trên logic, lập luận, nghi ngờ.

Càng nghi ngờ, càng khoa học hơn. Phương pháp của khoa học trái ngược hoàn toàn với tôn giáo. Tôn giáo xây trên đức tin: càng tin tưởng bao nhiêu, bạn càng đạo đức bấy nhiêu. Khoa học làm ra nhiều phép lạ mà ai cũng thấy được. Tôn giáo tạo nên nhiều phép lạ hơn nhưng khó thấy được. Dù có đứng trước mặt một vị Phật, bạn cảm thấy gì nào? Bạn thấy gì chứ? Bạn không thể thấy Ngài bằng mắt thường – cái bạn thấy được chỉ là thể xác; nhìn bằng mắt thì Ngài cũng phải chết như mọi người, và Ngài sẽ già yếu rồi ngày nào đó chết đi. Về mặt vô hình thì Ngài bất tử. Nhưng bạn không có con mắt để nhìn thấy cái vô hình; bạn không có khả năng để cảm thấy cái thâm sâu nhất, cái không thể biết được. Đó là lý do tại sao những con mắt tin tưởng dần dần cảm thấy được và trở nên nhạy cảm hơn. Tin tưởng nghĩa là bạn không dùng đến đôi mắt nữa. Vì vậy tin tưởng là mù quáng, khác gì yêu là mù quáng – nhưng tin tưởng còn mù quáng hơn cả yêu nữa.

Khi không dùng đến đôi mắt thì có gì xảy ra? Một sự chuyển hóa nội tại sẽ xảy ra. Khi bạn đóng lại đôi mắt trần vốn dùng để nhìn ra ngoài, việc gì sẽ xảy ra cho cái năng lượng vốn được dùng cho đôi mắt ấy? Nó bắt đầu quay ngược vào bên trong. Nếu không được lưu thông từ đôi mắt đến vật thể, nó đổi chiều. Năng lượng phải chuyển động, không thể tĩnh tại; nếu bị ngăn lối, nó sẽ tìm đường khác. Khi cả hai mắt bị khép lại, cái năng lượng vốn di chuyển qua đôi mắt ấy bắt đầu đổi hướng – một sự thay chiều xảy ra.

Năng lượng đó hướng về mắt thứ ba của bạn. Mắt thứ ba không phải vật chất: cái năng lượng trước đây di chuyển từ đôi mắt đến vật thể bên ngoài nay đang quay ngược về nguồn. Nó trở thành mắt thứ ba – cách thứ ba để

nhìn thế giới. Một vị Phật chỉ được thấy qua mắt thứ ba; chỉ có con mắt ấy mới nhận ra Chúa Giê-Su. Nếu không có con mắt ấy thì có đứng trước mặt Chúa bạn cũng không nhận ra Ngài – nhiều người cũng đã không nhận ra. Ngay tại quê hương của Ngài nhiều người nghĩ Ngài chỉ là con của người thợ mộc. Không một ai biết việc gì đã xảy ra cho Ngài. Ngài không còn là con người thợ mộc, mà đã trở thành con Thiên Chúa. Đó là một hiện tượng nội tâm. Và Chúa Giê-Su đã tuyên bố rằng, “Ta là con Thiên Chúa. Cha ta ở trên trời.” Nhiều người đã cười to và cho rằng hoặc là Ngài điên, hoặc ngu ngốc, hoặc là người xảo quyệt. Làm cách nào mà con của người thợ mộc bỗng dưng trở thành con Thiên Chúa? Nhưng có một cách... thể xác chỉ có thể được sinh qua thể xác. Bản thể bên trong không được sinh qua thể xác, mà qua Chúa Thánh Thần, qua thánh linh. Nhưng trước hết bạn phải có con mắt để thấy, phải có tai để nghe. Hiểu được Chúa Giê-Su là một điều rất tế nhị; bạn phải được huấn luyện trước. Tựa như nhạc cổ điển vậy. Nếu bỗng nhiên lần đầu tiên mà được nghe nhạc cổ điển, bạn sẽ nghĩ, “Đó là cái quái gì vậy?” Nó rất tinh tế; cần phải có sự huấn luyện lâu dài mới hiểu được. Bạn phải học hỏi qua nhiều năm thì tai bạn mới có thể nghe được những cái tinh tế mà chỉ có ở nhạc cổ điển. Và rồi những nhạc hàng ngày của đám đông, nhạc phim, không phải là nhạc chút nào; đó chỉ là những tiếng ồn mà lại ngu ngốc. Bởi vì tai của bạn không được huấn luyện nên bạn nghĩ đó là nhạc. Nhưng nhạc cổ điển thì chỉ những người sành điệu, quý phái mới biết thưởng thức. Bạn cần phải được huấn luyện, và càng được huấn luyện thì cái tế vi trở nên rõ ràng. Nhưng nhạc cổ điển không thể so sánh được với Chúa Giê-Su, vì đó là nhạc của vũ trụ. Bạn phải trở nên thanh lặng đến độ không có một ý tưởng, không một chút chuyển động trong bản thể của bạn. Chỉ có thể bạn mới nghe được Ngài, hiểu được Ngài, nhận ra Ngài. Ngài thường nói, “Những người có tai, hãy nghe. Những kẻ có mắt, hãy xem!” (3) Tại sao Ngài lại lập đi lập lại như thế? Ngài nói về một loại hiểu biết mà chỉ một môn đệ mới có. Chỉ một số nhỏ mới hiểu được Ngài, nhưng đó là bản chất của sự việc, không thể khác được. Chỉ một vài người – và họ là ai? Họ không phải là học giả thông thái, không phải giáo sư đại học, không phải những con mọt sách, không phải triết gia. Họ là những người bình thường: người đánh cá, nhà nông, đóng giày, kỹ nữ... họ là những người rất bình thường, bình thường nhất trong những người bình thường.

Sao mà họ có thể hiểu được? Phải có gì phi thường trong những người bình thường này. Những người bình thường phải có gì đặc biệt mà không thể thấy trong những người gọi-là “khác thường”. Cái gì vậy? Đó là sự khiêm tốn, sự tin tưởng. Càng được đào tạo trong trí tuệ, càng khó tin tưởng. Nếu trí tuệ của bạn không được đào luyện, càng dễ tin tưởng hơn. Một nông dân tin cậy, ông ta chẳng cần phải nghi ngờ. Ông ta gieo giống xuống ruộng và tin rằng chúng sẽ mọc lên, sẽ nảy mầm khi đúng mùa. Chúng sẽ nảy mầm. Ông ta chờ đợi và cầu nguyện; khi đúng mùa, những hạt giống đó sẽ nảy mầm và thành cây. Ông ta chờ đợi và tin tưởng. Ông ta sống với cây cỏ, sông núi. Chẳng cần phải nghi ngờ gì; cây cối không xảo quyệt; bạn chẳng

cần mang áo giáp để tự vệ; đồi núi không xảo quyệt – chúng không phải là chính khách, không phải tội phạm - bạn chẳng cần phải mang theo áo giáp làm gì. Ở đó bạn chẳng phải lo về an ninh; bạn có thể dễ mở. Đó là lý do tại sao khi đến gần ngọn đồi, bạn bất chợt cảm thấy có sự sung sướng. Từ đâu mà nó đến vậy? Từ ngọn đồi? Không, nó đến vì bạn đã bỏ rơi áo giáp, không có gì phải sợ hãi. Khi đứng dưới cây cối, thành linh bạn cảm thấy đẹp. Không phải nó rớt từ trên cây xuống, mà phát khởi từ bên trong bạn. Với cây, bạn chẳng cần phải đề phòng; bạn có thể thư thái và thông thả.

Hoa không tấn công bạn một cách bất thành linh; cây không thể là một kẻ trộm; nó không thể đánh cắp bất cứ một thứ gì của bạn. Vì vậy khi bạn đi về đồi núi, đi ra biển, đi vào rừng, bạn bỏ lại áo giáp một bên. Những người sống gần thiên nhiên dễ tin tưởng hơn. Một nước mà ít công nghiệp, ít cơ khí, ít kỹ thuật, sống gần với thiên nhiên thì người dân dễ tin tưởng và chất phác. Vì vậy bạn không thể mừng tượng nổi là Chúa sinh ra ở New York - hầu như không thể được. Những người cuồng tín về Chúa có thể sinh ra ở đó, nhưng Chúa thì không. Mà những kẻ “cuồng tín” ấy chỉ là loạn thần kinh; Chúa chỉ là cái cơ của họ. Không, bạn không thể nghĩ là Chúa sinh ở đó, gần như không thể nghĩ được. Mà thậm chí nếu Ngài sinh ra ở đó cũng chẳng có ai lắng nghe Ngài. Mà nếu Ngài có mặt ở đó, cũng chẳng có ai nhận ra Ngài. Ngài sinh ra lúc chưa có kỹ thuật, không có khoa học, chỉ là con của một thợ mộc. Cả đời Ngài sống giữa những người nghèo và chất phác, giữa thiên nhiên. Họ có thể tin cậy. Ngài đi đến bờ hồ trong một buổi sáng. Mặt trời vẫn còn thấp. Hai người đánh cá đang thả lưới xuống hồ. Chúa nói với họ, “Này! Hãy theo ta! Ta sẽ biến các ông thành kẻ đánh cá người!” (4)

Nếu Ngài nói với bạn lúc bạn đang ngồi trong văn phòng, hay trong cửa tiệm của bạn, bạn sẽ nói, “Cút đi đi! Tôi không rảnh! Đừng làm mất thì giờ của tôi!” Nhưng hai người chài lưới ấy nhìn Chúa; họ nhìn Ngài mà chẳng một chút nghi ngờ. Mặt trời đang lên, và Ngài trông rất đẹp. Và mắt của Ngài – đôi mắt ấy sâu hơn nước hồ, và sự rạng ngời của Ngài lấp lánh hơn cả mặt trời. Họ liền bỏ lưới và đi theo Ngài.

Đó là tin tưởng. Một câu hỏi cũng không có: “Ông là kẻ lạ mặt. Ông là ai?” Họ không biết Ngài; Ngài không sống chung một làng với họ; họ chưa thấy Ngài bao giờ, và chưa nghe nói về Ngài bao giờ. Nhưng thế là quá đủ rồi - tiếng gọi, lời mời ấy là đủ rồi. Họ nghe lời kêu gọi của Ngài; họ nhìn Ngài, và thấy được sự chân thành của Ngài. Thế là họ đi theo.

Khi họ mới ra khỏi đầu làng, có người chạy theo nói với hai người chài lưới kia rằng, “Các ông đi đâu vậy? Cha ông vừa mới qua đời. Hãy trở về mà chôn xác cha.” Hai người ấy xin với Chúa rằng, “Xin hãy cho chúng con trở về chôn xác cha.” (5)

Chúa nói với họ rằng, “Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết. Còn các người hãy đi theo ta.” (6) Và hai người ấy đi theo Ngài. Đó là tin tưởng: họ đã nghe và đã nhìn Ngài. Ngài đã nói rất đúng, “Khi cha chết, ông làm được gì? Khi

người nào đó chết thì người đó chết. Chẳng cần phải đi. Và trong làng đã có đủ người chết; họ sẽ làm phần còn lại; họ sẽ làm những nghi thức; họ sẽ chôn cha của ông. Còn ông, hãy theo ta.” Thế rồi họ theo Ngài, và không bao giờ ngoảnh mặt lại, không bao giờ nhìn lại. Tin tưởng nghĩa là không nhìn lại. Tin tưởng nghĩa là không quay lại. Một tâm trí nghi ngờ lúc nào cũng xét lại, lúc nào cũng nghĩ đến giải pháp khác, lúc nào cũng nghĩ về cái phải làm, lúc nào cũng nghĩ là làm thế có đúng không? Ai mà biết được – Chúa nói Ngài là con Thiên Chúa, nhưng biết đâu đây? Chẳng có ai biết Thiên Chúa; không ai biết con của Ngài là ai – mà người này trông có khác gì chúng ta đâu! (7) Nhưng hai người đánh cá ấy đi theo Ngài.

Nếu bạn đi theo người như Chúa, chẳng chóng thì chầy bạn sẽ bị lây, nhưng bạn phải theo từ đầu. Sớm hay muộn bạn sẽ cảm thấy Ngài là con Thiên Chúa. Mà không phải vậy thôi đâu; qua trung gian Ngài bạn sẽ nhận thức được rằng bạn cũng là con Thiên Chúa (8). Nhưng lúc ban đầu bạn phải tin tưởng. Nếu ngay từ lúc đầu mà có sự nghi ngờ, cánh cửa sẽ đóng lại.

Quan hệ giữa đạo sư và môn đệ đã biến mất chỉ vì ba thế kỷ thành công của khoa học. Khoa học đã thành công quá mức, và đã tạo ra nhiều điều phép lạ – dĩ nhiên là những phép lạ vô ích, bởi vì chúng không làm cho con người hạnh phúc hơn; phép lạ nhưng vô ích nếu hạnh phúc không được tăng lên vì nó. Thật ra, hạnh phúc đã giảm đi. Tân tiến hơn, tiện nghi hơn, nhưng ít hạnh phúc hơn: đây mới là phép lạ mà khoa học đã làm được. Càng nhiều thứ được làm bởi máy móc, bạn càng ít được cần tới hơn. Và càng ít được cần tới, bạn càng cảm thấy vô dụng hơn, vô ích hơn, vô nghĩa hơn. Sớm hay muộn máy tính sẽ thay thế bạn, và bạn sẽ chẳng được cần đến nữa. Thế rồi bạn ra đi và tự sát vì máy tính đã làm mọi thứ rồi.

Hạnh phúc có vì được cần đến. Khi có người cần đến bạn, bạn thấy hạnh phúc, bởi vì bạn cảm thấy đời bạn có ý nghĩa, cuộc sống có ý nghĩa; bạn cảm thấy được cần đến, mà nếu không có bạn, sự việc đã khác. Nhưng nay, không có bạn cũng chẳng có gì khác. Đúng ra, mọi sự sẽ khá hơn nếu không có bạn, vì máy móc có thể làm mọi thứ khá hơn bạn. Bạn chỉ là kỳ đà cản mũi, một vật đã lỗi thời rồi. Con người là một thứ lỗi thời nhất hiện nay, bởi vì mỗi năm, mọi thứ đều có ấn bản mới: một kiểu xe Ford mới, cái gì cũng có kiểu mới. Chỉ có con người là có kiểu lỗi thời. Trong số vô vàn đồ mới toanh, bạn là đồ cũ rích.

Tâm trí hiện đại luôn luôn cảm thấy vô nghĩa, bởi vì chẳng được ai cần đến. Thậm chí ngay cả con bạn cũng chẳng cần bạn, bởi vì chính phủ, hệ thống trợ cấp xã hội sẽ lo cho chúng. Cha mẹ già của bạn cũng không cần tới bạn, bởi vì nhà dưỡng lão sẽ chăm sóc họ. Ai cần đến bạn. Và khi không ai cần đến bạn, bạn chẳng khác gì một gánh nặng không cần thiết. Sao bạn có thể hạnh phúc được? Thời xưa bạn được cần tới.

Hillel là một nhà huyền môn gốc Do Thái. Ông ta là người có đức tin, rất sùng đạo. Trong kinh cầu với Thượng Đế, ông ta nói, “Đừng nghĩ rằng chỉ có tôi mới cần đến người - người cũng cần đến tôi vậy. Nếu không có tôi,

người cũng chẳng là cái thá gì. Nếu Hillel không có mặt, ai sẽ cầu nguyện? Ai sẽ ngưỡng mặt lên nhìn người? Tôi là một thứ cần thiết. Vậy hãy nhớ điều này: Tôi cần người là phải, nhưng người cũng cần đến tôi.”

Khi cả vũ trụ cần bạn – ngay cả Thượng Đế - thì bạn thấy có ý nghĩa, được coi trọng, có hương thơm. Nhưng nay không ai cần bạn. Bạn có thể bị vất bỏ dễ dàng; bạn chẳng là gì cả. Kỹ thuật đã tạo ra tiện nghi và biến bạn thành đồ bỏ. Kỹ thuật xây được nhà tốt hơn, nhưng không làm cho người tốt hơn, bởi vì người tốt cần một phẩm chất khác – và phẩm chất ấy không thuộc về cơ khí. Đó là sự tỉnh thức – không phải máy móc.

Khoa học không thể tạo nên Phật Thích Ca hay một Chúa Giê-Su, nhưng khoa học có thể tạo nên một xã hội mà một vị phật không thể xuất hiện được. Nhiều người hỏi tôi tại sao đời nay không có Phật, không có Tổ, không có Chúa. Chính vì bạn! Bạn đã làm nên một xã hội mà một người chất phác khó mà tồn tại được, một người hồn nhiên khó mà đến được. Mà nếu ông ta có hiện hữu, bạn cũng chẳng nhận ra. Không phải là không có Phật - khó mà nhận ra họ, nhưng họ hiện diện. Mỗi ngày trên đường đến sở làm bạn có thể đi qua họ, nhưng bạn không nhận ra, bởi vì bạn quá gà. Tin tưởng đã biến mất. Hãy nhớ điều này: Chúa sống trong kỷ nguyên của tin tưởng, tin tưởng sâu xa. Toàn thể sự huy hoàng, sự quan trọng của Ngài chỉ có thể hiểu được qua lăng kính của sự tin tưởng.

Giờ đây, chúng ta hãy bàn qua một lời dạy ngắn gọn này của Chúa Giê-Su:

Các môn đệ nói với Chúa Giê-Su, “Hãy nói cho chúng tôi nghe Nước Trời giống như cái gì.”

Họ không phải là những người cật vấn, không phải người tò mò; họ không tranh luận. Câu hỏi của họ rất hồn nhiên; Chúa chỉ trả lời một câu hỏi hồn nhiên. Bạn có biết thế nào là một câu hỏi hồn nhiên không? Nếu bạn đã có câu trả lời, câu hỏi ấy không còn hồn nhiên nữa. Bạn hỏi, “Thượng Đế có hiện hữu không?” và bạn đã có câu trả lời. Bạn biết rằng có, Ngài hiện hữu, và bạn tìm tôi chỉ để được tôi xác nhận. Hoặc là bạn biết Ngài không hiện hữu, và bạn đến chỉ để xem lão này có biết hay không. Nếu câu trả lời đã có, câu hỏi là xáo quyết, thế thì nó không hồn nhiên. Thế thì Chúa không thể trả lời, bởi vì Ngài chỉ có thể trả lời sự hồn nhiên (9).

Khi một môn đệ hỏi, trong tâm trí ông ta không có câu trả lời. Ông ta không biết; vì không biết nên ông ta mới hỏi. Hãy nhớ điều này: khi bạn hỏi điều gì, hãy nhớ cho kỹ, có phải bạn hỏi vì bạn đã có câu trả lời chẳng? Có phải bạn hỏi qua tri thức của bạn không? Thế thì không có sự tương ngộ. Thì dẫu tôi có trả lời đi nữa, nó cũng chẳng lọt vào tai bạn được (10). Bạn không để lòng trống mà nghe câu trả lời. Câu trả lời đã ở sẵn đó rồi. Bạn đã có thiên kiến, đã bị nhiễm độc rồi.

Câu hỏi có hai loại. Một là hỏi qua tri thức; thế thì hỏi cũng bằng thừa, vì đó là hỏi để tranh luận, không phải để đối thoại. Nhưng khi bạn hỏi một

cách hồn nhiên, biết rất rõ rằng bạn không biết, khi bạn hỏi mà biết mình không biết, bạn đã trở thành một môn đệ. Như vậy sẽ không có tranh luận. Bạn đang khát, và bạn hỏi xin nước; bạn đang đói, và bạn xin ăn. Bạn không biết và bạn hỏi; bạn sẵn sàng tiếp nhận. Một môn đệ hỏi mà biết rõ là mình không biết. Khi bạn không biết, bạn khiêm tốn. Khi bạn biết, bạn trở nên ích kỷ, và Chúa không thể nói với những cái tôi.

Các môn đệ nói với Chúa Giê-Su.... Môn đệ nghĩa là người biết rõ mình không biết

“Hãy nói cho chúng tôi nghe Nước Trời giống như cái gì.”

Chúa Giê-Su nói liên tục về Nước Trời, và điều này đã tạo ra nhiều phiền phức. Nội chữ “nước” thôi cũng đủ rắc rối rồi, bởi vì nó dính dáng đến chính trị nên các chính trị gia sợ hãi. Ngài bị đóng đinh bởi vì bọn chúng nghĩ, “Tên này nói về một nước nào đó sắp xuất hiện trên trái đất, và nó nói, ‘Ta là vua!’ (11) Nó đang cố sách động cho một cuộc cách mạng để lật đổ chính quyền. Nó muốn tạo nên một nước khác!” Nhà vua, phó vương, triều thần và tầng lớp đều lo sợ. Mà người này có nhiều ảnh hưởng vì được dân chúng nghe theo; mà không phải chỉ nghe thôi – nghe xong họ được biến đổi, bừng sáng, hoàn toàn đổi mới; điều gì đó đã xảy ra cho họ.

Vì vậy đám thầy tu, quan toàn quyền Pontius Pilate, vua Herod (12) cùng toàn thể chính phủ - cả đời lẫn đạo - đều lo sợ. Ông ta có vẻ nguy hiểm. Chưa có một người hồn nhiên như vậy bao giờ, nhưng trông có vẻ nguy hiểm. Ngài đã bị hiểu lầm.

Nhưng người như Chúa bao giờ cũng bị hiểu lầm. Lý do là Ngài phải dùng ngôn ngữ của bạn, bởi vì không có ngôn ngữ nào khác. Bất kỳ Ngài nói gì, Ngài phải nói bằng từ của bạn. Không có từ nào khác, và từ của bạn đã bị lạm dụng quá nhiều rồi. Chúng có quá nhiều ý nghĩa, quá nặng nề. Ngài chỉ nói về vương quốc của Thiên Chúa, Nước Trời. Nhưng “nước?” -- từ đó rất nguy hiểm, sắc mùi chính trị.

Chúa không phải là một nhà cách mạng của thế giới này. Ngài là một nhà cách mạng, cách mạng bậc thầy – nhưng của thế giới tâm linh. Ngài đang nói về vương quốc tâm linh. Nhưng ngay cả các môn đệ của Ngài cũng không hiểu Ngài đang nói gì. Khi bạn đến gặp một đạo sư thì có sự gặp gỡ của hai thế giới, tựa như sự gặp gỡ của trời và đất - chỉ trên bề mặt. Nếu có sự tin tưởng, bạn có thể bay bổng; nếu không có tin tưởng, bạn bị dính lại dưới đất. Nếu có sự tin tưởng, bạn có thể mở rộng đôi cánh mà bay, nhưng nếu tin tưởng không có, bạn không thể cất cách được. Người này mang lại sự nguy hiểm cho bạn. Nước Trời là gì? Vương quốc nào vậy? Vương quốc này hoàn toàn đối lập, tuyệt đối ngược chiều với vương quốc của thế gian này (13).

Mà Chúa đã giải thích đi giải thích lại, nhưng khó mà làm cho người khác hiểu được. Ngài nói, “Trong Nước Trời, người nghèo nhất là người giàu nhất, và người thấp nhất sẽ là người cao nhất.” Ngài nói hết như Lão

Tử, và Ngài cũng thuộc loại người như Lão Tử (14). “Người đứng cuối cùng sẽ là người đứng đầu trên Nước Trời.” Ngài nói rằng người khiêm tốn nhất sẽ là người quan trọng nhất, người nghèo nhất sẽ là người giàu nhất (15), và người không được ai biết tới sẽ là người nổi tiếng nhất - lộn tung phèo hết. Mà phải như vậy mới đúng. Nếu bạn đứng gần một dòng sông mà nếu nó thật yên tĩnh, không có một gợn sóng, và bạn nhìn xuống bóng của mình, bạn sẽ thấy nó đảo lộn. Hình phản xạ bao giờ cũng đảo lộn. Mọi thứ trên thế gian này đều đảo lộn cả. Mà nếu ta phải sắp xếp lại thứ tự, mọi sự phải lộn lại hết. Mà nếu làm vậy, mọi thứ lại trông đảo lộn hết. Một sự hỗn loạn sẽ xảy ra. Đức Phật sẽ thành tên ăn mày – người đứng sau rớt của thế gian này. Ngài là vua, nhưng Nước Trời thuộc về người đứng sau rớt của thế gian này. Ngài bỏ cung điện ra đi, bởi vì nước của thế gian này thật là vô ích, một gánh nặng vô ý nghĩa. Bạn kéo lê nó, nhưng nó không phải thức ăn. Nó phá hủy bạn. Nó là thuốc độc - và nó là chất độc ngấm lâu nên bạn không cảm thấy.

Một người đang uống nước. Một người bạn đi ngang nói, “Chất độc ấy ngấm từ từ đấy!” Anh ta nói, “Không sao đâu – Tôi cũng không vội.”

Bất kỳ cái gì bạn gọi là sự sống đều là chất độc ngấm lâu, bởi vì rồi nó cũng chết. Nó giết bạn; nó chẳng làm gì khác. Có thể bạn không vội, nhưng cũng không thay đổi đặc tính của chất độc. Nó có thể lâu, bạn có thể không vội, nhưng nó vẫn giết bạn. Nước của thế gian này thuộc về sự chết, nhưng Nước Trời thuộc về sự sống đời đời. Vì vậy Chúa nói, “Ai đã sẵn sàng, hãy theo ta. Ta sẽ cho người ấy sự sống đời đời.” (16)

Chúa đi ngang qua một làng. Ngài khát nước và đến gần một giếng nước. Ngài nói với một thiếu phụ đang múc nước. “Tôi khát quá. Xin chị cho tôi một ít nước để uống.” Chị ta nói, “Tôi là một tiện dân. Tôi không được phép cho nước Ngài.” Chúa nói, “Xin đừng lo. Hãy cho tôi uống. Và để đổi lại tôi cũng sẽ cho chị uống nước từ giếng của tôi. Một khi đã uống nước ấy rồi, chị sẽ không bao giờ khát nữa.” (17)

Môn đệ hỏi, “*Nước Trời giống như thế nào?*” bởi vì những cái mà ta không biết chỉ có thể giải thích bằng những cái “giống như”. Chuyện thần thoại cũng thuộc loại đó. Thần thoại nghĩa là cố gắng giải thích những điều mà bạn không biết, không thể biết được trong trạng thái này của tâm thức; nó giải thích qua những điều bạn đã biết. Thần thoại cố gắng giải thích những cái không biết bằng những cái đã biết – giúp cho bạn hiểu được phần nào với trình độ của bạn. Nước Trời không thể nào giải thích bằng cách trực tiếp, ngay tức thì. Không thể làm được. Trừ khi bạn đã đến đó rồi, không có cách nào nói về nó được. Bất kỳ người nào nói gì đều sai hết. Chân lý không thể nói được (18). Thế thì Chúa, Lão Tử, Phật đã làm gì trong nhiều năm ròng rã? Nếu chân lý không thể nói được, các Ngài làm gì vậy? Họ cố giải thích những cái không thể giải thích được, xuyên qua những ký hiệu mà bạn đã biết. Đó là những cái khó nhất trên thế gian này - ngụ ngôn, thần thoại, chuyện.

Mà có những tên gàn dở cố gắng phân tích thần thoại, mổ xẻ nó rồi nói, “Đó là thần thoại, không phải chân lý.” Họ phân tích, mổ xẻ, họ giải phẫu thần thoại rồi nói, “Đó là thần thoại, không phải lịch sử.” Nhưng có ai nói thần thoại là lịch sử đâu. Thần thoại không thể mổ xẻ, bởi vì nó chỉ là biểu tượng. Có khác gì bạn mổ xẻ cái bảng chỉ đường trên đó có mũi tên, và bên mũi tên đó có chữ “Delhi”; bạn mổ xẻ mũi tên, sơn và những loại hóa học trên đó. Rồi bạn nói, “Tên khủng nào đã làm chuyện này – có thấy ‘Delhi’ nào trong đó đâu.”

Thần thoại là những bảng chỉ đường, hướng về cái không biết. Chúng không phải là mục tiêu; chúng chỉ gợi ý (19). Đó là ý nghĩa của câu hỏi của các môn đệ: Hãy nói cho chúng tôi nghe Nước Trời giống như cái gì. Ta không thể nói Nước Trời là cái gì. Hãy để ý đến cách đặt câu hỏi: ta không thể hỏi Nước Trời là gì – điều đó quá đáng. Không thể có câu trả lời cho câu hỏi đó. Ta chỉ có thể hỏi nói giống cái gì, nghĩa là, “Hãy nói về những điều chúng tôi biết, và dùng chúng mà gợi ý để chúng tôi có thể tưởng tượng được.” Tựa như người mù hỏi ánh sáng giống như cái gì. Sao bạn có thể hỏi được ánh sáng là gì khi bạn mù? Nếu bạn hỏi, chính câu hỏi đã chặn câu trả lời rồi. Không thể trả lời được. Ánh sáng có thể biết được, nhưng bạn cần đôi mắt. Nhưng “Ánh sáng là gì?” nghĩa là, “Nói gì đó bằng ngôn ngữ của người mù.” Mọi ngụ ngôn đều là chân lý trong ngôn ngữ của người mù. Thần thoại là chân lý bọc trong ngôn ngữ của người mù. Vậy đừng mổ xẻ chúng; bạn chẳng kiếm thấy gì đâu. Chúng chỉ là những chỉ dẫn. Và nếu bạn có đức tin, những chỉ dẫn ấy thật tuyệt diệu.

Trong một ngôi chùa bên Nhật có một tượng Phật. Nhiều người đi vào và hỏi, “Tượng để đâu?” Không có tượng nào hết, nhưng trên bàn thờ có một ngón tay chỉ lên trời – và đó là Đức Phật. Sư trụ trì nói, “Đó là Đức Phật.” Tôi không biết sư có hiểu hay không – đây là ngón tay chỉ trắng. Phật là gì? Chỉ là ngón tay chỉ trắng!

Các môn đệ hỏi Nước Trời giống như cái gì, nghĩa là, “nói cho chúng tôi, nói bằng ngụ ngôn, nói bằng chuyện mà trẻ con có thể hiểu được. Chúng tôi không biết, không kinh nghiệm. Hãy nói để chúng tôi có một ít ý niệm.”

Chúa Giê-Su nói với họ, “Nó giống như hạt cải trời - nhỏ hơn mọi hạt giống, nhưng khi rơi xuống mảnh đất đã được cày xới, nó trở thành cây lớn và trở thành nơi nương tựa cho các loại chim trời.”

Chúa thường dùng hạt cải trời vì nhiều lý do. Trước hết, hạt cải trời là loại hạt nhỏ nhất. Thượng Đế vô hình, nhỏ hơn cái nhỏ nhất, vậy sao bạn có thể chỉ về Ngài? Tại ranh giới của hữu hình và vô hình là hạt cải trời, cái nhỏ nhất... nhỏ hơn nữa thì bạn không thể hiểu được, vì nhỏ hơn nữa là vô hình. Hạt cải trời là ranh giới, nhỏ nhất trong thế giới hữu hình - bạn có thể nhìn được, nhưng nó rất nhỏ. Nếu đi xuống dưới nữa, bạn đi vào thế giới tinh tế, của những cái nhỏ hơn cái nhỏ nhất. Hạt cải trời nằm ngay ranh giới. Và hạt cải trời không những là cái nhỏ nhất có thể nhìn được, nó còn có một phẩm chất rất huyền bí; khi mọc lên nó trở thành loại cây lớn nhất. Đó là

một nghịch lý; còn là hạt giống thì nhỏ nhất, mà thành cây thì lớn nhất. Thượng Đế vô hình mà vũ trụ là vật hữu hình lớn nhất; vũ trụ là cây, là cổ thụ, và Thượng Đế là hạt giống; Thượng Đế ẩn tàng mà vũ trụ thì hiển lộ.

Nếu đập vỡ hạt giống ra, bạn không thể tìm được cây trong đó; bạn có thể mở xẻ nó, nhưng bạn không thể tìm thấy cây ẩn trong đó. Và bạn có thể nói chẳng có cây mà những bông dốt nát nói nó nằm ẩn trong đó. Đó là những điều những nhà phân tích vẫn thường làm. Bạn bảo họ bông hoa này đẹp; họ đem về phòng thí nghiệm và mở xẻ để tìm vẻ đẹp ở đâu. Họ sẽ tìm thấy hóa chất và những hỗn hợp khác; họ sẽ mở xẻ và phân tích, và họ sẽ bỏ mỗi phần khác nhau của hoa trong một bình rồi đánh dấu từng bình – nhưng họ không thể tìm được vẻ đẹp trong một bình nào cả. Không, họ sẽ ra khỏi phòng và nói, “Chắc là bạn bị ảo tưởng rồi, chắc là bạn đang mơ – có vẻ đẹp nào đâu. Chúng tôi đã mở xẻ toàn bộ, không để sót gì cả, mà chẳng thấy vẻ đẹp ở đâu.” Có những cái chỉ biết được trong sự nguyên vẹn của chúng; bạn không thể chia cắt chúng. Chúng nó lớn hơn tổng số của các bộ phận; vấn đề là ở chỗ đó – vấn đề cơ bản cho những người tìm chân lý. Chân lý lớn hơn tất cả những bộ phận hợp lại. Nó không phải là tổng số của những bộ phận; nó lớn hơn những bộ phận. Một điệu nhạc không phải là tổng số của những nốt nhạc, của tất cả nhưng âm điệu. Không, có gì đó lớn hơn. Khi tất cả những nốt nhạc hợp lại, một hòa âm trời lên; hòa âm đó không có trong từng nốt nhạc. Tôi đang nói với bạn; bạn có thể mở xẻ lời của tôi; chúng có trong từ điển, nhưng bạn không thấy tôi trong đó. Bạn có thể nói, “Mọi từ đều nằm ở đây, vậy bạn tâm làm gì?”

Có lần Mark Twain (20) đến thăm một mục sư bạn; mục sư đã khẩn khoản trong nhiều ngày; ông ta là một trong những người hùng biện tiếng tăm, hùng biện rất thi vị, và ông ta rất được ngưỡng mộ; nhà thờ đông nghẹt mỗi khi ông ta diễn thuyết, nhưng Mark Twain không bao giờ tới nghe. Ông ta mời đi mời lại nên Mark Twain nói, “Được rồi, cuối tuần tôi sẽ đến.”

Chủ Nhật đó ông mục sư chuẩn bị chu đáo; ông ta sắp xếp mọi thứ thật đẹp vì có Mark Twain đến. Mark Twain ngồi ngay hàng ghế đầu, và mục sư giảng thật hay. Ông ta dồn mọi nỗ lực vào bài giảng, và bài giảng thật là tuyệt; nó là một tấu khúc, như thể thi ca. Nhưng dần dần ông ta bắt đầu sợ hãi, lo âu vì Mark Twain ngồi trơ như chết rồi, chẳng có dấu hiệu thích thú nào hiện trên mặt. Người khác thì vỗ tay rầm rầm, sung sướng mê li; Mark Twain vẫn trơ trơ ra đó, không một dấu hiệu nào lộ ra là có ấn tượng tốt, chẳng khen cũng chẳng chê. Ông ta vẫn đứng đưng – mà thái độ đưng đưng còn chết người hơn là chê bai, bởi vì nếu không thích cái gì, ít ra bạn cũng có thái độ nào đó. Nhưng nếu thờ ơ, bạn muốn nói rằng nó hoàn toàn vô ích, thậm chí cũng chẳng đáng để chống lại. Khi bài giảng kết thúc, Mark Twain ra xe với ông mục sư. Ông mục sư không thể hỏi điều gì, và cả hai im lặng. Vừa lúc Mark Twain bước ra khỏi xe, ông mục sư nói, “Ông không nói gì về bài giảng của tôi.” Mark Twain trả lời, “Có gì mới đâu. Nhà tôi có một cuốn sách; ông chỉ cộp dê từ đó. Bài giảng này vay mượn; ông không thể dấu tôi

được. Ông có thể lừa những tên ngố kia trong nhà thờ, nhưng tôi là người đọc sách và tôi nghiên cứu. Tình cờ tôi qua tôi đã đọc cuốn đó.” Ông mục sư không thể ngờ được, “Ông nói gì vậy? Tôi có cạp dê đâu. Không thể có chuyện đó.” Mark Twain nói, “Mọi từ ông dùng đều nằm trong đó. Ngày mai tôi sẽ gửi sách đó cho ông.” Hôm sau Mark Twain gửi cuốn từ điển dày cộm và nói, “Ông có thể tìm thấy mọi từ của ông trong đó.”

Đó là tâm trí của nhà phân tích. Ông ta có thể giết thi ca ngay tức thì. Ông ta có thể nói đó chỉ là những từ kết lại với nhau. Ông ta không hiểu được ý, không thể đọc được giữa hàng – mà thơ nằm ở đó. Vẻ đẹp nằm ở đó; những ngầy ngất mê li, Thượng Đế và những gì đầy ý nghĩa đều nằm giữa những từ, giữa những hàng.

Hạt cải trời nhỏ nhất mà chứa cái lớn nhất. Bạn không thể thấy được Thượng Đế, bởi vì Ngài là cái nhỏ nhất – hạt cải trời – nhưng bạn có thể thấy được vũ trụ. Mà nếu vũ trụ hiện hữu, hạt giống đó cũng phải hiện hữu. Có cây mà sao không có hạt? Có cây nào không sinh ra từ hạt không? Vấn đề không phải là bạn thấy, hay không thấy hạt ấy. Vũ trụ này có thể hiện hữu mà không có một căn nguyên, hay một nguồn chính không? Sông Hằng có thể tồn tại mà không có nguồn không? Vũ trụ mệnh mông này - bạn có thể nghĩ nó tồn tại mà không có căn nguyên không? Và vũ trụ này không những chỉ rộng lớn, mà còn có sự hài hòa trong đó nữa, một tấu khúc vĩ đại như thế, một hệ thống khổng lồ như thế. Nó không hỗn loạn mà thứ tự, lớp lang; mọi thứ đều ra đó. Mà những người biết tường tận đều nói rằng nó là cái tốt nhất có thể có được, rằng không có gì tốt hơn nữa. Vậy phải có một hạt giống nhỏ hơn hạt cải trời. Hạt cải trời được dùng như một thần thoại để ra dấu. Đây là câu hỏi của những người đánh cá, nông dân và làm vườn; họ có thể hiểu ngụ ngôn, ngụ ngôn về hạt cải trời. Nếu bạn mổ xẻ ngụ ngôn ấy thì sai bét. Nếu phân tích đạo giáo, bạn sẽ làm to. Hoặc là bạn hiểu một cách trực tiếp mà không mổ xẻ, hoặc bạn không hiểu gì cả (21).

Có một cách là qua đức tin: bạn không thể thấy cây trong hạt, nhưng nếu bạn đem hạt đi cấy, nó sẽ thành cây – đó là đức tin. Anh ta sẽ nói, “Được rồi, đây là hạt; tôi tin nó sẽ mọc; tôi sẽ mang nó đi cấy; tôi sẽ tìm chỗ tốt, và tôi sẽ làm rào quanh nó. Tôi sẽ chờ đợi và cầu nguyện. Tôi tin yêu và hy vọng, và tôi mơ tưởng...”

Bạn có thể làm gì khác không? Bạn có thể gieo hạt và chờ đợi và mơ mộng, hy vọng và cầu nguyện. Bạn có thể làm gì nữa không? Rồi bỗng một ngày, một buổi sáng bạn thức dậy và thấy cây đã mọc, chồi đã nhô ra khỏi đất. Hạt không còn là hạt nữa mà đang trở thành cây, sắp sửa ra hoa. Điều gì xảy ra khi hạt thành cây? Đó cũng là một phần của ngụ ngôn. Hạt giống phải chết đi - chỉ thế nó mới thành cây được. Thượng Đế phải chết đi để thành vũ trụ; Ngài không thể dừng dừng; Ngài nằm trong đó; Ngài biến mất trong đó (22). Đó là lý do bạn không thể tìm thấy Ngài. Bạn có thể lên Hi Mã, đến Mecca (23), đến Kashi (24), hoặc bất cứ nơi nào bạn muốn, nhưng bạn sẽ không thấy Ngài đâu cả, bởi vì Ngài ở đây, ở mọi nơi, tựa như hạt ở

mọi nơi trong toàn thể cây. Bạn không thể tìm thấy hạt; nó đã chết đi và biến thành cây. Thượng Đế đã chết vào trong vũ trụ, trong hiện sinh, và đã trở thành vũ trụ. Ngài không phải tách biệt. Ngài không như người thợ mộc tách biệt hẳn với công trình của mình. Không thể như vậy được. Ngài tựa như hạt giống: cây mọc ra từ đó, và rồi nó biến vào trong cây. Bạn tìm lại Thượng Đế chỉ khi cây ấy biến đi.

Đạo Ấn nói rằng bạn có thể tìm ra Thượng Đế hoặc tại lúc khởi đầu sáng thế, hoặc lúc lâm chung của vũ trụ. Lúc ban đầu, khi trời đất chưa có, hạt giống đã có, nhưng bạn không có ở đó mà tìm - bởi vì bạn là một phần của cây, bạn là cành lá của cây. Hoặc là Ngài có mặt lúc chung cuộc, khi toàn thể vũ trụ xụp đổ, khi cây cần cỗi và chết đi. Và không cây nào tránh khỏi: cây già thì hạt mới lại có - cả triệu hạt. Khi vũ trụ xụp đổ, bạn có thể tìm ra cả triệu thần thánh - nhưng bạn không có mặt lúc đó; vấn đề là ở chỗ đó. Vậy chỉ có cách duy nhất để tìm Ngài: ngay lúc này và ngay bây giờ, trên mọi cành, trong từng chiếc lá. Nếu bạn đi tìm một hình ảnh nào đó, Krishna, Rama (25), bạn sẽ không tìm thấy Ngài. Họ cũng chỉ là những chiếc lá - đẹp hơn, dĩ nhiên, sống động hơn và xanh tươi hơn, bởi vì họ đã chứng đạo; họ đã thể nghiệm là họ ở khắp nơi.

Khi Chúa nói, “Nước Trời giống như hạt cải trời,” Ngài nói đến cả triệu thứ. Đó là cái đẹp của ngụ ngôn: gần như bạn không nói gì, vồn vện có mấy từ, nhưng lại hàm chứa rất nhiều. Khi hạt chết đi thì vũ trụ nảy sinh; hạt chết đi thì thành cây. Đây là nước Chúa; đó là Nước Trời. Và nếu bạn tìm nơi nào khác, bạn tìm trong vô vọng. Nếu bạn muốn nhìn vào Nước Trời, bạn cũng phải trở thành hạt và chết đi, và bỗng nhiên sẽ có cây - bạn không còn nữa, nhưng Thượng Đế hiện diện. Bạn sẽ không bao giờ gặp Ngài. Nếu bạn còn, Thượng Đế sẽ không có, bởi vì có hạt ở đó. Khi bạn biến mất, Thượng Đế sẽ hiển lộ; vì vậy sẽ không có sự gặp gỡ thực sự. Khi bạn không còn cái tôi, Ngài sẽ hiện diện; khi tay bạn trống không, Thượng Đế sẽ hiển hiện. Khi bạn không còn nữa, Ngài sẽ thay chỗ. Lại thêm một nghịch lý nữa: hạt chứa cây, nhưng nó cũng có thể giết cây. Nếu hạt ích kỷ, nếu nó nghĩ, “Ta chẳng cần ai hết,” và nếu nó sợ chết, thì chính cái vỏ trở thành nhà tù; chính cái hạt bảo bọc cho cây trở nên nhà tù trước khi nó rơi xuống đất đã cày xới - thế thì cây sẽ chết theo với hạt.

Bạn giống như những hạt giống đã thành nhà tù. Phật là một hạt giống, Chúa là một hạt giống, nhưng không phải nhà tù: cái hạt, cái vỏ đã chết đi và cây đã mọc.

Ngài nói với họ, “*Nước Trời giống như hạt cải trời - nhỏ hơn mọi hạt giống khác, nhưng khi rơi xuống mảnh đất đã được cày xới, nó sẽ sinh ra một cây lớn và trở thành nơi nương tựa cho muôn loại chim trời.*”

...Nhưng khi rơi xuống đất đã được cày xới... cần phải có đất tốt. Chỉ có hạt chết cũng chưa đủ, bởi vì bạn có thể chết khô trên đá mà không mọc thành cây; đó là cái chết đơn giản. Bạn cần đất tốt, môi trường tốt - và đó là ý nghĩa của môn đệ. Đó là sự huấn luyện. Môn đệ cần được đào luyện, phải

học để thành đất đã cày xới, đất tốt. Hạt giống đã có nhưng phải tìm cho ra đất tốt. Bạn đã có cây bên trong; đạo sư chỉ có thể cho bạn đất tốt. Ngài có thể cày xới bạn, Ngài có thể nhổ cỏ, Ngài có thể sửa soạn cho đất sẵn sàng tiếp nhận. Ngài có thể phân bón cho đất màu mỡ - Ngài là người làm vườn.

Bạn có đủ cả, nhưng bạn vẫn cần người làm vườn; nếu không bạn sẽ đem hột liệng khắp nơi. Chúng có thể rơi trên xi-măng và chết đi; hoặc nó rơi trên đường đi để trên đó người qua lại đạp lên mà nó chết. Cần có người bảo vệ bạn khi bạn chết. Này nhé, bạn cần bà đỡ khi đứa trẻ sinh ra. Không ai nói thiếu bà đỡ mà được mẹ tròn con vuông. Bà đỡ tối cần vì khoảnh khắc đó rất nguy hiểm. Mà khi chân lý được khai sinh, khoảnh khắc đó còn té nhị hơn nữa; khoảnh khắc mà Thượng Đế sinh ra trong bạn còn mong manh hơn gấp bội - lớn hơn mọi sự sinh.

Đạo sư chỉ là bà đỡ. Nếu không có đạo sư, nhiều trắc trở có thể xảy ra: có thể bị hư thai, có thể đứa trẻ chết trước khi nó được sinh ra. Cần phải có đạo sư để bảo vệ bạn, bởi vì mầm non rất yếu ớt, hoàn toàn bất lực – bất cứ gì cũng có thể xảy ra cho nó. Thập phần nguy hiểm. Nhưng nếu bạn tin tưởng – và tin tưởng rất cần, chẳng có cách nào khác; vì nếu nghi ngờ, bạn có thể chùn lại, và hột sẽ không chết đi – nhưng nếu bạn tin tưởng, hột sẽ chết. Hột không biết sẽ có cây, vấn đề là ở chỗ đó. Hột muốn chắc ăn, “Nếu chết đi, ta sẽ thành cây.” Nhưng bằng cách nào bạn có thể làm cho hột an tâm?

Đó là cái vô lý của đức tin. Đức tin nghĩa là vô lý. Bạn muốn nắm chắc rằng, “Ta có thể thành môn đệ, ta có thể từ bỏ tất cả, ta sẵn sàng chết đi, nhưng lấy gì để bảo đảm rằng khi hột không còn nữa thì cây sẽ mọc?” Ai có thể cho bạn bảo đảm, và cho bằng cách nào? Mà thậm chí nếu có bảo đảm chẳng nữa, hạt giống của người ấy cũng chẳng có ở đó. Và bằng chứng nào có thể làm cho hột tin rằng khi nó không còn nữa, cây sẽ mọc? Không thể có bảo đảm nào hết. Đó là lý do tại sao đức tin là vô lý.

Tin vào cái không thể tin được là ý nghĩa của đức tin (26) – tin ở cái không thể tin được; chẳng có cách nào tin được, nhưng bạn vẫn tin. Hột chết đi trong sự tin tưởng sâu sắc là cây mọc lên. Nhưng ‘đất được cày xới’ phải có, đất tốt rất cần thiết. Toàn bộ ý nghĩa của môn đệ chỉ là trở nên mảnh đất đã được cày xới.

...Nó mọc thành một cây lớn và trở thành nơi nương tựa cho muôn chim trời.

Và khi cây của bạn đã lớn, khi nó trở thành cây Phậ, cả triệu những con chim đi tìm đạo sẽ đến mà tìm nơi trú ẩn. Dưới chân Chúa Giê-Su rất nhiều ‘chim trời’ tìm nơi nương tựa; dưới chân Đức Phậ rất nhiều ‘chim trời’ tìm đến quy y (27). Đối với những người đi tìm những cái thâm sâu nhất, cây ấy – cây Phậ, cây Chúa– trở thành nơi trú ẩn (28) và họ nghe được nhịp đập của cái vô hình. Ở đó họ có thể tin tưởng, ở đó họ có thể hiểu được cái không biết được, và ở đó họ có thể nhảy vọt.

Nước Trời giống như hạt cải trời....

Bạn là Nước Trời, bạn giống như hạt cải trời. Hãy sẵn sàng chết; hãy sửa soạn cho cái chết của bạn! Dĩ nhiên, sẽ có run rẩy, sợ hãi và lo âu. Cái nhảy ấy sẽ khó khăn. Rất nhiều lần bạn đã quay lại; rất nhiều lần bạn đã đi đến bờ vực rồi quay lại và trốn thoát, bởi vì đó là vực sâu thăm thẳm (29). Hạt chỉ có thể biết vực sâu; nó không thể biết được cây.

Không có cách nào hạt có thể chứng kiến được mầm non – không có cách nào. Nó phải chết đi và tin tưởng cái còn ẩn khuất sẽ xảy ra. Nếu bạn sẵn sàng chết đi, nó sẽ xuất hiện. Hãy gieo hạt xuống ruộng: khi cây đã mọc, hãy đào lỗ để xem hạt nằm đâu. Nó đã biến mất, nó không còn nữa. Hãy tìm trong Đức Phật, trong Chúa Giê-Su - bạn sẽ không thấy các Ngài, cái hạt. Đó là ý nghĩa Con Thiên Chúa của Chúa, không còn là con của thánh Giu-Se, người thợ mộc – bởi vì hạt đến từ thánh Giu-Se và Mẹ Maria, nhưng cái hạt đó đã biến mất, cái vỏ không còn nữa. Cây ấy không phải của hữu hình, mà thuộc về vô hình.

Hãy nhìn Chúa Giê-Su: hạt không còn nữa, chỉ có Thiên Chúa. Hãy sẵn sàng chết đi để được tái sinh. Hãy vất bỏ tâm trí, thân thể, cái tôi và danh tính. Bỗng nhiên bạn sẽ thấy cái gì mới đang lớn dần bên trong: bạn đang mang thai, bạn đã trở thành dạ con. Và có thai trong thánh linh là cao điểm của sáng tạo, bởi vì xuyên qua đó bạn đang sinh ra chính bạn. Không gì có thể so sánh được. Bạn có thể vẽ được bức tranh lộng lẫy, một pho tượng diễm lệ, nhưng không gì có thể so sánh được khi bạn sinh ra chính bạn, khi bạn tự sinh (30).

Nhưng khi rơi xuống đất đã cày xới....

Hãy sẵn sàng chết đi! Trước khi bạn sửa soạn nhảy phắt, hãy trở thành ‘đất đã cày xới’ – trở thành môn đệ, thành đệ tử, trở nên khiêm tốn, trở nên như thể bạn không còn nữa.

Chẳng bao lâu nữa bạn sẽ không còn nữa – nhưng hãy sửa soạn cho nó, hãy xử sự như thể bạn không còn nữa. Thế thì:

... Nó sinh ra một cây lớn và trở thành nơi ương tựa cho muôn chim trời.

Điều đó luôn luôn xảy ra như vậy. Bạn ở gần tôi; hạt của tôi đã chết – đó là lý do bạn đến đây. Chẳng phải chính vì bạn mà bạn đến đây; chính vì tôi mà bạn tụ họp nơi đây. Nhưng nói ‘chính vì tôi’ cũng không đúng nữa, bởi vì không có ‘tôi’ nữa; hạt đã biến mất và chỉ còn lại cây. Và nếu bạn thoáng thấy được triển vọng của bạn qua tôi, việc lớn đã thành (31).

Nước Trời giống như hạt cải trời....

Bạn là hạt giống. Bạn có khả năng thành Nước Trời. Hãy sửa soạn chết đi, bởi vì đó là cách duy nhất để được tái sinh.

Chú Thích:

- 1 Xem Mat-Cô 4:31, Lu-Ca 13:19
- 2 Nhã Điền (Athenes), thủ đô của Hy Lạp, một thời là trung tâm văn hoá quan trọng của tây phương.
- 3 Mat-Thêu 11:15
- 4 Mat-Thêu 4:19, Mat-Cô 1:17
- 5 Mat-Thêu 8:21
- 6 Mat-Thêu 8:23
- 7 Người Do Thái nói với nhau, “Ông ấy không phải là con người thợ mộc sao? Mẹ ông ấy không phải là Maria sao?” Mat-Thêu 13:55, Mat-Cô 6:3.
- 8 Chúa Giê-Su nói với người Do Thái, “Không phải thánh thư của các ông có lời viết rằng, ‘Các ngươi là Thiên Chúa’ sao?’” (Gio-An 10:34)
- 9 Kinh Dịch, Sơn Thủy Mông, hào năm, viết, “Đồng mông, cát.” nghĩa là, “không biết (mông), nhưng hồn nhiên (đồng). Rất tốt.” Hồn nhiên là điều kiện tối cần của người tâm đạo. Môn đệ của Chúa đều là những người bình dân, ít học; họ đến với Chúa một cách hồn nhiên, và vì vậy họ đã chinh phục gần một nửa trái đất.
- 10 Thiên sư Nan-In rót nước mời một giáo sư đại học. Nước đã trào khỏi ly mà sư vẫn rót. Khách nói, “Đầy quá rồi! Không thể rót thêm được nữa!” Sư nói, “Đúng vậy! Thí chủ đến đây với đủ mọi thiên kiến, ý tưởng. Chẳng còn chỗ nào để cho tôi lọt vào cả.”
- 11 Mat-Thêu 2:2, 2:9, 21:5, 27:11, 27:29, 27:37
- 12 Pontius Pilate (Phi-La-Tô) là viên toàn quyền La Mã cai trị Do Thái, trong lúc Herod là vua bù nhìn.
- 13 Chúa Giê-Su nói, “Vương quốc của tôi không thuộc thế gian này. Với nếu thế thì tôi tớ của tôi sẽ tranh đấu để tôi không bị người Do Thái bắt, nhưng đây không phải là vương quốc của tôi.” (Gio-an 18:36)
- 14 Lão Tử nói, “Gần với đạo dường như tối tăm.” (Đạo Đức Kinh)
- 15 Lu-Ca 16:19-26
- 16 Gio-An 3:16, “Vì Thiên Chúa quá thương thế gian nên đã hiến Con Một của Ngài, để nếu ai vào thì sẽ không bị chết, mà được sự sống đời đời.”
- 17 Gio-An 4:4-14
- 18 Mọi truyền thống đạo học đông phương đều đồng ý một điểm là, “chân lý không thể nói bằng lời”:
 1. Phi-La-Tô hỏi Chúa Giê-Su, “Chân lý là gì?” Không đợi Chúa trả lời, Phi-La-Tô bỏ đi ngay (Gio-An 18:38). Phi-La-Tô bỏ đi vì với một người chỉ biết lừa lọc, phản phúc, mưu mẹo thì làm gì có chân lý. Chúa im lặng vì chân lý không thể nói được.
 2. Phật không trả lời mười bốn câu hỏi. (Xem Osho, Bát Nhã Tâm Kinh, Vạn Sơn dịch)
 3. Lão Tử nói, “Đạo khả đạo, phi thường đạo” (Đạo Đức Kinh)
 4. Văn Thủ Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật về pháp bất nhị. Duy Ma Cật im lặng (Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh)

5. Paippaladin hỏi Jabalin Thượng Đế (Brahman), Jabalin im lặng (JabalyUpanishad)
6. Trí lên Bắc, tìm Vô-Vi Vị hỏi về đạo. Hỏi ba lần mà Vị không đáp. Trí bèn xuống Nam tìm Cuồng Khuất hỏi. Cuồng Khuất nói, “À tôi biết! Để tôi nói cho!” nhưng vừa muốn nói lại quên quên chỗ muốn nói. Cho nên “Biết thì không nói. Nói thì không biết.” (Trí Bắc Du, Nam Hoa Kinh).
7. Dịch, Quẻ Càn, hào sáu, viết, “Kháng long hữu hối.” Nghĩa là rồng bay cao có điều hối tiếc. “Rồng bay cao” và “Trí đi chơi phương Bắc” đều có nghĩa là chân lý nằm ngoài tầm với của trí năng, nên thánh nhân khi đạt đạo không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả kinh nghiệm của mình. Vì vậy, Đức Phật nói Ngài hoằng pháp 45 năm nhưng không nói được gì.
8. Wittgenstein viết, “Gặp những trường hợp không thể nói, bạn phải im lặng” (Tractatus Logico-Philosophicus)
- 19 Trang Tử nói, “Lời dùng để chuyển ý. Được ý quên lời; được cá quên nom; được thỏ quên dò.” (Nam Hoa Kinh)
- 20 Mark Twain (1835-1910) là văn sĩ nổi tiếng người Mỹ
- 21 Kinh Dịch, Quẻ Khôn, hào hai, viết, “Trục, phương, đại. Bất tập, vô bất lợi.” Nghĩa là: Thăng, vuông, lớn. Không học nhưng không gì bất lợi.” Đó là đặc tính của trục giác: hiểu một cách trực tiếp (thăng), không cần phải qua một tiến trình lý luận từ A đến Z, và hiểu một cách toàn bộ (vuông), không phải từng phần (lớn). Thiền Tông gọi là “tâm truyền tâm” – không dùng đến tâm trí. “Trục, phương, đại. Bất tập, vô bất lợi.” – nói theo Thiền Tông là đốn ngộ, nghĩa là chứng nghiệm được chân lý bao giờ cũng xảy ra tức thời, không phải từng giai đoạn một.
- 22 Ấn Độ giáo quan niệm rằng Thượng Đế (Brahman) và vũ trụ không phải hai (bất nhị=advaita). Mọi hiện tượng, mọi vật trong vũ trụ này đều là những biểu lộ khác nhau của Thượng Đế; tựa như nước và sóng, ngoài nước không có sóng, ngoài sóng không có nước.
- 23 Mecca là thánh địa của Hồi giáo, thuộc về xứ Ả Rập Saudi.
- 24 Kashi, còn gọi là Vanarasi, là thánh địa của Ấn giáo.
- 25 Krishna và Rama được người Ấn coi là hai hiện thân của Thượng Đế.
- 26 Thánh Phụ (Church Father) Tertulian có câu nổi tiếng, “Tôi tin vì nó vô lý!”
- 27 Khi một thánh nhân đắc đạo, lòng từ bi của Ngài tự động phát khởi, và lòng từ bi ấy thúc đẩy Ngài tìm đủ mọi phương tiện để giúp cho mọi người cũng được những kinh nghiệm ấy. Phật nói trong Diệu Pháp Liên Hoa, “Nhu Lai ra đời vì một nguyên nhân lớn duy nhất là khai thị chúng sinh nhập tri kiến Phật.”
- 28 Lòng từ bi của Ngài có thể bao dung tất cả. Kinh Dịch, Sơn Thủy Mông, hào hai, viết, “Bao mông, nạp phụ cát. Tử khắc gia.” Nghĩa là, “Bao dung những người còn non nớt, tôi tớ, trẻ thơ và phụ nữ thì tốt. Kể cả những đứa ngỗ nghịch, chống đối gia đình.”
- 29 Kinh Dịch, Quẻ Càn, hào 3, viết, “Hoặc dục tại uyên. Vô cửu!” nghĩa là con rồng nhiều khi muốn nhảy qua vực thẳm. Không có lỗi. Con rồng là người tầm đạo.

Nhảy qua vực thăm nghĩa là quy phục một đạo sư. Việc đó có vẻ dễ dàng, nhưng chỉ người nào can đảm lắm mới làm được, vì chân sư đời nào cũng gây nên tranh luận gắt gao. Lý do là các ngài phát biểu kinh nghiệm tâm linh theo kinh nghiệm cá nhân của mình nên bao giờ cũng mới mẻ. Dịch gọi sự mới mẻ ấy là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Cho nên những người bám vào truyền thống sẽ không bao giờ dám đi theo họ. Ngày nay ta gọi những người theo Chúa là thánh, gọi những người theo Phật là bồ tát, nhưng thời ấy họ bị coi là điên khùng! Nicodemus phải đợi canh khuya mới dám đến gặp Chúa (Gio-An 3:2)

- 30 Chúa Giê-Su nói với Nicodemus, “Ta nói thật với ông! Trừ khi được sinh ra một lần nữa, ông sẽ không được vào Nước Trời.” (Gio-An 3:4) Ấn Độ gọi những người giác ngộ là “sinh hai lần” (dwij) – lần đầu do máu huyết của cha mẹ, lần sau do chính mình.
- 31 Phật nói trong Kinh Kim Cang, “Này Tu Bồ Đề! Khi Như Lai ở với Nhiên Đăng Phật (Dipankara), Ngài không học được gì cả!” Kinh nghiệm sau nhiều năm ngồi dưới chân các đạo sư là: cái ta học được từ các ngài là sự tin tưởng ở chính mình; khi cảm thấy được những gì đã xảy ra cho họ, dần dần chính mình cũng tự tin rằng những điều ấy sẽ xảy ra cho mình, nhưng không thể nói là các ngài đã dạy cho mình. Tự tin chính mình thì mọi sự đều có thể xảy ra.

2

Chúa Giê-Su: Đạo Sư Của Nghịch Lý

Chúa Giê-Su nói, “Nhiều người nghĩ ta đến để mang bình an cho thế gian, và họ không biết là ta đưa đến sự chia rẽ cho trái đất – lửa, gươm, chiến tranh. Vì có nhà năm người, ba sẽ chống hai, và hai sẽ chống ba; cha chống lại con, và con chống lại cha. Và họ sẽ trở thành đơn độc.” (1)

Chúa Giê-Su nói, “Ta sẽ cho các người những gì mắt chưa từng thấy, những gì tai chưa từng nghe, những gì tay chưa hề sờ đến, và những gì chưa hề phát khởi trong tim người.”

Chúa Giê-Su rất ư là nghịch lý, nhưng đầy ý nghĩa. Muốn hiểu được Ngài, rất nhiều điều cần phải biết. Trước hết, bình an chỉ có thể có khi mọi người gần như thể đã chết. Sẽ không có chiến tranh, không có xung đột, nhưng mà cuộc sống cũng chẳng có nữa. Đó sẽ là sự yên lặng của nghĩa trang. Mà như vậy chẳng giá trị gì; thế thì thà là chiến tranh còn khá hơn, bởi vì trong lúc chiến tranh thì bạn sống động và đầy sinh khí.

Còn một loại bình an khác – một khía cạnh hoàn toàn khác của bình an; nó hiện hữu khi bạn đầy sinh khí, sống động, nhưng trọng tâm đặt trong bản thể của bạn: khi ý thức về chính bạn đã xảy ra, khi bạn đã chứng ngộ, khi đèn đã thấp lên, và bạn không còn trong bóng tối nữa. Cuộc sống sẽ sung mãn hơn, yên lặng hơn, nhưng yên lặng ấy là của sự sống, không phải sự chết. Nó sẽ không phải là yên lặng của nghĩa trang. Đó chính là nghịch lý cần phải được hiểu rõ: chiến tranh không tốt, thù hằn không tốt; chúng là cái xấu, và chúng cần phải ra đi. Bệnh tật là xấu, sức khỏe là tốt, nhưng bạn phải biết rằng người chết không bao giờ bệnh; xác chết có thể rửa đi nhưng không thể bệnh. Vậy nếu bạn không hiểu, mọi nỗ lực của bạn có thể đưa đến một thế giới chết. Sẽ không có bệnh tật, chiến tranh, thù hằn – nhưng cũng chẳng có sự sống.

Chúa chẳng muốn loại bình an đó. Bình an như thế cũng vô dụng; thế thì thế giới này thà có chiến tranh còn hơn. Nhưng nhiều người đã cố gắng, mà thái độ của họ lại tiêu cực. Họ nghĩ, “Nếu chiến tranh chấm dứt, mọi sự sẽ

tốt đẹp.” Không phải dễ. Và đó không phải là khái niệm của người bình thường – ngay cả những triết gia vĩ đại nhất, như Bertrand Russell (2), cũng nghĩ rằng nếu chiến tranh chấm dứt, mọi sự sẽ tốt đẹp. Đó là tiêu cực – bởi vì chiến tranh không phải là vấn đề; con người mới là vấn đề. Và chiến tranh đó không phải ngoại tại, mà nằm tận bên trong. Nếu bạn có chiến tranh bên trong, nó sẽ nổ ra bên ngoài. Nếu bạn chiến đấu bên trong mà chiến thắng, chiến tranh bên ngoài sẽ kết thúc. Đó là cách duy nhất.

Người Ấn gọi Mahavira là “người chiến thắng vĩ đại” – jinna (3). Từ jinna nghĩa là người chiến thắng. Nhưng Ngài không tranh chấp với ai, vậy ai là người bị chinh phục? Ngài không chấp nhận bạo động, không tin chiến tranh, không khuyến khích tranh chấp. Vậy tại sao có thể gọi Ngài là người chiến thắng vĩ đại? Đó không phải tên của Ngài. Tên thật của Ngài là Vardhaman.

Cái gì đã xảy ra? Hiện tượng gì đã xảy ra. Ngài đã chinh phục chính mình (4), và một khi bạn chinh phục chính mình, tranh chấp với người khác chấm dứt ngay tức thì (5) - bởi vì tranh chấp với người khác chỉ là cái kế để lẫn tránh chiến tranh bên trong. Nếu bạn không thoải mái với chính mình, có hai trường hợp: hoặc bạn chịu đựng bất an này, hoặc trút lên đầu người khác. Khi khó ở bên trong, bạn sẵn sàng ăn thua đủ - chỉ cần có cớ. Cớ chỉ là phụ thuộc; bạn sẽ nhảy xô vào người khác - đây tớ, vợ, con.

Làm cách nào bạn bỏ được sự căng thẳng và không thoải mái bên trong? Bạn bắt người khác chịu trách nhiệm để được tẩy rửa. Bạn có thể nổi nóng bây giờ; bạn có thể nổi tam bành và bạo hành, và nó giúp bạn được khuây khỏa - dĩ nhiên là tạm thời, bởi vì bên trong không hề thay đổi. Nó sẽ tích lũy, sẽ chứng nào tật nấy. Ngày mai nó sẽ tích lũy giận dữ, thù hận, rồi bạn lại trút lên người khác. Bạn tranh chấp với người khác, bởi vì bạn tiếp tục tích lũy rác rưởi bên trong, và bạn phải liệng nó ra ngoài. Người đã tự thắng chính mình đã trở thành tự-thắng, không còn xung đột bên trong. Chiến tranh đã chấm dứt; người ấy chỉ là một bên trong – không còn hai phe. Người như vậy không nhắm vào người khác; người như vậy không ăn thua đủ với người khác.

Vậy đó là mưu mô của tâm trí để lẫn tránh xung đột bên trong, bởi vì xung đột nội tâm đau đớn hơn nhiều – vì nhiều lý do.

Lý do cơ bản là mỗi người có một hình ảnh về chính mình là một người tốt. Mà đời sống mà thiếu hình ảnh ấy sẽ rất khó khăn. Các nhà tâm lý nói rằng ảo tưởng tôi cần để sống. Trừ khi bạn chứng ngộ, ảo tưởng cần phải có để mà sống. Nếu bạn nghĩ mình xấu xa, độc ác, quý quái, nếu hình ảnh này – rất đúng với bạn - mà đột nhập vào bên trong, bạn sẽ khó mà sống được. Bạn sẽ mất hết tự tin, và bạn sẽ tự nguyện rửa chính mình, đến nỗi bạn khó mà yêu ai; bạn sẽ không thể làm việc; bạn sẽ không dám nhìn người khác. Bạn sẽ cảm thấy rất tự ti, rất xấu xa, rất độc ác đến nỗi bạn sẽ chết - mặc cảm này sẽ đưa đến tự tử. Và đó là sự thật - vậy phải làm gì?

Một cách là thay đổi sự thật ấy: bạn trở thành người nhân đức, không phải xấu xa – trở thành thánh thiện. Nhưng con đường đó khó khăn, gian khổ và lâu dài. Nhiều việc phải làm; chỉ có thể thì sự độc ác mới có thể biến thành thánh thiện. Nó có thể trở thành thánh thiện! Có lẽ bạn không biết được từ gốc của ác độc (devil). Nó có cùng gốc với từ thánh thiện (devine). Ác độc (devil) và thánh thiện (devine) có cùng một từ gốc deva của chữ Phạn. Ác quỷ có thể thành thánh linh, bởi vì thánh linh đã trở thành ác quỷ. Cả hai có thể xảy ra. Chúng là hai đối cực của cùng một năng lượng. Năng lượng chua, cay có thể trở thành ngọt ngào. Cần phải có một sự chuyển hóa nội tại; một sự thay đổi nền tảng rất cần thiết – nhưng lâu dài và gian truân. Và tâm trí luôn luôn tìm đường tắt, nơi có ít khó khăn nhất. Vì thế tâm trí nói, “Sao phải phiền phức để trở thành người nhân đức chứ? Cứ tin bạn là người tốt là đủ.” Điều này dễ dàng, bởi vì không cần phải làm gì hết. Cứ tin rằng bạn tốt; chỉ cần tạo một hình ảnh là bạn tốt đẹp, thánh thiện, là không ai giống bạn. Ngay chính ảo tưởng thánh thiện này cũng cho bạn năng lượng để sống.

Nếu ảo tưởng có thể cho bạn nhiều năng lượng như vậy, bạn có thể mừng tượng là bao nhiêu năng lượng sẽ xảy ra khi chân lý được chứng nghiệm. Nội cái ảo tưởng rằng bạn là người tốt cũng giúp bạn hành động, giúp cho bạn đứng vững, làm cho bạn tự tin. Thậm chí cái ảo tưởng này cũng đủ giúp bạn tự chủ, và sự tự chủ này có trong ảo tưởng là cái tôi. Khi bạn thực sự tự chủ, đó chính là tự ngã. Nhưng điều đó chỉ xảy ra khi chân lý được thể nghiệm: khi năng lượng bên trong của bạn đã được chuyển hóa, khi căn bã đã biến thành thanh cao, khi xấu xa đã hóa thành đẹp đẽ, khi quỷ dữ đã thành lành thánh, khi bạn rạng ngời trong vinh quang của chính bạn, khi hạt giống đã nảy mầm, khi hạt cải trời đã trở thành một cây to. Nhưng tiến trình đó dài đằng đẵng; bạn phải có can đảm chờ đợi; bạn không dễ bị cám dỗ bởi đường tắt. Và trong đời sống chẳng có đường tắt nào cả; chỉ có ảo tưởng mới là đường tắt. Đời là gian khổ, bởi vì chỉ qua những tranh đấu gay go bạn mới trưởng thành được – nó không bao giờ đến dễ dàng.

Giá phải trả không phải rẻ; bất cứ gì rẻ tiền chẳng giúp bạn trưởng thành. Đau khổ giúp bạn – nỗ lực của bạn, sự tranh đấu, đoạn đường dài làm cho bạn sắc sảo, trưởng thành, từng trải, lịch lãm. Sao bạn có thể trưởng thành bằng đường tắt được? Có thể có một cách – hiện nay súc vật đang được thí nghiệm, và sớm hay muộn sẽ đến lần con người. Bạn có thể được chích hoóc-môn (hormones). Đứa trẻ mười tuổi có thể được chích hoóc-môn để thành một thanh niên hai mươi. Nhưng bạn có nghĩ sự trưởng thành của nó có bằng sự trưởng thành của người thanh niên hai mươi không? Sự cố gắng, sự dậy thì, sự cảm đoán, nhu cầu yêu đương: tự do nhưng có giới hạn, có tự do nhưng tự chủ được, kết bạn, khổ vì tình, học hỏi – tất cả những thứ ấy thiếu hẳn trong đứa trẻ mười tuổi đó. Người trai hai mươi ấy thực sự chỉ có mười tuổi. Hoóc-môn chỉ làm cho cơ thể phình ra mà thôi.

Nhưng họ đang làm với súc vật, với trái cây, với cây cối. Cây có thể được chích, và chỉ cần một năm, thay vì ba, là nó ra hoa. Nhưng hoa của nó thiếu cái gì đó; khó mà biết được vì bạn không phải hoa; chúng bị ép buộc; chúng chưa đi qua mùa màng. Quả sẽ đến sớm, nhưng chúng không đủ chín; chúng thiếu cái gì đó – chúng là nhân tạo.

Thiên nhiên không vội vã: Hãy nhớ điều này: tâm trí luôn luôn vội vã, thiên nhiên không bao giờ gấp gáp – thiên nhiên chờ đợi, chờ đợi, chờ đến muôn niên. Chẳng cần phải vội vã. Cuộc sống trôi qua và tiếp diễn mãi mãi. Nhưng thời gian ngăn ngui đối với tâm trí, vì vậy tâm trí nói, “Thời giờ là vàng bạc.” Cuộc sống không bao giờ nói thế. Cuộc sống nói, “Kinh nghiệm!” – không phải thời gian. Cuộc sống chờ, chờ đợi: tâm trí không thể chờ được, vì cái chết đang gần kề. Không có cái chết đối với đời sống, nhưng cái chết ám ảnh tâm trí. Tâm trí luôn luôn tìm đường tắt. Và cách dễ nhất để tìm đường tắt là tạo nên một ảo tưởng: nghĩ rằng bạn là cái bạn muốn trở thành – thế là bạn bị loạn thần kinh. Đó là điều xảy ra cho nhiều người trong nhà thương điên: họ nghĩ họ là Napoleon hay Alexander, hoặc là người khác. Họ tin như vậy và xử sự như vậy.

Tôi nghe về một người đến gặp bác sĩ tâm lý; hắn nghĩ mình là Napoleon vĩ đại. Sau ba, bốn giờ chẩn bệnh và phân tâm, bác sĩ nghĩ, “nhất định là hắn không sao hết.” Vì vậy ông ta nói, “Ông không bệnh gì hết. Ông có thể về nhà”. “Nhà?” hắn ta nói, “Phải nói về dinh chứ!” Hắn vẫn nghĩ hắn là Napoleon. Vậy nếu bạn nghĩ mình là Napoleon thì sẽ rắc rối to – khó mà chữa được, bởi vì dù bạn có được chữa và trở thành bình thường, bạn sẽ bị thua thiệt.

Một viên đại úy được dịp là say sưa, nhưng là người rất tốt - vì người say phần lớn đều là người tốt. Một hôm ông ta bị ông tướng bắt gặp và nói, “Anh là người tốt, và tôi rất mến anh, và ai ai cũng thích anh hết, nhưng anh đang lãng phí đời anh. Nếu đừng say sưa thì chả mấy chốc anh sẽ thành đại tá.”

Anh ta cười và nói, “Chẳng đáng tí nào, bởi vì khi say tôi làm đến tướng cơ! Vậy chẳng đáng tí nào! Nếu không say sưa, tôi chỉ làm đến đại tá, mà khi say lúc nào tôi cũng là tướng hết.”

Ảo tưởng rất là phức tạp. Làm sao viên đại úy này bỏ được ảo tưởng đó? Anh ta trở thành tướng một cách quá rẻ mạt.

Tâm trí tìm đường tắt, và ảo tưởng là đường tắt. Đó là cách dễ nhất, và rẻ nhất để đạt tới. Thực tại khó khăn và gian khổ hơn. Bạn phải đau khổ, và phải nung trong lửa. Càng được nung trong lửa bao nhiêu, bạn càng dày dặn bấy nhiêu; càng dày dặn, càng giá trị. Sự linh thiêng của bạn không thể mua được ở chợ một cách rẻ tiền; bạn không thể trả giá; bạn phải trả bằng trọn cuộc sống của bạn. Khi bạn dám đưa cả đời bạn mà thí, nó mới xảy ra.

Bạn ăn thua với người khác, bởi vì nó dễ dàng. Bạn nghĩ bạn là người tốt, và người khác xấu. Nhưng sự tranh giành ấy ở bên ngoài. Nếu bạn suy

tư về chính bạn, sự tranh đấu trở thành bên trong: bạn biết là bạn xấu, và không thể tìm được người nào ác độc hơn bạn. Nếu nhìn vào bên trong, và thấy tuyệt đối xấu xa, bạn phải tìm cách sửa đổi. Một cuộc tranh đấu bên trong, một cuộc chiến nội tâm đã mở màn.

Và qua xung đột ấy được dùng như một kỹ thuật, hãy nhớ như vậy, một kỹ thuật hữu hiệu nhất đã được áp dụng qua nhiều thế kỷ. Nếu nội chiến xảy ra bên trong, bạn trở nên hợp nhất. Nếu có xung đột bên trong thì xuyên qua những phe đối nghịch, một quan sát viên mới sẽ nảy sinh. Nếu có nội xung, tất cả năng lượng của bạn bị hút hết vào, và bạn bị rối loạn hoàn toàn. Điều này đưa đến hỗn loạn, và từ sự hỗn loạn ấy một thực thể mới sẽ hiện ra. Sự hỗn loạn ấy dọn đường cho con người mới của bạn. Đó là cuộc chiến mà Chúa muốn nói. Ngài nói, *“Ta không đến để mang bình an cho thế gian.”* Ngài không đem lại cái bình an rẻ tiền mà bạn mong muốn. Vậy hãy cố gắng hiểu điều Ngài dạy:

Chúa Giê-Su nói, “Nhiều người nghĩ ta đến để mang bình an cho thế gian, và họ không biết là ta đưa sự chia rẽ đến cho trái đất – lửa, gươm, chiến tranh.”

Khi đến với một đạo sư như Chúa Giê-Su, bạn đi tìm bình an. Bạn rất vui sướng mà không biết rằng bạn đã tìm lộn người, vì bạn không thể tìm được bình an. Và nếu người nào đó có thể cho bạn bình an, đối với bạn nó chỉ là cái chết. Trong hiện trạng của bạn, nếu bạn được bình an, điều này nghĩa là gì? Nghĩa là sự xung đột đã chấm dứt mà bạn không đạt được gì. Trong con người hiện tại của bạn, nếu người nào giúp bạn được yên lặng, điều đó nghĩa là gì? Bạn không tìm được con người thực của bạn, mà chỉ được an ủi trong tình huống của bạn. Đó là cách để phân biệt giữa chân sư và gian sư. Gian sư cho bạn an ủi, cho bạn cái bình an rẻ tiền; ông ta không tìm cách thay đổi bạn – ông ta là một loại thuốc an thần. Ông ta chẳng khác gì thuốc ngủ: bạn tìm đến với ông ta để được an ủi.

Nhưng nếu đến với một chân sư, Ngài sẽ phá hủy bất kỳ loại bình an nào mà bạn có; Ngài sẽ tống khứ mọi sự “thư thái” của bạn. Đó là tiêu chuẩn. Ngài sẽ tạo cho bạn nhiều hỗn loạn, nhiều xung đột. Ngài sẽ không an ủi bạn, vì Ngài không phải là kẻ thù của bạn; mọi an ủi đều là thuốc độc. Ngài sẽ giúp bạn tăng trưởng. Trưởng thành rất khó khăn; bạn phải trải qua nhiều gian khổ. Nhiều lần bạn muốn lánh mặt Ngài mà không được, vì Ngài luôn luôn ám ảnh bạn. An ủi không phải mục đích; Ngài không cho bạn cái bình an giả tạo. Ngài giúp bạn trưởng thành, và từ sự trưởng thành đó bạn sẽ nở hoa một ngày nào đó. Và sự nở hoa ấy mới là bình an thực sự, yên lặng thực sự. An ủi là giả tạo. Nhiều người đến với tôi, và qua cách họ đến, những vấn đề họ mang tới, tôi biết họ muốn được an ủi. Có người nói, “Tôi có quá nhiều rắc rối. Tôi không được an vui. Tôi rất căng thẳng. Hãy giúp tôi. Hãy chúc cho tôi được bình an.”

Nhưng điều đó nghĩa là gì? Nếu bình an có thể được ban cho người ấy, điều ấy nghĩa là gì? Người ấy sẽ không bao giờ thay đổi. Không, một chân

sư sẽ không làm vậy. Mà nếu một chân sư an ủi bạn, thì đó chỉ là cái lưới Ngài giăng ra. Qua sự an ủi, bạn sẽ bị Ngài bắt, và từ từ, Ngài sẽ tạo ra hỗn loạn cho bạn. Bạn phải trải qua sự hỗn loạn ấy, bởi vì trong hiện trạng của bạn, mọi thứ đều sai hết. Trong tình huống ấy, nếu người nào an ủi bạn, hẳn chính là kẻ thù của bạn. Bạn phí thời giờ, đời sống và năng lực mà cuối cùng an ủi cũng chẳng giúp ích gì. Mọi an ủi đều tiêu ma hết khi thần chết đến.

Một ông già có con trai chết. Ông ta tìm tôi và nói, “Hãy an ủi tôi.”

Tôi nói, “Tôi không thể làm điều ấy được. Tôi lỗi lắm.”

Ông ta nói, “Tôi chỉ cần điều ấy thôi.”

Tôi bảo ông ta, “Ông muốn vậy, nhưng tôi không làm được.”

Ông ta nói, “Tôi đến một giáo chủ và Ngài ấy nói, ‘Xin chớ buồn rầu. Con ông đã được lên thiên đường!’”

Tôi biết người con trai ấy; điều ấy không thể xảy ra được, vì hẳn là một chính trị gia – họ sa địa ngục hết, không thể lên thiên đường được. Hẳn không những là một chính trị gia, mà còn là một chính trị gia thành công nữa. Hẳn là một bộ trưởng, với đủ mọi xảo trá và tham vọng của một chính trị gia. Sao hẳn có thể lên thiên đường được? Và lão già này cũng là một chính trị gia. Thật ra, ông ta không bị quấy rầy vì con chết, mà chỉ vì tham vọng chính trị ấy không còn nữa; nhờ con mà ông ta có thêm nhiều tiền bạc và thế lực; Ông ta đã già; ông ta vất vả cả đời, nhưng hơi ngu, không xảo quyết mà hơi ngây thơ. Ông ta rất chăm chỉ và hy sinh cả đời nhưng không được chức vụ nào quan trọng. Điều đó làm ông ta đau khổ; nó là một vết thương. Ông ta đặt hy vọng ở đứa con, và con ông rất thành công. Nay con chết thì tham vọng của ông ta cũng tiêu tan. Tôi bảo ông ấy, “Đó là lý do làm ông sầu não đến thế, không phải con chết. Ông ta nói một cách bức bối, “Tôi đến để được ông an ủi, mà ông còn làm tôi tức thêm nữa. Có thể như vậy. Những điều ông nói đều đúng. Có thể tôi khóc không phải vì con chết, mà vì tham vọng kia bị tổn thương. Nhưng đừng nặng lời với tôi như vậy. Hiện tôi đang đau khổ. Tôi đến gặp các vị thánh sống, các giáo chủ, các đạo sư, và họ đều an ủi tôi. Họ đều nói, ‘Xin đừng lo. Linh hồn bất tử; chẳng ai chết cả. Và con của ông không phải người tầm thường. Anh ấy chắc chắn sẽ lên thiên đường!’”

Đó là những cách an ủi; mà nếu người này tiếp tục nghe những lời ấy, ông ta sẽ mất cơ hội nghìn vàng. Ông ta bỏ lỡ cơ hội để đối mặt với tham vọng này, vốn từng gây rối cho ông ta. Nó có thể làm ông ta nhận thức rằng mọi tham vọng đều vô ích, vô dụng, bởi vì tham cho lắm thì cuối cùng thần chết cũng lấy đi hết. Ông ta có thể hiểu rõ như vậy. Nhưng không, ông ta không tìm đến tôi nữa. Ông ta thường đến đây, nhưng kể từ đó biệt tăm. Ông ta tìm đến người khác để được họ an ủi.

Bạn có đến đây để được an ủi không? Thế thì bạn đi lộn chỗ. Đó là điều Chúa nói,

“Nhiều người nghĩ ta đến để mang bình an cho thế gian, và họ không biết là ta đưa sự chia rẽ đến cho trái đất – lửa, guom, chiến tranh.”

Mỗi khi một người như Chúa xuất hiện, thế giới này lập tức được chia làm hai, một bên là những người theo Ngài, và một bên chống lại. Bạn khó mà tìm được người đứng trung lập. Ở đâu có người như Chúa, ở đó bị phân đôi. Một số theo Ngài, một số chống lại, nhưng không có người bàng quang. Không thể có người trung lập với Chúa được. Nếu bạn nghe lời Ngài, nhìn Ngài, bạn bị phân chia ngay tức thì: hoặc là bạn yêu, hoặc ghét Ngài; hoặc là bạn đi theo, hoặc chống lại Ngài; hoặc là bạn gia nhập hàng ngũ của Ngài, hoặc chống đối.

Tại sao vậy? Bởi vì người như Chúa là một hiện tượng vĩ đại, và Ngài không thuộc về thế gian này. Ngài đem đến cho thế gian này một thông điệp từ cõi siêu việt. Những người sợ hãi cõi siêu việt sẽ trở thành kẻ thù ngay tức thì – đó là cách họ tự bảo vệ. Đối với những người đang khao khát, hạt giống đã có sẵn bên trong, những người đã từng tìm kiếm và ao ước chân lý thì người này có sự quyến rũ, có sức hút như nam châm – thế là họ yêu mến người ấy. Họ đã chờ đợi người này qua nhiều kiếp sống.

Thế gian này bị phân đôi ngay lập tức: hoặc là bạn theo, hoặc là chống lại Chúa. Không có cách nào khác hết. Bạn không thể thờ ơ. Bạn không thể nói, “Tôi không thêm đề ý”; điều đó không thể có, bởi vì người có thể đứng trung lập sẽ trở thành như Chúa vậy. Người có thể đứng giữa, không thích cũng không ghét, sẽ vượt qua tâm trí. Bạn không thể đứng chính giữa; bạn sẽ vấp ngã; bạn sẽ trở thành ‘khuyh tả’ hay ‘khuyh hữu’, bạn sẽ theo phe này hoặc phe kia; Ngài sẽ gây ra sự hỗn loạn trên thế gian – không những cho từng cá nhân mà cả xã hội nữa; mọi thứ trở thành xung đột, một cuộc chiến lớn bắt đầu. Kể từ lúc Chúa xuất hiện, chẳng hề có bình an trên thế giới. Ngài lập lên một tôn giáo. Ngài mang đến chia rẽ trên thế gian, một sự xung đột trong tâm mọi người; Ngài trở thành mốc của lịch sử con người. Đó là lý do chúng ta nói ‘trước Chúa Giê-Su’, ‘sau Chúa Giê-Su’; Ngài trở thành tiêu điểm.

Lịch sử bị phân đôi, thời gian bị chia đôi vì Chúa. Ngài đứng ngay tại ranh giới. Trước Ngài, thời gian như có một phẩm chất khác; sau Ngài thời gian mang một ý nghĩa khác. Lịch sử bắt đầu với Chúa. Thái độ của Ngài, quan điểm của Ngài đối với tâm trí con người khác hoàn toàn với của Đức Phật, hay của Lão Tử. Mục đích tối thượng chỉ là một, cuối cùng đều nở hoa như nhau, nhưng quan điểm của Chúa khác hẳn, độc nhất vô nhị.

Ngài nói gì vậy? Ngài nói rằng nhờ xung đột mới có trưởng thành; nhờ tranh đấu mới biết tự chủ; nhờ chiến tranh mà hòa bình vươn lên. Nhưng đừng hiểu Ngài theo nghĩa đen; những điều Ngài nói đều là ngụ ngôn. Kì Tô giáo hiểu theo nghĩa đen nên sai hết. Thế rồi tín đồ của Ngài dùng võ lực và giết hàng triệu người một cách không cần thiết, bởi vì đó không phải là ý nghĩa của Ngài. Giáo hội của Ngài trở nên hiếu chiến, thánh chiến. Kì Tô giáo từng chinh chiến với Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo - họ tranh chấp

khắp nơi. Nhưng họ hiểu sai hết. Chúa không nói như vậy. Ngài không nói về gươm giáo của thế gian này; Ngài mang đến lưỡi gươm của thế giới siêu việt. Gươm gì vậy? Đó chỉ là một biểu tượng. Bạn phải bị cắt làm đôi, bởi vì bạn là sự gặp gỡ của hai thế giới - đất và trời; chúng giao nhau bên trong bạn. Một phần của bạn là bùn đất; phần kia là linh thiêng. Bạn là giao điểm, và Chúa mang đến gươm để cắt đôi bạn ra, để trả lại cái ô trược cho bùn đất, và trả lại cái linh thiêng về cho thánh linh. Bạn không thể phân biệt nổi những cái thuộc về bùn đất. Khi đôi, bạn có nghĩ là bạn đôi không? Chúa nói, “Không, hãy lấy gươm của ta mà chặt đi!” Đôi thuộc về thân xác, bởi vì đó là nhu cầu của thể xác. Tâm thức chẳng biết đôi là gì; nó ý thức được, nhưng thể xác không có ý thức.

Có lẽ bạn đã nghe chuyện người mù và người què. Một hôm cả hai bị kẹt trong đám cháy lớn. Người què không đi được, không chạy được, nhưng thấy đường; mà người mù có thể đi và chạy được, nhưng không thấy đường. Vì vậy họ đồng ý với nhau: người mù cõng người què, và vì người què thấy đường và người mù có thể đi, họ trở nên một. Bằng cách đó họ ra khỏi đám cháy và thoát chết.

Đây không phải chỉ là một câu chuyện – nó đang xảy ra bên trong bạn. Một phần của bạn cảm thấy đôi, nhưng nó không biết, bởi vì nó không có mắt nhìn. Thân xác của bạn cảm thấy đôi, cảm thấy thèm khát tình dục, cảm thấy khát nước, cần tiện nghi - mọi nhu cầu đều thuộc về thể xác – và ý thức của bạn chỉ có thể thấy, ý thức của bạn chỉ là một quan sát viên. Nhưng chúng đã thỏa thuận với nhau, bởi vì không có xác, ý thức không thể đi, không thể di chuyển, không làm được gì hết; và nếu không có ý thức, xác không thể biết được nó cần gì, hoặc là nó đôi, hay khát.

Gươm của Chúa có nghĩa là thỏa hiệp này phải được ý thức một cách rõ ràng. Và sự phân biệt này phải được tạo ra. Những gì của trần gian phải thuộc trần gian; hãy hoàn thành, nhưng đừng để bị ám ảnh. Nếu bạn đôi, thân xác bạn đôi; hãy biết rõ như vậy; hãy đáp ứng cái đôi, nhưng đừng bị ám ảnh. Nhiều người bị ám ảnh và ăn hoài, ăn liên tục, để rồi ngày nào đó lại nhịn ăn trong nhiều ngày. Nhưng cả hai đều là ám ảnh; ăn nhiều quá cũng xấu như nhịn ăn nhiều quá. Tốt hơn là quân bình. Nhưng ai là người đem lại sự quân bình ấy? Bạn đã trở thành hai; bạn phải ý thức rõ ràng rằng: “Đó là của thế gian, mà tôi không phải thuộc về thế gian.” Đây là ‘gươm’ của Chúa. Ngài nói, “...*Ta đến để đem chia rẽ lại cho thế gian – lửa, gươm, chiến tranh.*”

Tại sao lại ‘lửa’. Lửa là biểu tượng cổ của Kabala (6), mà cũng là biểu tượng của Ấn Độ Giáo. Người Ấn luôn luôn nói về ngọn lửa bên trong; họ nói nó là ngọn lửa bên trong, bởi vì nó là nhiệt. Và để thắp lên ngọn lửa bên trong ấy họ gọi là yagna. Và họ có nhiều kỹ thuật để đốt lên ngọn lửa ấy. Lúc này nó gần như tắt ngúm, bị che phủ bởi tro bụi. Nó phải được khơi lên, khám phá, nhóm lại; cần phải có thêm nhiên liệu nữa, và nhiên liệu ấy phải được đưa vào. Khi ngọn lửa ấy cháy sáng hoàn toàn, bất thành linh bạn được

chuyển hóa – bởi vì không có sự chuyển hóa nào mà không cần đến lửa. Bạn nấu nước đến một trăm độ, nó bốc hơi, trở thành hơi nước; đặc tính của nó thay đổi hoàn toàn. Bạn có thấy rằng khi nước biến thành hơi, phẩm chất của nó thay đổi không? Khi còn là nước nó luôn luôn chảy xuống; đó là tính của nước, nó chảy xuống thấp; nó không thể chảy lên. Nhưng tại một trăm độ nó bốc hơi; tính chất của nó thay đổi: hơi nước bay lên, không bao giờ chảy xuống. Nó thay đổi hoàn toàn, qua trung gian của nhiệt.

Bạn thấy gì trong phòng thí nghiệm hóa học? Nếu bạn lấy lửa đi, không có gì sẽ xảy ra, bởi vì mọi chuyển hóa, mọi thay đổi, mọi biến đổi đều phải có nhiệt. Mà bạn là gì nếu không phải là lửa? Bạn là gì khi bạn đang sống? Khi thở, bạn thở bằng gì? Bạn thở bằng dưỡng khí, và dưỡng khí chỉ là nhiên liệu cho lửa. Khi bạn chạy, bạn cần nhiều lửa hơn nữa, vì bạn thở mạnh hơn; khi bạn nghỉ, bạn không cần nhiều lửa như vậy, vì bạn không thở mạnh như trước, bởi vì dưỡng khí không cần nhiều nữa. Dưỡng khí là nhiên liệu cho lửa. Lửa không thể cháy nếu không có dưỡng khí, bởi vì dưỡng khí là nhiên liệu. Bạn chính là lửa – trong mỗi khoảnh khắc, nhờ thực phẩm, nhờ nước mà lửa được tạo ra cho bạn. Khi lửa quá nhiều, bạn phải xả bớt. Khi súc vật động tình ta nói chúng ‘đang nóng’ (on heat). Điều này rất có ý nghĩa bởi vì đó là một loại nhiệt. Nó là một loại nhiệt, mà khi bạn có quá nhiều nhiệt mà bạn cần, bạn phải xả bớt, và dục là một lối thoát.

Nên biết rằng người xứ nóng ham muốn tình dục nhiều hơn người xứ lạnh. Sách về tình dục học đầu tiên xuất hiện ở xứ nóng: Kama Sutra của Vatsyayana, và Kokashastra của Koka Pandit. Những phân tâm học gia theo kiểu Freud ấy xuất hiện đầu tiên ở phương Đông, ba ngàn năm trước Freud. Dục trở thành quan trọng mới gần đây ở phương Tây. Ở xứ lạnh hơi ẩm không có đủ trong người để tạo ra dục. Chỉ trong ba hay bốn thế kỷ mới đây dục mới trở thành quan trọng bên phương Tây, bởi vì mặc dù lạnh, đã có lò sưởi trung ương. Vì vậy người ta không thấy lạnh như trước, bằng không lửa trong người chỉ đủ để chống lại cái lạnh. Đó là lý do dân số ở xứ nóng cứ tăng hoài và khó mà ngăn được; ngược lại phương Tây ít có vấn đề nhân mãn.

Tôi nghe rằng những phi hành gia Nga rất vui mừng khi họ đặt chân lên mặt trăng. Nhưng họ sững sốt khi thấy ba người Tàu đang bách bộ trên đó. Người Nga nhìn họ rồi nói, “Các bạn đã tới trước chúng tôi? Và các bạn không có phương tiện, không kỹ thuật, không khoa học gì hết – các bạn làm cách nào vậy? Các bạn có phép lạ gì đó. Các bạn đến đây bằng cách nào vậy?” Những người Tàu ấy trả lời, “Phép lạ gì đâu! Đơn giản quá mà. Chúng tôi trèo lên vai nhau mà leo lên đây.” Người Tàu, người Ấn có thể đến; không có vấn đề đối với họ. Một khi đã quyết định, họ đến bất kỳ nơi nào.

Dục là một hiện tượng nhiệt, một hiện tượng lửa. Mỗi khi có lửa cháy, bạn sẽ cảm thấy bị kích dục hơn, và khi lửa không đủ mạnh, bạn ít cảm thấy kích thích hơn. Bất cứ gì xảy ra bên trong bạn - hoặc dục, hoặc tâm linh

- đều tùy thuộc vào lửa. Những người Ấn, Kabala, Do Thái, Sufi (7)... những hội huyền học, tâm linh bí truyền, đều có những phương pháp để tạo ra lửa bên trong. Chúa từng được huấn luyện bởi nhóm Essene (8).

Vì vậy, lửa không phải chỉ là lửa mà bạn biết; đó là lửa thâm sâu nhất mà nhờ đó mới có sự sống. Nếu nó được gia tăng tới mức nào đó – nhưng chỉ có thể tăng tới mức đó, nếu nó không bị xả đi, và đó là lý do tại sao những pháp môn dùng lửa này đều chống lại dục. Nếu được xả ra bằng dục, nó sẽ không được đưa lên đến độ nào đó, bởi vì bạn có đường thoát. Vì vậy mọi lối thoát đều phải được đóng lại hoàn toàn để lửa không bị giảm đi, cho tới khi nó lên đến một trăm độ: một độ nóng nào đó, bỗng nhiên sự chuyển hóa xảy ra. Linh hồn và thể xác được tách rời ra – thanh gươm đã hoàn thành nhiệm vụ. Thế thì bạn biết được phần nào là trời, phần nào là đất bên trong bạn; thế thì bạn biết được phần nào từ máu thịt của cha mẹ, và phần nào của vô hình.

... Lửa, gươm, chiến tranh...

Một sự xung đột nội tâm thâm sâu cần phải có. Bạn không thể lờ đờ; bạn không thể nói lỏng - trừ khi sự thư giãn tự xảy ra – và đó là chuyện khác. Bạn phải tranh đấu để tạo ra xung đột và ma sát. Ma sát là từ rất thích hợp cho cuộc chiến nội tâm. Gurdjieff (9) là chuyên viên về ma sát; Ngài thường tạo ma sát trong cơ thể. Bây giờ có thể bạn không biết, nhưng hãy ghi nhớ: Ngày nào đó bạn sẽ nhận ra cơ thể bạn có nhiều lớp năng lượng. Nếu không bị ma sát, bạn chỉ dùng đến lớp bên trên. Nếu nhiều xung đột xảy ra, lớp bên ngoài sẽ cạn, và lớp kế tiếp sẽ xuất hiện.

Hãy thí nghiệm như vậy: bạn thường đi ngủ lúc mười giờ. Đúng mười giờ là bạn cảm thấy buồn ngủ vô cùng – nhưng đừng ngủ. Sufi và Chúa thường dùng cách này - gọi là đêm canh thức. Trọn một đêm Ngài không chợp mắt; bốn mươi ngày và bốn mươi năm đêm trong rừng Ngài không hề ngủ. Ngài ở đó và không ngủ. Chuyện gì xảy ra? Nếu khoảng mười giờ, trong vài phút, bạn sẽ thấy mệt lả, mỗi lúc càng buồn ngủ hơn. Nhưng nếu bạn cưỡng lại và cố gắng, sự ma sát sẽ xảy ra, bạn trở thành hai: một phần muốn ngủ, và phần kia không muốn ngủ. Hai phần này giằng co nhau. Nếu bạn lì và không chịu thua, bỗng nhiên bạn sẽ thấy không buồn ngủ nữa, và bạn thấy tươi tắn như thể mới thức dậy. Bỗng nhiên buồn ngủ hết hẳn; bạn tỉnh táo, và nếu bạn muốn đi ngủ lại cũng khó. Sự gì đã xảy ra? Chỉ có hai trường hợp, và qua ma sát mà năng lượng được tạo ra. Năng lượng luôn luôn được tạo ra nhờ ma sát. Tất cả khoa học xây trên ma sát, rồi năng lượng được tạo ra. Máy phát điện chỉ là những kỹ thuật ma sát để tạo ra xung đột, chiến tranh giữa hai cực. Bạn gây nên chiến tranh: cơ thể bạn muốn ngủ, và bạn không muốn ngủ: Ma sát sinh ra, và nhiều năng lượng được tạo ra. Nếu bạn nhượng bộ thì rất xấu, bởi vì nếu bạn nhượng bộ, thể xác thắng và tâm thức thua cuộc.

Vì vậy nếu muốn thử, bạn phải làm với một ý chí sắt đá, nhất định không nhượng bộ, không thì thà đừng làm. Phương pháp ma sát rất nguy

hiểm: nếu thử, bạn phải thắng. Nếu thua, bạn sẽ mất tự tin. Ý thức của bạn sẽ yếu đi, và thân xác bạn sẽ mạnh hơn. Và nếu thua nhiều lần, bạn sẽ khó mà có hy vọng thắng nữa. Một khi dùng kỹ thuật ma sát, bạn phải làm với quyết tâm để thắng. Không để bị thua; phải chiến thắng. Và một khi đã thắng, bạn sẽ đạt đến một tầng năng lượng khác. Bạn sẽ thấy rằng nếu bạn thắng, năng lượng trong tầng trước kia đã bị bạn thu hút vào, và bạn trở nên mạnh hơn. Và thế thì mỗi trận chiến sẽ làm bạn mạnh hơn, mạnh hơn nữa, tới một lúc khi toàn thể năng lượng của thể xác đã được bạn thu hút hẳn.

Gurdjieff thường dùng ma sát trong những cách nguy hiểm không thể tưởng tượng được. Khi về già, khoảng vài năm trước khi chết, Ngài tạo ra một tai nạn xe hơi kinh hoàng. Ngài làm cho nó xảy ra – không phải một tai nạn. Trong đời của những người như Gurdjieff không thể có tai nạn. Ngài tỉnh thức đến độ không thể có tai nạn. Nhưng Ngài có thể để tai nạn diễn ra; thậm chí Ngài có thể tạo ra tai nạn – và Ngài đã tạo ra một lần. Ngài lái xe rất nhanh, và trong cả đời Ngài chưa hề có tai nạn nào. Và Ngài cũng lái xe rất ẩu; những người ngồi xe với Ngài thường sợ đến lạnh tóc gáy.

Ngài lái xe như điên, chẳng hề tuân luật lệ lưu thông. Ngài xec qua, xec lại rất mau; tai nạn có thể xảy ra bất kỳ lúc nào – nhưng chưa bao giờ xảy ra. Một sáng nọ Ngài lái xe từ thiên viện ở Fontainebleau lên Paris. Có người hỏi chừng nào Ngài trở lại. Ngài trả lời, “Chuyện gì cũng có thể xảy ra, vì tôi nghĩ nó sẽ xảy ra khoảng chiều tối; bằng không, khó mà biết được.”

Chiều đó, trên đường trở về, tai nạn vô cùng khốc liệt đã xảy ra, đến độ bác sĩ phải tuyên bố là khó mà có người sống sót – không thể có. Chiếc xe bị banh ra từng mảnh. Nhưng Gurdjieff vẫn còn sống; thương tích đầy mình - gần như chết rồi. Nhưng Ngài vẫn tỉnh thức hoàn toàn, và nằm dưới gốc một cây cách chiếc xe khá xa. Ngài lết tới bóng mát và nằm đó trong trạng thái tỉnh thức hoàn toàn. Ngài không bất tỉnh. Ngài được đưa tới bệnh viện mà vẫn còn tỉnh. Ngài không muốn được chích thuốc mê, vì muốn được tỉnh thức hoàn toàn.

Đó là ma sát lớn nhất mà Ngài đã tạo ra với chính thân thể của mình. Ngài xuýt chết; Ngài tạo ra tai nạn đó và muốn được tỉnh thức tuyệt đối. Tại khoảnh khắc ấy Ngài đi vào tận trung tâm của bản thể - điểm sâu nhất mà một người có thể đạt đến. Ngài trụ tại trung tâm của tâm thức – tầng lớp bên ngoài hoàn toàn bị tách rời.

Nó trở thành một phương tiện. Ngài xử dụng nó, nhưng Ngài không đồng hóa với nó. Đó là ngụ ý của Chúa khi Ngài nói:

.... Ta đưa đến lửa, quom và chiến tranh -- Nhiều người nghĩ ta đến để mang bình an cho thế gian, và họ không biết là ta đưa đến sự chia rẽ cho trái đất – lửa, quom, chiến tranh. Vì có năm người trong một nhà, ba sẽ chống hai và hai sẽ chống ba; cha chống lại con và con chống lại cha. Và họ sẽ trở thành đơn độc.

Vì có năm người trong một nhà... Đây là một dụ ngôn: trong cơ thể của bạn có “năm người trong một nhà” – năm giác quan. Phân tích đến cùng thì bạn có năm cơ thể, bởi vì mỗi giác quan có một trung tâm riêng, và mỗi giác quan tiếp tục lôi kéo bạn theo hướng của nó. Con mắt nói, “Hãy nhìn cái đẹp kia,” Tay thì nói, “Sờ đi, mịn quá!” Mắt chẳng quan tâm đến sờ mó; tay chẳng để ý đến sắc đẹp - mặt đẹp, hay cây đẹp cũng thấy kệ.

Năm giác quan là năm trung tâm khác nhau, và tâm trí của bạn chỉ là điều hợp viên; nó liên tục điều hợp năm giác quan này. Khi bạn nhìn tôi, và bạn nghe tôi nói, bạn nghe bằng tai và nhìn bằng mắt. Mắt không hề nghe, và tai không hề thấy. Vậy bằng cách nào mà bạn kết luận rằng bạn nghe cùng một người mà bạn thấy? Bạn kết luận bằng cách nào? Tâm thức điều hợp tất cả. Nó là một máy tính: bất cứ gì mắt gửi về, bất cứ gì tai gửi về, nó kết hợp và cho bạn kết luận.

Phương pháp mà Gurdjieff dùng cũng đã từng được Chúa sử dụng... Và những người biết bí mật nhất trong đời của Ngài nói rằng Ngài không bị đóng đanh, mà Ngài tạo ra hoàn cảnh để bị đóng đanh, giống như Gurdjieff vậy. Ngài xoay xở để bị đóng đanh (10) – đó là một vở kịch mà Ngài đã sửa soạn. Những người đóng đanh Ngài tưởng rằng họ đang giết Ngài, nhưng người như Chúa không thể bị ép buộc phải chết. Ngài có thể trốn thoát rất dễ dàng, vì Ngài biết trước là Ngài đang bị tầm nã. Ngài có thể trốn ra khỏi thủ đô, hoặc trốn sang nước khác – vấn đề đó không khó khăn – nhưng Ngài tìm đến kinh đô. Ngài đã được nói là đã sắp đặt mọi thứ, và Giu-Da (11) không phải là kẻ phản bội, mà là người đã giúp Ngài để bị bắt. Tất cả đã được Ngài sắp xếp mà kiểm soát. Những gì đã xảy ra trên thập tự giá chính là trận chiến bên trong cuối cùng, ma sát cuối cùng và vĩ đại nhất. Ngài sắp chết, nhưng không hề mất lòng tin ở thánh linh; khi bụi đất đang trở về với đất, khi sự chia rẽ trở thành tuyệt đối và toàn bộ - nhưng Ngài không bám víu chút nào. Ngài để mọi sự diễn ra.

Gurdjieff thường nói rằng cuộc tử nạn của Chúa Giê-Su thực sự là một bi kịch, rằng tác giả của vở kịch không phải Phi-La-Tô (12), cũng không phải thầy cả của Do Thái, nhưng chính là Chúa Giê-Su. Ngài đã sắp xếp và sửa soạn một cách thật tuyệt đẹp, đến nỗi cho đến nay vẫn chưa bị lộ tẩy, nghĩa là thực sự chuyện gì đã xảy ra và như thế nào.

Bạn không thể tưởng tượng được chính bạn sửa soạn để chính bạn bị đóng đanh, nhưng đó là lẽ lối của tôn giáo: sửa soạn cho sự đóng đanh của mình. Đóng đanh trên thập tự giá nghĩa là đạt tới tột đỉnh của ma sát – nơi thần chết ngự trị.

Chúa Giê-Su nói:

Vì sẽ có năm người trong một nhà: ba sẽ chống hai và hai sẽ chống ba.

Ma sát phải được tạo ra. Giác quan phải tranh đấu, và cuộc chiến phải được thực hiện trong ý thức. Chúng liên tục tranh đấu, nhưng không tỉnh thức; bạn vẫn say ngủ, và cuộc chiến kéo dài liên miên. Mắt luôn luôn tranh

với tai; tai luôn luôn chống lại mắt – bởi vì chúng là những đối thủ. Bạn có thấy là người mù thính tai hơn người sáng mắt không? Đó là lý do nhiều người mù trở thành nhạc sĩ, ca sĩ. Tại sao vậy? Họ có nhiều khả năng về âm thanh, nhịp điệu; tai họ nhạy cảm hơn. Tại sao? Bởi vì mắt không còn là đối thủ nữa; năng lượng từ mắt được dồn hết cho tai; chúng không còn tranh nhau nữa.

Mắt bạn dùng khoảng tám mươi phần trăm năng lượng, chỉ để hai mươi phần trăm cho bốn giác quan kia. Chúng đối lã; chúng liên tục tranh giành. Mắt giữ vai trò tối cao, độc tài. Bạn sống dựa vào mắt, và khứu giác quan trở nên tê liệt. Nhiều người khứu giác đã chết hoàn toàn; họ chẳng bận tâm; họ cũng không biết là họ không có khứu giác.

Đôi mắt hoàn toàn không chế cái mũi, bởi vì mũi ở quá gần mắt nên dễ bị đàn áp. Con trẻ có khứu giác mạnh, nhưng dần dà chúng yếu đi, vì năng lượng dành gần hết cho đôi mắt. Mắt trở thành trung tâm của bản thể của bạn, và điều ấy không tốt.

Kỹ thuật ma sát là lấy giác quan chống lại nhau. Thiền nhân nhiều khi phải bịt mắt lại trong nhiều tháng (13). Bạn sẽ cảm thấy năng lượng di chuyển. Nếu bịt mắt lại trong ba tháng liền, bạn sẽ cảm thấy năng lượng dồn qua tai, qua mũi. Khứu giác của bạn có thể hoạt động trở lại, bạn sẽ ngửi lại được. Trong nhiều pháp môn, nhiều phương pháp học viên phải ngưng sử dụng một giác quan nào đó hoàn toàn; một cuộc chiến được tạo ra. Nếu bịt tai lại trong ba tháng, không nhìn và chỉ nhìn, bạn sẽ thấy năng lượng di chuyển thường xuyên. Nếu thấy được giác quan tranh dành, bạn trở thành tách biệt, bởi vì bạn trở thành một quan sát viên, Bạn không còn là mắt nữa, không còn là tai, là tay, không còn là thể xác - bạn là một quan sát viên. Sự tranh chấp xảy ra bên trong cơ thể, nhưng bạn chỉ là một người bàng quan. Đó là ý nghĩa thâm sâu nhất của ngụ ngôn, nhưng nó còn có ý nghĩa khác nữa.

Vì sẽ có năm trong một nhà: ba sẽ chống hai và hai sẽ chống lại ba; cha chống con và con chống cha; và họ sẽ trở thành đơn độc.

Trong một khía cạnh khác ngụ ngôn này cũng đúng, rằng trong một gia đình năm người, ba sẽ chống hai và hai chống ba. Mỗi khi có người thực sự đi tầm đạo là gia đình lộn xộn, bởi vì đối với gia đình thì người tầm đạo là người nguy hiểm nhất. Gia đình có thể tha thứ bất cứ gì ngoại trừ tôn giáo, bởi vì khi bạn đi tầm đạo, bạn không coi trọng thể xác nữa. Gia đình lấy thể xác làm chuẩn: cha bạn là cha vì thể xác của bạn; bạn liên hệ với cha qua thể xác. Nhưng nếu bạn nhận thức rằng bạn không phải thân xác, ai sẽ là cha? Bạn sẽ liên hệ với cha bằng cách nào? Mẹ cho bạn thể xác, không cho bạn bản thể. Vì quá đồng hóa với thể xác nên bạn nghĩ là mẹ đã sinh ra bạn. Khi bạn không đồng hóa với thể xác, sự đồng hóa ấy bị cắt đứt, thế thì ai là mẹ? Mẹ chỉ sinh ra thể xác, nhưng thể xác ấy ngày nào sẽ chết đi. Vậy thì mẹ bạn không ban cho bạn sự sống; mà ngược lại, bà đã cho bạn thêm một cái chết. Cha bạn không cho bạn sự sống, mà một triển vọng chết. Một khi bạn không

còn đồng nhất với thể xác nữa, bạn bị cắt đứt khỏi gia đình, bạn bị bật gốc. Vì vậy, nếu bạn có đi với dĩ điểm thì gia đình cũng chấp nhận. Chấp nhận được – không có gì sai – thật ra, bạn càng đồng hóa với thể xác hơn nữa. Bạn có say sưa, có rượu chè cũng được, bởi vì bạn càng được đồng hóa với thể xác. Không có gì sai quấy cả. Nhưng nếu bạn trở thành một thiện nhân, một môn đệ, thì sẽ rắc rối, sẽ khó khăn vì bạn đang bị bật gốc. Thế thì gia đình không còn sức mạnh đối với bạn nữa; bạn không còn là một phần tử của gia đình nữa; bạn không còn thuộc về thế gian nữa. Vì vậy Chúa nói: cha sẽ chống con, con sẽ chống lại cha. Và tôi đến để gây rối, để chia rẽ, để tạo ra xung đột và ma sát.

Điều ấy đúng lắm. Bạn có thể thờ Phật, nhưng hãy hỏi phụ thân của Ngài – ông ta chống lại Ngài. Hãy hỏi bà con của Phật - họ chống lại Ngài, bởi vì Ngài đã vượt quá sự kiểm soát của họ. Không phải thế thôi: Ngài đã giúp nhiều người khác thoát khỏi sự kiểm tỏa của xã hội, của gia đình (14). Gia đình là nền tảng của xã hội. Khi bạn thoát khỏi sự kiểm tỏa của xã hội, bạn gặp phải sự kiểm soát của gia đình, nhưng không có nghĩa là bạn phải thù ghét nó – không phải vậy; cũng không có nghĩa là bạn phải chống lại nó. Nó sẽ xảy ra như vậy, dù bạn muốn hay không. Một khi bạn đi tìm đạo, mọi sự trở nên đảo lộn hết; sự hỗn loạn sẽ xảy ra. Vậy thì bạn phải làm gì? Họ sẽ kéo bạn trở về, họ sẽ đưa bạn trở lại; họ sẽ cố gắng bằng mọi cách. Cần phải làm gì?

Có hai cách: thường thì người ta bỏ trốn, không cho họ một cơ hội nào hết – nhưng tôi nghĩ điều ấy không còn thích hợp nữa. Cách thứ hai là ở lại với họ, nhưng như một kịch sĩ: không cho họ biết rằng bạn đã thoát ly. Hãy đi! Hãy để sự thoát ly ấy trở thành cuộc hành trình nội tâm, nhưng bề ngoài hãy hoàn thành mọi hình thức: hãy tôn kính cha mẹ như một diễn viên tài giỏi. Phương pháp cũ không thể áp dụng cho đám đông. Đó là lý do trái đất này không thể trở thành thánh thiện được - bởi vì bao nhiêu người có thể thoát ly xã hội được? Mà thậm chí họ có thoát ly xã hội, xã hội cũng phải chăm sóc họ. Khi Đức Phật còn tại thế, hay Mahavira, hay Chúa, đã có hàng ngàn người thoát ly. Nhưng cũng chỉ có hàng ngàn – hàng triệu người vẫn bị kẹt lại, và họ phải chăm sóc những người thoát ly kia. Trái đất này không thể thánh thiện được, nếu đó là cách duy nhất. Và điều đó cũng chẳng tốt đẹp gì; sự thoát ly ấy có thể được thực hiện một cách đẹp đẽ hơn, và đó là cách của một diễn viên.

Một môn đệ phải là một diễn viên xuất sắc; nghĩa là bạn không coi trọng nữa, nhưng hãy hoàn thành mọi hình thức bề ngoài. Tận đáy sâu bạn đã bật gốc rồi, nhưng không để lộ là bạn đã bật gốc. Mà để lộ ra có lợi lộc gì đâu? – bởi vì họ sẽ cố gắng thay đổi bạn. Đừng cho họ một cơ hội nào. Hãy biến nó thành một hành trình nội tâm, nhưng bề ngoài chỉ là hình thức. Họ sẽ thích thú, bởi vì họ sống bằng hình thức. Họ chỉ có bề ngoài; họ không cần sự thờ phượng bên trong của bạn. Họ chẳng cần tình yêu bên trong của bạn – chỉ cần hình thức là đủ.

Đó là hai cách: một là của Phật và Chúa, hai là của Janak và tôi. Hãy ở lại chỗ của bạn (15). Đừng tạo ra dấu hiệu bề ngoài là bạn đang thay đổi và muốn tầm đạo, bởi vì nó sẽ gây ra khó khăn mà bạn chưa đủ mạnh. Hãy tạo ra xung đột bên trong, nhưng đừng tạo ra bên ngoài. Xung đột nội tâm đã quá đủ rồi. Nó sẽ giúp bạn tăng trưởng và trưởng thành.

cha chống con và con chống cha; và họ sẽ trở thành đơn độc.

Từ ‘đơn độc’ cần phải được hiểu thấu đáo. Khi bạn đi tầm đạo, bạn trở thành đơn độc, xã hội không còn ý nghĩa nữa đối với bạn, bạn là người đơn độc. Và chấp nhận sự đơn độc của bạn là một sự chuyển hóa lớn nhất đã xảy ra cho bạn, bởi vì tâm trí rất sợ sự đơn độc; tâm trí muốn có người nào đó để nương vào. Đơn độc làm cho bạn run rẩy; sợ hãi xâm chiếm bạn. Đơn độc...? Lập tức bạn nhào tới xã hội, tới câu lạc bộ, tới hội nghị, tới đảng phái, tới giáo đường, tới nơi có đám đông, nơi bạn không cảm thấy đơn độc, nơi bạn mất hút trong đám đông. Đó là lý do đám đông trở nên rất quan trọng. Đi tới trường đua, xem ci-nê – nhưng bạn tìm đến đám đông để quên sự đơn độc; ở đó bạn có thể thư thả. Nhưng người tầm đạo là người đơn độc (16), vì ông ấy muốn đạt tới chóp đỉnh của chính mình. Ông ta không muốn bị lạc trong đám đông. Ông ta phải tỉnh thức, tỉnh táo hơn, ý thức hơn, cảnh giác hơn – và ông ta phải chấp nhận sự thật. Sự thật là: mỗi người đều đơn độc, và không có cách nào để hợp quần. Tâm thức của bạn là một đỉnh cao đơn độc. Nhưng đó là cái quyến rũ của nó, và bạn sợ hãi một cách không cần thiết. Hãy tưởng tượng đỉnh Everest của Hi Mã nằm giữa những đỉnh Everest khác – thế thì vẻ đẹp của nó không còn nữa. Everest tuyệt đẹp và thách đố bởi vì nó đơn độc, một đỉnh cao ngạo nghễ. Người tầm đạo chẳng khác đỉnh Everest; ông ta trở thành đỉnh cao đơn độc, một mình, và ông ta sống trên đỉnh ấy và tận hưởng. Điều đó không có nghĩa là ông ta không giao thiệp, không có nghĩa là ông ta không biết yêu. Mà ngược lại, chỉ ông ta mới biết yêu, chỉ ông ta mới biết giao thiệp, bởi vì ông ta hiện diện. Bạn không hiện diện – thế thì sao bạn có thể yêu. Ông ta có thể yêu, nhưng tình yêu ấy không phải là một loại á phiện, ông ta không bị sa ngã. Ông ta có thể chia sẻ, ông ta có thể dâng hiến tất cả mà vẫn tự chủ. Ông ta có thể dâng hiến hết cho bạn mà vẫn không mất mát gì, bởi vì sự tỉnh thức của ông ấy còn mãi trên đỉnh cao bên trong. Ở đó, trong đền thờ ấy, ông ấy vẫn một mình. Không ai đến đó, không ai có thể đến đó được.

Trong cốt lõi thâm sâu nhất của bản thể bạn chỉ có một mình.

Sự thuần khiết của đơn độc, vẻ đẹp của đơn độc...

Nhưng trái lại, bạn cảm thấy sợ. Bởi vì bạn sống trong xã hội - bạn sinh ra trong xã hội. Bạn được xã hội giáo dục - bạn quên hẳn là bạn có thể một mình. Vậy hãy tìm nơi vắng vẻ trong một vài ngày, chỉ để cảm thấy sự đơn độc, thì đẹp lắm. Rồi trở lại xã hội, nhưng nhớ mang theo sự đơn độc của bạn. Đừng lạc mất trong đó. Hãy tỉnh thức và cảnh giác: đi vào xã hội, vào đám đông, nhưng giữ lại sự đơn độc. Bạn có thể đơn độc ngay giữa đám

đông, nếu bạn muốn; ngay giữa đám đông bạn vẫn có thể đơn độc nếu bạn muốn.

Có lần đạo sư Junnaid (17) đến gặp thầy; Ngài đến một mình lúc thầy đang ngồi trong miếu. Khi Junnaid vừa đến, thầy nói, “Junnaid, đến một mình thôi! Đừng mang theo đám đông!” Junnaid ngoảnh cổ lại, bởi vì Ngài nghĩ lại có người đi sau. Nhưng không có ai hết. Thầy cười và nói, “Đừng nhìn sau lưng. Hãy nhìn vào trong.” Junnaid nhắm mắt lại và thấy quả chẳng sai. Ngài đã bỏ vợ nhưng tâm trí vẫn còn bám víu; Ngài đã từ con, nhưng hình ảnh của chúng vẫn còn trong trí; và những người bạn đến để tiễn Ngài lần cuối vẫn còn lớn vồn đâu đó. Thầy nói, “Hãy đi ra và trở lại một mình, bởi vì tôi không thể nói chuyện với đám đông.” Vì thế Junnaid phải chờ bên ngoài một năm để từ bỏ đám đông. Một năm sau thầy gọi, “Junnaid, con đã sẵn sàng, hãy vào đây. Nay con chỉ một mình. Ta có thể đàm đạo.”

Bạn có thể mang theo đám đông; bạn cũng có thể ở giữa đám đông nhưng vẫn đơn độc. Hãy thử xem: lần sau khi ở giữa đám đông, hãy cảm thấy sự đơn độc – mà bạn đơn độc nên không thành vấn đề, bạn có thể cảm thấy điều ấy. Và một khi bạn có thể cảm thấy một mình, bạn đã trở thành đơn độc. Chúa nói Ngài đến để biến bạn thành đơn độc, đứng một mình.

“Ta sẽ cho các người những gì mắt chưa từng thấy, những gì mà tai chưa từng nghe, những gì tay chưa sờ đến và những gì chưa hề phát khởi trong tim người.”

Mắt bạn có thể thấy những cái bên ngoài; chúng không thể thấy cái bên trong; không có cách nào cả. Tai bạn có thể nghe những cái bên ngoài, và không thể nghe cái bên trong. Chúng hướng ra ngoài; mọi giác quan đều hướng ngoại; không có một giác quan nào hướng nội cả. Vì thế khi tất cả giác quan ngưng hoạt động, bỗng nhiên bạn lọt vào bên trong. Không có giác quan nào hướng nội.

Chúa Giê-Su nói: *Ta sẽ cho các người những gì mà mắt chưa từng thấy* – nhưng trước hết phải trở thành đơn độc. Và đó là ý tôi nói phải trở thành môn đệ: người đơn độc. Trước hết hãy trở thành môn đệ, hãy nhận thức rằng bạn đơn độc đã, và thoả mái với sự đơn độc này. Đừng sợ. Hãy tận hưởng; hãy thấy vẻ đẹp của nó, sự im lặng, sự tinh khiết và sự hồn nhiên. Bụi bặm không hề vào đó, bởi vì chưa có ai vào đền thờ đó cả. Muôn đời nó vẫn còn trong sạch, trinh nguyên; chưa có ai đặt chân đến đó. Sự trinh bạch nằm ẩn bên trong bạn.

Hãy trở thành môn đệ, một người đơn độc, và sẽ hiểu Chúa: *Ta sẽ cho các người những gì mắt chưa từng thấy.*

Khi bạn trở thành một ẩn sĩ, hoàn toàn đơn độc, bỗng nhiên bạn nhận ra cái mà mắt không thể thấy, tai không thể nghe, và cái mà tay không thể sờ tới được. Bạn sờ bạn bằng cách nào? Bạn có thể sờ được thân xác, nhưng nó không phải bản thể của bạn. Tay không thể đi vào được; nó không thể sờ

được tâm thức của bạn – không có cách nào cả. Và tuyệt diệu nhất là câu cuối cùng; chưa có người nào trên trái đất này nói được như vậy:

... Và những gì chưa hề phát khởi trong tim người.

... Bởi vì linh hồn bạn nằm ngoài ngay cả trái tim của bạn. Dĩ nhiên, tim bạn nằm sâu bên trong, nhưng so với linh hồn của bạn, nó vẫn bên ngoài, không phải bên trong. Tay nằm ngoài, mắt ở ngoài, tim cũng ở ngoài, trên bề mặt. Thậm chí cái cốt lõi thâm sâu nhất cũng không phải trái tim. Thể xác bạn cảm thấy đói; tình yêu cảm thấy ở con tim – không phải cầu nguyện. Cầu nguyện sâu hơn nữa, sâu hơn con tim. Đó là nhu cầu thể xác; tình yêu là nhu cầu của con tim. Thượng Đế là nhu cầu của siêu việt, không phải của con tim. Bạn phải vượt lên trên tâm trí, bạn phải vượt qua cả con tim nữa. Bạn phải siêu vượt trên mọi bề mặt để chỉ còn lại trung tâm. Mà cái gì chưa phát khởi trong tim người? Thượng Đế chưa phát khởi trong tim người. Trong tâm trí khoa học, triết học phát khởi; trong tim nghệ thuật phát khởi, thì ca phát khởi – không phải tôn giáo.

Tôn giáo phát khởi tại tầng lớp sâu hơn, tại tầng sâu nhất, mà sâu hơn nữa thì chẳng có gì, tại trung tâm của bạn, và đó không phải con tim.

“Ta sẽ cho các người những gì chưa hề phát khởi trong tim người.”

Đó là cái siêu việt, siêu việt và siêu việt. Bạn không thể nắm được nó, không thể thấy được nó, thậm chí không thể cảm thấy được. Tại đây Chúa vượt xa hẳn những nhà huyền môn của con tim.

Huyền môn có ba loại. Trước hết là nhà huyền môn của óc não - họ bàn về thần học, triết học; họ có đủ loại dẫn chứng về Thượng Đế. Không có bằng chứng nào cả, hoặc là, mọi thứ đều là bằng chứng. Nhưng chẳng cần phải chứng minh, mà bạn cũng chẳng chứng minh Thượng Đế được, bởi vì mọi lý luận đều có thể bị bẻ gãy, đều có thể bị chứng minh là sai. Lại có những nhà huyền môn của con tim: họ nói về tình yêu, về người yêu, về thánh linh, về Krishna; họ nói bằng ca nhạc, thì ca - họ là những người lãng mạn. Sự tìm kiếm của họ sâu hơn loại óc não, nhưng vẫn không đủ sâu. Chúa nói, *“Ta sẽ cho các người những gì chưa hề phát khởi trong tim người...”* ở đó thần học không bén mảng tới được, thì ca không thể thoáng thấy được, nơi đó cả logic lẫn tình yêu đều dừng bước. *Ta sẽ cho các người những gì chưa hề phát khởi trong tim người.*

Đó là loại thứ ba (18), và là khả năng sâu nhất, thâm thúy nhất – và Chúa đã mở ra. Nhưng Ki Tô giáo không hiểu được Ngài. Họ thêm dật đủ loại học thuyết; Ki Tô giáo bị vướng trong óc não – không phải thuộc về óc não, mà là óc não.

Ki Tô giáo đã tạo ra biết bao nhà thần học vĩ đại. Hãy nhìn bộ Summa Theological đồ sộ của thánh Thomas Aquinas (19) với hàng trăm tập. Nhưng chúng trật lất hết vì Chúa không thuộc về óc não. Và cũng vì những nhà thần học óc não này mà những nhà huyền môn của con tim bị tổng ra

khỏi giáo hội. Eckhart (20) và thánh Phan-Xi-Cô (21) bị trục xuất. Họ bị coi là ngu dốt, hoặc điên khùng, hoặc tà đạo – bởi vì họ nói về con tim, về tình yêu.

Nhưng của hai đều không hiểu Chúa Giê-Su. Ngài không thuộc óc não, cũng chẳng thuộc về con tim; Ngài siêu vượt tất cả. Ngài nói chỉ cần vất bỏ mọi định hướng, bỏ tất cả cái bên ngoài và tìm về cái cốt lõi bên trong, nơi mà chỉ một mình bạn hiện diện, nơi bản thể của bạn ngự trị, nơi chỉ có hiện sinh. Bạn có thể đến đó, mà nếu bạn đến đó được, mọi huyền bí sẽ được hé mở, và mọi cánh cửa sẽ được mở toang. Nhưng bạn vẫn có thể lạc đường ngay tại ngưỡng cửa. Nếu nghiêng về óc não, bạn sẽ ngưng tại ngưỡng cửa để mà lập lý thuyết, hoặc bạn có thể dừng tại cửa mà thơ thần – bàn về thi ca và ca hát.

Mulla Nasrudin có lần đến gặp bác sĩ tâm thần và nói, “Tôi không biết phải làm sao. Xin bác sĩ giúp cho. Tôi chịu hết nổi rồi. Đêm nào tôi cũng nằm mơ đứng ở cửa mà đây. Trên cửa có con dấu mà tôi cứ đây miết. Đêm nào tôi cũng thức giấc, mồ hôi đầm đìa mà cửa vẫn không mở.”

Bác sĩ bắt đầu ghi lại những lời anh nói. Sau hơn nửa tiếng bác sĩ hỏi, “Này Nasrudin, hãy cho tôi biết trên con dấu đó ghi từ gì vậy?”

Nasrudin nói, “Trên đó có từ ‘kéo’.”

Nếu ‘kéo’ được viết trên cửa thì đừng đẩy; nếu không thì giấc mơ đó sẽ trở lại mãi, bạn sẽ đẩy cho đến tận thế. Mà có vấn đề gì đâu: chỉ cần nhìn từ gì viết trên cửa là xong. Chúa Giê-Su nói chẳng phải óc não, cũng chẳng phải con tim viết trên cửa – nó vượt trên cả hai.

Cho nên chỉ có một việc phải làm: vượt ra ngoài. Đừng trở thành nạn nhân của logic, của trí năng, mà cũng đừng trở thành nạn nhân của cảm xúc, của tình cảm. Óc não thuộc về thể xác, mà con tim cũng thuộc về thể xác. Hãy vượt lên trên cả hai. Cái gì nằm ngoài cả hai? Ở đó chính là hiện sinh, ở đó chính là bạn.

Sự sống không có bất kỳ thuộc tính nào cả. Sống đơn giản là thiên định – và đó là chữ được viết trên cánh cửa ấy.

Cánh cửa bỗng mở tung ra khi bạn chỉ là một con người đơn giản – không cảm xúc, không ý tưởng; bạn không bị mây mù che phủ, quang đăng, như ngọn lửa không có khói vây quanh; bạn chỉ là ngọn lửa. Bạn đã bước vào trong.

... Và ta sẽ cho các người những cái chưa hề phát khởi trong tim người.

Chú Thích:

1 Matthêu 10.34-35 và Luca 12.51-53

- 2 Bertrand Russell, triết gia Anh, tiền bán thế kỷ 20, cha đẻ của logic hiện đại. Cùng với Đức Phật, ông được coi là người đã thai nghén ra Fuzzy Logic. Xem Bart Kosko, Fuzzy Thinking: The New Science of Fuzzy Logic
- 3 Mahavira là tổ thứ 24 của Kỳ Na giáo (Jain). Ngài sống cùng thời nhưng lớn tuổi hơn Đức Phật. Kỳ Na giáo cho rằng trong mỗi chu kỳ của vũ trụ, chỉ có 24 tổ tất cả.
- 4 Đạo Đức Kinh dạy, “Thắng nhân giả hữu lực. Tự thắng giả cường. Nhu thắng cương. Nhược thắng cường”
- 5 Đạo Đức Kinh dạy, “Vì ta không tranh với ai, không ai có thể tranh với ta.”
- 6 Kabala là khoa huyền học của Do Thái
- 7 Bạch Y giáo – Sufism - huyền học của Hồi giáo.
- 8 Essene là một hội kín ở Do Thái trong thời Chúa Giê-Su. Gần đây một số tài liệu của nhóm ấy đã được khai quật.
- 9 Gurdjieff là một đạo sư người Nga, sống khoảng tiền bán thế kỷ 20.
- 10 Một số học giả cho rằng Chúa Giê-Su đã chỉ định người sẽ nộp Ngài cho cho chính quyền để đóng danh Ngài, bằng cách Ngài nhúng bánh mì vào chén của môn đệ nào, thì người đó sẽ phải tiến hành. (Gioa-An 13:18-30)
- 11 Giu-đa – Judas - một trong mười hai đệ tử của Chúa, thường được nói đã phản bội Chúa bằng cách nộp Ngài cho quân Do Thái để lấy 30 đồng bạc. Xem chú thích 10.
- 12 Phi-La-Tô – Pontius Pilate – viên toàn quyền La Mã cai trị người Do Thái.
- 13 Xem “Huyền thuật và các Lạt Ma Tây Tạng”, Nguyễn Phong dịch
- 14 Chúa Giê-Su cũng nói, “Nếu kẻ nào không ghét cha mẹ mình, anh em mình, và cả mạng sống của mình, người đó không thể là đệ tử của ta.” (Lu-Ca 14:26)
- 15 Thánh A-Lê-Xu là một thí dụ. Ngài đã hiến mình cho Chúa, nhưng khi bị bó buộc kết hôn, Ngài đã bỏ trốn khỏi nhà. Vì gia đình chỉ có Ngài là con phải phụng dưỡng cha mẹ già, Ngài cầu xin Chúa cho Ngài được thay đổi mặt mũi để có thể trở về nhà. Lời cầu ấy đã được chấp nhận. Trong mười bảy năm ở lặn dưới chân thang, Ngài nghe được tiếng than van của cha mẹ, và lời ai oán của người vợ. Cuối cùng trước khi chết Ngài mới thú thật với cha mẹ và vợ là Ngài đã ở với họ bấy lâu nay mà họ không hề hay biết.
- 16 Virginia Wolf nói, “thì sẽ là người đơn độc.” (A poet is a solitary being), Người tầm đạo còn hơn thế nữa.
- 17 Junnaid là một đạo sư của Sufism (Bạch Y giáo)
- 18 Ốc người có hai nửa. Nửa bên trái thiên về lý luận, ngôn ngữ, là do địa hạt của thần học, triết học, khoa học. Nửa phải là của thi ca, nghệ thuật. Tôn giáo vượt trên cả hai.
- 19 Thánh Thomas Aquinas (1225-1274) là nhà Thần học quan trọng nhất của Ki Tô Giáo. Lâu đài Thần Học của Ki Tô Giáo được xây trên nền tảng triết học của Ngài. Trong bộ Summa Theological, Ngài đưa ra năm dẫn chứng về sự hiện hữu của Thượng Đế.
- 20 Meitster Eckhart - linh mục và huyền học người Đức. Quan điểm của ngài rất gần với đạo học đông phương: 1. Trong mỗi vật, mỗi loài đều có một điểm linh quang bất sinh, bất diệt, 2. Thượng Đế và linh hồn có cùng một bản tính, 3. Con mắt mà tôi nhìn Thượng Đế cũng chính là con mắt mà Ngài nhìn tôi.
- 21 Thánh Phan-Xi-Cô (St. Francis) là người đã lập ra dòng Phan-Xi-Cô, lấy khó nghèo làm tôn chỉ.

3

Kỳ Diệu Trong Những Kỳ Diệu

Chúa Giê-Su nói:

Ta đến giữa thế gian, và mặc lấy xác thịt mà đến với con người.

Ta thấy tất cả đều say, và không một ai khát.

Và linh hồn ta buồn rầu cho con người, vì con tìm họ mù quáng và không biết rằng trắng tay họ đã đến với thế gian này, và trắng tay họ sẽ từ biệt thế gian. Nhưng giờ này họ còn đang say. Và khi hết men say họ sẽ hối hận.

Chúa Giê-Su nói:

Nếu xác thịt có vì linh hồn, đó là một kỳ diệu; nhưng nếu linh hồn có vì thể xác, đó là một kỳ diệu trong những kỳ diệu.

Nhưng ta kinh ngạc là tại sao sự kỳ diệu ấy lại xuất hiện giữa những ô uế này.

Chúa Giê-Su, Đức Phật, hay bất kỳ vị giác ngộ nào, đều cho rằng bạn đang say. Say có nhiều loại, nhưng cũng là say. Bạn không cảnh giác, không tỉnh thức; bạn chỉ nghĩ rằng bạn cảnh giác và tỉnh thức. Bạn ngủ say từ lúc sinh ra đến lúc chết.

Gurdjieff thường kể một chuyện nhỏ. Có một người nuôi hàng ngàn con dê; chúng thường đi lạc và bị dã thú ăn thịt. Vì vậy ông ta tìm đến vị thông thái để hỏi ý. Vị này khuyên ông ta nuôi một bầy chó để canh. Ông ta nuôi bầy chó đến cả trăm con; chúng không để một con dê nào rời khỏi chuồng, mà con nào thoát ra sẽ bị chúng cắn chết.

Dần dần bầy chó ấy trở nên ghiền cắn giết, đến nỗi chúng bắt đầu tàn sát bầy dê – chúng trở nên nguy hiểm. Vì vậy ông ta lại tìm đến vị thông thái kia hỏi kế. “Vấn đề trở nên nguy hiểm; thay vì bảo vệ dê, chúng lại tàn sát.” Xưa nay đều vậy – hãy nhìn đám chính trị gia của bạn: họ là người bảo vệ, là bầy chó canh, nhưng một khi có quyền trong tay, họ thành đồ tể.

Vị thông thái nói, “Chỉ còn một cách duy nhất. Tôi sẽ đến đó.” Vị ấy đến, thôi miên cả bầy dê và nói với chúng. “Mày hoàn toàn tỉnh thức, cảnh giác, và tự do. Không ai là chủ mày hết.” Từ đó bầy dê bị thôi miên, và không một con nào trốn đi, bởi vì chúng nghĩ rằng đây không phải là nhà tù, và chúng tin tưởng rằng chúng là chủ của chính chúng. Thậm chí nếu con nào bị chủ giết chết, chúng sẽ nghĩ, “Số nó xui rồi, không phải tôi. Không ai

có thể giết tôi. Linh hồn tôi bất tử, và tôi hoàn toàn tự do. Vì vậy chẳng cần phải trốn thoát.” Không cần đến bấy chớ nữa. Người chủ ung dung, bởi vì bấy dề đã bị thôi miên, chúng sống trong trạng thái nửa mê, nửa tỉnh. Và đó là trạng thái của bạn – trạng thái mà Chúa thấy bạn, mà tôi thấy bạn. Nhưng chẳng ai thôi miên bạn cả - đó là tự thôi miên. Bạn vừa là vị thông thái đã thôi miên bấy dề, vừa là con dề đã bị thôi miên - bạn tự thôi miên chính bạn.

Có phương pháp để tự thôi miên bạn: nếu bạn nghĩ liên tục về một ý tưởng nào đó, bạn sẽ bị nó thôi miên. Nếu bạn nhìn liên tục một vật gì đó, bạn sẽ bị nó thôi miên. Nếu bạn suy tư về điều gì đó, bạn sẽ bị nó thôi miên.

Một thi sĩ người Pháp đến thăm Mỹ. Ông ta được đưa đi tham quan ở New York. Hướng dẫn viên dẫn ông ta đến thăm nhà chọc trời Empire State. Nhà thơ bị choáng váng; ông ta nhìn đi nhìn lại rồi nói, “Nó làm tôi liên tưởng đến dục.”

Hướng dẫn viên bối rối. Ông ta đã nghe nhiều ý kiến, nhưng ông thần này thật hết thuốc chữa. Có ai nhìn tòa nhà này mà nói nó gợi ý đến dục bao giờ? Vì thế ông ta hỏi, “Xin ông đừng giận và xin cho biết tại sao nó làm ông liên tưởng đến dục?”

Thi sĩ trả lời, “Mọi thứ!”

Nếu bạn liên tục nghĩ đến dục, bạn sẽ bị thôi miên – thế thì đối với bạn, cái gì cũng là dục. Thậm chí nếu bạn đến giáo đường, nó cũng làm bạn nghĩ đến dục. Bạn đi đâu không thành vấn đề, bởi vì bạn mang theo tâm trí, và nó không ngừng theo dết quanh bạn. Người bị thôi miên bởi dục, kẻ bởi phú quý, lại có người bởi quyền thế - nhưng ai cũng bị thôi miên. Và chẳng có ai làm cái đó cho bạn – bạn tự thôi miên bạn; đó là việc làm của bạn. Nhưng vì làm việc ấy quá lâu nên bạn quên bẵng đi rằng bạn vừa là phù thủy, vừa là dề.

Một khi nhận thức được rằng, “Ta là phù thủy, và ta là dề,” sự việc sẽ thay đổi, bởi vì tia lửa chuyển hóa đã len vào. Bạn sẽ chẳng còn như trước nữa, bởi vì thôi miên đã bắt đầu hết hiệu nghiệm. Sự gián đoạn đã xảy ra – một chút tỉnh thức đã phát khởi trong bạn.

Bạn có thể có nhiều đối tượng thôi miên khác nhau; hãy tìm cho ra đối tượng nào hấp dẫn bạn nhất, cái nào trở thành hấp lực của bạn, và hãy quan sát là bạn bị nó thôi miên thế nào. Lập lại là phương pháp của thôi miên: nhìn vật gì một cách liên tục, hay nghĩ về nó liên tục. Nếu bạn gặp thầy thôi miên, ông ta sẽ nói, “Bạn đang buồn ngủ, buồn ngủ, buồn ngủ.” Ông ta sẽ lập đi lập lại một cách đều đều; chẳng mấy chốc bạn sẽ ngủ say. Ông ta chẳng làm gì hết, ngoại trừ lập lại như vậy. Nghe đi nghe lại sẽ làm bạn thi u thi u ngủ - bạn đã tự thôi miên chính mình.

Hãy nhớ điều này, bởi vì bạn đang liên tục lập lại, và xã hội cũng đang liên tục nhai lại. Toàn bộ kỹ thuật tuyên truyền là lập đi lập lại. Chính trị gia không ngừng lập lại khẩu hiệu gì đó. Họ tiếp tục lập lại, và chẳng cần biết

bạn có nghe hay không. Nghe không phải là chủ đích, bởi vì nếu họ lập đi lập lại, dần dần bạn sẽ bị thuyết phục, lôi cuốn; không bằng logic, không bằng lý lẽ - họ không bao giờ tranh luận với bạn – mà vì lập lại mà bạn bị thôi miên.

Hitler lập đi lập lại rằng người Do Thái là nguyên nhân của sự đau khổ và suy sụp của Đức: “Một khi người Do Thái bị tiêu diệt, mọi vấn đề sẽ được giải quyết. Các bạn là chủ nhân ông của cả thế giới; chủng tộc của bạn rất đặc biệt; bạn đến đây để thống trị - chủng tộc của bạn là chủng tộc siêu đẳng.”

Thậm chí bạn của Hitler lúc đầu cũng không tin, mà ngay cả hẳn lúc đầu cũng chẳng tin nữa, bởi vì đó là một sự xảo trá rõ ràng. Nhưng hẳn cứ tiếp tục; dần dần nhiều người tin theo - họ đã bị thôi miên. Và khi người khác bị thôi miên, hẳn cũng bị thôi miên, vì nghĩ rằng nhất định phải có ít nhiều sự thật trong đó: “Khi cả triệu người tin theo, điều đó nhất định phải đúng.” Tiếp đó là bạn bè của hẳn tin, rồi họ thôi miên lẫn nhau, rồi cả nước Đức đều tin như vậy.

Một trong những chủng tộc thông minh nhất xử sự một cách ngu xuẩn như vậy. Tại sao? Điều gì đã xảy ra cho tâm trí Đức? Chỉ vì lập lại, tuyên truyền. Hitler viết trong hồi ký của hắn, *Mein Kampf* (1), rằng biến đổi trá thành sự thật là một tiến trình đơn giản: cứ nhai đi nhai lại – và hẳn học từ kinh nghiệm bản thân. Nếu bạn lập lại hoài điều gì đó - bạn hút thuốc, hút mỗi ngày - sẽ trở thành thói quen. Rồi, mặc dù biết nó là vô dụng, phù phiếm, ngu xuẩn, và nguy hiểm cho sức khỏe, bạn cũng bó tay, bởi vì nó đã trở thành tự thôi miên.

Vợ của Mulla Nasrudin đọc cho chồng bài báo chống hút thuốc. Các chuyên gia đều nói rằng hút thuốc thường gây ra ung thư, lao phổi và nhiều bệnh khác. Anh ta nghe xong nói, “Nhảm nhí! Hoàn toàn láo khoét! Và tôi nói cho bà biết, tôi sẽ hút cho đến khi chết thì thôi!” Vợ anh ta lo lắng nói, “Được rồi, ông muốn sao thì muốn. Nhưng sao ông biết được là lúc đó ông sẽ ngừng? Sao ông biết được là khi ông chết ông sẽ bỏ thuốc?”

Thật vậy, nếu bạn bị thôi miên, bạn sẽ không bỏ thuốc. Chết cũng chẳng có gì khác: trong kiếp tới bạn sẽ làm y như vậy, bởi vì kiếp tới bắt đầu ngay tại lúc kiếp trước chấm dứt; nó là một sự liên tục. Vì vậy khi một trẻ nhỏ sinh ra, nó không thực sự phải là một đứa trẻ, nó rất, rất già, rất cổ xưa; nó mang theo tất cả nghiệp chương và điều kiện hóa từ trước. Nó bắt đầu như một người già – nó đã bị thôi miên rồi. Đó là cái mà người Ấn gọi là *samkaras*, nghiệp chương.

Nghiệp là gì? Ý nghĩa thâm sâu của thuyết nghiệp chương là gì? Nghiệp là phương pháp tự thôi miên. Nếu bạn lập lại một hành động một cách liên tục, bạn sẽ bị nó thôi miên; thế rồi nghiệp ấy, hành động ấy trở thành chủ và bạn là nô lệ. Dục đưa lại cho bạn lợi lộc gì? Bạn được gì hay chỉ là sự lập lại? Nhưng bạn lập lại quá lâu đến nỗi nếu ngừng, bạn sẽ cảm thấy thiếu cái

gì đó. Nếu tiếp tục, bạn chẳng được lợi gì. Nếu chẳng lợi lộc gì thì khi ngừng, bạn chẳng cảm thấy thiếu sót gì. Vậy tại sao bạn cảm thấy thiếu? Đó chỉ là thói quen – nghiệp chướng, điều kiện hóa.

Bạn đã lập lại rất nhiều lần; bạn đã bị nó thôi miên. Nó buộc bạn phải lập lại; nó là một sự ám ảnh, một sự câu thúc. Một người ăn liên tục; anh ta biết là không tốt; anh ta khổ sở vì nó, bệnh tật vì nó, nhưng mỗi khi ngồi xuống là kèm không nổi. Nó là một loại nô lệ. Nô lệ đó là gì? Bởi vì anh ta làm điều đó quá lâu nên trở thành thôi miên. Anh ta đã say.

Mulla Nasrudin tối khuya mới trở về nhà, khoảng ba giờ sáng. Vợ hắn mở cửa và rất giận dữ. Mulla nói, “Khoan đã! Hãy cho tôi một phút để giải thích, sau đó bà hãy nói. Tôi ngồi với người bạn bệnh nặng.” Vợ anh ta nói, “Khéo bịa chuyện thì thôi! Nhưng anh ấy là ai?” Mulla nghĩ một hồi lâu rồi nói một cách ngạo nghễ, “Nó bệnh nặng đến nỗi không thể nói tên nó được!”

Tâm trí, nếu say, sẽ tìm được đủ lý do, nhưng tất cả đều giả dối, chẳng hạn, “Nó bệnh nặng đến nỗi không thể nói tên nó được.” Bạn sẽ tìm được lý do cho dục, cho thuốc lá, cho sự say mê uy quyền, nhưng không lý do nào đứng vững. Sự thật là bạn không sẵn sàng thừa nhận rằng bạn bị ép buộc, rằng bạn bị ám ảnh, bị thôi miên. Đó là điều Chúa nhận thấy: mọi người đều say sưa và mê sảng.

Bạn không thể nhận ra vì chính bạn đang say ngủ. Trừ khi tỉnh thức, bạn không thể biết những gì đang xảy ra quanh bạn. Toàn thể thế giới đang mộng du. Đó là lý do tại sao có quá nhiều đau khổ, bạo hành, chiến tranh. Điều ấy không cần thiết, nhưng không thể tránh được, và không thể quy trách nhiệm cho những người say sưa và mê sảng. Nếu có người tìm đến với Chúa và hỏi phải làm gì để thay đổi, Ngài có thể nói: bạn không thể làm gì để thay đổi, trừ khi bạn tỉnh thức. Bạn có thể làm được gì? Người đang ngủ say có thể làm gì để thay đổi giấc mơ? Anh ta có thể làm được gì?

Nhiều người đã hỏi Gurdjieff như vậy – mà Gurdjieff là đại diện của Chúa trong kỷ nguyên này – không phải Đức Giáo Hoàng. Gurdjieff là đại diện, bởi vì Ngài tin tưởng và thực hành phương pháp ma sát mà Chúa đã từng làm. Ngài tạo ra đủ loại thánh giá để treo người lên và được chuyển hoá. Gurdjieff cũng thường nói là bạn không thể làm được gì, trừ khi bạn tỉnh thức. Và nếu không tỉnh thức, bạn không hiện diện, bạn chỉ nghĩ rằng bạn tỉnh thức. Tin tưởng chẳng giá trị gì.

Hãy suy tư về những lời này. Chúng rất là thâm thúy, rất sâu sắc, đầy ý nghĩa, và nó có thể làm ánh sáng dẫn đường cho bạn. Hãy nhớ cho kỹ.

Chúa Giê-Su nói: Ta đến giữa thế gian, và mặc lấy xác thịt mà đến với con người. Ta thấy tất cả đều say, và không một ai khát.

Chúa không bao giờ từ bỏ thế gian. Ngài ở giữa chúng ta. Ngài không thoát ly; Ngài rao giảng ngay giữa đô thị; Ngài ở với đám đông. Ngài dạy

cho kỹ nữ, người lao công, nông dân, chài lưới. Ngài không tránh nhân gian; Ngài ở lại với chúng ta. Ngài biết thế gian hơn những người thoát tục.

Chẳng trách gì thông điệp của Chúa vô cùng mạnh mẽ. Thông điệp của Mahavira không có sức mạnh ấy, nhưng Chúa hoán cải gần một nửa nhân loại. Sao vậy? – bởi vì Ngài ở lại với thế gian; Ngài hiểu thế gian... lẽ lối của nó, dân tình, tâm trí. Ngài đi theo chúng, Ngài hiểu rõ cách làm việc của họ – mê sảng, say sưa – và Ngài tìm được cách thức và phương tiện để đánh thức họ.

Đêm cuối cùng khi Chúa bị bắt – hay dàn cảnh để bị bắt – khi vở kịch cuối cùng được dựng lên, có những môn đệ của Ngài đi theo. Chúa nói, “Đêm nay là đêm cuối nên ta sẽ cầu nguyện. Ta sẽ đi cầu nguyện. Các con hãy cố tỉnh thức. Đừng ngủ quên. Ta sẽ trở lại. Đêm nay là đêm cuối của ta. Hãy nhớ nhé!”

Ngài bỏ đi. Sau nửa giờ Ngài trở lại. Các môn đệ đã ngủ say. Ngài đánh thức họ dậy và nói, “Các người ngủ như chết. Mà ta đã bảo các người phải canh thức vì đêm nay là đêm cuối của ta. Hãy canh phòng vì ta sẽ không còn ở đây nữa. Sau đó các người có ngủ cũng được. Nhưng ta còn đây... hãy tỉnh thức với ta đêm cuối cùng này!”

Các môn đệ nói, “Xin tha lỗi cho chúng con. Chúng con mệt quá và không cưỡng lại được. Nhưng chúng con sẽ cố gắng.”

Chúa lại bỏ đi cầu nguyện. Nửa giờ sau Ngài trở lại và thấy họ đang ngủ vui. Ngài đánh thức họ và hỏi, “Các người lại ngủ nữa ư? Trời đã hùng sáng và ta sắp bị bắt.” Họ nói, “Xin tha lỗi cho chúng con vì xác thịt thì nặng nề mà tinh thần thì yếu đuối. Chúng con nghĩ chỉ ngủ một chút và khi Thầy trở lại chúng con sẽ tỉnh ngủ.” Chúa trở lại lần thứ ba và lại thấy họ đang say ngủ.

Đó là tình huống của mọi môn đệ. Nhiều lần tôi đến với các bạn, và thấy các bạn say ngủ. Mê ngủ đã trở thành bản năng thứ hai. Nhưng say ngủ có nghĩa gì? Nghĩa là bạn chưa biết rõ về mình. Thế thì bạn không thể chịu trách nhiệm về những hành động của mình. Bạn điên rồ, và bạn hành sự như người say.

Mulla Nasrudin bị bắt về tội hôn ẩu một người lạ. Khi ra khỏi tòa hán nói với bạn, “Thật là nhục nhã. Ông tòa phạt tôi năm chục đồng về tội đó. Nhưng sau khi nhìn kỹ bà ấy, ông ta phạt tôi thêm năm chục đồng nữa vì tội say!” – Bởi vì bà ta xấu quá, mà chỉ người say mới dám hôn.

Bạn đã và đang hôn những cái xấu xa nhất, chỉ vì bạn đang say và mê sảng. Bạn có bao giờ suy tư về những cái đang ám ảnh bạn chưa? Xấu xa nhường nào! Bạn thấy gì xấu xa hơn quyền lực không? Bạn đã gặp người nào xấu xa hơn Hitler, Napoleon, Alexander chưa? Họ là những người thành công và quyền thế nhất đời. Nhưng bạn thấy ai xấu xa hơn họ không?

Không gì xấu xa hơn quyền lực, nhưng ai cũng muốn thống trị người khác. Bạn thấy gì xấu xa hơn tiền của không? Nó xấu xa, không đẹp đẽ vì nhờ bóc lột mà có; nó xây trên xương máu, sự chết, và nhiều người bị tước đoạt hết điều kiện sống... chỉ để trưng mục của bạn tăng lên mãi. Không có gì xấu xa hơn nữa, nhưng người nào cũng nhắm mắt mà làm giàu.

Trong ngày phán xét cuối cùng bạn sẽ bị phạt năm chục đồng. Và khi Thượng Đế xét những gì bạn đã hôn, bạn sẽ bị phạt năm mươi đồng nữa vì bạn đang say.

Chúa Giê-Su nói:

Ta đến giữa thế gian, và mặc lấy xác thịt mà đến với con người.

Ngài không xuất hiện trong tinh thần. Thánh nhân đời trước không ngớt đến với bạn trong tinh thần. Đức Phật vẫn đến với bạn, nhưng trong tinh thần. Mà nếu không nhận ra người trong xác phàm, sao bạn có thể nhận ra Ngài? Ngay trong thế kỷ hai mươi này bà H. P. Blavatsky (2) đã khám phá – hay tái phát hiện - sự hiện diện của các thánh nhân liên tục xuất hiện trong tinh thần để giúp đỡ con người trên đường đạo, mà chẳng ai tin (3). Bà bị cho là điên, và người người đều hỏi, “Chúng có đâu?” Một trong những đóng góp quan trọng của Thông Thiên Học là sự tái phát hiện những thánh nhân; bất kỳ người nào đã giác ngộ đều ở lại với thế giới, bởi vì chẳng có chỗ nào khác để đi cả. Chỉ có một hiện sinh này thôi. Nên người ấy ở lại trong tinh thần để giúp đỡ tha nhân, và đó là bản chất của người ấy – đó là hạnh nguyện của người ấy.

Tựa như ánh sáng. Nó liên tục soi sáng mọi vật chung quanh. Thậm chí trên đường vắng không có người qua lại, nó vẫn chiếu sáng, vì đó là tính của nó. Nếu có người đến gần, nó sẽ chiếu sáng và dẫn đường. Không hẳn là nó phải làm gì - chỉ vì đó là tánh tự nhiên của nó. Khi một người trở thành chứng ngộ, người ấy thành ánh sáng dẫn đường. Nhưng nếu không nhận ra người dẫn đường trong thể phách, bạn sẽ không nhận ra người ấy trong tinh thần.

Chúa nói: *Ta đến giữa thế gian, và mặc lấy xác thịt mà đến với con người ...* nghĩa là họ có thể nghe được ta, thấy được ta, cảm thấy được ta, nhưng họ vẫn không nhận ra. Họ không nhận ra bởi vì... *Ta thấy tất cả đều say.* Họ có xác nhưng không có hồn, không ý thức gì cả. Ta đến gõ cửa, nhưng nhà họ vắng người.

Nếu Chúa đến gõ cửa nhà bạn, bạn có ở đó để đón Ngài không? Bạn đi mất tiêu; bạn vắng nhà. Bạn lang thang khắp nơi, trừ nhà của bạn. Nhà bạn ở đâu? Bên trong, tại trung tâm tâm thức của bạn, là nhà bạn. Bạn chưa bao giờ đến đó, bởi vì bạn chỉ đến đó khi đi sâu trong tĩnh tâm. Và trong tĩnh tâm, bạn sẽ nhận ra Chúa ngay lập tức – dù trong thể phách, hoặc là tinh anh cũng chẳng khác nhau. Nếu có ở nhà, bạn sẽ nhận ra tiếng gõ cửa. Nhưng nếu bạn vắng mặt, Ngài có thể làm được gì? Chúa sẽ gõ cửa mà bạn không có mặt. Đó là ý nghĩa của từ “say sưa” của Ngài: vắng nhà.

Thật ra, mỗi khi muốn tìm quên, bạn tìm đến rượu chè, hút sách; mỗi khi muốn tìm quên, bạn uống rượu. Say sưa nghĩa là quên lãng, mà toàn bộ nỗ lực của tôn giáo là tỉnh thức; cho nên không tôn giáo nào không cấm uống rượu. Rượu tự nó không phải xấu – nếu bạn không phải là người tầm đạo thì không sao. Nếu bạn là hành giả thì không gì xấu xa hơn rượu, bởi vì đạo giúp bạn tỉnh thức, mà rượu làm bạn quên. Nhưng sao bạn muốn tìm quên chính mình? Sao bạn chán chường với mình đến thế? Sao bạn không thể sống được với chính mình? Sao bạn không thể tỉnh táo và thanh thản được? Vấn đề gì vậy? Vấn đề là mỗi khi tỉnh táo, đơn độc, bạn cảm thấy trống rỗng; bạn cảm thấy như thể bạn là số không. Bạn cảm thấy trống rỗng bên trong, và sự trống rỗng ấy trở thành vực sâu. Bạn sợ hãi mà chạy thục mạng.

Sâu bên trong bạn là một hố thẳm nên bạn cứ chạy miết. Đức Phật gọi hố thẳm ấy là vô ngã - không có ai bên trong. Khi bạn nhìn vào, nó là khoảng trống mênh mông, nhưng không có ai ở đó - chỉ là bầu trời nội tâm, một vực sâu không đáy, không đầu, không đuôi. Giây phút mà bạn nhìn vào, bạn sẽ thấy chóng mặt; lập tức bạn đào tẩu. Nhưng chạy đi đâu được? Bất kỳ nơi nào bạn đi, hố thẳm ấy theo bạn, bởi vì nó là bạn. Nó là bản tính của bạn, là tính trời của bạn, là Phật tính của bạn. Bạn phải chấp nhận nó.

Tỉnh tâm chẳng qua là chấp nhận cái hố thẳm nội tâm của bạn: nhận ra nó, không phải chạy trốn; sống với nó, chẳng chạy trốn; hòa tan vào nó, đối mặt với nó. Thế thì bỗng dung cái trống rỗng ấy trở thành tràn đầy sự sống. Khi không bỏ chạy, nó là cái đẹp nhất, thuần khiết nhất, bởi vì chỉ có cái trống không mới tinh khiết. Nếu có gì ở đó, tức là bụi bặm đã bám vào; nếu có gì ở đó, sự chết đã len vào; nếu có gì ở đó, nó đã bị giới hạn. Nếu có gì ở đó, Thượng Đế không thể hiện diện. Thượng Đế nghĩa là cái hố sâu vĩ đại, cái hố thẳm tối thượng. Nó ở đó, nhưng bạn không được huấn luyện để nhìn vào.

Chẳng khác gì từ trên cao nhìn xuống, bạn sẽ thấy choáng váng. Bạn sẽ không dám nhìn xuống, vì nỗi sợ sẽ ôm chầm lấy bạn – bạn sợ bị té. Nhưng không có gì quá cao và quá sâu như hố thẳm bên trong bạn. Và khi nhìn vào trong, bạn sẽ thấy say sưa, buồn nôn – bạn bỏ trốn lập tức, vất chân lên cổ mà chạy. Bạn đã từng bỏ chạy hàng triệu kiếp, nhưng bạn chẳng tới đâu cả, bởi vì chẳng có chỗ nào để tới cả.

Bạn phải làm quen với hố thẳm bên trong. Và một khi bạn chấp nhận nó, bỗng nhiên hố thẳm ấy thay đổi bản chất – nó trở thành cái toàn thể. Thế thì nó không phải trống không; nó không phải tiêu cực, mà là cái tích cực nhất trong cái tồn tại. Và chấp nhận là chìa khóa.

Đó là lý do tại sao có sự hấp dẫn ở rượu, cần sa, ma túy. Và có đủ loại ma túy: vật chất, hóa chất, tinh thần; tiền của, quyền lực, chính trị - mọi thứ đều là ma túy.

Hãy nhìn một chính trị gia: y say mê quyền hành; y đi trên mây. Hãy nhìn một phú ông: bạn có nghĩ là ông ta đi trên đất không? Không, chân ông

ta không bao giờ chạm đất, ông ta giàu có quá mà. Chỉ người nghèo mới đi trên đất, chỉ có người ăn xin; người giàu có bay bổng trên trời. Khi yêu một cô gái, bỗng nhiên bạn bay bổng, bạn không còn đi trên đất nữa – mơ mộng đã xen vào, lãng mạn đã lên men. Bạn đã đổi khác, bởi vì bạn đã say mê rồi. Dục là ma túy cực mạnh mà thiên nhiên đã ban cho bạn.

Chúa Giê-Su nói:

Ta thấy tất cả đều say, và không một ai khát

Điều này cần phải được hiểu rõ vì rất tinh tế. Nếu bạn say với thế gian này, bạn không còn biết đến thế giới nào khác nữa. Nếu thích rượu của trần gian, bạn sẽ không thích rượu linh thiêng nữa – không thể xảy ra được. Khi một người không say mê thế gian này, sự khao khát nảy sinh. Và sự khao khát ấy không thể được thỏa mãn bởi bất cứ gì của thế gian này. Chỉ có cái tối thượng mới thỏa mãn được, chỉ cái vô hình mới thỏa mãn được mà thôi.

Cho nên Chúa nói một cách rất mâu thuẫn: *Ta thấy tất cả đều say, và không một ai khát*. Không có ai khát vì họ nghĩ là họ đã tìm được chìa khóa, kho báu, vương quốc. Vậy thì tìm kiếm để làm gì chứ?

Thượng Đế là một loại say khác. Kabir nói (4), “Tôi đã say đến nỗi không có gì có thể lay tỉnh được nữa, say một cách vĩnh viễn.” Omar Khayyam (5) cũng nói về rượu của thế giới bên kia. Thế mà Fitzgerald hiểu sai hoàn toàn, bởi vì Omar không nói về rượu của trần gian này; ông ấy nói về rượu siêu việt, mà đó là biểu tượng của Thượng Đế trong Bạch Y Giáo. Một khi say vì Thượng Đế, bạn không thể khát được nữa.

Nhưng rượu của thế gian này chỉ làm bạn khây khỏa trong chốc lát, chỉ giúp bạn lãng quên tạm thời. Hai cái ấy khác nhau nhiều lắm. Người say với Thượng Đế thì tỉnh thức hoàn toàn, ý thức và cảnh giác tuyệt đối. Còn rượu của trần gian làm cho bạn bị thôi miên, ngái ngủ, lơ đãng, mê man – cuộc đời của bạn là một cơn mơ dài.

Ta thấy tất cả đều say, và không một ai khát.

Và linh hồn ta buồn rầu cho con người vì con tìm họ mù quáng, và họ không biết rằng trắng tay họ đã đến với thế gian này, và trắng tay họ lại sẽ từ biệt thế gian

Và linh hồn ta buồn rầu... Bạn không thể hiểu được những nỗi khổ của Chúa, của Phật, khi các Ngài nhìn vào bạn: say mê với thế gian này, không màng gì đến điều linh thiêng, đến chân lý; bạn sống trong giả dối, lấy giả làm chân; bạn bỏ lỡ mọi dịp may; bạn đổi tất cả để lấy phù hoa. Đến đời ngay cả những cái nhỏ nhất nhất cũng trở thành rào chắn.

Có một người bị bệnh nặng; ông ta luôn luôn cảm thấy đôi mắt muốn nổ tung, tai thì ù ù không ngớt. Liên tục hai mươi bốn giờ mỗi ngày làm ông ta điên lên được. Ngủ cũng không yên, làm cũng không xong.

Ông ta hỏi bác sĩ. Bác sĩ nói, “Phải cắt ruột dư!” Ruột cắt rồi mà bệnh vẫn bệnh. Bác sĩ khác thì nói, “Phải nhổ răng!” Răng không còn mà bệnh không hết. Bác sĩ khác lại nói, “Phải cắt amidan!” Cũng chẳng hết. Có biết đâu là vì già mới sanh tật như thế. Có đủ loại cổ vắn. Nếu cứ nghe họ thì chết xong. Cuối cùng ông ta tìm đến một bác sĩ nổi tiếng nhất. Bác sĩ chẩn bệnh rồi nói, “Tôi không biết phải làm gì vì không biết ông bị bệnh gì. Ông chỉ sống được sáu tháng là nhiều nhất. Mà nói thực với ông. Những gì cần phải làm thì đã được làm rồi.”

Ông ta ra về và nghĩ bụng, “Chỉ còn sáu tháng là chết. Vậy sao không ăn chơi cho đã đi?” Là một người keo kiệt vậy mà ông ta dám tậu một ô tô bóng loáng, một căn nhà ngay bờ biển, ba chục bộ comple; sơ mi thì gọi thợ đến đo.

Thợ may đo rồi nói, “Tay dài ba mươi sáu, cổ mười sáu.”

Lão già nói, “Mười lăm thôi. Lúc nào tôi cũng xài mười lăm.”

Thợ may đo lại rồi nói, “Mười sáu!”

Lão già nói, “Nhưng tôi luôn luôn xài mười lăm mà!”

Thợ may nói, “Ông muốn thế cũng được, nhưng nói thật với ông. Ông sẽ thấy mắt muốn nổ ra và ù tai!” Bệnh ông ta chỉ có thể thôi.

Bạn không mất sự linh thiêng vì những nguyên nhân vĩ đại. Không! Chỉ vì cổ áo ngắn quá làm mắt không thấy nên muốn lò ra, và tai không nghe được nên ù ù. Bệnh của con người rất là đơn giản, bởi vì hấn say mê những cái vớ vẩn, nhảm nhí, tầm phào.

Mọi thứ ở đời này đều là nhỏ nhặt. Thậm chí nếu bạn là vua thì có gì vĩ đại đâu? Cũng tầm thường. Những vương quốc trong lịch sử đã biến đi đâu rồi? Babylon nay còn đâu? Đâu là Ba Tư? Đâu là văn minh Ai-Cập? Tất cả đã đi vào cát bụi. Những kinh thành tráng lệ ấy có **lợi** lộc gì chẳng? Nào là Thành Cát Tư Hãn. Nào Alexander. Họ đã để lại cho ta những gì?

Thế mà bạn không biết những gì bạn thiếu – bạn đã đánh mất thiên đường. Thậm chí nếu thành công đi nữa, bạn có được gì? Sẽ đưa bạn đi về đâu? Hãy nhìn vào những người đã thành danh. Họ có vui sướng không? Hãy nhìn vào những người trên tột đỉnh danh vọng. Họ có hạnh phúc không? Họ cũng đi tìm sự an lạc – còn hơn cả bạn nữa. Họ cũng sợ chết, cũng run rẩy như bạn vậy.

Nếu nhìn kỹ những người thành công, bạn sẽ thấy những thần tượng ấy chân cũng lấm bùn. Thần chết sẽ đến rước họ đi và mang theo tất cả. Kết cục cũng chỉ là cơn ác mộng. Vậy mà phải qua biết bao là thử thách, bao nhiêu hy sinh, bất hạnh – mà cũng chẳng được gì. Cuối cùng cái chết làm tất cả tan như bọt xà bông. Mà chỉ vì đám bọt này mà cái bất diệt phải bị hy sinh.

Và linh hồn ta buồn rầu cho con người vì con tim họ mù quáng, và họ không biết rằng trắng tay họ đã đến với thế gian này, và trắng tay họ lại sẽ rời biệt thế gian

Bạn đã đến với hai tay trắng, nhưng không hoàn toàn trắng tay, mà đầy những ước vọng. Trắng tay bạn ra đi, nhưng không hoàn toàn trắng tay: lại thêm ước vọng mới. Ước vọng là những cơn mê – bạn vẫn trống không – đằng sau chúng chẳng có thực chất nào cả. Bạn đến như tờ giấy trắng, rồi bạn sống và tích lũy đủ thứ, với hy vọng là chúng sẽ làm bạn thỏa mãn. Không lại hoàn không. Thần chết lấy đi tất cả; bạn trở vào phần mộ một cách trắng tay.

Thế thì mục đích của đời sống là gì? Có ý nghĩa gì và có kết luận gì không? Bạn có đạt được gì không? Đây là nỗi khổ của Chúa, của Phật khi nhìn đến con người. Tất cả đều mù quáng – mà tại sao mù quáng? Do đâu mà có? Chẳng phải là họ không tinh khôn – họ quá tinh khôn, quá khôn thì đúng hơn, nhưng khôn quá lại mang hại. Họ nghĩ là họ tinh khôn, xảo quyệt. Họ nghĩ là họ thông thái. Không phải là họ không thấy – họ thấy rõ lắm, nhưng chỉ thấy những cái thuộc trần gian này thôi. Con tim họ mù quáng; họ không thấy đường.

Bạn có thể thấy bằng con tim không? Bạn đã thấy gì bằng trí thông minh chưa? Nhiều lần bạn tự nghĩ, “Mặt trời đang lên, hôm nay đẹp quá,” mà bạn nghĩ là tiếng nói của con tim. Không.. đó là tâm trí của bạn đang lèm bèm. “Mặt trời đang lên; hôm nay đẹp quá.” Bạn có thực sự thấy rằng sáng nay trời đẹp quá không – buổi sáng này, cái hiện tượng đang xảy ra ở đây? Hay bạn chỉ lặp lại sáo ngữ ấy?

Bạn thấy một cánh hoa? Nó có làm bạn rung động không? Bạn có xúc động không? Hay bạn chỉ thốt ra được câu, “Đẹp quá! Tốt quá!” Những sáo ngữ ấy không đủ sinh khí, bởi vì chúng không đến từ con tim. Con tim không có lời mà chỉ có cảm giác. Lời từ óc não mà có; cảm giác thuộc về trái tim. Nhưng con tim mù loà. Sao vậy? Bởi vì con tim có cái nguy hiểm của nó.

Vì vậy không ai được phép sống theo con tim. Cha mẹ đã uốn nắn cho bạn; họ không muốn bạn sống bằng con tim; họ sợ là bạn sẽ thất bại trên trường đời. Nhưng nếu quá thành công ở đời, bạn sẽ không màng gì đến thế giới bên kia. Đầu óc giúp cho bạn thành công. Nó rất xảo quyệt, tính toán, và thủ đoạn – nó giúp bạn thành công. Cho nên học đường chỉ lo về trí dục. Người nào học nhiều thì đỗ đạt cao. Họ sẽ thành công, và họ nắm được chìa khóa của thế gian này.

Nhưng người lắm tình cảm sẽ thất bại vì không biết bóc lột người khác. Người ấy không thể là người keo kiệt, tích trữ. Người ấy sẽ chia sẻ với người khác, và có gì thì cho cái ấy. Và người ấy không thể lừa dối bạn vì quá chân thành. Người ấy thật thà, lương thiện và chân thực. Nhưng người ấy chỉ là một kẻ xa lạ giữa đám người xảo quyệt. Cho nên cha mẹ nào cũng

muốn con tim của con mình mù loà, khép kín. Nó không thể cầu nguyện, không thể yêu được nữa.

Họ có thể cầu nguyện – họ đến chùa, đến nhà thờ. Họ cầu nguyện, nhưng tất cả đều giả dối, bởi vì lời nguyện ấy đến từ đầu óc, vì họ đã thuộc lòng; nó không xuất phát từ con tim. Tim họ đã chai đá, không còn cảm giác gì nữa. Họ “yêu nhau”; họ kết hôn, rồi con cái – chúng không đến từ tình yêu. Tất cả đều có tính toán, so đo. Bạn sợ tình yêu vì ai mà biết tình yêu sẽ dẫn bạn về đâu. Không ai biết được lý lẽ của con tim; nó rất huyền bí. Bạn biết rõ đầu óc muốn gì; nó sẽ đưa bạn ra đại lộ. Con tim thì sẽ dẫn bạn vào rừng. Bạn sẽ phải mò từng bước.

Đường của con tim thì đơn độc, chiếc bóng. Cái đầu sẽ dẫn bạn vào với đám đông. Nó đã được xã hội huấn luyện; nó là một phần của xã hội. Con tim biến bạn thành đơn độc, đứng bên lề. Cho nên xã hội phải giết chết con tim. Mà Chúa nói:

... vì con tim họ mù quáng, và họ không biết rằng trắng tay họ đã đến với thế gian này, và trắng tay họ lại sẽ từ biệt thế gian

Chỉ qua con tim bạn mới biết bạn trống rỗng như thế nào! Bạn đạt được gì? Bạn đã trưởng thành, đã phát triển đến đâu? Bạn đã thấy ngát ngậy, đã thấy phúc lạc như thế nào chưa? Bạn đã bước qua những con đường đổ nát. Và tương lai bạn cũng sẽ lập lại như thế. Bạn biết làm gì khác chăng? Đó là sự buồn rầu của Chúa, của Phật. Họ thấy thương cho bạn.

Nhưng giờ này họ còn đang say. Và khi hết men say, họ sẽ hối hận

Đừng nghĩ “họ” là người khác. Họ chính là bạn đấy. Khi hết cơn say, bạn sẽ hối hận. Từ “hối hận” này rất có ý nghĩa. Toàn bộ Ki Tô giáo xây trên khái niệm này. Các tôn giáo khác không cho ý niệm này là quan trọng. Nếu phát xuất từ con tim, hối hận thật là tuyệt vời; bạn sẽ thấy Chúa nói rất đúng, “Ta đã lãng phí cả đời ta.”

Sự lãng phí này là tội lỗi – không phải vì Adam phạm tội – sự lãng phí đời sống của bạn, khả năng, tiềm lực, cơ hội để vươn lên của bạn, và trở lên trọn lành giống như Thiên Chúa; lãng phí thời gian này vì những cái vô ích, vì những rác rưởi. Và khi nhận ra, bạn sẽ hối hận. Nếu sự hối hận phát xuất từ con tim, bạn sẽ qua một cuộc thánh tẩy. Không có gì lau sạch bằng sự hối hận. Và đó là một trong những cái đẹp nhất của Ki Tô giáo.

Ấn Độ Giáo không nói về hối hận, không bao giờ bàn về ý niệm đó. Đây là cái độc đáo của Ki Tô Giáo. Nếu bạn thực lòng hối hận, nếu nó đến từ trái tim, nếu bạn than khóc, nếu cả bản thân của bạn cảm thấy ân hận là bạn đã lãng phí cơ hội mà Thượng Đế đã cho bạn, rằng bạn đã vô ơn, đã không biết cư xử, và đã ngược đãi chính bản thân mình – tự bạn sẽ cảm thấy tội lỗi. Đây mới là tội lỗi! – chẳng phải giết người, hay trộm cướp mới là tội lỗi. Đó là những tội nhẹ, vốn là kết quả của tội nguyên tổ: nghĩa là bạn đã say. Khi nhận ra điều đó con tim bạn sẽ thống hối. Bạn chẳng cần phải cầu cùng

Thượng Đế, “Con đã biết lỗi, xin tha cho con.” Không cần phải làm thế. Từng tế bào của bạn toát ra sự thống hối. Bỗng dưng mọi tội lỗi được rửa sạch. Đây là một trong những chìa khóa bí mật nhất mà Chúa đã công hiến cho nhân loại.

Kỳ Na giáo nói bạn phải đền bù những tội lỗi của bạn, và phải qua một quá trình lâu dài: bất cứ lầm lỗi gì trong quá khứ bạn phải chuộc lại hết. Rõ ràng như toán học vậy. Những gì sai lầm trong quá khứ bạn phải quân bình lại. Ấn giáo nói bạn đã tạo ra biết bao là nghiệp chướng trong quá khứ, trong bao nhiêu kiếp, bạn không thể chạy tội một cách dễ dàng như thế được. Bạn phải làm thật nhiều công đức thì mới mong xoá hết được.

Nhưng Chúa cho chúng ta một chìa khóa. Ngài nói, “Chỉ cần ăn năn thì tất cả đều được rửa sạch.” Khó mà tin được, bởi vì có vẻ dễ dàng quá. Và đó là sự khác biệt giữa Ấn Giáo, Phật Giáo, Kỳ Na Giáo và Ki Tô Giáo. Ấn Giáo, Phật Giáo và Kỳ Na Giáo không bao giờ tin rằng cứ ăn năn là xong, bởi vì họ không biết ăn năn là gì (6). Chúa Giê-Su đã khám phá ra. Nó là một trong những chìa khóa cổ đại nhất.

Cho nên phải hiểu hối hận là gì. Nói bằng lời chưa đủ, mà nói nửa vời cũng không xong. Khi cả bản thể của bạn nói lên sự thống hối, khi từng tế bào, từng sợi lông rung lên vì hối lỗi, vì bạn đã say và nay bạn đã ăn năn – thì bỗng nhiên có sự chuyển hoá.

Quá khứ biến mất, và sự phóng chiếu về tương lai từ quá khứ cũng biến mất theo; bạn bị đẩy ngược về ngay tại đây và ngay lúc này, bạn bị đẩy vào tận trung tâm của bản thể của bạn. Và lần đầu tiên bạn cảm thấy cái chiều vô tận của nội tâm. Bạn đã được tha thứ. Cho nên Chúa nói bạn sẽ được tha nếu bạn ăn năn.

Chúa Giê-Su đã được Thánh Gioan Tẩy Giả (7) rửa tội trên sông Jordan. Ngài đã dạy rằng, “Hãy ăn năn vì Nước Trời đã gần đến.” Ngài đến từ rừng núi và mang theo thông điệp đó. Đó là lý do tại sao Ki Tô Giáo không cần đến thuyết luân hồi. Chẳng phải vì Chúa không biết luân hồi. Ngài biết rất rõ việc đó. Nhưng Ngài bỏ hẳn ý niệm đó để đem lại cho ăn năn một sức mạnh tuyệt đối.

Nếu có nhiều đề kiếp sống thì vội vàng gì mà phải ăn năn? Bạn có thể chờ, có thể trì hoãn. Bạn có thể nghĩ, “Nếu kiếp này không thành, cũng chẳng sao. Kiếp sau ta sẽ cố gắng hơn.” Đó là điều mà người Ấn đang làm. Họ trở thành lười biếng chỉ vì thuyết luân hồi ấy. Không phải là thuyết ấy sai. Vấn đề là họ luôn luôn trì hoãn, chẳng đi đâu mà vội. Mà sao phải vội vã chứ? Đó là lý do tại sao người Ấn không có ý niệm về thời gian. Họ không phát minh ra đồng hồ vì chẳng biết phải để làm gì. Cho nên đồng hồ là một sản phẩm ngoại lai đối với người Ấn. Đồng hồ là một phát minh của Ki Tô Giáo, bởi vì thời giờ quá ngắn, quá nhanh. Mà không phải là cái đồng hồ. Đó là đời sống đang tuột ra khỏi tay bạn. Chết lần này là vĩnh viễn. Bạn không thể trì hoãn được.

Cho nên để tránh sự trì hoãn này Chúa và Thánh Gioan đã dạy phải ăn năn. Bởi vì chẳng còn nhiều thời giờ nữa, đừng trì hoãn nữa, nếu không thì chẳng kịp giờ Chúa gọi về. Điều đó mang lại cho toàn bộ vấn đề một cường độ rất mạnh.

Nếu bỗng dưng mà tôi nói hôm nay là ngày cuối cùng, và ngày mai là tận thế vì bom khinh khí sẽ nổ, và rồi tôi nói: Hãy ăn năn! – thì trọn bản thể của bạn sẽ có điểm hội tụ, tập trung; bạn sẽ quên hẳn không gian và thời gian. Mà nếu bạn nổi điên, bạn la hét – không phải la, hét bằng lời – mà hiện thực hơn nữa. Đó là tiếng thất thanh của con tim. Không phải chỉ mắt bạn khóc, mà con tim bạn đầm lệ; toàn thể con người của bạn chỉ là nước mắt. Thế thì bạn đã bỏ lỡ cơ hội.

Nếu ăn năn như thế thực sự xảy ra – xảy ra với cường độ cực mạnh, bạn trở nên cảnh giác – thì quá khứ sẽ được rửa sạch. Chẳng cần phải đền bù, bởi vì tất cả chỉ là những cơn mê. Chỉ cần tỉnh thức là đủ. Và khi đã tỉnh thức, tất cả mơ và ác mộng đều biến mất. Trong thực tế chúng đã không có thực; chúng chỉ là những ý tưởng của bạn. Cho nên bạn mới lười biếng, mới trì hoãn qua nhiều kiếp. Bạn có thể trì hoãn nhiều hơn nữa. Trì hoãn là mảnh khoé của tâm trí. Nó sẽ nói, “Ngày mai” – luôn luôn như vậy. Ngày mai là chỗ dựa của nó. Ngày mai là chỗ núp của mọi tội lỗi, mà đức hạnh là ngay bây giờ.

Tôi nghe kể rằng...

Trong một trường dòng có một vài học sinh ngoại đạo. Họ cũng được học Kinh Thánh như mọi học sinh khác. Một hôm thầy giám thị hỏi một em nhỏ, “Người đàn ông đầu tiên là ai, và người đàn bà đầu tiên là ai?”

“Adam và Eva”

“Họ có quốc tịch gì?”

“Ấn Độ!”

Thầy giám thị sùng sốt và hỏi, “Sao em nghĩ họ là Ấn Độ?”

“Có gì đâu! Họ chẳng có nhà ở, chẳng có quần áo mặc, chẳng có gì để ăn, ngoại trừ một trái táo - thế mà họ vẫn nghĩ đó là thiên đường. Nhất định họ phải là Ấn Độ!”

Người Ấn sống ra sao cũng được. Họ chẳng lo gì hết và họ nghĩ, “Đời còn dài. Đi đâu mà vội, mà vàng?”

Ki Tô Giáo tạo ra sự sôi bồng với ý niệm rằng chỉ có một kiếp sống. Và phải nhớ rõ là về mặt lý thuyết thì Ấn Độ Giáo đúng, mà Ki Tô Giáo sai. Nhưng lý thuyết không phải là một quan tâm của Chúa. Vấn đề Ngài phải đối phó là nhân tâm và sự chuyển hóa – và nhiều lúc sự thật cũng có hại; nó làm bạn lười biếng.

Một thí dụ khác làm bạn hiểu rõ hơn. Gurdjieff thường nói rằng bạn không có linh hồn. Bạn có thể tạo ra nó, nhưng bạn không có. Mà nếu không

tạo ra được khi còn sống, thì khi chết đi, không có gì tồn tại cả. Ngài nói rằng trong hàng triệu người chỉ có một là có linh hồn, và linh hồn ấy bất diệt. Nhưng không phải ai cũng có. Lúc sinh ra bạn không có linh hồn; bạn phải tu luyện mới có. Phật, Chúa, Mahavira... là những người đã thành chánh quả. Họ trở thành bất tử. Bạn thì không! Gurdjieff nói bạn chẳng khác cây cỏ. Bạn sẽ mục nát, sẽ bị giun dế rĩa thịt; bạn không có một trọng tâm nào cả thì cái gì sẽ tồn tại?

Gurdjieff cũng theo sách của Chúa. Ông ta sai vì bạn có linh hồn, linh hồn bất tử. Nhưng lý thuyết rất nguy hiểm, bởi vì khi nghe nói bạn có linh hồn, rằng bạn bất tử, bạn sẽ say ngủ. Nó trở thành tự thôi miên. Nếu linh hồn bạn bất tử thì còn lo gì chứ? Công phu làm gì? Thiền quán làm quý gì? “Aham brahmasmi – Ta là Thượng Đế.” (8) Bạn sẽ say ngủ vì chẳng có gì để làm nữa.

Lý thuyết là dao hai lưỡi; mặc dù chính xác, nhưng lý thuyết vẫn có thể giết bạn. Gurdjieff sai, nhưng lòng nhân từ của Ngài rất quảng đại. Và trong tình huống của bạn, chỉ có dối trá mới hữu dụng. Đạp gai lấy gai mà lấy.

Chúa biết rất rõ về luân hồi – không có ai biết rõ hơn Ngài. Nhưng Ngài bỏ hẩn ý tưởng đó vì Ngài đã từng sống ở Ấn Độ (9). Ngài quan sát tâm trí người Ấn và thấy mọi người trở nên lười biếng chỉ vì thuyết luân hồi, nên Ngài đã bỏ hẩn. Gurdjieff cũng từng đến Ấn Độ, Tây Tạng, và cũng thấy những nhảm nhí đã diễn ra chỉ vì bạn tin tưởng rằng bạn đã có sẵn những gì bạn cần. Khi đã là thần thánh rồi, cần gì phải làm gì nữa chứ. Thậm chí ăn mày cũng nghĩ là vua thì bận tâm làm gì?

Gurdjieff cũng dùng phương pháp tương tự như Chúa; lời dạy của hai người rất giống nhau: Ngài nói không phải ai cũng có linh hồn; bạn phải tạo ra nó; có thể bạn thành công, có thể thất bại – nhưng bạn phải vất vả. Nếu bạn tu luyện đúng mức, một trọng tâm sẽ được khai sinh, và trọng tâm đó sẽ tồn tại; mà nếu không thì bạn chẳng khác gì cây cỏ. Và để nhấn mạnh rằng bạn là cây cỏ, Ngài đã tạo ra một huyền thoại mới. Ngài nói, “bạn là đồ ăn của mặt trăng.” Ngài nói đùa nhưng rất có duyên, đầy ý nghĩa. Ngài nói mọi thứ trên trần gian đều là thực phẩm cho một thứ khác. Cá lớn nuốt cá bé nên con người chẳng phải ngoại lệ. Con người là thực phẩm cho cái gì đó. Gurdjieff nói, “Người là thực phẩm cho mặt trăng, và mỗi khi mặt trăng đói bụng thì có chiến tranh, bởi vì nó cần nhiều người.” Ngài chỉ đùa thôi. Vậy mà đệ tử của Ngài không nhận ra; họ nghĩ chuyện khôi hài ấy là sự thật; họ khoe khoang rằng đó là một trong những chân lý vĩ đại nhất mà Ngài đã khám phá ra – nếu có mặt nơi đây chắc Ngài đã cười bể bụng.

Ngài rất khôi hài, nhưng sự đùa cợt của Ngài rất ý nghĩa. Ngài muốn nói trong hiện trạng của bạn, bạn chẳng khác gì cây cỏ. Bạn chỉ được sinh ra để làm thịt cho mặt trăng. Bạn thấy gì ngu xuẩn hơn mặt trăng không? Khó mà tìm được! Khi các phi hành gia đặt chân lên đó, họ ngỡ rằng những mộng mơ, những thi ca của thế giới sẽ được hoàn thành, bởi vì con người luôn luôn bị ám ảnh bởi mặt trăng. Nhưng thấy tận mắt thì hồi ôi! Nó chẳng là gì

cả - bạn là thực phẩm cho hư không. Mặt trăng chỉ là một hành tinh chết. Mà bạn là thực phẩm cho hành tinh chết, bởi vì bạn đã chết rồi!

Nên nhớ rằng Ki Tô Giáo, đặc biệt Chúa Giê-Su, biết rất rõ về luân hồi, về tái sinh, về đầu thai. Đời sống là một sự liên tục lâu dài; một lần chết không phải vĩnh viễn. Nhưng một khi cho bạn biết, bạn sẽ lười. Mà toàn bộ phương pháp của Chúa dựa vào ma sát: bạn không được phép nghỉ ngơi, bạn phải chiến đấu, phải va chạm, để từ đó bạn mới được kết tinh.

Nhưng giờ này họ còn đang say, và khi hết men say họ sẽ hối hận.

Chúa Giê-Su nói:

Nếu xác thịt có vì linh hồn, đó là kỳ diệu; nhưng nếu linh hồn có vì thể xác, đó là một kỳ diệu trong những kỳ diệu.

Tôi nghĩ Các Mác không hiểu được điều này! Tôi tự hỏi ông ta sẽ nghĩ gì nếu đọc được những lời này của Chúa. Ngài nói: *Xác thịt có vì linh hồn....* Mọi tôn giáo đều nói thế. Nghĩ là máu thịt từ thánh linh mà ra, vật chất nhờ tâm trí mà có; nhưng tâm thức là cái nguồn, còn thể giới chỉ là một sản phẩm phụ. Cho nên Chúa nói: *Đó là một kỳ diệu....* đó là một bí ẩn.

Nhưng nếu linh hồn có nhờ thể xác.... Đó là điều mà những người vô thần, duy vật nói, Karl Marx, Charvak (10), và những người khác... Mác nói rằng ý thức là một phó sản của vật chất. Những người vô thần khác cũng nói thế, rằng vũ trụ không phải từ tâm mà có; ngược lại linh hồn là một phó sản của vật chất, nhờ vật chất mà có. Chúa thì nói, "... *Nếu linh hồn có vì thể xác, thì đó là một kỳ diệu trong những kỳ diệu.*" Một kỳ diệu mà ai cũng thấy: rằng Thượng Đế dựng lên trời đất. Nhưng có một kỳ diệu trong những kỳ diệu – nghĩa là vũ trụ tạo nên Thượng Đế. Tin tưởng điều đầu tiên đã khó. Tin điều thứ hai chắc là quá đáng rồi.

Cái tháp hèn sinh ra từ cái cao cả thì chấp nhận được, chẳng hạn bức tranh do người vẽ mà có. Ta có thể nói nó từ họa sĩ mà ra; đó là một kỳ diệu, một bức họa đẹp. Nhưng nếu người nào đó nói họa sĩ từ bức họa mà ra, thì đó là một kỳ diệu trong những kỳ diệu. Làm thế nào thánh linh từ vật chất mà ra nếu nó đã không có sẵn ở đó rồi? Nếu không có sẵn trong hột thì sao hoa có thể nở được? Cho nên Chúa nói cả hai đều là những kỳ diệu. Nhưng cái thứ ba mới thật là tuyệt diệu nhất:

Ta kinh ngạc là tại sao sự kỳ diệu ấy lại xuất hiện giữa những ô uế này.

Bạn là tên ăn mày nghèo đói, vì bạn luôn luôn tham lam, xin xỏ đủ điều. Tham lam nghĩa là đòi hỏi, và tâm trí của tên ăn mày chỉ biết đòi hỏi. Thậm chí nếu là một ông hoàng, bạn cũng chỉ là một tên ăn mày vĩ đại mà thôi, bởi vì bạn không ngớt xin xỏ.

Có lần Farid, một nhà huyền môn Hồi giáo, sống trong một làng nhỏ gần Dehli. Đại đế Akbar (11) là một đệ tử của Ngài. Farid là một người khổ hạnh mà Akbar thường tìm gặp. Khi dân làng biết Akbar là đệ tử của Farid,

họ tìm gặp Ngài và nói, “Nhờ Ngài xin Akbar cho chúng tôi một trường học, hay một nhà thương. Chỉ cần Ngài nói một tiếng là xong.”

Dân làng phần lớn nghèo, ít học; làng không có trường học mà nhà thương cũng không. Farid nói với họ, “Được, không biết tôi xin có được không, vì tôi chưa xin ai bao giờ. Nhưng nếu các vị muốn như vậy, để tôi thử xem sao.”

Sáng hôm sau Farid đi vào cung vua. Quân canh đều biết Farid rất rõ nên Ngài lập tức được đưa vào. Akbar lúc đó đang cầu nguyện trong cái am nhỏ nên Farid phải đứng chờ. Akbar không biết Farid đứng chờ đằng sau nên cứ tiếp tục cầu nguyện như mọi khi. Cuối cùng ông ta kết thúc bằng câu, “Lạy Chúa nhân từ. Xin cho vương quốc của con ngày một lớn hơn, và xin cho kho lương ngày càng dồi dào hơn nữa.”

Nghe đến đó thì Farid bỏ ra về. Khi Akbar đứng lên thì thấy Farid đang bước xuống cầu thang. Akbar gọi giật lại, “Ông đến đây bao giờ? Mà sao vội vã vậy?”

Farid nói, “Tôi đến tìm một quân vương, nhưng lại gặp một tên ăn mày. Cho nên không cần thiết nữa. Nếu Ngài phải xin Thượng Đế, tôi cũng có thể tự xin lấy được. Sao phải nhờ người trung gian? Và thưa Ngài! Tôi nghĩ Ngài là một quân vương, nhưng tôi đã lầm.”

Akbar kể lại chuyện này trong tự truyện. Ông ấy viết, “Ngay lúc ấy tôi mới vỡ lẽ ra rằng bất kể là ta đã có gì. Có bao nhiêu cũng không đủ.”

Chúa nói đó là một kỳ diệu trong những kỳ diệu: ...*Tại sao sự kỳ diệu ấy – sự linh thiêng, siêu việt - lại xuất hiện giữa những ô uế này.* Bạn là người say, bạn mê ăn mê uống, tham lam, cả đời xin xỏ những cái vớ vẩn, nhỏ nhoi, bị ám ảnh với đủ loại bệnh tật và đau yếu. Thế mà thánh linh lại xây đền thờ của mình trong đó, lại tìm nơi trú ẩn trong đó! Chúa nói đó là một bí ẩn nhất, không thể hiểu được, và gần như vô lý hoàn toàn. Kỳ diệu trong những kỳ diệu. Không gì có thể cao siêu hơn nữa.

Đó là nỗi khổ của Chúa, của Phật khi các Ngài nhìn bạn: toàn là những quân vương nhưng lại đi ăn mày, đi xin những cái vớ vẩn, phí thời giờ, phí cả đời, cả năng lượng và cơ hội.

Hãy ăn năn! Hãy xét lại những việc bạn đang làm. Thật là ngớ ngẩn. Ngay cả bạn cũng không thể tin được là bạn đã hành xử như thế. Thật là nực cười!

Hãy xem những gì bạn đã làm cho đời mình, cho chính mình. Bạn đang đi trên những hoang tàn, và sự đổ nát của bạn ngày càng lớn hơn. Vậy mà ngự trong trái tim khấn cầu của bạn, trong tâm trí van nài của bạn là một quân vương, là một đẳng tối cao (12). Đó mới thật là tuyệt diệu!

Và vì thấy thật rõ nên Chúa mới buồn rầu, sầu não. Ngài không thể nở một nụ cười chỉ vì Ngài xót thương bạn. Cho nên Ngài đã nghĩ ra đủ kiểu,

đủ cách để đánh thức bạn, để giúp bạn nhận ra sự thiêng liêng của bạn, để giúp cho bạn nhận ra bạn là ai.

Hãy suy tư về những lời này, và chỉ cần ghi vào lòng chỉ hai chữ: Ăn Năn. Và nếu bạn nhận ra rằng ăn năn là chìa khóa, nó sẽ lau sạch mọi quá khứ của bạn. Thì bỗng nhiên bạn sẽ trở nên tươi tắn và nguyên xi như chưa bao giờ.

Và khi bạn trở nên trinh trắng thì thánh linh sẽ hiện đến, bởi vì thánh linh chỉ là sự tươi tắn và nguyên xi của bạn.

Chú Thích:

1	Mein Kampf - Cuộc Đòi Chiến Đấu Của Tôi.
2	H. P. Blavatsky, nhà huyền môn gốc Nga, là người sáng lập phong trào Thông Thiên học.
3	Bác sĩ Weiss, khoa trưởng phân khoa tâm thần tại đại học Florida, cũng khám phá ra điều ấy khi thôi miên bệnh nhân. Ông ghi lại những lần gặp gỡ các thánh nhân ấy – qua trung gian bệnh nhân – trong tập sách nổi tiếng Many Lives, Many Masters (Nhiều Kiếp, Nhiều Thầy). Người Công Giáo cũng tin rằng mỗi người đều có một thiên thần bản mệnh theo để hướng dẫn.
4	Kabir là một người đã chứng ngộ của Hồi Giáo.
5	Omar Khayyam là một nhà toán học và huyền học gốc Ba Tư. Tác phẩm Rubiyat của ông đã được Edward Fitzgerald dịch sang Anh ngữ
6	Chân Như và một số các bạn Phật Tử không đồng ý với quan điểm của này của Osho về Phật Giáo. Xét cho kỹ thì Osho cũng không sai. Vấn đề không phải là Chúa biết và Phật không biết. Các Ngài phải tùy theo bệnh mà cho thuốc, tùy theo hoàn cảnh và tâm lý xã hội mà đưa ra các phương pháp thích hợp. Vì Do Thái Giáo đặt trọng tâm ở tội nguyên tổ, do việc Adam và Eva ăn trái cấm, nên mới đặt ra vấn đề ăn năn. Ngược lại, Ấn Độ giáo coi cả vũ trụ này là một vở kịch (leela), mà người nào tự đồng hóa với vai trò nào đó mới vương trong luân hồi, nghiệp báo, cho nên Đức Phật không thể xây giáo lý của Ngài quanh vấn đề tội lỗi và ăn năn như Chúa Giê-Su. Đại Sư Ramana Maharshi dạy, “Thậm chí nếu có phạm tội tày trời ta cũng không nên than thở và khóc lóc, ‘Ôi! Tôi là kẻ có tội. Ai có thể được cứu tôi?’ Ta phải bởi hỷ ý tưởng rằng ‘ta là kẻ có tội’ và tập trung hoàn toàn vào bản tâm của mình. Chỉ có thể mới có thể thành công được, bởi vì không có hai loại tâm trí – cái tốt và cái xấu. Nghi rằng tốt thì nó tốt, và nghĩ tâm mình xấu thì nó xấu.” Xem Who Am I?
7	Gioan Tiền Hô – John The Forerunner – nghĩa là người đi trước để mở đường cho Chúa Giê-Su. Ngài còn được gọi là Gioan Tẩy Giả - nghĩa là người đã làm phép rửa tội cho Chúa Giê-Su.
8	Ấn Độ Giáo có bốn đại tuyên ngôn tương đương với nhau: 1. Prajnanam Brahman – Trí Huệ Bát Nhã là Thiên Chúa 2. Aham Brahmasmi – Ta là Thiên Chúa 3. Tat tvam asi - Bạn là ‘cái đó’ (that art thou) 4. Ayam atman Brahman = Linh hồn là Thiên Chúa Xem N. S. Subrahmanian, Encyclopedia of the Upanishads.
9	Trong mười bảy năm, từ mười ba đến ba mươi tuổi, Thánh Kinh không hề nói Chúa ở đâu, và đã làm gì. Một số tài liệu nói rằng Chúa từng sống ở Ấn Độ, Tây Tạng, và Nhật Bản. Xin đọc Clare

	Prophet, The Lost Years of Jesus Christ; hoặc Holger Kersten, Jesus Lived in India.
10	Chavak là ông tổ của trường phái duy vật của Ấn, sống trước thời Đức Phật.
11	Akbar và Ashoka (A Dục Vương) là hai ông vua nổi tiếng nhất của Ấn Độ. Akbar đã giúp cho Hồi giáo bành trướng; Ashoka giúp phát triển Phật Giáo.
12	Chúa Giê-Su nói, “Nước Trời ở trong lòng các ngươi.” Đấng tối cao ấy Phật gọi là Trí Huệ Bát Nhã Ba La Mật Đa.

4

Đừng Quá Bận tâm

Chúa Giê-Su nói:

Đừng quá bận tâm từ sáng đến tối, rồi lại từ tối đến sáng, về những gì các người sẽ khoác lên mình.

Các môn đệ của Ngài hỏi: Khi nào Thầy tỏ mình ra cho chúng con, và khi nào chúng con có thể thấy được Thầy?

Chúa Giê-Su nói:

Khi các người cởi quần áo ra mà không cảm thấy xấu hổ, và khi cởi quần áo ra như những trẻ nhỏ rồi lấy chân đạp lên – các người sẽ thấy được Con Thiên Chúa Hằng Sống, và các người sẽ không khiếp sợ.

Con người không muốn sống đời mình mà lại mơ tưởng một đời sống khác: không phải với bộ mặt thật mà lại muốn một cái giả dối, sơn phết. Vấn đề chỉ có thể thôi. Khi mới sinh bạn có một khuôn mặt thật – không ai phê bình, không ai thay đổi, nhưng dần dà xã hội tô điểm cho cái mặt của bạn. Nó sẽ che dấu cái mặt thật, cái mặt tự nhiên khi bạn mới sinh ra, và mỗi hoàn cảnh lại có một bộ mặt khác, bởi vì chỉ một cái thì không đủ.

Tình huống thay đổi luôn luôn nên bạn cần nhiều bộ mặt giả dối, nhiều mặt nạ. Từ sáng đến tối, rồi từ tối đến sáng, bạn phải dùng đến cả ngàn cái. Khi ông chủ đến, bạn niềm nở, mà khi thấy tên ăn mày, bạn lạnh lùng. Mỗi thời điểm, mỗi khoảnh khắc là một lần thay đổi.

Bạn phải cảnh giác, vì sự việc đã trở thành máy móc nên bạn không để ý đến; tự nó cứ thay đổi mãi. Khi đầy tớ vô phòng, bạn chẳng thèm để ý, như thể người ấy không hiện hữu, như thể không có ai bước vào. Nhưng khi ông chủ vào, bạn nhảy nhồm, bạn cười vui vẻ, bạn sẵn đón, như thể có thần hoàng ghé thăm.

Hãy quan sát sự thay đổi liên tục của bạn. Hãy nhìn vào gương, và nghĩ đến bao nhiêu bộ mặt bạn sẽ dùng đến. Nhìn vào gương và nghĩ đến bộ mặt của bạn khi gặp vợ, khi gặp tình nhân, khi bạn tham lam, khi bạn giận dữ, khi bị nhục dục lôi cuốn, khi bạn không hài lòng, khi chán chường. Bạn sẽ thấy bạn không phải là một người, mà là một đám đông. Và lắm khi bạn không nhận ra là những bộ mặt ấy là của bạn. Gương rất hữu ích. Bạn có thể dùng gương mà suy tư về chính mình. Nó có thể giúp bạn đánh giá lại cuộc sống của bạn. Bạn sẽ nhận ra rằng không có bộ mặt nào chính thực là bạn cả.

Đó là một trong những phương pháp quan trọng nhất của Thiên Tông, để tìm ra cái mặt thật của bạn. Họ gọi đó là *bổn lai diện mục* - tức là cái mặt trước khi bạn sinh ra, và sau khi bạn lìa trần, bởi vì bạn không thể mang theo tất cả mọi bộ mặt. Chúng là những mảnh lời, những kỹ thuật để lừa dối, để phòng vệ; chúng là những áo giáp của bạn. Bạn phải bỏ những mặt nạ ấy thì mới nhận ra Chúa Giê-Su được, bởi vì khi nhận ra mặt thật của bạn, bạn sẽ thấy được Ngài.

Chúa chỉ là cái mặt thật của bạn. Phật chỉ là cái bản lai diện mục của bạn. Phật không ngoại tại đối với bạn. Chúa không ở ngoài bạn. Khi vứt bỏ mọi giả dối và chỉ còn lại bộ mặt thật, bạn chính là Chúa. Chúa trong vinh quang nhất sẽ hiện hình. Người được lộ ra không phải là con của thánh Giu-Se; bằng dung bạn trở thành Chúa. Vì trừ khi giống như Chúa, bạn không thể nhận ra Ngài. Đó là quy luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Khi cảm thấy được chính bản thể bên trong của bạn, bạn sẽ nhận ra được bản thể bên trong của người khác.

Ánh sáng chỉ nhận ra được ánh sáng; nó chưa hề thấy mặt bóng tối. Mà bằng cách nào bóng tối biết được ánh sáng? Nếu là người giả dối, bạn sẽ không nhận ra được người chân thật. Mà Chúa là người chân thật nhất, chân thật nhất trong số những người chân thật. Ngài không hề nói dối. Ngài là người đáng tin nhất. Mà nếu cả đời bạn chỉ biết dối trá - từ lời nói, đến cử chỉ tất cả đều giả dối - sao bạn có thể nhận ra Ngài được? Không thể có chuyện đó. Trong sự trình bạch và hồn nhiên tuyệt đối bạn sẽ nhận ra cái bên trong của Ngài, và từ đó bạn sẽ nhận ra được cái bên ngoài. Cái bên trong phải được nhận ra trước, bởi vì nhận thức ấy bắt nguồn từ cái cốt lõi sâu thẳm nhất của bạn. Không có cách nào khác cả.

Người Do Thái thường nói rằng bạn bắt đầu đi tìm Thượng Đế chỉ khi Ngài đã tìm ra bạn. Nghe có vẻ mâu thuẫn nhưng tuyệt đối đúng, bởi vì bạn biết Ngài ở đâu mà tìm, nếu không phải là Ngài đã tìm ra bạn? Bạn phải cảm thấy Ngài trong tim trước, nếu không thì sự tìm kiếm chỉ là giả dối. Sự tìm kiếm ấy bắt đầu và kết thúc tại cùng một điểm; bước đầu chính là bước cuối.

Chỉ có một bước nằm giữa bạn và thánh linh. Vì không có hai bước nên không có con đường nào cả. Chỉ có một bước. Đó là vứt bỏ tất cả những giả dối mà bạn đã khoác lên mình, tháo gỡ mọi mặt nạ ra.

Nhưng sao bạn có muôn mặt? Tại sao phải có, và sao lại sợ phải vứt chúng đi? Phải hiểu rõ cách làm việc của chúng, bạn mới hiểu được những lời kinh này.

Trước hết: bạn không hề yêu chính mình, chứ không thì chẳng cần mặt nạ nào cả. Bạn ghét chính mình, và vì ghét chính mình nên bạn phải che mặt đi. Nếu ghét chính mình, sao bạn có thể chường mặt cho người khác? Chính bạn cũng ghét nó, sao người khác mê được? Vậy thì khoe làm gì? Mà tại sao bạn ghét chính mình? Xã hội tồn tại vì bạn ghét chính mình, tự nguyện rửa

chính mình, vì bạn có mặc cảm tội lỗi. Tôn giáo, thầy tu, xã hội và mọi hình thức bóc lột tồn tại chỉ vì bạn ghét chính mình.

Nếu không căm giận chính mình, bạn tìm tới thầy tu làm gì? Căm thù thì bạn cảm thấy tội lỗi; khi căm thù bạn thấy cần phải thay đổi nên bạn cần sự giúp đỡ. Bạn cần người giúp để làm cho bạn đáng yêu, xứng đáng với tình yêu. Cha mẹ bạn thì cứ nói, “Hư quá! Hư quá!” Họ cứ lặp đi lặp lại, “Đừng làm cái này, đừng làm cái kia!”

Tôi nghe kể rằng: Một đứa trẻ muốn chơi với cát trên biển. Mẹ nó nói, “Không được, vì nước sẽ làm ướt quần áo.” Nó muốn xuống nước thì mẹ nói, “Không được! Tron trượt lắm. Con sẽ té đó.” Nó muốn chạy nhảy thì mẹ nói, “Không! Con sẽ bị lạc!” Nó muốn ăn kem thì mẹ nói, “Không! Ăn kem sẽ hư răng và không tốt cho sức khỏe.” Sau đó bà quay sang người ngồi gần và nói, “Chỉ có thấy đứa trẻ nào khủng như nó không?”

Mẹ khủng chứ không phải con. Xây nhà bằng cát có gì là khủng? Bơi lội, chạy nhảy có gì là khủng?” Nhưng đầu óc bệnh hoạn luôn luôn nói “Đừng!” Nó không hề biết nói “Được,” bởi vì đầu óc bệnh hoạn không hề biết đến tự do. Cho nên sao nó cho phép bạn được tự do? Mà hầu hết cha mẹ nào cũng thế. Và khi làm cha mẹ bạn thì bạn cũng vậy. Tự do phải bị tiêu diệt. Đứa trẻ dần dần cảm thấy nó khủng khủng, cảm thấy nó làm gì cũng sai; những gì nó muốn làm thì bị nói “Đừng!”

Một đứa trẻ ngày đầu đi học. Khi trở về nhà mẹ nó hỏi, “Hôm nay con đã học được gì?” Nó trả lời, “Bây giờ con mới biết tên con không phải là ‘Đừng’. Vậy mà con cứ tưởng tên con là ‘Đừng’ – ‘Đừng làm cái đó, đừng đi đến đó, đừng làm như vậy!’” Cho nên con nghĩ tên con là ‘Đừng’. Nay đi học con mới biết đó không phải là tên của con.

Nếu bạn bị tâm bệnh, và cả xã hội này bị tâm bệnh, thì bệnh sẽ truyền từ đời này sang đời khác. Cho đến nay chưa có xã hội nào không bệnh hoạn, không có kỷ nguyên nào không loạn thần kinh. Thịnh vượng mới có một vài cá nhân trốn khỏi nhà tù. Mà những người ấy chỉ đếm được trên đầu ngón tay vì nhà tù quá lớn, lại được xây trên những nền móng quá kiên cố. Truyền thống quá lâu đời, lại có cả một quá khứ lâu dài theo sau, nên khi một đứa trẻ được sinh ra, khó mà không bị ô nhiễm. Bởi vì không có người nào hoàn toàn bình thường cả, nên họ buộc nó phải giống họ. Họ sẽ tiêu diệt tự do của nó, sẽ làm cho nó có mặc cảm tội lỗi, sẽ làm nó mất tự tin. Kết quả là nó sẽ tự nguyện rửa nó – nó bắt đầu thù ghét chính nó. Mà đừng quên là nếu bạn thù ghét chính mình, bạn không thể yêu người khác được. Sao bạn có thể yêu người khác nếu bạn thù ghét chính mình? Nếu tại trung tâm có chất độc, mọi liên hệ sẽ bị truyền nhiễm. Cho nên bạn không thể yêu bất cứ người nào được.

Và hậu quả kế tiếp là nếu bạn ghét chính mình, bạn không thể nghĩ là người khác có thể yêu bạn được. Chính bạn còn không thương mình, ai có thể thương bạn được? Cho nên bạn biết rõ là không có ai yêu bạn. Mà nếu

có người yêu bạn, bạn cũng không tin. Bạn nghi ngờ rằng người đó sẽ gạt bạn. Làm gì có người yêu bạn được? Chính bạn cũng không yêu mình cơ mà! Thậm chí nếu người nào đó yêu bạn, bạn sẽ nghi ngờ, sẽ đặt dấu hỏi. Bạn không thể tin. Bạn sẽ tìm đủ chứng cứ để chứng minh rằng người ấy không yêu bạn. Lúc ấy bạn mới yên tâm.

Lòng căm thù này là cơ sở của mọi giả dối. Quần áo không phải vì thời tiết mà có - chỉ một phần nhỏ thôi. Chúng được dùng để che dấu thân thể, để che dấu những gì không đẹp mắt, để che con thú trong người của bạn. Nhưng những gì sống động của bạn đều giống thú vật. Trừ cái đầu ra, không bộ phận nào của bạn không giống thú vật. Cho nên tất cả đều phải che dấu, ngoại trừ cái đầu, vì đầu không giống con vật vì được dùng để suy nghĩ nên được phép để lộ ra. Xã hội sẽ rất hài lòng nếu chỉ cái đầu của bạn còn sót lại.

Họ từng thí nghiệm và đã thành công. Xác có thể chết nhưng tâm trí vẫn tiếp tục hoạt động. Óc vẫn có thể hoạt động nếu được máy móc trợ giúp. Tim vẫn còn đập nếu máu được máy giúp lưu thông. Óc có thể tồn tại mà không cần xác; nó có thể mơ màng, suy tư, lý luận. Về mặt này khoa học gia đã thành công, nhưng xã hội lại thành công trong khía cạnh khác: thể xác của bạn đã bị cắt đứt khỏi ý thức của bạn, chỉ có cái đầu được phép hoạt động. Giả dụ là bạn nhìn thấy xác không đầu của mình, tôi nghĩ là bạn sẽ không nhận ra nó. Bạn chưa bao giờ nhìn thấy nó; thậm chí ngay trong phòng tắm bạn cũng chẳng để ý đến nó. Bạn chỉ để ý đến quần áo, không phải để cho thể xác, mà còn cho cả tâm trí nữa.

Hai tên học trò đi ngang một bức tường thật cao và tự hỏi bên kia tường là gì. Chúng phát hiện một lỗ hổng cao quá đầu chúng. Một tên đứng trên vai tên kia, nhìn qua lỗ hổng và nói, “Trời! Đông người lắm, và tất cả trần như nhộng vậy. Hình như đây là một hội khóa thân.”

Tên đứng dưới bị khích động hỏi, “Đàn ông hay đàn bà vậy?”

Tên đứng trên vai nói, “Khó mà biết được, bởi vì họ không có quần áo.”

Đàn ông được nhận ra là đàn ông chỉ vì quần áo của y; đàn bà là đàn bà chỉ vì quần áo. Thằng nhóc đó nói đúng. “Khó mà biết được vì họ không có quần áo.” Quần áo đã trở thành nhân dạng. Vì lý do đó bạn không được mặc quần áo của vua. Nếu người thường cũng mặc quần áo của vua, vua không còn là vua nữa. Cho nên chỉ vua mới được mặc áo ấy để dễ phân biệt.

Quần áo là nhân dạng. Chúng đã ám ảnh bạn quá nhiều đến nỗi bạn cũng chưa hề thấy mình trần truồng trong mơ. Điều này rất có ý nghĩa. Nó đã ăn sâu vào tiềm thức của bạn. Ngay trong mơ mà bạn cũng không thấy mình trần truồng, xã hội trần truồng. Quần áo đã đi vào vô thức vì mơ là một hiện tượng của vô thức. Ít ra khi mơ bạn cũng được tự nhiên, nhưng ngay tại đó bạn cũng mang mặt nạ, vẫn đóng kịch như thường.

Sự dối trá này, nhân cách giả tạo này tồn tại chỉ vì ngay tại nền móng bạn đã ghét chính mình. Bạn muốn che đậy, bạn không muốn người khác biết về con người thực của bạn, bởi vì bạn không biết đối phó cách nào nếu họ biết về bạn. Họ có yêu bạn không? Họ có chấp nhận bạn không? Bạn đã trở thành những diễn viên. Đó là ý nghĩa của lời của Chúa:

Chúa Giê-su nói:

Đừng quá bận tâm từ sáng đến tối, rồi lại từ tối đến sáng, về những gì các người sẽ khoác lên mình.

Đừng nghĩ về những bộ mặt khác nhau, về quần áo, về những cái giả dối. Hãy trung thực, hãy chấp nhận chính mình. Khó mà làm được, bởi vì nếu suy tư về con người thật của mình, bạn sẽ thấy khó chịu.

Sự khó chịu này do đâu mà có? Từ giáo viên. Họ là những người làm hại cho đời nhất. Họ không thực sự là thầy giáo; họ là kẻ thù. Họ không ngớt rêu rao, “Cái này là thú tính, cái kia là thú tính – mà mày là NGƯỜI!” Họ nói gì vậy? Họ nói, “Hãy chối bỏ những gì là thú vật trong con người của bạn!” Mà tôi nói với bạn rằng người không phải là cái gì chống lại thú vật; người là con vật cao cả nhất. Không phải là ngược lại, mà là cái cao nhất, là đỉnh cao. Nếu chối bỏ những gì là tự nhiên của bạn, bạn cũng chối bỏ ngay cái nguồn sống của mình. Kết quả là tất cả đều giả dối.

Nếu yêu một bà mà bạn chối bỏ sự tự nhiên, bạn sẽ làm gì? Đó là lý do tại sao chẳng mấy người biết yêu là gì. Cho nên tôi nói đến chín mươi chín phần trăm phụ nữ đông phương không hề biết khoái cảm là gì. Bên tây phương cũng thế, nhưng nay đã bắt đầu có thay đổi. Chín mươi chín phần trăm phụ nữ không hề biết khoái cảm là gì, bởi vì họ bị ngấm cảm. Đàn ông được chút tự do, nhưng phụ nữ thì không. Họ phải cứng đờ như thể đã chết rồi khi gần chồng. Họ không được để lộ cảm giác, không được tỏ vẻ thích thú – vì chỉ có đàn bà hư mới làm thế. Gái mãi dâm được phép; vợ thì không. Nếu bà ấy thích và có khoái cảm thì chồng không thích; anh ta nghĩ bà không xứng đáng vì bà ấy phải xử sự như một nữ thần, không phải con vật. Nhưng xử sự như một nữ thần, mà không phải là nữ thần, nhất định sẽ tạo ra giả dối. Bà ấy phải nằm trơ như xác chết, không có cảm xúc.

Bạn biết từ gốc của “cảm xúc” (emotion) là gì không? Gốc của nó là ‘di chuyển’ (movement), chuyển động (motion). Khi bạn cảm xúc thì toàn thân bạn di chuyển; nó rung mình, nó đập mạnh, nó sống động – nó rất điên cuồng. Cho nên đàn bà không được phép điên cuồng, sống động. Bà phải giống như xác chết thì mới là người tốt, mới vượt qua khỏi thú tính. Nhưng nếu chối bỏ dục, và bảo đó là súc vật, bạn phải che giấu nó.

Cách đây không lâu một công ty làm đồ chơi Mỹ gặp phải rắc rối, và vụ kiện lên đến Tối Cao Pháp Viện, chỉ vì một số đồ chơi của hãng có bộ phận sinh dục. Gái có bộ phận gái, trai có bộ phận trai. Hãng phải thu hồi lại tất cả vì tòa không cho phép, xã hội không chấp nhận.

Đồ chơi có bộ phận sinh dục bị cấm mà mọi thứ khác đều được hết. Vì muốn che dấu sự kiện nên bạn trở thành giả dối. Mà tại sao người ta điên lên vì những đồ chơi đó? Đồ chơi là đồ chơi! Nhưng tu sĩ, những người ‘nhân đức’ nổi điên và thưa hăng ra toà. Công ty ấy đã làm một việc lịch sử. Trẻ con phải được hiểu về cơ thể vì nó là một tuyệt tác của thiên nhiên. Sao phải che dấu? Đầu mối chính là sợ thú tính. Nhưng bạn là một con vật; đó là một sự kiện: bạn có thể vượt qua, nhưng không thể tiêu diệt nó được. Hủy diệt nghĩa là bạn sẽ thành giả dối, và sự ‘thánh thiện’ của bạn chỉ là cái mặt nạ.

Nếu bạn vượt qua được, sự thánh thiện của bạn mới là chân thực. Nhưng siêu việt nghĩa là chấp nhận sự kiện, trải qua nó một cách tỉnh thức mà không bị lạc mất trong đó; trải qua rồi vượt lên trên nó. Và chối bỏ nghĩa là tránh né nó, thay vì trải qua nó. Ở đời không gì có thể lẩn tránh được. Mà nếu lẩn tránh, bạn mãi mãi còn non nớt, ấu trĩ; bạn sẽ không bao giờ trưởng thành được. Đời sống là phải sống. Chỉ có cách đó bạn mới tăng trưởng được. Sẽ có lúc bạn vượt qua dục được, nhưng khoảnh khắc ấy đến qua kinh nghiệm, từng trải; giây phút ấy đến bằng sự gia tăng tâm thức và tình yêu – không phải chối bỏ và đè nén.

Chúa Giê-Su nói:

Đừng quá bận tâm từ sáng đến tối, rồi lại từ tối đến sáng, về những gì các người sẽ khoác lên mình.

Đừng khoác lên gì cả. Tôi không nói bạn phải chường mặt cho mọi người xem, nhưng đừng khoác lên gì cả. Trời đất sinh bạn ra sao, cứ chấp nhận như thế. Hãy đón nhận. Hãy vui sướng. Hãy tiếp đón nó nồng hậu. Hãy cảm ơn trời đất đã cho bạn đời sống. Đừng chối bỏ, bởi vì chối bỏ một phần nào của bạn nghĩa là bạn đã chối bỏ Thượng Đế, vì Ngài đã tạo ra bạn như thế. Ngài biết rõ hơn bạn nhiều. Khi chối bỏ những gì của bạn, tức là bạn đã chối bỏ đấng sáng tạo, bạn than phiền với vũ trụ, với cái tồn tại. Đó là ngu xuẩn, dại dột. Thế mà những người ấy lại được kính trọng.

Chúa nói đừng nghĩ đến bộ mặt mà bạn sẽ mang vào, và hãy sống đời một cách tự nhiên. Hãy đáp ứng với cuộc sống, nhưng đừng để dùng giả dối mà ngăn chặn dòng sống. Hãy sống từng khoảnh khắc một và đừng tính toán, bởi vì ý tưởng là mặt nạ nguy hiểm nhất. Bạn tìm đến người yêu và lập lại những gì đã thuộc lòng, “Anh yêu em,” hoặc là, “Anh không thể thiếu em.” Nếu lập lại những sáo ngữ ấy thì không phải là tình yêu; bằng không, bạn chẳng cần phải nói gì cả, vì tình yêu có ngôn ngữ riêng của nó; tất cả tự xảy ra một cách tự nhiên. Hoa sẽ tự nở khi đến mùa – chẳng cần phải tập dượt.

Có lần Mark Twain, sau một buổi diễn thuyết, được một người bạn hỏi, “Sao? Ông có thích bài thuyết trình đó không?” Mark Twain hỏi lại, “Bài nào? Bởi vì có hai bài. Một bài tôi đã sửa soạn và đã trình bày. Còn bài kia là bài mà tôi muốn trình bày.”

Đời bạn là thế đó: bạn sửa soạn một điều mà lại trình bày cái khác, và cái mà bạn muốn trình bày lại hoàn toàn khác hẳn. Tại sao? Sao lại lộn xộn vậy? Bởi vì bạn không tự phát. Chỉ có một điều mà một người tự phát cần là sự tỉnh thức, cảnh giác. Những gì ông ta đáp ứng là từ sự tỉnh thức mà ra. Bạn phải chuẩn bị vì không tỉnh táo, không cảnh giác. Bạn sợ, bạn không chắc chắn, bởi vì ai mà biết tình huống sẽ ra sao. Bạn thắc mắc là liệu bạn có trả lời được không. Sợ là chỗ đó. Bạn trở nên giả dối. Cho nên Chúa mới nói, “Đừng nghĩ về những gì người sẽ khoác lên.”

Các môn đệ của Chúa hỏi: Khi nào Thầy tỏ mình ra cho chúng con, và khi nào chúng con có thể thấy được Thầy?

Ngài nói rằng: Khi các người cởi quần áo ra mà không thấy xấu hổ, và lấy chân mà dẫm lên như những trẻ nhỏ thì các người sẽ thấy được con Thiên Chúa, và các người sẽ không thấy sợ hãi.

Hãy cố mà hiểu từng chữ một. Môn đệ của Ngài hỏi: *Khi nào Thầy tỏ mình ra cho chúng con?* Chúa hiện diện ngay tại đó, trong tất cả vinh quang; Ngài đứng ngay trước mặt họ. Thế mà họ có thể hỏi được: *Chừng nào Thầy tỏ mình ra cho chúng con.* Họ nghĩ rằng Ngài dấu họ.

Một hôm Đức Phật đang băng ngang một khu rừng. Gió chiều thổi rụng lá khô nghe xào xạc. Trên đường chỉ có Ngài và đệ tử là A-Nan-Đà. Một số đệ tử đi đằng trước, và một số theo sau. A-Nan-Đà hỏi Ngài: Con vẫn muốn hỏi Thế Tôn một điều: Thế Tôn có giấu chúng con gì không? Hay đã nói ra tất cả?”

Phật nói, “Tay ta luôn luôn rộng mở, và không bao giờ nắm lại. Hãy nhìn khu rừng này; nó chẳng dấu diếm gì cả. Ta cũng chẳng khác gì khu rừng này. Tay của một vị Phật không hề nắm lại.” Ngài liền nhặt vài chiếc lá khô rồi nắm lại trong tay. Ngài nói, “Nay tay ta đã nắm lại, ông không thể thấy được chúng nữa.” Con người luôn luôn muốn tích lũy tri thức. Đó là những người nắm tay lại – họ chẳng khác gì nắm tay.

Thế rồi Phật xoè tay ra. Những chiếc lá trong tay Ngài rơi xuống, và Ngài nói, “Nhưng tay của một vị Phật không nắm lại; Ngài luôn luôn rộng mở. Ta đã nói tất cả. Mà nếu ông nghĩ là ta còn dấu diếm gì, đó là lỗi của ông, không phải tại ta.”

Chúa ở đó với họ. Thế mà họ có thể hỏi, “*Chừng nào Thầy tỏ mình ra cho chúng con?*” Ngài đã bộc lộ tất cả. Và *khi nào chúng con có thể thấy được Thầy?* Cứ như thể là Chúa dấu diếm gì họ vậy. Ngài không dấu gì cả. Mà ngược lại, các môn đệ của Ngài đã khép kín. Mắt của họ nhắm nghiền lại thì sao mà thấy được? Chẳng phải là lỗi của Chúa.

Chân lý không hề che dấu. Chỉ tại bạn khép kín nên không thấy. Chân lý được lộ ra khắp nơi, trong từng khoảnh khắc. Chân lý tự bản chất của nó là không thể dấu được. Chỉ có giả dối mới cố che dấu chính nó. Chỉ có dối trá mới bí mật. Chân lý như thể bàn tay mở, không phải như nắm tay. Nhưng vì

khép kín nên bạn không thấy. Chúa nói, “Đó là lỗi của các người.” *Khi các người cởi quần áo ra mà không thấy xấu hổ.* Nếu bạn cởi quần áo ra mà cảm thấy xấu hổ, sự trần truồng ấy không phải là sự trần truồng một cách hồn nhiên của một đứa trẻ. Xấu hổ là một sự xảo quyệt.

Xấu hổ chính là tội tổ tông của Ki Tô Giáo. Đó là tội của Adam và Eva. Tội xảy ra lúc nào? Một số học giả đã bàn cãi là tội xảy ra lúc nào. Họ bị cám không được ăn trái cấm, nhưng họ bị cám dỗ. Cũng là tự nhiên thôi. Mỗi khi có cám đoán là có cám dỗ. Xưa nay tâm trí vẫn có tật đó. Nhưng nó còn có một mảnh khoé khác nữa: nó cám dỗ bạn rồi nó đổ lỗi cho người khác. Mỗi khi có cám đoán là nó tò mò tức thì; nó tự gửi giấy mời cho nó. Nó muốn biết, muốn chĩa mũi vào, muốn đánh hơi.

Adam và Eva tự cám dỗ chính mình; chẳng có ai khác cả. Nhưng họ đổ lỗi cho quỷ Sa Tăng. Đó là mảnh khoé của tâm trí muốn đổ lỗi cho người khác. Và quỷ chỉ là dê té thần. Con quỷ chỉ là cớ để trốn hết trách nhiệm. Bạn bị cám dỗ, rồi bạn nói bạn bị quỷ cám dỗ nên không có trách nhiệm. Nó đã thuyết phục bạn, đã quyến rũ bạn, cho nên nó là tội nhân, không phải bạn. Nhưng cám dỗ do cám đoán mà có, và đó là mảnh khoé của tâm trí. Câu chuyện thật là ý nghĩa:

Thiên Chúa nói, “Cấm không được ăn trái cây này!” Nếu có niềm tin, họ đã không ăn trái cây ấy. Nhưng vì thiếu đức tin nên họ thắc mắc, “Tại sao? Sao chúng ta bị cấm không được ăn trái cây này, và đó là cây hiểu biết?” Tâm trí đã nói với họ, “Nếu ăn trái cây ấy, bạn sẽ trở nên như Thiên Chúa vì bạn biết tất cả. Ngài cấm bạn vì Ngài ghen tỵ. Ngài cấm bạn vì Ngài không muốn bạn giống như Ngài. Bạn sẽ hiểu biết tất cả. Không gì có thể dấu được bạn.” Nhưng quỷ xúi dục họ và nói, “Ngài cấm bạn vì Ngài ghen tỵ và sợ hãi.” Đó chỉ là cơ hội để Adam và Eva chứng tỏ họ có tin tưởng hay không. Thế thôi.

Nhưng tâm trí đã xúi dục họ -- tâm trí chính là ma quỷ. Con quỷ có hình con rắn. Và đó là biểu tượng cổ đại nhất của xảo quyệt. Tâm trí chính là con rắn, một loại xảo quyệt nhất. Adam và Eva đổ lỗi cho con quỷ. Sau đó Adam đổ lỗi cho Eva. Đàn ông xưa nay vẫn thế. Họ nói đàn bà là nguyên nhân của mọi đổ vỡ (1), cho nên họ thường kết án đàn bà. Mọi thánh thư đều nói đàn bà là người cám dỗ: bà ấy quyến rũ bạn, xúi dục bạn; bà ấy là đầu mối của mọi rắc rối. Cho nên những thánh nhân giả hiệu đều đổ lỗi cho đàn bà.

Đó là sự lươn lẹo của tâm trí.

Eva nói, “Tại con quỷ”. Adam nói, “Tại Eva” Mà nếu bạn tìm được con quỷ mà hỏi, nó sẽ nói, “Tại Thượng Đế - bởi vì Ngài cấm đoán nên sự thể mới xảy ra như thế. Nếu không thì vườn Địa Đàng rộng lớn như thế, lại có triệu triệu cây, sao mà Adam và Eva tìm ra cây hiểu biết mà ăn trái. Vì cấm đoán nên họ mới tò mò, mới quan tâm. Cho nên đó là lỗi của Thượng Đế!”

Nhưng câu chuyện thật là hay và có rất nhiều ý nghĩa. Nó có thể được giải thích bằng nhiều cách – đó là cái đẹp của ngụ ngôn. Họ ăn trái cấm, và ngay lập tức họ cảm thấy xấu hổ vì sự trần truồng của họ. Tội xảy ra ở đâu? Vì bất tuân Thượng Đế? Đó là giải thích của các tu sĩ, bởi vì họ chỉ muốn bạn vâng lời.

Nếu bạn hỏi các triết gia, họ sẽ nói, “Tại trái cây hiểu biết.” Bởi vì suy tư kéo theo rắc rối. Sống hồn nhiên chẳng cần suy nghĩ: trẻ con hồn nhiên vì không suy nghĩ. Cây đẹp vì chẳng biết tư lự. Con người khó coi vì tâm trí của hắn luôn luôn nặng trĩu với những lo âu, với ý tưởng, với mộng mị. Sự thanh tao của y đã bị mất. Vì vậy nếu hỏi các triết gia hiện sinh, họ bảo tại vì cây hiểu biết.

Mà nếu bạn hỏi các nhà tâm lý, họ sẽ nói, “Tại vì xấu hổ.” Bởi vì bạn cảm thấy xấu hổ nên bạn ghét chính mình. Khi cảm thấy xấu hổ, bạn sẽ chối bỏ chính mình. Nhưng nó đi qua ngõ của tri thức. Trẻ con không hề thấy xấu hổ. Chúng ở trường một cách dễ dàng và không cảm thấy hổ thẹn. Từ từ bạn làm chúng thấy xấu hổ: “Đừng ở trường!” Càng biết nhiều, chúng càng che đậy.

Chúa nói, *Khi các người cởi hết quần áo mà không thấy xấu hổ.* Mà Adam và Eva đã làm gì? Họ lấy lá cây mà che chỗ kín. Ban đầu quần áo được sáng tạo, theo sau là thể gian. Thế thì sao bạn có thể trở lại vườn Địa Đàng được nữa? Hãy vất bỏ lá che đi! Đó là điều của Chúa dạy. Ngài nói đó là cách trở lại tiên cảnh. Đây là lỗi về: Khi cởi hết quần áo mà không cảm thấy xấu hổ. Bởi vì bạn có thể cởi quần áo mà vẫn thấy hổ thẹn, thì chẳng khác gì vẫn còn quần áo: bạn đang dấu diếm; bạn không để mở. Cho nên trần trụi không phải là trần truồng; khóa thân không hẳn là trần truồng.

Trần truồng có một ý nghĩa sâu hơn; nó có nghĩa là không xấu hổ, không cảm thấy hổ thẹn, nghĩa là chấp nhận cơ thể của bạn một cách trọn vẹn. Không có sự phán xét, không phân chia thể xác. Một sự chấp nhận đơn giản. Đó là trần truồng. Mahavira trần truồng nhưng không khóa thân. Ngài không phải là thành viên của hội khóa thân. Ngài trần truồng như thể một đứa trẻ.

Trong hội khóa thân, bạn không trần truồng. Thậm chí sự khóa thân của bạn cũng có tính toán, có thao túng của tâm trí. Bạn nổi loạn, bạn chống đối, bạn chống lại xã hội. Bởi vì xã hội tin vào quần áo thì bạn bỏ hết. Nhưng vì là phản ứng nên không có sự hồn nhiên và vô tội của một đứa trẻ.

Chúa Giê-Su nói:

Và cởi quần áo ra mà đạp dưới chân như thể đứa trẻ - thì các người sẽ thấy con Thiên Chúa trong vinh quang, và các người sẽ không thấy sợ hãi.

Trước hết, bạn phải chấp nhận sự trần truồng của bạn, như thể đứng trước mặt Thượng Đế, như thể đứa trẻ đứng trước mặt cha mẹ - không thấy hổ thẹn. Bạn không nên thấy xấu hổ trước đấng thiêng liêng; thế thì bạn mới chân thực. Nếu thấy xấu hổ, tức là bạn đang mang mặt nạ, không ít thì

nhieu. Và kể đó là nếu không cảm thấy xấu hổ, bạn sẽ không sợ. Chúng là hình với bóng: có xấu hổ là có sợ hãi; nếu không thấy xấu hổ thì không thấy sợ hãi. Chúng nắm tay nhau mà biến mất. Và khi hổ thẹn và sợ hãi không còn nữa, mắt bạn sẽ sáng ra; bạn sẽ nhận ra con Thiên Chúa, con Đức Chúa Trời Hằng Sống; bạn sẽ nhận ra Chúa, bạn sẽ biết được Phật.

Nhiều người hỏi tôi, “Làm cách nào để nhận ra ai là chân sư?” Trong tình huống của bạn, bạn không thể nhận ra ai là chân sư. Như thể người mù hỏi làm cách nào để biết đèn bật lên hay không. Chẳng có cách nào giúp người mù được. Phải có mắt mới nhận ra ánh sáng, mà người mù thì đui. Bạn không thể nhận ra người nào chứng ngộ hay không, đắc đạo hay không. Bạn không thể biết được. Không thì sao họ dám đóng đanh Chúa, nếu nhận ra Ngài?

Họ đã đối xử với Ngài rất là tệ; họ coi Ngài như thể tên ngớ rùng. Ngày mà Ngài vác thánh giá lên đồi Golgotha (2) thì quân lính, bọn cô hồn các đảng, và đám đông đi theo chế nhạo và liệng đá vào Ngài: Họ xỉa xối: “‘Đây là vua dân Do Thái’, đây là ‘con Thiên Chúa’, con của người thợ mộc đã điên rồi!” Họ đôi vòng gai lên đầu của Ngài mà chế nhạo, “Nhìn kìa! Đây là ‘vua dân Do Thái’, đây là ‘con Đức Chúa Trời!’”

Và khi Ngài bị đóng đanh, họ còn điệu cợt bằng cách để Ngài giữa hai tên trộm cướp, như thể Ngài là một tên trộm cướp vậy. Không những Ngài bị đám đông chế cười, mà một tên trộm cướp còn xỉ vả Ngài, “Nếu là con Thiên Chúa, sao mi không tự cứu mình và cứu cả chúng tôi đi?” Chúa đã bị họ biến thành một tên hề.

Tại sao ta không nhận ra được Chúa? Vì mắt của ta đã nhắm lại. Chúng bị nhắm lại vì những mặt nạ của ta, vì những loại áo quần như hổ thẹn, sợ hãi, thù ghét chính mình, tự kết án chính mình – đủ loại quần áo.

Chúa Giê-Su nói: Khi các người cởi quần áo ra mà không thấy xấu hổ, và lấy chân mà dẫm lên như những trẻ nhỏ.

Lần đầu khi bị ép phải mặc quần áo, đứa trẻ sẽ chống đối. Nó cự tuyệt vì cảm thấy bị tù túng, và thấy có gì giả tạo. Sự chống đối của nó cũng tự nhiên. Nhưng bạn có thể cưỡng ép nó, thuyết phục nó. Bạn nói với nó, “Muốn đi thì phải mặc quần vào, về nhà thì cởi ra. Nếu không thì không thể đi theo.” Vì muốn đi theo nên nó mới phải chịu. Nhưng khi về đến nhà thì nó cởi ra ngay lập tức; không những thế, nó còn nhảy múa điên cuồng trên quần áo nữa, như thể dầy vò một kẻ thù. Nó không nhận ra chính nó khi có quần áo. Nay nó được tự do. Nó nhảy cẫng lên khi được trần truồng, và dẫm chân trên quần áo một cách thích thú. Nếu làm được như đứa trẻ, *thì các người sẽ thấy con Thiên Chúa trong vinh quang, và các người sẽ không thấy sợ hãi.*

Trong sự trần truồng bạn không sợ hãi, bởi vì sợ hãi là cái gì thêm vào; sợ hãi do hổ thẹn mà có. Nhiều tôn giáo tồn tại bằng cách làm cho bạn cảm thấy xấu hổ. Nếu cảm thấy xấu hổ, bạn trở nên sợ hãi. Tâm bệnh từ đó mà

sinh, và bạn phải tìm tới người đã tạo ra sợ hãi cho bạn để giúp cho bạn hết sợ. Họ chẳng giúp gì được bạn, vì họ là người đã làm bạn sợ. Họ sẽ nói, “Hãy cầu nguyện và hãy kính sợ Thượng Đế.” Họ không thể giúp bạn hết sợ. Chúa có thể làm cho bạn hết sợ, nhưng phải tìm ra cơ sở của vấn đề. Cơ sở đó là: không chấp nhận chính mình thì bạn luôn luôn sợ hãi.

Chấp nhận chính mình thì không còn sợ hãi. Đừng nghĩ phải là ông này hay ông kia, bạn sẽ không bao giờ sợ hãi. Sống một cách chân thật và tin tưởng; đừng hơn thua với thực tại.

Nếu bị kích dục, hãy chấp nhận. Nếu cảm thấy giận dữ, hãy chấp nhận. Đừng tạo ra điều trái ngược, “Tôi đang giận. Điều này không tốt. Tôi phải tha thứ. Tôi bị kích dục; không thể chấp nhận được. Tôi phải chống lại.” Đừng tạo ra đối cực, vì bạn sẽ bị phân liệt. Giận dữ sẽ bị nén xuống, và sự tha thứ của bạn chỉ là giả dối; dục bị đè nén sẽ thành truy lạc; ngoài mặt bạn là người nhân đức, nhưng bên trong là quỷ dâm dục.

Một khoa học gia nghiên cứu về bí mật của kim cương. Ông ta làm việc ngày đêm và gần tìm ra được hết manh mối, chỉ còn một điều cuối cùng. Nếu tìm ra được điều ấy, ông ta sẽ là người giàu có nhất thế giới. Tìm hoài không ra thì có người đề nghị, “Ông đã phí công vô ích. Tôi nghe nói về một phụ nữ Tây Tạng. Bà ấy rất thông minh và thông suốt mọi vấn đề. Hãy tìm bà ấy thì ông sẽ tìm được giải đáp. Sao phí thời giờ ở đây?” Ông ta lặn lội tìm đến Tây Tạng. Tìm mãi mới ra vì chẳng mấy người nghe nói về bà ấy. Khi ông ta gõ cửa thì bà ấy ra mở.

Bà ấy trông rất đẹp, rất thùy mị. Ông ta cảm thấy bị lôi cuốn vì sắc đẹp ấy. Bà ta nói, “Được, ông đã đến đây, và quy luật ở đây là: ông chỉ có thể hỏi một câu duy nhất, và tôi sẽ trả lời. Chồng tôi sắp trở về rồi. Nhớ nhé. Chỉ một câu thôi.” Ông ta thốt lên, “Khi nào chồng bà về?” Ông ta đến để hỏi câu này đây! Dục nhất định phải trốn trong vô thức của ông ta; đó mới là vấn đề thực sự. Nghiên cứu về kim cương, đi tìm bí mật của nó chỉ là lẩn tránh tạm thời. Có lẽ ông ta nghĩ rằng, “khi trở thành giàu nhất thế giới, tôi muốn mua tiên nào cũng được.” – mặc dù ông ta không ý thức rõ điều đó.

Bạn có thể không để ý đến những gì xảy ra trong vô thức, nhưng có cơ hội là nó ngóc đầu lên ngay, nó sẽ nổ tung. Lẩn tránh cũng vô ích. Chỉ có sự chuyển hóa mới hữu ích, nhưng chuyển hóa đòi hỏi sự chấp nhận con người của bạn một cách toàn diện, không phán xét, không định giá, “Cái này tốt, cái kia xấu.” Đừng phân biệt. Hãy tin tưởng thiên tính của bạn và thuận theo nó, và đừng cố lợi ngược dòng – đó là ý nghĩa của trần trùng. Trôi theo dòng sông với một tin tưởng sâu sắc, mặc cho nó đưa đến đâu thì đến. Đừng tạo ra mục đích nào cả; nếu có mục đích nào thì bạn trở thành giả dối.

Đời sống chẳng có chủ đích nào cả; nếu có chủ đích nào thì bạn đi ngược lại đời sống. Nó không di chuyển như một dịch vụ, mà như thể thi ca; nó không thuộc về óc não, mà xoay quanh con tim – nó là một chuyện tình. Cần phải có niềm tin; nghi ngờ là một cản trở. Đời sống không có luật lệ gì

cả. Nó chẳng tin ở Aristotle và các nhà luận lý; nó tin vào tình yêu, vào thi ca, vào những nhà huyền môn. Nó là một bí ẩn phải được sống, không phải một bài toán cần phải giải đáp; nó chẳng phải là một vấn đề. Không có bí mật nào cả, chỉ vì bạn khép kín. Nó được để lộ khắp nơi: trên từng cành, trong từng chiếc lá, trong từng tia nắng trời – nhưng bạn khép kín.

Sao bạn lại khép kín? Bạn không chấp nhận đời sống bên trong của bạn, sao bạn chấp nhận đời sống bên ngoài được? Hãy chấp nhận! Bắt đầu ngay tại trung tâm của bản thể của bạn. Nếu chấp nhận chính mình một cách trọn vẹn, bạn sẽ chấp nhận tất cả. Và sự chấp nhận ấy dẫn đến sự chuyển hoá: bạn không còn như trước nữa một khi bạn chấp nhận chính mình. Sự chuyển hóa tự xảy ra, tự xuất hiện, nhưng chỉ khi bạn thư giãn. Đó là ý của Chúa: hãy tự nhiên thì bạn được thư giãn. Hãy vứt bỏ những gì xã hội trông lên cổ bạn – đó là ý nghĩa của ‘quần áo’. Xã hội không cho bạn sự sống; nó chỉ có thể cho bạn ‘quần áo’. Nó không cho bạn bản thể, mà cho bạn cái tôi. Bỏ quần áo thì cái tôi biến mất. Hãy tưởng tượng là bạn đang trần truồng trên phố.

Ebrahim từng là một ông vua và sau này trở thành một hành giả. Ông ta tìm gặp sư phụ. Sư nói, “Ông đã sẵn sàng chấp nhận tất cả chưa?”

Ebrahim nói, “Con đã sẵn sàng. Xin cho biết con phải làm gì?”

Sư nhìn ông ta và nói, “Được, hãy bỏ quần áo xuống!”

Chúng đệ tử bối rối, vì Ebrahim từng là một ông vua nên đòi hỏi này hơi quá đáng. Chưa một ai bị đòi hỏi như thế, sao lại bắt nhà vua phải làm thế? Một đệ tử nói nhỏ với sư, “Sao lại khó dễ với ông ta như thế? Thầy có bắt chúng con làm thế đâu? Nhưng sư lại nói, “Và hãy ra đường rồi lấy giấy mà đập vào đầu. Hãy ở trường mà ra phố.” Thị xã này là thủ đô. Vậy mà Ebrahim đã vâng lời. Trần như nhộng ông ta đi khắp nơi, và lấy giấy mà đập đầu mình. Và ông ta được nói là đã chứng ngộ khi trở về.

Chuyện gì đã xảy ra? Ông ta có nhiều tiềm năng nên phải qua nhiều thử thách. Một đạo sư chỉ đòi hỏi những gì bạn có thể làm được. Càng có nhiều tiềm năng, đòi hỏi càng nhiều. Nếu bạn là người yếu đuối thì không thể đòi hỏi gì được. Ebrahim có nhiều tiềm năng, và cuối cùng ông ta đã trở thành một đạo sư. Chuyện gì đã xảy ra? Khi quần áo bị vứt bỏ, cái tôi cũng mất theo – những gì xã hội đã trông lên cổ bạn. Đó là điều Chúa đã dạy.

Nhiều lần cái tôi đã tự mất đi vì nó là một gánh nặng, nhưng sau đó bạn lại nhặt lên rồi bản cũ xào lại. Nhiều lần bạn thất bại, nhiều lần không thành công. Nhiều lần cái tôi tự rơi xuống, nhưng dù bị thâm tím, nản lòng, bại trận, thất bại mà bạn vẫn mang gánh nặng ấy với hy vọng mới.

Một câu chuyện rất hay..

Một con sư tử chặn con cọp lại hỏi, “Ai là chúa sơn lâm?”

Cọp nói, “Là đại ca chứ còn ai nữa?”

Sư tử chặn con gấu lại và hỏi, “Ai là chúa sơn lâm?”

Gấu nói, “Còn phải hỏi nữa? Đại ca là chúa của muôn loài!”

Khoái chí, sư tử chặn con voi lại hỏi, “Ai là chúa sơn lâm?”

Voi tóm lấy sư tử, hất một cú. Sư tử bị hất đi năm chục thước, văng vào tảng đá, thương tích đầy mình, nhưng nó cố chữa thẹn và nói, “Nếu không biết thì thôi. Sao phải hung hăng như thế? Chỉ cần nói, ‘Tôi không biết’ là được rồi.”

Bạn vẫn thường làm thế. Nhưng bạn không hề chịu thua mà còn cố nói, “Nếu không biết thì thôi. Sao phải làm thế? Chỉ cần nói, ‘Tôi không biết’ là đủ rồi.” Nếu nhận ra được rằng bạn thất bại, nghĩa là những gì xã hội cho bạn đều thất bại cả. Nhận thức đó có thể là bước đầu của những thành công vĩ đại nhất trên đời.

Đó là lý do thất bại là cánh cửa dẫn vào đạo – nếu bạn nhận ra sự thất bại đó (3). Khi thành công thì bạn có để ý gì về đạo. Khi lợi lộc vì quần áo thì phải trần truồng làm gì? Thế thì quần áo là một đầu tư quá tốt. Nhưng khi thất bại thì bạn ý thức được sự trống trải đó. Không có gì có thể che đậy được. Bạn chỉ tự lừa dối mình thôi.

Hãy sử dụng sự thất bại của mình. Và khi bị đập vào tảng đá, bầm tím và thương tích đầy mình, thì đừng ngu xuẩn như sư tử. Phải biết rằng chẳng có thành công thật sự trong thế giới này. Lý do là tất cả đều giả dối, và với vẻ mặt lừa dối thì sao bạn thành công được? Thậm chí những Nã-Phá-Luân, A-Lịch-Son, Thành Cát Tư Hãn đều thất bại cả.

Chúa Giê-Su đã thành công vì Ngài giữ được sự nguyên thủy của Ngài, sự tự nhiên của Ngài. Hãy cố hiểu điều này; và không phải chỉ hiểu thôi, mà phải vất bỏ quần áo của bạn; sống chân thực thì bạn sẽ trở thành thuần khiết. Nghĩa là bạn đã liệng trái táo mà Adam và Eva đã ăn; thế rồi cửa vườn Địa Đàng sẽ lại mở ra cho bạn.

Thần Học Ki Tô Giáo nói rằng nhân loại vì Adam và Eva mà bị đuổi ra khỏi thiên đường, nhưng Chúa đã mở cửa ấy ra một lần nữa – bạn có thể vào. Nhưng trở thành một Ki Tô hữu cũng chưa đủ. Bạn phải nhận ra Chúa. Và sự nhận thức ấy chỉ có nghĩa là bạn chính là Chúa. Thiếu một chút cũng không được.

Chú Thích:

- 1 Huyền sử Hy Lạp nói rằng người đàn bà đầu tiên là Pandora. Bà đến thế gian với một cái bầu. Và khi bà mở bầu ra thì mọi rắc rối trong bầu bay ra hết, ngoại trừ hy vọng còn bị kẹt lại.
- 2 Golgotha, cũng được gọi là núi Sọ, nơi Chúa bị đóng đinh, thuộc về ngoại ô của Jerusalem.
- 3 ¹Dịch, quê Sơn Phong Cổ, viết, “Cổ: Nguyên, hanh, lợi thiệp đại xuyên.” Nghĩa là sự thất bại (cổ) của mỗi người đều khác nhau (nguyên), nhưng đó là đều tốt (hanh), và đó là cơ hội tốt nhất để qua sông lớn (đại xuyên). Qua sông lớn là tìm về Đạo; Phật Giáo gọi qua sông lớn là qua bờ giải thoát, bờ giác ngộ.

Chúa Giê-Su nói với họ:

Nếu nhịn ăn người sẽ phạm tội. Mà nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án. Và bố thí sẽ có hại cho linh hồn của người.(1)

Và bất kỳ nơi nào người đến, nếu được tiếp đón, hãy ăn những gì chủ mời, và chữa bệnh cho người thân của họ.

Vì những gì người ăn vào sẽ không làm ô uế các người, nhưng những gì từ miệng người nhả ra sẽ làm ô uế người.

Những lời này thật là lạ lùng, nhưng cũng đầy ý nghĩa. Chúng có vẻ lạ lùng vì con người không phải thật; hắn sống trong giả dối. Bất kỳ hắn làm gì, tất cả đều sai cả.

Nếu cầu nguyện, bạn sẽ cầu nguyện vì những lý do không đúng đắn; nếu nhịn ăn, bạn làm vì lý do nào đó – bởi vì bạn giả dối. Cho nên câu hỏi không phải là làm gì, mà là chính đón lại con người của bạn. Nếu là người chân chính, bất cứ gì bạn làm đều đúng cả. Mà nếu không chân chính, không tự chủ, không chân thực thì mọi việc bạn làm đều hỏng cả.

Hơn nữa, vấn đề không phải là việc làm của bạn, mà là con người của bạn. Nếu một tên trộm cầu nguyện, lời nguyện của hắn sẽ sai trái, bởi vì sao một tâm hồn chỉ biết lừa đảo, gạt gẫm, phá hoại mà có lòng thành được? Sao lời nguyện lại có thể phát xuất từ con tim của một tên trộm được? Cầu nguyện có thể thay đổi bạn, nhưng lời nguyện đến từ đâu? Nó đến từ bạn. Nếu bạn bệnh hoạn, bạn cầu nguyện vì lý do đen tối.

Mulla Nasrudin kiếm việc làm. Hắn khoe rất nhiều ưu điểm. Y viết, “Tôi đỗ đầu đại học. Tôi được giao chức phó giám đốc ngân hàng, nhưng tôi từ chối vì không quan tâm đến tiền bạc. Tôi là người thành thật, nhân đức. Tôi không tham lam, không màng gì đến lương lậu; chủ muốn trả lương bao nhiêu cũng được. Và tôi say mê công việc – sáu mươi lăm giờ một tuần.”

Khi nhìn đơn của y, ông giám đốc sững sốt nói, “Chao ơi! Anh không có khuyết điểm gì sao?”

Mulla Nasrudin nói, “Chỉ có một thôi! Tôi nói xạo!”

Nhưng cái đó đã làm hỏng tất cả. Chẳng cần khuyết điểm nào khác, chỉ một là đủ. Bạn cũng chẳng có nhiều khuyết điểm; bạn chỉ có một -- từ đó để

ra mọi cái khác. Và bạn phải nhớ khuyết điểm của mình, bởi vì nó sẽ đi theo bạn như hình với bóng; bất kỳ bạn làm gì nó sẽ xuyên tạc tất cả.

Cho nên quy tắc căn bản nhất của tôn giáo không phải là làm gì, mà phải sống ra sao. ‘Sống’ là cái cốt lõi trong cùng nhất của bạn, ‘làm’ là những hoạt động bề mặt ở ngoại vi. ‘Làm’ là quan hệ của bạn với người khác, với thế giới bên ngoài, và ‘sống’ là con người của bạn, là bên trong của bạn.

Bạn có thể sống mà không làm gì hết, nhưng không thể sống mà thiếu bản thể. Hành động không quan trọng, có thể bỏ được. Một người có thể bất động, không làm gì cả, nhưng không thể sống mà thiếu bản thể. Cho nên bản thể chính là yếu tính. Chúa, Phật, Krishna đều nói về bản thể. Nhưng trong giáo đường, chùa, miếu, những cái-gọi-là giáo sĩ lại nói về hành động. Nếu bạn hiểu Chúa, Ngài sẽ nói về bản thể của bạn và làm cách nào để thay đổi nó. Nếu bạn hiểu các giáo chủ, họ sẽ dạy bạn về luân lý. Chủ đích của luân lý là hành động, mà của tôn giáo là bản thể.

Sự khác biệt đó phải được làm sáng tỏ, bởi vì tất cả đều tùy thuộc vào đó. Một khi có người như Chúa xuất hiện, Ngài sẽ bị hiểu lầm. Mà bạn hiểu lầm vì không phân biệt được điều này; Ngài nói về bản thể mà ta lại giải thích sai hẵn, như thể là Ngài nói về hành động. Nếu bạn hiểu được điều này thì lời kinh này sẽ rõ ràng, rất hữu ích. Nó có thể là ánh sáng dẫn đường cho bạn, bằng không thì nó rất kỳ quái, mâu thuẫn và có vẻ chống lại tôn giáo. Có thể vì thế mà đám thầy tu đã cho là Ngài phạm thượng và đã đóng đánh Ngài. Họ nghĩ là Ngài đã báng đạo.

Hãy đọc những lời kinh này – mới nhìn qua thì quả đúng là vậy:

Chúa Giê-Su nói với họ:

Nếu nhịn ăn, người sẽ phạm tội. Mà nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án. Và bố thí sẽ có hại cho linh hồn của người.

Mọi tôn giáo đều khuyên ta nhịn ăn, và lập đi lập lại là nhịn ăn sẽ tạo nhiều công đức. Kỳ Na Giáo nhấn mạnh đặc biệt về nhịn ăn. Nếu nghe được lời kinh này của Chúa, họ sẽ nói, “Tên này thật là nguy hiểm, người Do Thái đóng đánh hẵn cũng đáng lắm!”

Người Do Thái cũng lúng túng: những lời kinh này thật là táo bạo, và sẽ làm đảo lộn luân lý hoàn toàn. Nếu bạn nói: *Nếu nhịn ăn, người sẽ phạm tội* – nghĩa là nhịn ăn trở thành một tội – và *nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án*. Có ai nói cầu nguyện mà bị kết án bao giờ? Thế thì tôn giáo để làm gì? Ta nghĩ rằng tôn giáo nghĩa là đến nhà thờ để cầu nguyện với Thượng Đế. Vậy mà Chúa nói:

Nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án. Và bố thí sẽ có hại cho linh hồn của người.

Thật là kỳ quái, nhưng đầy ý nghĩa. Chúa nói rằng trong tình huống của bạn, bất kỳ bạn làm gì đều sai hết cả. Vấn đề không phải nhịn ăn, hay không

nhịn ăn, bỏ thí hay không bỏ thí, cầu nguyện hay không cầu nguyện. Điều Ngài muốn nhấn mạnh là: Bất kể bạn là gì, trong tình cảnh của bạn, tất cả đều trật lất hết.

Bạn có thể cầu nguyện được chăng? Bạn đến giáo đường chỉ vì thói quen, nhưng khó mà bạn cảm trí được. Cầu nguyện đòi hỏi một phẩm chất đặc biệt mà bạn không có, nên bạn chỉ tự dối mình rằng bạn đang cầu nguyện. Hãy quan sát những người đang cầu nguyện: họ chỉ cầu bằng môi, bằng miệng, và họ không để tâm, để trí vào lời nguyện của họ. Cầu nguyện như thế thì Chúa nào mà chấp nhận được? Mà nếu họ cầu nguyện một cách đúng đắn thì chẳng cần phải đến giáo đường, chùa, miếu. Mỗi nơi bạn tới đều là đền thờ; mỗi bước đi của bạn đều là cầu nguyện. Khi làm việc, khi ăn uống, khi yêu đương, khi nhìn, khi thở – tất cả đều là cầu nguyện. Bởi vì lúc nào bạn cũng ở trong trạng thái cầu nguyện. Chẳng khác gì bạn thở, không một phút nào bạn có thể ngưng được. Thế thì đâu cũng là nhà thờ, đâu cũng là tịnh xá. Giáo đường chỉ để cho những người tự lừa dối mình, cho những người chẳng biết cầu nguyện mà vẫn tin rằng họ đang cầu nguyện.

Một người tội lỗi đang hấp hối. Ông ta chưa bao giờ đến nhà thờ, chưa hề nghe giảng, nhưng lúc lâm chung thì hoảng sợ. Ông ta mời một mục sư tới nhà. Nhiều người theo vị mục sư đến vì ông ta từng là một chính khách tên tuổi. Ông ta mời vị mục sư đến gần vì có tâm sự riêng muốn nói. Ông mục sư đến gần, và người tội lỗi ấy thì thầm, “Tôi biết tôi là kẻ tội lỗi, và tôi biết là tôi chưa hề đến nhà thờ, là tôi rất lười biếng và không hề cầu nguyện. Cho nên tôi biết là chẳng ai tha thứ cho tôi cả. Nay tôi biết như vậy nhưng đã trễ rồi. Tuy nhiên, tôi muốn xin ông cầu cùng Thượng Đế, và xin Ngài tha thứ cho tôi.

“Chắc chắn rồi,” mục sư nói, “có thể là Ngài không biết rõ về ông như chúng tôi đã biết về ông.”

Nhưng nếu bạn không lừa dối được cả thế gian, bạn nghĩ là bạn có thể lừa dối được Thượng Đế chăng? Nếu bạn không thể gạt được những người bình thường, sao bạn có thể gạt được đấng toàn giác được? Đó chỉ là lời an ủi, vỗ về: “Có thể”. Nhưng từ “có thể” ấy sai hoàn toàn. Không nên đánh lộn con đen như thế!

Cầu nguyện là một phẩm chất của yếu tính, không phải của cá tính. Yếu tính là cái bạn được sinh ra với; nó chẳng dính dáng gì đến những cái bạn làm; nó là một món quà của Thượng Đế. Cá tính là những điều bạn làm. Cầu nguyện thuộc về yếu tính: nó là một đặc tính; nó chẳng liên quan đến những cái bạn đang làm.

Nhịn ăn là gì? Bạn nhịn ăn bằng cách nào? Sao người ta phải nhịn ăn? Lời của Chúa thật là thâm thúy, sâu sắc hơn cả lời dạy của Mahavira về nhịn ăn. Lời của Chúa có một giá trị tâm lý rất cao siêu, và nó vạch ra tính cực đoan của tâm trí con người: một người chỉ biết ăn và ăn thì có thể nhịn ăn một cách dễ dàng. Mới nghe qua thì có vẻ vô lý và mâu thuẫn là hấu ăn mà

có thể nhịn ăn dễ dàng. Nhưng chỉ những người như thế mới có thể nhịn ăn rất dễ dàng. Một người quân bình, điều độ khó mà nhịn ăn được. Tại sao? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải bàn đến nhịn ăn qua cái nhìn của sinh lý học và tâm lý học.

Hãy đi qua sinh lý học trước vì đó là lớp ngoài cùng nhất. Nếu ăn quá nhiều thì bạn sẽ ứ lại với nhiều chất béo. Nó cho phép bạn nhịn ăn dễ dàng và chất béo chỉ là một loại dự trữ, một kho chứa. Quý bà có thể nhịn đói dễ hơn đàn ông, và bạn biết rõ như thế. Nếu bạn quan sát những người nhịn ăn, bạn sẽ thấy cứ một ông thì có đến bốn hay năm bà: đó là tỷ lệ. Ông chồng không thể nhịn đói, nhưng với vợ thì dễ ợt. Sao vậy? Bởi vì cơ thể đàn bà tích trữ nhiều chất béo, mà nếu có nhiều mỡ thì nhịn đói dễ hơn vì cơ thể lấy mỡ mà xài. Do đó bạn xuống mỗi ngày một, hay hai cân. Sức nặng ấy biến đi đâu? Bạn ăn chính mình – một loại ăn thịt người!

Đàn bà nhịn đói dễ hơn; họ ứ chất béo nhiều hơn đàn ông; vì vậy cơ thể của họ tròn hơn. Đối với các bà thì chẳng khó khăn gì. Người mập nhịn đói rất dễ; họ luôn luôn tìm mua thuốc xút cân. Một người bình thường, khỏe mạnh có thể tích trữ mỡ nhiều đến nỗi có thể nhịn ăn ba tháng mà không chết; chín chục ngày – bằng đó dự trữ có thể chứa được. Nhưng nếu bạn gầy – nghĩa là bạn ăn uống quân bình, chỉ đủ chất bổ cho mỗi ngày, thì khó mà nhịn ăn được. Cho nên câu lạc bộ nhịn ăn chỉ toàn những người giàu có; chẳng có đến một móng nghèo nào.

Hãy quan sát: mỗi khi người nghèo mừng lễ thì họ ăn uống linh đình; và mỗi khi nhà giàu mừng lễ thì họ nhịn ăn. Ở Ấn Độ người nhịn ăn thường là người Kỳ Na vì họ giàu nhất. Nhưng người Hồi, người Ấn đến ngày lễ lớn là tiệc tùng vì cả năm họ đã nhịn đói rồi, cho nên họ không thể nhịn ăn trong dịp lễ lớn được. Họ đã nhịn ăn cả năm trời; được dịp là họ ăn uống hả hê. Trong ngày đại lễ họ sẽ mặc áo mới, sẽ có một bữa tiệc lớn để tạ ơn Thượng Đế. Đó là tôn giáo của người nghèo.

Hiện nay ở Mỹ những câu lạc bộ nhịn ăn ngày càng nhiều hội viên. Lý do là vì Mỹ quá giàu, và họ ăn quá nhiều nên phải nhịn ăn. Ở Mỹ người nhịn ăn ngày càng đông, Họ có thể gọi bằng nhiều tên khác nhau, nhưng về mặt sinh lý học thì cơ thể của bạn phải có quá nhiều mỡ nên mới phải nhịn ăn.

Tiếp đó là mặt tâm lý. Vì bị ám ảnh bởi thực phẩm nên bạn nhịn ăn. Ăn là một sự ám ảnh thường xuyên của bạn, nên đến ngày nào đó bạn phát điên lên được vì ăn, và nghĩ đến ăn. Nếu suy nghĩ thường xuyên về cái gì đó, bạn sẽ thấy chán ngấy vì nó. Điều đó làm cho cái đối nghịch trở nên hấp dẫn với bạn: bạn đã ăn quá nhiều nên nay cần phải nhịn ăn. Và vì nhờ nhịn ăn mà bạn được ăn ngon trở lại, khẩu vị mới hoạt động hoạt động trở lại – đó là cách duy nhất.

Và đó là quy luật cơ bản của tâm trí: nó xoay qua cái đối nghịch rất dễ dàng, nhưng nó không hề biết quân bình là gì. Trung dung là cái khó nhất của tâm trí; cực đoan thì quá dễ đối với nó. Nếu ăn quá nhiều, bạn có thể

nhịn ăn một cách dễ dàng, bởi vì đó là hai đối cực – nhưng điều độ thì khó mà bạn làm được. Gắp món ngon thì khó mà bạn ngưng được. Hoặc là ăn cho đã thì thôi, hoặc là nhịn ăn; tâm trí luôn luôn nghiêng về những cực đoan. Chẳng khác gì quả lắc đồng hồ: nó ngả về bên trái, rồi nghiêng qua bên phải, nhưng nếu nằm ngay chính giữa thì đồng hồ chết. Nếu tâm trí của bạn nằm ngay chính giữa thì ý tưởng sẽ chấm dứt. Nhưng nếu bạn đi đến một cực đoan, chẳng chóng thì chầy, cái đối nghịch sẽ trở nên có ý nghĩa; nó sẽ ám ảnh bạn và kéo bạn qua cái đối nghịch đó.

Chúa Giê-Su hiểu rất rõ quy luật này. Ngài nói: *Nếu nhịn ăn, người sẽ phạm tội.*

Tội là gì? Theo ý nghĩa của Chúa thì thái quá là tội lỗi. Quân bình là nhân đức. Tại sao? Tại sao cực đoan lại là tội? Đi từ cực đoan này sang cực đoan khác là tội vì bạn chọn nửa này mà bỏ nửa kia – mà chân lý là toàn bộ. Khi nói, “Tôi sẽ ăn thật nhiều,” bạn đã chọn nửa này. Khi nói, “Tôi sẽ không ăn gì hết,” bạn đã chọn nửa kia. Nhưng người biết điều độ không cần chọn lựa: khi đói thì ăn, không phải bị ám ảnh bởi nửa nọ, hay nửa kia; bạn không hề bị ám ảnh, không bị loạn tinh thần. Thể xác được bồi dưỡng mà bạn không bị khổ tâm về nhu cầu của nó.

Sự quân bình này đứng ngoài vòng tội lỗi. Cho nên mỗi khi bị mất quân bình thì bạn là người tội lỗi. Ý của Chúa là người say mê thể gian là người tội lỗi, mà người từ bỏ thể gian cũng là tội lỗi, vì anh ta đã chọn cái đối nghịch. Người chấp nhận thể gian mà chẳng phải lựa chọn gì cả thì không lệ thuộc nó.

Chấp nhận nó là siêu việt lên trên nó. Lựa chọn nghĩa là cái tôi của bạn đã nhập cuộc, bạn phải tranh đấu.

Một khi đã chọn một cực điểm thì bạn phải tranh đấu liên miên, bởi vì cực điểm không phải là chỗ để nghỉ ngơi. Chỉ khi nào tìm được thăng bằng, bạn mới được thanh thoi. Tại cực điểm bạn luôn luôn bị căng thẳng, lo lắng, và ưu tư. Khi tìm được trung điểm, khi được quân bình thì bạn hết ưu tư, hết thống khổ; bạn đã về nhà; chẳng có gì quấy rầy bạn nữa vì căng thẳng đã hết. Căng thẳng nghĩa là cực đoan. Vì đã trải qua nhiều cực đoan nên bạn bị căng thẳng thường xuyên.

Nếu bị ám ảnh bởi sắc dục, tâm trí sẽ luôn luôn bị xáo trộn vì dục. Mà nếu cưỡng lại thì cũng bị dục làm rối trí. Nếu chỉ biết có dục thì tâm trí của bạn chỉ nghĩ tới dục. Nếu chống lại nó, nếu coi nó là kẻ thù, thì dục cũng sẽ chiếm lĩnh tâm trí của bạn – bởi vì bạn thì nhớ một, mà thù thì nhớ đến mười. Bạn có thể quên, mà thù thì nhớ đời. Sao bạn có thể quên được kẻ thù chứ? Cho nên người chỉ biết có dục chỉ nghĩ đến dục. Mà bỏ trốn vào trong các tu viện là tìm đến một cực đoan khác – họ thường xuyên nghĩ đến dục vì đã coi nó như hủi cần phải tránh bằng mọi giá.

Ăn quá nhiều, hay bị ám ảnh bởi thức ăn, như thể bạn sống để ăn, thì bạn chỉ nghĩ đến thức ăn. Ngược lại nhịn ăn thì thực phẩm cũng thường ngự

trí trong tâm trí. Mà cái gì ở mãi trong tâm trí sẽ trở thành một gánh nặng. Đàn bà không phải là nguyên do, đàn ông không phải là đầu mối - dục ở mỗi trong tâm trí mới là vấn đề. Thực phẩm không phải là một vấn đề: bạn ăn xong thì thôi, nhưng thức ăn luẩn quẩn mãi trong trí lại là một gánh nặng.

Mà nếu có nhiều thứ vật lộn trong tâm trí thì năng lượng sẽ tiêu vào đó hết; tâm trí sẽ trở nên u tối, buồn chán; nó bị nặng trĩu đến nỗi cuộc sống trở thành vô nghĩa. Khi được nhẹ gánh, thư giãn, tươi mát thì trí tuệ sẽ lộ ra; nó cho phép bạn nhìn đời với ánh mắt tươi sáng, với một thần thức trẻ trung, sắc bén. Cả cái tồn tại này trở nên lộng lẫy – vẻ đẹp ấy chính là Thượng Đế. Cái tồn tại trở nên sống động – sự sống động ấy là Thượng Đế. Cả vũ trụ trở nên sáng khoải, mê ly; trong từng khoảnh khắc, trong từng nhịp đập đều là phúc lạc – sự sáng khoải và phúc lạc ấy là Thượng Đế.

Thượng Đế không phải là một cá nhân chờ bạn ở đâu đó. Thượng Đế là một sự mặc khải trong thế giới này. Khi tâm trí tĩnh lặng, trong sáng, nhẹ tênh, trẻ trung, tươi mát, mới mẻ, nó sẽ nhận ra Thượng Đế khắp nơi. Nhưng tâm trí của bạn đã chết rồi, và bạn đã thủ tiêu nó qua một tiến trình đặc biệt. Tiến trình đó là nhảy từ cực đoạn này qua cực đoạn khác, rồi lại chuyển từ đó sang cực đoạn khác nữa, mà không hề biết đến trung dung là gì.

Tôi nghe kể về một tên say đang lao đảo trên một phố lớn. Hắn hỏi một người qua đường, “Lề đường bên kia đâu?” Đường thì lớn và màn đêm đang đổ xuống, mà hắn thì đã say mềm rồi. Vì không thấy rõ nên hắn mới hỏi “Lề đường bên kia đâu?” Người ấy thấy tội cho hắn nên mới dắt hắn qua đường.

Khi qua đến bên kia thì hắn lại hỏi, “Lề đường bên kia đâu?” Người ấy lại dẫn hắn băng qua đường. Tên say đứng lại rồi nói, “Tôi bị lừa rồi! Lúc ở đây thì tôi hỏi: lề đường bên kia đâu? Họ dẫn tôi qua đây. Bây giờ tôi hỏi: Lề đường bên kia đâu? Họ nói nó bên kia. Người đâu mà kỳ cục thế? Lề đường bên kia đâu?”

Bạn ở bên này, hay bên kia cũng chẳng khác nhau: cái cực đoạn đối nghịch trở thành lề bên kia, và nó trở nên hấp dẫn đối với bạn, bởi vì khoảng cách là một hấp lực. Bạn không thể tưởng tượng được người muốn diệt dục bị nó ám ảnh như thế nào. Quá sức tưởng tượng của bạn. Bạn cũng không thể tưởng tượng được người nhịn ăn bị ám ảnh vì thức ăn như thế nào. Bạn không thể tưởng tượng được vì đó là một kinh nghiệm: liên tục chỉ có nghĩ đến một thứ -- ăn, dục. Và nó có thể tiếp tục cho đến cùng. Thậm chí ngay lúc lâm chung, nếu còn một cực đoạn nào nữa thì bạn cũng bị ám ảnh.

Làm cách nào để được thanh thoi và thư giãn? Đừng quá cực đoạn. Đó là lời dạy của Chúa. Đừng thái quá! Chúa biết bạn là người ham ăn – đừng nhịn ăn vì nó sẽ chẳng ích lợi gì.

Nếu nhịn ăn, người sẽ phạm tội; và nếu cầu nguyện, người sẽ bị nguyên rủa.

Cầu nguyện là gì? Cầu nguyện theo kiểu của bạn là xin xỏ, đòi hỏi, than phiền: bạn ước muốn điều gì và bạn xin Thượng Đế ban cho bạn điều đó. Bạn đến nguyện đường để xin như thể một tên ăn mày. Cầu nguyện của bạn là xin xỏ, nhưng cầu nguyện không thể là xin xỏ; cầu nguyện chỉ có thể là một sự tạ ơn, sự tri ân. Đó là một phẩm chất hoàn toàn khác. Nếu xin xỏ thì sự cầu nguyện của bạn không phải là cứu cánh, mà chỉ là phương tiện. Cầu nguyện như thế cũng vô ích vì bạn chỉ muốn trao đổi; cái được trao đổi đó mới quan trọng, không phải cầu nguyện. Và nếu cầu hoài mà không được thì bạn sẽ thôi nhà thờ. Bạn sẽ nói, “Vô ích!” Bởi vì đối với bạn cầu nguyện chỉ là một phương tiện.

Cầu nguyện không thể là một phương tiện, cũng như tình yêu không thể là một phương tiện. Tình yêu chính là cứu cánh: bạn yêu vì bạn yêu, chẳng vì lý do nào khác cả. Tình yêu tự nó có một giá trị nội tại – bạn yêu vì bạn yêu. Thật là hạnh phúc. Không gì có thể hơn vậy nữa. Bạn không thể tìm được gì trong đó. Nó không phải là một phương tiện để đạt đến một cứu cánh nào đó; nó chính là một cứu cánh. Và cầu nguyện chính là tình yêu – bạn cầu nguyện một cách vui sướng, chẳng đòi hỏi gì, chẳng cầu mong gì.

Cầu nguyện tự nó đã quá đẹp rồi; bạn cảm thấy ngất ngây và hạnh phúc, đến nỗi bạn chỉ biết cảm tạ trời đất đã cho bạn sự sống, đã cho bạn thở, đã cho bạn mắt nhìn để thấy cái đẹp của muôn loài, đã cho bạn tai để nghe, đã cho bạn ý thức. Bạn chẳng xứng đáng mà vẫn được phần thưởng đó. Bạn đến nhà nguyện với một sự biết ơn sâu sắc, với lời tạ ơn, “Con không xứng đáng với quá nhiều hồng ân ấy. Muôn vàn cảm tạ.” Bạn có xứng đáng được gì không? Bạn xứng đáng chỗ nào? Nếu bạn không có mặt trong lúc này, bạn có thể nói là bất công cho bạn chẳng? Không! Mọi thứ mà bạn có được chỉ là một quà tặng của trời đất. Bạn không xứng đáng tí nào cả.

Thượng Đế tràn đầy tình yêu. Hiểu được điều đó thì một phẩm chất mới sẽ nảy sinh từ bên trong bạn: lòng biết ơn. Cho nên cầu nguyện đối với bạn chỉ là sự cảm ơn, sự tạ ơn của bạn. Sự biết ơn là cầu nguyện, và nó tuyệt đẹp, đến nỗi chẳng có gì có thể so sánh được. Cầu nguyện là đỉnh cao của sự hạnh phúc của bạn; nó không thể là một phương tiện để đạt đến một cứu cánh nào đó.

Chúa Giê-Su nói, *Và nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án*, bởi vì lỗi cầu nguyện của bạn là sai. Chúa biết rất rõ là bạn cầu nguyện để xin xỏ cái này, hay cái khác. Nó là một phương tiện. Bạn đã biến nó thành một phương tiện. Nghĩa là bạn đã phạm tội.

Tình yêu của bạn là gì? Nếu hiểu được tình yêu, bạn có thể hiểu được thế nào là cầu nguyện. Bạn có thực sự yêu một người không? Bạn yêu, hay có gì khác xuất hiện ở đó? Phải chăng là sự hài lòng giữa đôi bên? Khi yêu một người, bạn có thực sự yêu người đó không? Bạn yêu vì con tim của mình, hay nhân danh tình yêu mà bạn lợi dụng người khác? Bạn yêu vì dục, hay vì lý do nào đó, nhưng cũng là lợi dụng người khác. Mà nếu người kia nói, “Đừng lợi dụng tôi!” thì tình yêu của bạn có tồn tại được không? Bạn sẽ

nói, “Lợi dụng gì chứ?” Nếu được người kia đáp lại, nếu được người đẹp yêu thì cái tôi của bạn sẽ được thỏa mãn. Được một người đẹp nể phục, bạn sẽ thấy xứng đáng là một người đàn ông. Nếu cô ấy không yêu bạn, không phục bạn, tình yêu ấy sẽ không nảy nở. Nếu là phái nữ mà được một chàng bảnh trai trông cậy si thì bạn sẽ được hả dạ, cái tôi của bạn sẽ được thổi phồng.

Đó là sự lợi dụng lẫn nhau – mà bạn gọi là tình yêu. Mà nếu địa ngục nằm giữa hai người thì cũng chẳng lạ gì, bởi vì tình yêu chỉ là một cái tên, và ẩn bên dưới đó là một cái gì khác. Tình yêu thực sự không thể tạo ra địa ngục. Tình yêu chính là đặc tính của thiên đường. Nếu yêu, bạn sẽ có hạnh phúc; hạnh phúc chính là bằng chứng của tình yêu của bạn.

Nhưng mấy cuộc tình được hạnh phúc? Chỉ trong lúc đầu, khi họ đang sửa soạn, một cách vô ý thức, để quăng lưới ra mà bắt lẫn nhau; họ làm thơ, họ tặng hoa và những vớ vẩn khác để chụp lẫn nhau. Một khi chìm đắm vào lòng thì hạnh phúc cũng cao bay. Lúc đó họ cảm thấy như thể bị tù đầy. Cái tôi của người kia trở thành sự ràng buộc, và cả hai đều cố thống trị và chiếm hữu lẫn nhau.

Tình yêu đó bị kết án. Nếu yêu mà cũng làm lỡ thì sao cầu nguyện cho đúng được, bởi vì cầu nguyện là tình yêu đối với thánh linh - mà nếu chỉ yêu một người mà cũng không xong, sao bạn có thể yêu được cái linh thiêng. Tình yêu chỉ là một bước dẫn đến cầu nguyện; bạn phải học. Nếu có thể yêu được một người bằng xương bằng thịt, bạn đã học được bí mật. Chìa khóa đó cũng áp dụng được với thánh linh, dĩ nhiên là lớn hơn nhiều và mạnh hơn nhiều. Kích thước lớn hơn nhưng cũng chỉ một chìa khóa. “Tình yêu” nghĩa là đây là tận cùng, chẳng có cái tôi trong đó. Khi không có cái tôi thì bạn yêu. Bạn cho mà chẳng cần phải hỏi, chẳng cần được cảm ơn. Bạn cho vì quá tràn đầy, bạn chia sẻ vì chia sẻ quá tuyệt diệu – thế thì không có đổi chác. Khi không có đổi chác, khi không có cái tôi thì tình yêu tuôn trào; bạn không đóng băng mà hòa đồng với tất cả. Sự hòa đồng ấy cần phải học vì nếu không bạn sẽ không thể cầu nguyện được.

Chúa nói với các môn đệ: *Nếu người cầu nguyện – Ngài nhắm vào bạn – người sẽ bị kết án – Ngài biết môn đệ của mình rất rõ – Và nếu bố thí, người sẽ làm hại cho linh hồn mình.*

Bạn thấy có gì xảy ra bên trong khi cho người ăn mày không? Cho vì bác ái hay vì cái tôi? Nếu trên đường chỉ có bạn và tên ăn mày chắc bạn sẽ nói, “Cút đi đi!” bởi vì không có ai ở đó mà chứng kiến nên bạn không bị áy náy. Nhưng ăn mày cũng đáng để lắm; họ chỉ xin khi bạn ở giữa đám đông. Nếu đi với người yêu thì họ sẽ đón đường bạn. Họ sẽ chờ bạn giữa nơi thị tứ vì biết nếu bạn không cho thì người khác sẽ nghĩ là bạn bủn xỉn, keo kiệt và tàn nhẫn. Thế thì bạn cho để giữ thể diện. Bạn không cho vì lòng bác ái. Và đừng quên rằng tên ăn mày đó sẽ nói với những tên ăn mày khác là hắn đã lừa bạn. Hắn sẽ cười vì biết rõ sao bạn phải cho. Bạn cho chẳng phải vì bạn nhân từ.

Cho vì lòng nhân có một ý nghĩa khác hẳn: bạn thấu hiểu được sự thống khổ của người khác, như thể bạn là một phần của nỗi khổ ấy. Không những bạn cảm thấy được sự thống khổ đó mà bạn còn cảm thấy được trách nhiệm của mình rằng, nếu có một người đau khổ thì, ít hay nhiều, bạn cũng có một phần trách nhiệm – bởi vì cái toàn thể có trách nhiệm với thành phần: “Tôi đã đóng góp cho cái xã hội đã tạo nên những người hành khất. Tôi đã đóng góp vào sự bóc lột; tôi là một phần của nó mà tên ăn mày này là nạn nhân.” Bạn không những có lòng nhân mà cả trách nhiệm nữa. Bạn phải làm gì đó. Và nếu bạn cho người ăn mày này, bạn không muốn người ấy cảm ơn bạn. Đúng ra, bạn phải cảm ơn người ấy nếu bạn cho vì nhân từ, bởi vì bạn biết cái bạn cho chẳng đáng bao nhiêu.

Xã hội vẫn tiếp tục, và bạn đã đầu tư khá nhiều vào cái xã hội đã gây ra ăn mày. Và bạn biết rõ bạn là một phần của cái cấu trúc đã gây ra cảnh khốn khổ này, bởi vì giàu không thể tồn tại nếu không có người nghèo. Và bạn cũng biết là bạn cũng có tham vọng làm giàu; bạn cảm thấy sự sái quấy và tội lỗi. Thế thì bổ thí có ý nghĩa khác hẳn. Nếu nghĩ rằng bạn đã làm công đức lớn vì bạn đã cho tên ăn mày này một đồng, thì Chúa nói, *Người đã làm hại cho linh hồn mình*, bởi vì bạn không biết việc bạn đang làm.

Nếu cho vì lòng nhân, vì bác ái thì không phải bạn bổ thí cho người ăn mày, mà bạn đang chia sẻ với một người bạn. Nếu ăn mày trở thành bạn thì chẳng có kẻ cho và người nhận: bạn không cao sang hơn người ăn mày; bạn chẳng làm gì lớn lao cho người ấy; cái tôi không được thỏa mãn. Ngược lại, bạn cảm thấy chẳng thể làm được gì vì số tiền nhỏ này chẳng giúp được gì.

Một chuyện rất hay....

Một thiền sư sống trong một lều tranh cách thành phố khá xa. Hôm ấy ngày rằm. Một tên trộm lẻn vào. Sư lo lắng vì ngoài cái mền đang khoác trên người, sư chẳng có gì cả. Chưa biết phải làm gì thì tên trộm bước vào. Sư bèn đề cái mền cạnh cửa rồi trốn trong một góc nhà. Tên trộm nhìn quanh mà chẳng thấy cái mền vì trong lều tối om. Chán nản, thất vọng y đành phải về tay không. Sư thấy vậy bèn la lên, “Khoan đã! Hãy lấy cái mền. Tôi rất tiếc là ông từ xa đến, mà trời thì lạnh nhưng trong lều này chẳng có gì cả. Lần sau nếu ghé qua đây, xin cho tôi biết trước. Tôi rất nghèo, nhưng sẽ cố tìm một vài thứ để tặng ông. Lần này xin hãy lấy cái mền ấy. Và xin ông đừng từ chối. Tên trộm không thể tin được tai mình. Hắn thấy nổi da gà; lão già này cổ quái thật; có ai làm thế bao giờ? Hắn lấy cái mền rồi chạy một mạch. Tối hôm đó sư làm một bài thơ, đại ý như sau, “Trăng rằm đẹp quá! Tôi muốn cho tên trộm cả vàng trăng này.” Mất sư rướm lệ. Sư than thở, “Ông ta từ xa mò đến đây mà chẳng lấy được gì!”

Tối ấy tên trộm bị bắt vì những tội khác, cùng với cái mền của sư mà ai cũng biết. Cho nên sư bị gọi ra tòa làm chứng. Ông tòa nói với sư, “Ngài chỉ cần nói cái mền này là của Ngài là đủ. Tên trộm này đã ăn cắp của Ngài.”

Sư nói, “Ông ta không ăn cắp đâu! Ông ta không phải là tên trộm! Tôi biết ông ta rõ lắm. Ông ta đến thăm tôi một lần, nhưng chẳng lấy gì của tôi cả. Cái mền này là tặng phẩm của tôi cho ông ấy. Tiếc rằng tôi chẳng có gì nữa để cho. Cái mền ấy đã cũ rồi, chẳng còn giá trị gì nữa. Vậy mà ông ấy vẫn chấp nhận. Tôi vẫn còn cảm thấy sự biết ơn của ông ấy đối với tôi.

Chúa Giê-Su nói, “*Nếu bố thí, người sẽ làm hại cho linh hồn mình* – bởi vì bạn cho vì những lý do đen tối. Bạn có thể làm việc tốt với ý xấu. Thế thì chẳng được công gì, mà còn có tội nữa.

Và bất kỳ nơi nào người đến, nếu được tiếp đón, hãy ăn những gì chủ mời, và chữa bệnh cho người thân của họ.

Có hai điểm tối quan trọng mà Chúa đã nói với các môn đệ: Trước hết, “Bất kỳ ai cho cái gì, hãy vui vẻ nhận lấy và đừng đặt điều kiện gì cả.

Các tu sĩ Kỳ Na Giáo không hề ra khỏi Ấn Độ, trong khi Phật Giáo bành trướng khắp nơi; gần một nửa thế giới theo Phật Giáo. Nhưng Kỳ Na Giáo bị kẹt tại đây, và chỉ có khoảng ba triệu tín đồ. Mahavira và Đức Phật cùng chứng ngộ như nhau, vậy sao Kỳ Na Giáo không thể truyền ra ngoài được? Lỗi tại các tu sĩ ấy. Họ không thể đi đâu được vì họ có đủ loại điều kiện: họ phải ăn loại thực phẩm nào đó, phải nấu theo cách nào đó, và phải được dâng cho họ bằng cách nào đó. Vậy thì sao họ có thể ra nước ngoài được? Ngay tại Ấn, họ chỉ quanh quẩn nơi có tín đồ Kỳ Na Giáo, bởi vì họ không thể nhận thức ăn của người khác. Chính vì vấn đề thực phẩm này mà Mahavira trở thành vô dụng cho thế giới. Thật là phí đi một thánh nhân!

Chúa nói với các môn đệ: *Và bất kỳ nơi nào người đến, nếu được tiếp đón, hãy ăn những gì chủ mời, và chữa bệnh cho người thân của họ* - đừng đặt điều kiện gì về những loại thực phẩm mà bạn sẽ ăn.

Bạn không nên có điều kiện gì cả về sự đi lại của bạn trên thế giới. Nếu có điều kiện thì bạn trở thành một gánh nặng. Cho nên các môn đệ của Chúa không hề là một gánh nặng cho ai cả: họ ăn cùng với bạn; họ mặc quần áo mà bạn cho họ; họ sống trong đủ loại khí hậu; họ sống với đủ hạng người, không phân biệt quý, tiện. Đó là lý do làm cho Ki Tô Giáo lan mạnh như lửa đại vậy: đó là vì thái độ của các môn đệ -- họ không có điều kiện gì cả.

Và Chúa khuyên họ chỉ có một điều: *Hãy chữa bệnh cho họ*. Ngài không nói, “Hãy dạy cho họ biết chân lý là gì.” Không! Cái đó vô ích! Ngài không nói, “Hãy bắt họ tin theo ta!” Cũng vô ích! Ngài chỉ nói, “Hãy chữa cho họ, bởi vì nếu một người bị bệnh, sao anh ta có thể hiểu được chân lý là gì? Hiểu bằng cách nào? Khi linh hồn đau yếu, sao anh ta có thể hiểu được giáo lý của ta?” Hãy chữa người bệnh! Hãy chữa lành cho anh ta đã. Một khi lành bệnh, anh ta có thể hiểu được chân lý, anh ta sẽ hiểu được lời của Chúa.

Hãy trở thành thầy thuốc -- chỉ cần chữa bệnh cho mọi người. Về mặt tâm lý thì không ai là không bệnh. Về thể chất thì nhiều người không bệnh,

nhưng tâm trí thì chẳng có ai lãnh lặn cả, cho nên chữa bệnh tinh thần là điều tối cần. Chúa nói, “Hãy là thầy thuốc! Hãy chữa tâm trí của họ.”

Tâm trí có vấn đề gì? Bị chia cắt thì nó bệnh; nếu không bị chia cắt thì nó lành bệnh. Nếu có nhiều mâu thuẫn bên trong thì nó bệnh; nó trở thành một đám đông, đám đông điên cuồng. Nếu chỉ có một thứ thì nó không bệnh – bởi vì qua cái một đó sự kết tinh sẽ xảy ra. Trừ khi không bị chia cắt thì tâm trí sẽ bị bệnh.

Đôi khi cũng có lúc tâm trí của bạn trở thành nguyên vẹn. Thỉnh thoảng nó xảy ra một cách tình cờ: bạn thức dậy trong một buổi sáng, trời vẫn còn sớm, mọi thứ vẫn còn tươi mát, mặt trời vẫn đang lên, khung cảnh thật là lên thơ làm cho bạn trở nên tập trung. Bạn quên hẳn những việc sẽ phải làm, chẳng thèm biết đến giờ phải tới sở, bạn quên hẳn mình là người Ấn, hay người Hồi, hay người Công Giáo, bạn chẳng còn biết mình là cha, là mẹ, hay là con – bạn quên bằng cả thế giới này. Mặt trời thật là tuyệt vời, ban mai thật là tươi tắn, bạn hoà nhập làm một với chúng, bạn trở thành một. Trong một khoảnh khắc ấy tâm trí không còn bị chia cắt và trở nên lành lặn, bạn cảm thấy niềm an lạc tràn ngập toàn thể con người. Nó có thể xảy ra một cách tình cờ, nhưng bạn cũng có thể tạo cho nó xảy ra một cách ý thức.

Một khi tâm trí trở nên một, một đặc tính cao hơn sẽ biểu thị chính nó, và cái thấp hơn lập tức ngưng bật. Chẳng hạn như ở trường học. Khi ông hiệu trưởng có mặt thì thầy, cô làm việc hăng say, còn học sinh thì chăm chỉ; tất cả đều vào đó. Nhưng khi ông vắng mặt thì kỷ luật trở nên lỏng lẻo, các thầy tự ý muốn làm gì thì làm. Phẩm chất không còn như trước nữa. Họ sẽ hút thuốc, họ la cà, họ đôi co mách lẻo. Nếu thầy còn có mặt thì học sinh sẽ giữ kỷ luật. Mà nếu thầy cũng vắng mặt thì lớp học sẽ biến thành cái chợ. Nếu thầy trở lại thì bỗng nhiên thay đổi tất cả. Một thẩm quyền cao hơn đã hiện diện; sự hỗn loạn chấm dứt ngay lập tức.

Hỗn loạn là bằng chứng cái thẩm quyền cao hơn đang vắng mặt. Khi không có hỗn loạn, khi có hòa điệu thì đó là dấu hiệu của thẩm quyền ấy đang hiện diện. Tâm trí của bạn đang hỗn loạn – một điểm cao hơn cần phải có, một sự kết tinh cao hơn phải được tạo ra. Bạn chẳng khác gì bọn học trò trong một lớp học vắng thầy, cô. Một khi bạn tự chủ được, lập tức một chức năng cao hơn đã thành hình.

Cho nên Chúa Giê-Su nói, “Hãy chữa bệnh.” Từ “chữa bệnh” (heal) có cùng gốc với từ “hoàn toàn” (whole), và từ “linh thiêng” (holy). Chữa bệnh cho một người là làm cho người ấy trở nên hoàn toàn, và người nào hoàn toàn thì trở nên linh thiêng. Đó là cả một tiến trình. Tâm trí bị bệnh và chẳng có một trung tâm nào cả. Tâm trí của bạn có một trung tâm nào không? Bạn có thể nói, “Đây là trung tâm của tôi” không? Mỗi phút nó mỗi thay đổi: mới đây bạn nóng giận; bạn cảm thấy bạn chính là cơn giận. Sau đó thì bạn yêu đương, và bạn nghĩ “Tôi là tình yêu”. Ít lâu sau thì bạn bức tức, và bạn nghĩ, “bức tức là tôi.” Bạn có trung tâm nào bên trong không? Hay bạn chỉ là một đám đông di động?

Trong hiện trạng của bạn, bạn chẳng có một trung tâm nào cả. Không có trung tâm nghĩa là bệnh. Người lành mạnh là người có trung tâm. Chúa nói, “Tạo trung tâm cho mỗi người!” Cho nên dù hỗn độn có vây quanh, bạn vẫn tự chủ, hai mươi bốn giờ mỗi ngày; cái gì đó luôn luôn hiện diện. Sự liên tục ấy chính là bạn.

Hãy nhìn bằng một góc cách khác: cái tồn tại có ba lớp. Lớp đầu tiên là khách thể, đó là thế giới khách quan; nó bao quanh bạn mà giác quan của bạn nhận ra được -- mắt nhìn, tai nghe, tay sờ. Thế giới khách quan là lớp đầu tiên của cái tồn tại; nếu bị vướng mắc trong đó thì bạn chỉ biết đến những cái phù phiếm, nông cạn. Lớp thứ hai nằm bên trong bạn; đó là thế giới của tâm trí. Ý tưởng, cảm xúc, yêu, thương, giận, ghét.. đều thuộc về lớp thứ hai. Lớp đầu tiên có tính cách công cộng. Nếu tôi cầm một cục đá trong tay, bạn có thể trông thấy. Nó có tính cách khách quan thông thường.

Khi nhìn tôi, bạn chỉ thấy được thể xác của tôi mà không thấy tôi. Khi nhìn bạn, tôi không thấy được bạn, mà chỉ thấy được thể xác của bạn. Nhưng không ai có thể nhìn được tâm trí của bạn. Người khác có thể thấy được cử chỉ của bạn: bạn hành động thế nào, bạn làm gì, bạn phản ứng ra sao. Người khác có thể thấy sự giận dữ của bạn; mặt bạn đỏ như chàm, cái nhìn hung dữ, sự độc ác đã chiếm lĩnh bạn. Nhưng người ấy không thấy được sự giận dữ bên trong. Người ấy có thể thấy được cử chỉ thân mật của bạn qua thể xác, nhưng không thấy được tình yêu. Có thể bạn chỉ ra dấu mà chẳng có tình yêu. Bạn có thể lừa dối người khác bằng cách đóng kịch, và đó là chuyện thường đối với bạn.

Thể xác của bạn có thể thấy được bởi mọi người, nhưng họ không thấy được tâm trí của bạn. Thế giới khách quan là của chung, và đó là lãnh vực của khoa học. Khoa học gia nói đó là thực tại duy nhất, bởi vì họ không biết được ý tưởng của bạn, rằng chẳng ai biết được chúng tồn tại hay không. Bạn nói chúng hiện hữu, nhưng không ai kiểm chứng được, không quan sát được, không thí nghiệm được. Bạn có thể nói ra, nhưng bạn cũng có thể lừa dối mọi người. Cũng có thể chính bạn cũng bị lừa nữa. Ai mà biết được? Ý tưởng của bạn không phải là đồ vật, nhưng bạn biết rõ là chúng hiện hữu. Đồ vật và ý tưởng đều có thực. Nhưng ý tưởng thuộc về cá nhân, riêng tư; công chúng không thể biết được.

Lớp đầu tiên, lớp bên ngoài, cái thực tại trên bề mặt tạo ra khoa học. Lớp thứ hai, lớp của ý tưởng, cảm xúc, tạo ra triết học, thi ca. Nhưng chỉ có thể thôi sao? Chỉ có vật và tâm thôi sao? Nếu chỉ có thể thì bạn không thể có trung tâm, bởi vì tâm trí thay đổi không ngừng. Nó không có trung tâm; hôm qua bạn có một số ý tưởng nào đó; hôm nay bạn lại có cái khác; ngày mai bạn lại có những cái khác nữa; nó là một dòng sông; chẳng có chỗ nào để nó quy về. Bạn chẳng tìm thấy một trung tâm nào trong tâm trí: ý tưởng thay đổi, cảm xúc thay đổi, nó không ngừng chuyển động. Cho nên bạn luôn luôn bị chia cắt, không thoải mái, không bao giờ được nguyên vẹn. Nhưng cái tồn tại còn một lớp nữa, nằm sâu nhất. Lớp đầu là thế giới khách quan, bao gồm

khoa học và những đối tượng của nó. Lớp thứ hai là thế giới chủ quan -- thế giới của ý tưởng -- gồm có triết học và thi ca, cảm xúc, ý tưởng. Và cuối cùng thế giới của tôn giáo, và đó là thế giới của một quan sát viên – một chứng nhân quan sát tất cả, quan sát cả thế giới khách quan lẫn chủ quan.

Quan sát viên ấy là một, chẳng có hai. Khi bạn mở mắt nhìn căn nhà bên ngoài, hay nhắm mắt nhìn căn nhà bên trong thì chỉ có một nhân vật. Khi quan sát cơn giận, hay tình yêu, cũng chỉ một người. Đời bạn buồn hay vui, là một bài thơ hay một cơn ác mộng cũng chẳng khác nhau – quan sát viên ấy không thay đổi. Nhân chứng ấy chính là trung tâm, và đó là thế giới của tôn giáo.

Khi Chúa nói, “hãy đi và chữa bệnh cho mọi người,” Ngài muốn nói rằng hãy giúp họ tìm đến trung tâm, hãy biến họ thành nhân chứng. Họ sẽ chẳng còn bị kẹt trong thế giới, không bị vướng trong ý tưởng; họ sẽ trụ trong bản thể của họ. Một khi bạn trụ trong bản thể của mình thì tất cả thay đổi, một phẩm chất mới nảy sinh. Lúc đó bạn hãy cầu nguyện.

Thế thì sự cầu nguyện ấy không phải là xin xỏ, mà là sự biết ơn. Bạn không cầu nguyện như một tên ăn mày, mà như một ông hoàng. Bạn sẽ cho, nhưng không phải để thoả mãn cái tôi. Bạn cho vì lòng từ bi. Bạn cho vì bạn cảm thấy niềm an lạc khi cho. Bạn có thể nhịn ăn, nhưng đó không phải vì bị ám ảnh bởi thức ăn; nhịn ăn như thế có một ý nghĩa khác hẳn.

Đó là sự nhịn ăn của Mahavira. Đôi khi bạn quên hẳn cơ thể, đến độ bạn quên cả đói. Bạn không còn để ý đến thể xác nữa, đến nỗi nó không thể báo cho bạn biết là nó đang đói. Từ “nhịn ăn” trong chữ Phạn rất có ý nghĩa. Từ đó là *upawas*. Từ đó không hề gọi lên ý tưởng về ăn hay không ăn. Nó có nghĩa là “sống gần chính bạn”. Một khoảnh khắc nào đó bạn trụ sâu trong bản thể đến độ bạn quên hẳn thể xác, như thể là bạn chẳng có xác. Thế thì bạn không thể cảm thấy đói, và nhịn ăn tự xảy ra. Bạn không làm việc đó. Nó xảy ra một cách tự nhiên.

Bạn có thể trụ trong trung tâm này trong nhiều ngày. Nó đã xảy ra cho Ramakrishna (2). Ngài đã nằm trong đại định đến sáu hay bảy ngày. Có người đã tưởng là Ngài đã chết vì Ngài nằm cứng đờ trong cùng một vị trí. Mà nếu Ngài nhập định lúc đang đứng thì Ngài sẽ đứng trong nhiều ngày. Các đệ tử của Ngài phải đưa Ngài lên giường, và phải đổ sữa vào miệng cho Ngài, cho Ngài uống nước. Đó mới thực là nhịn ăn, bởi vì bạn không phải là thể xác nữa.

Bạn sống trong cơ thể, nhưng bạn không phải là cơ thể. Nhưng bạn không thể khiến nó xảy ra theo ý muốn. Bởi vì sai khiến nghĩa là bạn phải dùng cơ thể để thực hiện. Nhưng nhịn ăn theo cách này thì không thể làm được vì không nằm trong cơ thể. Nó có thể tự xảy ra. Nó đã xảy ra cho Mahavira, đã xảy ra cho Chúa Giê-Su, đã xảy ra cho giáo chủ Mohammed. Nó cũng có thể xảy ra cho bạn.

Chúa Giê-Su nói:

Và bất kỳ nơi nào người đến, nếu được tiếp đón, hãy ăn những gì chủ mời, và chữa bệnh cho người thân của họ. Vì những gì các người ăn vào không làm ô uế người, nhưng những gì từ miệng người nhả ra sẽ làm ô uế người.

Lời kinh này rất có ý nghĩa. Đừng quan tâm quá nhiều nếu thức ăn không trong sạch, hoặc là nếu một tiện dân đã đụng vào, hay một phụ nữ có kinh đi qua và bóng của cô ta đã làm ô uế nó. Vấn đề không phải là cái bạn ăn vào, mà cái bạn xả ra, bởi vì nó cho thấy con người của bạn; bạn đã thay đổi cái bạn đã ăn. Đó là ý của Chúa.

Sen mọc ra từ bùn. Bùn đã chuyển hoá và thành sen. Bông sen ấy không hề nói, “Tôi không thể sống trong đám bùn này. Tanh hôi quá!” Không, vấn đề không hề đặt ra cho nó. Nếu là sen thì chẳng có gì nhơ bẩn đối với bạn cả. Bạn có khả năng của một bông sen, nếu bạn có sức mạnh chuyển hoá, biết đổi cặn bã thành vàng ròng, thì dù có vướng mắc trong bùn cũng thành sen. Mà nếu không có đặc tính của sen, dù có sống trong gác vàng bạn cũng thải ra bùn. Cái bạn nhận vào không đáng nói. Quan trọng ở chỗ là bạn có trụ trong trung tâm của mình không. Bạn sẽ thay đổi cái bạn nhận vào, và khi ra nó sẽ được biến đổi theo đặc tính của bạn.

Chuyện xảy ra trong đời của Đức Phật. Ngài vô tình bị trúng độc do thức ăn. Ngài đã được một người nghèo mời đến nhà để ăn. Vì muốn là người đầu tiên đến mời Ngài trong ngày ấy, nên khi trời còn mờ sương, khoảng bốn giờ, người ấy đến chỗ Đức Phật đang nghỉ để thỉnh Ngài. Khi gặp Ngài, người ấy nói, “Xin Thế Tôn vui lòng đến để ăn bữa cơm muối dưa với con. Con đã chờ đã lâu. Con là một người rất nghèo nên nếu được Thế Tôn đến viếng thì là một vinh dự lớn lao cho con.”

Đức Phật nói, “Ta sẽ đến.”

Ngay lúc đó thì xe của ông thị trưởng đến với một đoàn tùy tùng. Ông ấy nói với Ngài, “Xin đến dùng cơm với chúng tôi!”

Đức Phật nói, “Thật là khó nghĩ cho tôi. Tôi đã nhận lời mời của ông bạn này rồi. Vậy xin để cho các đệ tử tôi đến thay tôi vậy. Ông ta là người đầu tiên đã mời tôi, cho nên tôi phải đi với ông ta.”

Ông thị trưởng nói với Ngài, “Sao người này có thể mời Ngài đến ăn tại nhà được? Con của ông ta cũng còn không có gì để ăn mà. Ông ta nghèo rớt mòng tơi.”

Đức Phật nói, “Không phải thế! Tôi đã nhận lời mời rồi nên phải đến.”

Người ấy đã làm gì? Tại Bihar (4) và những tỉnh nghèo khác ở Ấn Độ, phần đông dân nghèo hái nắm đại trong mùa mưa. Họ phơi khô để dành ăn trong cả năm. Thỉnh thoảng một số bị nhiễm độc. Người ấy đã mời Phật đến nhà, và Ngài đã ăn phải món nắm độc này. Ngài ăn và thấy đắng quá, nhưng vẫn tiếp tục ăn vì ngoài món này ra thì chẳng có món nào khác. Người ấy rất vui mừng. Trong khi đó Phật trở về thì chất độc bắt đầu hoành hành. Thầy

thuốc được gọi tới bắt mạch rồi nói, “Hết chữa được rồi. Chết độc đã ngấm vào máu. Ngài sẽ phải chết.”

Đức Phật liền triệu tập chúng đệ tử lại và nói, “Người ấy không phải là người bình thường. Ông ta là người khác thường. Bởi vì bữa ăn đầu tiên của tôi là do mẹ tôi cho, và đây là bữa ăn cuối cùng. Ông ấy chẳng khác gì mẹ tôi. Vậy chúng ta hãy kính trọng ông ta vì việc này rất hi hữu. Trong nhiều ngàn năm mới có một vị Phật xuất hiện, và chỉ có hai người được vinh dự ấy. Đầu tiên là người mẹ đã đưa Ngài vào thế gian này, và cuối cùng là người này đã giúp đưa Ngài vào thế giới bên kia. Cho nên hãy báo cho mọi người biết để tuyên dương người ấy.

Đệ tử của Ngài rất bối rối. Vài người muốn giết quách lão già ấy cho xong. Khi tất cả lui ra thì ngài A-Nan-Đà (5) nói với Phật, “Chúng tôi không thể hiểu được. Sao phải tuyên dương lão già ấy? Y là tên giết người. Y đã giết Ngài. Sao Ngài lại nói như thế?”

Phật nói, “Tôi biết nhiều người cũng muốn giết ông ta nên mới nói thế. Hãy kính trọng ông ta. Ngàn năm một thuở mới có người dâng thức ăn cuối cùng cho một vị Phật.”

Đức Phật đã ăn phải độc, nhưng Ngài đáp lại bằng tình yêu. Đó là sức mạnh của lòng từ bi: Ngài sắp chết nhưng vẫn tha thứ cho người suýt giết chết mình.

Thậm chí nhận được độc dược, một vị Phật cũng biến nó thành tình yêu.

Chúa Giê-Su nói: Vì những gì người ăn vào không làm ô uế người - ngay cả chất độc cũng không thể làm ô uế bạn được - nhưng những gì từ miệng người nhả ra sẽ làm ô uế người. Cho nên quan trọng là cách bạn hành xử như thế nào: nếu ai đó làm nhục bạn thì hãy cho bạn sự sỉ nhục, nhưng nó không làm bạn xấu. Bạn đáp ứng cách nào? Bạn biến đổi sự sỉ nhục ra sao? Giận dữ có thay bằng từ bi không?

Cho nên Chúa nói, “Hãy để ý những gì thoát ra từ bạn. Đừng quan tâm đến những gì bạn nhận vào.” Mà bạn cũng cần phải nhớ như vậy, nếu không thì hành động của bạn sẽ sai lầm hết. Nếu bạn liên tục nghĩ đến những gì bạn nhận vào, bạn sẽ không bao giờ học được cách thay đổi mọi việc. Thế thì bạn chỉ quanh quẩn trong những lễ nghi bề ngoài: thức ăn thuần khiết, món này và món kia, không ai được gần bạn, bạn là người thánh thiện. Bạn chỉ quan tâm về những cái vớ vẩn! Vấn đề không phải là cái gì đi vào, mà là bạn biến đổi nó như thế nào.

Điều đó đã xảy ra cho Shankacharya (6). Ông ấy từng sống tại Benaras. Như thường lệ sáng nào ông ta cũng đi tắm ở sông Hằng vì người Ấn tin rằng nước sông có thể rửa sạch mọi lỗi lầm. Khi trở về thì ông ta bị một tiện dân đụng vào người. Ông ta giận dữ và nói, “Ông làm gì thế? Tôi lại phải đi tắm lại. Ông đã làm bẩn tôi.”

Người tiện dân ấy nói, “Thế thì sông Hằng cũng vô dụng, bởi vì nếu nó đã làm sạch cho ông, mà chỉ vì tôi đung vào cũng đủ làm ông dơ bẩn trở lại. Vậy thì tôi vĩ đại hơn cả sông Hằng!”

Người tiện dân ấy tiếp tục, “Thế mà ông cũng khoe là đã chứng ngộ rồi. Ông thường nói rằng Brahman (thượng đế) hiện hữu trong tất cả chúng sinh. Nay ông nói rằng vì bị tôi đung phải mà ông bị dơ bẩn. Thế có nghĩa là tôi có thể chạm đến được linh hồn của ông. Mà ông nói rằng thế xác chỉ là một ảo tưởng. Vậy thì xin hỏi ông. Sao ảo tưởng có thể chạm đến cái có thực được? Sao cái không có thực có thể làm ô uế cái có thực được? Nếu nói không phải thế xác tôi, mà linh hồn tôi đã làm dơ bẩn ông, bởi vì linh hồn có thể chạm được linh hồn, thì tôi không phải là Brahman mà ông thường nói sao? Vậy thì ai đã làm ông ô uế?”

Shankara lập tức quỳ xuống và nói, “Cho đến nay tôi chỉ nghĩ về Thượng Đế như một triết lý. Nay Ngài đã mở mắt cho tôi. Không ai có thể làm tôi ô uế được. Nay tôi đã hiểu rồi: Chỉ có cái một hiện hữu; cái một đó ở trong tôi cũng là cái một ở trong Ngài.” Sau đó Shankara cố tìm hiểu về người ấy, nhưng không tìm ra tông tích. Có thể người ấy chính là Thượng Đế, nhưng bất luận là gì, Shankara đã hoàn toàn thay đổi (7).

Cái bạn nhận vào không thể làm ô uế bạn được, bởi vì chúng chỉ có thể ảnh hưởng thế xác của bạn. Không gì có thể đi vào bản thể của bạn được. Sự thuần khiết của bạn là tuyệt đối. Nhưng những gì từ bạn mà ra mang theo đặc tính của bạn, mùi vị của bạn; nó nói lên phẩm chất của bạn. Nếu giận dữ thoát ra, đó là bằng chứng bạn bị rối ren bên trong. Nếu thù ghét thoát ra, nó cho biết là bên trong bạn chưa toàn vẹn. Nếu tình yêu và từ bi thoát ra, đó là dấu vết của sự nguyên vẹn đã kết tinh.

Hy vọng bạn sẽ hiểu được những lời lạ lùng này. Hiểu lắm thì dễ rồi, mà những người như Chúa Giê-Su thì hiểu lắm là chuyện thường. Khó mà hiểu được họ, bởi vì họ nói về chân lý, mà chân lý thì luôn luôn mâu thuẫn vì bạn chưa sẵn sàng để nghe, vì bạn chưa có trọng tâm.

Bạn hiểu qua tâm trí, mà tâm trí thì luôn luôn lẫn lộn, bối rối; nó xuyên tạc theo ý riêng của nó. Cho nên lời kinh này trở nên nguy hiểm. Đó là lý do tại sao chúng không được ghi lại trong thánh kinh chính thức của Ki Tô Giáo. Chúng bị loại bỏ, bởi vì có vẻ nguy hiểm quá. Chúng được ghi lại, nhưng bị gạt ra trong thánh kinh chính thức (8) mà Ki Tô hữu dùng. Khi Chúa Giê-Su giảng thì nhiều người ghi lại lời của Ngài, và những tài liệu này còn tồn tại đến ngày nay. Chúng được tìm ra trong một hang ở Ai Cập năm 1945 (9). Những lời kinh mà chúng ta đang bàn ở đây thuộc về những tài liệu đó, bởi vì văn kiện chính thức không bao giờ trung thực – không thể trung thực được (10). Một khi tôn giáo có tổ chức chặt chẽ thì tinh thần tôn giáo bị giết chết. Nó bị giết vì quyền lợi riêng tư của các phe nhóm. Làm sao Đức Giáo Hoàng có thể nói, “*Nếu nhịn ăn, bạn sẽ phạm tội?*” Vậy thì sẽ không có ai nhịn ăn nữa; “*Nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án*” – thì chẳng ai cầu nguyện nữa; “*Nếu bố thí sẽ có hại cho linh hồn của người*” – thì

chẳng có ai bổ thí nữa. Thế thì làm cách nào một tổ chức, một tôn giáo tồn tại được?

Tổ chức của Ki Tô Giáo hữu hiệu nhất: Tu sĩ Công Giáo có đến hàng chục triệu người. Giáo đường có đến hàng triệu ngôi. Giáo hội Công Giáo là tổ chức giàu nhất. Đức Giáo Hoàng là người giàu nhất thế giới. Giáo hội Công Giáo là một quốc gia tôn giáo duy nhất được quốc tế công nhận, có hàng triệu nhân viên. Làm cách nào họ thực hiện được công việc vĩ đại ấy. Phần lớn là do đóng góp của Ki Tô hữu. Mà nếu họ nghe Chúa nói, “*Nếu bổ thí sẽ có hại cho linh hồn của người*” -- thì ai sẽ đóng góp? Mà nếu Chúa nói, “*Nếu cầu nguyện, người sẽ bị kết án*” -- thì ai sẽ đèn giáo đường nữa? Mà nếu không có cầu nguyện, không nhịn ăn, không có nghi lễ, không có bổ thí thì các tu sĩ lấy gì mà sống? Chúa Giê-Su đã đánh thẳng vào nền tảng của các tôn giáo có tổ chức – hoặc là có Chúa, hoặc không có Ki Tô Giáo.

Những lời kinh này không được ghi lại trong thánh kinh chính thức, vì đã bị gạt ra ngoài. Bạn cũng sẽ hiểu lầm, nhưng nếu chăm chú nghe tôi nói thì bạn sẽ hiểu được. Chúa không chống lại cầu nguyện, không chống lại nhịn ăn, không chống lại bổ thí và chia sẻ - Ngài chỉ muốn lột tất cả những bộ mặt giả dối của bạn ra.

Cái thực phải được trả lại cho bản thể của bạn. Trước hết là bạn phải thay đổi và chuyển hoá, chỉ có thế thì những việc làm của bạn mới có ý nghĩa.

Có người hỏi Thánh A-Gut-Ti-Nô, “Con phải làm gì? Con là người dốt nát. Xin nói thật vấn đề tất trong vài lời để con có thể hiểu được.”

Ngài trả lời, “Chỉ có một điều cần phải biết. Đó là tình yêu. Bất kỳ bạn làm gì với tình yêu thì đều đúng cả.”

Nếu yêu thì mọi việc bạn làm đều đúng cả. Nếu không yêu thì tất cả đều sai.

Yêu là bất vị kỷ. Yêu nghĩa là trụ tại trung tâm. Yêu nghĩa là luôn luôn tự tại. Yêu nghĩa là đầy lòng biết ơn. Yêu nghĩa là sống theo thiên tính, không phải qua hành động, bởi vì hành động nằm ở ngoại vi, mà thiên tính thuộc chiều sâu.

Hãy để mọi việc tự xảy ra một cách tự nhiên. Đừng quản lý, đừng điều khiển các hoạt động của bạn. Hãy thay đổi bản thể của mình. Giá trị của bạn không tùy thuộc việc làm của bạn, mà ở con người của bạn.

Chú thích:

1. Nhịn ăn là kỷ luật thường được những nhà khổ hạnh áp dụng. Chúa Giê-Su không ăn không ngủ trong sa mạc bốn mươi đêm, bốn mươi ngày. Phật khổ hạnh trong suốt sáu năm trời, nhiều ngày Ngài chỉ ăn một hột mè. Có lần Ngài kiệt sức và suýt bị nước sông Ni Liên Tuyền cuốn đi. Sau đó Ngài tỉnh ngộ và nhận ra rằng sống một đời buông thả quá cũng không tốt, mà hành xác quá cũng không tốt, và Ngài đã chọn con đường trung dung; cuối cùng Ngài đã chứng nghiệm chân lý. Vấn đề đặt ra là nhiều người đã nhịn ăn, cầu

nguyện, hay lấy việc ăn chay trường để khoe khoang sự thánh thiện của mình, để đánh bóng cái tôi của mình. Cho nên việc nhịn ăn, bố thí của họ mới là chỗ mà Chúa chỉ trích.

2. Ramakrishna là một thánh nhân sống tại Calcutta, Ấn Độ, trong tiền bán thế kỷ hai mươi. Ngài đã thực hành những phương pháp tu của mọi tôn giáo, và đã xác nhận rằng những phương pháp ấy đều đưa đến cùng một kết quả. Ngài được thế giới biết đến qua người đệ tử nổi tiếng là Vivekananda.

3. Mohammed là giáo chủ của Hồi Giáo. Ngài nghe được thông điệp từ cõi siêu việt và đã ghi lại trong cuốn kinh Quran.

4. Bihar là một tiểu bang của Ấn Độ, nơi Đức Phật giác ngộ

5. Ngài Ananda là một đại đệ tử của Phật, và cũng là người săn sóc cho Ngài. Về vai vế họ hàng thì ngài Ananda là anh họ của Đức Phật.

6. Adi Shankara (788-820) là một triết gia cự phách nhất của Ấn Độ, và là người đã lập ra phái Avaita Vedanta. Avaita nghĩa là bất nhị vì chủ trương rằng đại hồn (Brahman) và tiểu hồn (atman) không phải không hai (bất nhị). Vedanta nghĩa là 'chấm dứt thời kỳ Vệ Đà'. Avaita Vedanta dựa trên các bộ kinh Brahma Sutra, Bhagavat Gita và hơn 1000 bộ Áo Nghĩa Thư (Upanishads). Ông ấy thường đi khắp Ấn Độ và đấu lý với các đạo sư, học giả tên tuổi và đánh bại tất cả. Nổi tiếng nhất là trận đấu với hai vợ chồng đạo sư Misra và tăng chúng của đại học Phật Giáo tại Nalanda.

7. Sau này Shankara viết lại rằng người ấy chính là thần Shiva đã xuất hiện để dạy bài học đó cho mình. Shiva là một trong ba mặt của Thượng Đế của Ấn Độ Giáo. Hai mặt kia là Brahma và Vishnu.

8. Thánh Kinh chính thức của Ki Tô Giáo có hai phần: Cựu Ước (Old Testament) và Tân Ước (New Testament). Cựu Ước ghi lại giao ước giữa Thiên Chúa và người Do Thái. Tân Ước ghi lại lời Chúa và việc làm của các Tông Đồ (đệ tử của Chúa). Tân Ước gồm có 27 cuốn, trong đó là bốn Phúc Âm (Gospel) ghi lại đời sống và việc làm của Chúa; 13 cuốn là thư (Epistle) của Thánh Phao-Lô (Paul) gửi cho các tín hữu; Tông Đồ Công Vụ (Acts of Apostles) ghi lại việc truyền giáo của các Tông Đồ (Apostles); Mặc Khải (Revelation) của Thánh Gio-An nói về tận thế và sự trở lại của Chúa; số còn lại là thư của các thánh khác như Phê-Rô, Gio-An.

9. Phúc Âm thánh Tô-Ma thuộc về nhóm Gnostics (chữ Hy Lạp nghĩa là biết). Nhóm này thịnh hành đến thế kỷ thứ tư thì bị tiêu diệt, sau khi hoàng đế Constantine của La Mã nhận Công Giáo làm quốc giáo. Một số lớn tài liệu của Gnostics đã được khai quật năm 1945 gần làng Nag Hammadi, Ai Cập. Một số tài liệu quan trọng khác được tìm thấy là Phúc Âm của các thánh Magdalene (Mai-Đê-Liên), Phillips (Phi-Líp-Phê), Peter (Phê-Rô). Độc giả muốn tìm hiểu thêm về nhóm Gnostics có thể tìm đọc The Gnostic Gospels của Elaine Pagels, và The Nag Hammadi của Robinson.

10. Cuốn The Five Gospels (Năm Phúc Âm) do nhóm Bible Seminars xuất bản năm 1995, đã bỏ Phúc Âm Thánh Tô-Ma (Thomas) vào chung với bốn Phúc Âm mà Ki Tô Hữu đang dùng. Bốn Phúc Âm kia là: Mat-Thiêu (Matthiew), Mát-Cô (Mark), Lu-Ca (Luke), và Gio-An (John). Theo nhóm Bible Seminars thì Thánh Tô-Ma ghi lại lời Chúa một cách trung thực nhất. Hội viện của nhóm Bible Seminars có hơn hai trăm người, tất cả đều là giáo sư Thần Học của những viện đại học danh tiếng ở Mỹ và Âu Châu.

6

Vô Lý! Phi Lý

Chúa Giê-Su nói, “Nước Trời giống như người chủ chiên (1) có một trăm con. Con lớn nhất bị lạc. Ông ấy bèn bỏ lại chín mươi chín con kia và đi tìm con bị lạc, cho đến khi tìm ra được mới thôi. Khi tìm được rồi, ông ấy nói với nó, “Ta thương mày hơn chín mươi chín con kia.” (2)

Một trong những câu hỏi hóc búa nhất là chuyện gì sẽ xảy ra cho những người tội lỗi, cho những người đi lạc? Giữa thánh linh và kẻ có tội có liên hệ gì chẳng? Họ có bị trừng phạt không? Họ có bị đày xuống địa ngục không? Bởi vì các thầy tu đều nói rằng họ sa địa ngục để bị trừng phạt. Nhưng Thượng Đế có nợ phạt ai không? Lòng nhân từ của Ngài để đâu? Thượng Đế mà chẳng tha thứ, ai có thể tha thứ được?

Có nhiều giải đáp khác nhau, nhưng giải đáp của Chúa tuyệt diệu nhất. Trước khi bàn về những lời của Ngài, một số yếu tố cần phải hiểu rõ để làm sáng tỏ vấn đề.

Mỗi khi trừng phạt người nào, bất kể có gì mà ta nêu ra, thì lý do của ta luôn luôn khác hẳn. Bởi vì có và lý do là hai cái khác hẳn nhau. Bạn là cha, hay là mẹ. Con của bạn đã làm phật ý bạn. Chẳng cần biết là nó đúng hay sai, bởi vì lấy thước gì mà đo để biết đúng hay sai? Có thể nó đúng, cũng có thể sai. Nhưng cái gì bạn cho phép thì đúng. Cho nên tất cả tùy thuộc ở bạn.

Một đứa trẻ làm gì sai. Bạn sẽ phạt nó. Lý do sâu xa là nó không tuân lệnh, chẳng phải là việc nó làm là sai. Lý do chính là bạn cảm thấy bị tổn thương. Nó đã cả gan dám thách đố bạn; nó đã khăng định chính nó. Nó đã chẳng coi bạn ra gì, chẳng biết bạn là cha mẹ, chẳng biết bạn là quyền lực tối cao. Cho nên bạn phạt nó. Lý do là cái tôi của bạn bị đụng chạm nên sự trừng phạt có hình thức báo thù.

Nhưng có của bạn thì khác hẳn. Bạn nói nó làm sai nên phải phạt để nhớ đời. Bạn thương nó nên phải cho roi, cho vọt. Cho nên nó sẽ bị phạt nếu không vâng lời, và nó sẽ được khen thưởng khi ngoan ngoãn. Nó phải được dạy dỗ như thế để được nên người. Đó là cái có của bạn; bạn nghĩ như thế trong đầu, nhưng đó không phải là lý do cơ bản.

Lý do cơ bản thì khác hẳn. Nó phải được nhắc đi nhắc lại là uy quyền thuộc về bạn, rằng bạn là người quyết định cái gì đúng, cái gì sai, rằng nó phải vâng lời, rằng nó không có tự do, rằng bạn là cha mẹ, rằng nó thuộc về bạn, rằng nếu không tuân lệnh, nó sẽ bị phạt.

Nếu bạn hỏi các nhà Tâm lý Miền Sâu (3), họ sẽ nói rằng, trong mọi hành vi, sự phân biệt giữa lý do và cái có ấy cần phải được hiểu rõ. Có là một thủ đoạn rất xảo quyệt. Nó dấu lý do thực sự và cho bạn cái giả dối, nhưng trên bề mặt, chẳng có gì sai cả. Và không những điều đó xảy ra giữa cha mẹ và con cái, mà còn xảy ra giữa xã hội và đám trẻ bụi đời. Đó là lý do tại sao có nhà tù, có luật pháp. Chúng là những cách mà xã hội báo thù.

Xã hội không thể tha thứ cho những người nổi dậy, bởi vì hấn sẽ phá hủy toàn bộ cơ cấu. Athens đã không tha Socrates (4), chẳng phải vì ông ấy sai, mà vì Athens không thể chấp nhận để cho toàn bộ cơ cấu của xã hội bị thách đố. Cho nên Socrates phải làm dế té thần.

Và Chúa bị đóng đanh, chẳng phải vì Ngài sai, mà vì xã hội thời ấy không thể chấp nhận những lời dạy của Ngài, những kiểu nói của Ngài, những hành động của Ngài. Ngài bị coi là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù những chân lý mà Ngài rao giảng chưa bao giờ được phát biểu một cách mạnh mẽ như thế.

Xã hội không thể chấp nhận được thì nó trừng phạt bạn. Nhưng nó sẽ tìm đủ cớ. Nó nói rằng làm thế là tốt cho bạn, bất kể là cái ước muốn đó có thành tựu hay không. Chúng ta đã phạt những tội phạm trong nhiều ngàn năm, nhưng chẳng mấy người quan tâm là những kẻ xấu số ấy có được hoán cải nhờ hình phạt hay không. Tội phạm mỗi ngày một đông. Khi nhà tù ngày càng nhiều thì luật pháp càng phức tạp hơn, tòa án nhiều hơn, tội phạm đông hơn, hình phạt nặng hơn. Vô lý tuyệt đối!

Đâu là sự thật? Can phạm cũng thừa biết đó chỉ là cái cớ, rằng hấn bị phạt không phải vì phạm luật, mà thật ra, hấn bị phạt chỉ vì bị bắt. Cho nên hấn cũng có lối giải thích riêng: lần sau hấn sẽ ma mãnh hơn, quỷ quyệt hơn. Lần này hấn bị bắt vì không cẩn thận, chẳng phải vì hấn sai. Lần này xã hội đã khôn hơn hấn, nhưng lần sau hấn sẽ lão cá hơn, quỷ quyệt hơn, thông minh hơn, và hấn sẽ không bị bắt. Một tù nhân, một tội phạm luôn luôn nghĩ rằng hấn bị phạt, không phải vì tội đã phạm, mà vì hấn đã bị bắt. Cho nên hấn chỉ học được một điều là đừng để bị bắt nữa.

Cho nên một tù nhân được phóng thích trở nên nguy hiểm hơn, bởi vì trong tù hấn gặp được những tay tổ, hấn học được kinh nghiệm của những lão làng, của những tay thiện nghệ. Hấn học bằng cách sống với họ, gần gũi họ, trở thành đệ tử của họ. Qua những kinh nghiệm ấy hấn trở nên thành thực hơn.

Chẳng mấy người nhờ hình phạt mà khá hơn, nhưng xã hội luôn luôn nghĩ rằng hình phạt cần phải có để răn đe tội phạm. Cả hai đều sai cả. Xã hội sai vì muốn báo thù. Tội phạm cũng sai vì cái tôi của nó xung đột với cái tôi của xã hội; nó nghĩ nếu có cơ hội thì nó sẽ trả thù.

Nhưng Thượng Đế cũng cá mè một lứa sao? Ngài cũng chẳng khác một chánh án, một người cha, hay một ông chủ sao? Ngài cũng tàn bạo như xã hội sao? Ngài cũng có cái tôi to tướng như chúng ta sao? Ngài cũng báo thù nếu bạn không tuân lệnh sao? Thế thì Ngài có khác gì người thường? Thế thì Ngài có gì là thiêng liêng chứ?

Đó là một trong những vấn đề gai góc nhất: Thượng Đế sẽ xử sự với người lầm lạc như thế nào? Ngài có lòng nhân không? Vì có những điều luôn luôn đi đôi với nhau. Nếu muốn được tuyệt đối công bằng, Ngài không thể nhân từ, bởi vì công bằng và nhân từ không đi đôi với nhau. Nhân từ nghĩa là tha thứ một cách vô điều kiện, nhưng không thể công bằng. Thiếu nhân từ thì Thượng Đế không thể là Thượng Đế được. Một vị thánh cầu nguyện liên tục cả đời, chẳng làm gì sai bao giờ, không hề xông xáo ra ngoài, luôn luôn sống trong phạm vi nhỏ hẹp của mình, tự giam giữ chính mình, cả đời cố gắng làm người nhân đức, không bao giờ chịu làm tội cho xác thịt, sống rất đạm bạc. Ngược lại là một người trụy lạc, nghĩ gì làm thế, cả đời chỉ biết ham vui, không tội nào không phạm. Rồi cả hai về nước Chúa.

Điều gì xảy ra? Nếu thánh nhân không được thưởng, và người có tội kia không bị phạt thì đó là bất công. Nếu cả hai đều được thưởng thì cũng bất công, bởi vì vị thánh kia sẽ nghĩ, “Ta là người có đức hạnh mà chẳng được phần thưởng đặc biệt gì cả. Nếu người kia cũng được thưởng như vậy thì nhân đức để làm gì? Tất cả trở nên vô ích.” Thế thì Thượng Đế có thể nhân từ, nhưng không công bằng.

Nếu Ngài công bằng thì tất cả rõ ràng. Tội nhân phải bị phạt; thánh nhân phải được thưởng. Nhưng thế thì thiếu nhân từ. Một người công bằng phải lạnh lùng, nếu không thì luật pháp không thể thi hành; người ấy không thể để tình cảm xen vào. Luật pháp phải vô tình, nếu không thì công lý không thể thi hành. Nhân từ không có chỗ đứng trong đó, bởi vì nhân từ là một trở ngại cho công lý. Một người công bằng phải hành xử như cái máy; ông ta chỉ biết có luật pháp, thưởng và phạt, và không cho phép tình cảm xen vào quyết định của mình. Ông ta phải là một quan sát viên lạnh lùng, như thể ông ta không có con tim. Nhưng vấn đề không đơn giản như thế, bởi vì qua nhiều thế kỷ ta thường nói rằng Thượng Đế vừa công bằng, vừa nhân từ; Ngài có tình thương, nhân từ nhưng công bằng. Đó là một mâu thuẫn, một nghịch lý. Giải quyết sao đây?

Chúa Giê-Su có một giải đáp tuyệt vời. Hãy cùng tìm hiểu giải đáp của Ngài. Điều ấy rất phức tạp, bởi vì nó đi ngược lại những quan niệm thông thường của chúng ta, ngược lại những thiên kiến của chúng ta vì Chúa không tin vào hình phạt. Người như Chúa không thể tin vào hình phạt vì đó chỉ là một hình thức báo thù. Phạt, Chúa, Krishna không thể tin hình phạt. Ngược lại, các Ngài có thể loại bỏ tính công bằng của Thượng Đế. Nhưng nhân từ thì không thể loại bỏ được, bởi vì công bằng là lý tưởng của con người, mà nhân từ là phẩm chất thiêng liêng. Công bằng có điều kiện: “Làm cái này thì được thưởng. Làm cái kia thì bị phạt.” Nhân từ chẳng có điều kiện nào cả.

Thượng Đế nhân từ. Mà muốn hiểu được sự nhân từ của Ngài, ta phải đi từ một tội nhân.

Chúa Giê-Su nói, *“Nước Trời giống như người chủ chiên có một trăm con. Con lớn nhất bị lạc. Ông ấy bèn bỏ lại chín mươi chín con kia và đi tìm con bị lạc, cho đến khi tìm ra được mới thôi. Khi tìm được rồi, ông ấy nói với nó, ‘Ta thương mày hơn chín mươi chín con kia.’”*

Vô lý, phi lý – nhưng rất đúng. Nước Trời giống như người chủ chiên có một trăm con. Con lớn nhất bị lạc. Ông ấy bèn bỏ lại chín mươi chín con kia và đi tìm con bị lạc. Bao giờ cũng thế. Người “đi lạc” luôn luôn là người giỏi nhất (5). Nếu bạn là người cha và có năm con thì đứa thông minh nhất bao giờ cũng cãi lại bạn, bởi vì nó muốn khẳng định chính nó. Những đứa tầm thường nói sao làm vậy. Đứa sắc sảo sẽ chống đối, bởi vì đó là đặc tính của nó. Thông minh đi kèm với nổi dậy; càng thông minh thì càng nổi dậy. Và những người không nổi dậy, những người chỉ biết dạ vâng, là những người như thể đã chết rồi. Bạn có thể thích họ, nhưng họ thiếu hẳn sinh khí. Họ theo bạn chẳng phải vì yêu bạn. Họ theo bạn chỉ vì họ yếu đuối, họ sợ, vì không thể đứng một mình. Họ yếu đuối, họ bất lực.

Nếu nhìn quanh bạn sẽ thấy những người tốt phần lớn là những người yếu đuối. Nhân đức của họ không phải do sức mạnh mà có, mà từ sự yếu đuối mà ra. Họ là người tốt vì chẳng dám tự ý làm gì cả. Nhưng tốt vì yếu đuối thì có giá trị gì? Nếu tính tốt do sức

mạnh tràn trề mà có thì mới thực sự tốt, bởi vì có sự sinh động trong đó, có sức sống mãnh liệt trong đó.

Cho nên một khi một tội phạm trở thành thánh nhân thì người ấy có một phong thái đặc biệt (6). Nhưng khi một người thường trở thành thánh nhân vì yếu đuối thì phong thái của người ấy rất tầm thường, nhợt nhạt, chẳng có sinh khí gì cả. Bạn cũng có thể trở thành thánh nhân vì nhu nhược, nhưng sẽ phí cả đời. Chỉ khi nào bạn trở thành thánh nhân qua sức mạnh thì mới xứng đáng. Một người tốt vì không dám tự ý làm gì khác không nhất thiết là tốt. Khi có quyền lực trong tay người ấy sẽ làm bậy; nó sẽ làm hư ông ta ngay lập tức.

Điều này đã xảy ra ở Ấn Độ, cho những người theo thánh Gandhi. Sức mạnh của họ do sự yếu đuối mà ra. Là những người tốt nhưng chưa có uy quyền trong tay bao giờ, nên khi trở thành những người lãnh đạo quốc gia, họ trở nên đồi bại ngay tức thì.

Quyền lực có thể làm hư hỏng một người có sức mạnh thực sự không? Không bao giờ. Bởi vì ông ta đã mạnh mẽ rồi. Nếu quyền lực có thể làm thối nát ông ta thì nó đã làm rồi. Chỉ khi bạn yếu đuối, và lòng tốt của bạn do nhu nhược mà ra thì quyền lực mới có thể làm hư hỏng bạn được. Lord Acton (7) nói, “Quyền lực làm hư con người, và làm hư một cách tuyệt đối.” Nhưng tôi muốn điều kiện hóa nó. Câu nói ấy không có điều kiện, không dứt khoát và không rõ ràng. Quyền lực làm hư người chỉ khi tính tốt do sự yếu đuối mà ra. Nếu tính tốt do sức mạnh mà có thì không sức mạnh nào làm hư người được. Quyền lực không thể làm bạn hư, nếu bạn đã biết mùi của nó là gì và đã nếm rồi. Nhưng khó mà biết được nhân đức của bạn do đâu mà có. Nếu không ăn cắp vì sợ bị bắt thì bạn sẽ làm ngay, nếu bạn biết chắc sẽ không bị bắt. Bạn không ăn cắp vì sợ; bạn không giết kẻ thù vì bạn biết rõ sẽ bị bắt. Nhưng nếu có những tình huống mà bạn biết rõ là bạn sẽ không bị bắt, không bị trừng phạt, thì bạn sẽ giết hắn ngay lập tức. Cho nên chỉ vì chết nhất mà bạn là người tốt.

Nhưng sao tính tốt có thể vì nhu nhược mà có được? Tính tốt cần phải có một năng lượng dồi dào. Tính tốt là một xa xỉ phẩm, nhân đức là một xa xỉ phẩm – nó có vì sự sung mãn. Khi bạn có quá nhiều năng lượng, khi bạn tràn ngập yêu thương, thì bạn chia sẻ. Bạn sẽ không lợi dụng vì không cần thiết. Bạn sẽ ban phát do con tim vì bạn có quá nhiều, đến nỗi nó trở thành một gánh nặng cho bạn. Bạn muốn chia sẻ và muốn trút cái gánh nặng ấy, bạn muốn cho tất cả như một quà tặng.

Khi bạn có gì thì bạn muốn cho đi, và bạn bám vào cái mà bạn không thực sự có. Đó là một quy luật. Chỉ khi bạn là sở hữu chủ, bạn mới cho một cách vui vẻ. Nếu bạn bám lấy nó thì trong thâm tâm bạn sợ vì bạn không phải là chủ nhân của nó. Bạn biết rõ là nó không thuộc về bạn, là chẳng chóng thì chầy bạn sẽ mất nó. Đó là lý do tại sao bạn không muốn cho. Cho nên chỉ khi một người dâng hiến tình yêu của mình thì đó là bằng chứng là người ấy có tình yêu. Chỉ khi một người hiến cả đời mình mới là người sống động. Chẳng có cách nào khác để biết cả.

Vì nhu nhược mà tốt thì cũng nhiều. Nó chỉ là cái vẻ bề ngoài, chẳng khác gì tiền giả, hay hoa giả vậy. Cây có hoa chỉ vì nó có quá nhiều năng lượng. Hoa chỉ là những xa xỉ phẩm. Cây chỉ ra hoa khi có quá nhiều chất bổ. Nếu nước không đủ, nếu phân bón dư hay thiếu, nếu đất không màu mỡ, cây có thể sống nhưng không thể sinh hoa, kết trái. Cái quý nhất

chỉ xuất hiện khi có đủ năng lượng để nó phát triển. Nếu không có đủ ăn, sự thông minh của bạn sẽ biến mất, bởi vì đó là sự nở hoa của bạn. Một xứ nghèo không phải nghèo trong thể xác, mà nghèo về chất xám, bởi vì thông minh không thể có giữa nghèo đói. Chỉ khi những đòi hỏi của cơ thể được thoả mãn thì năng lượng còn dư mới được dùng cho cái cao hơn; khi bụng đói thì năng lượng sẽ dồn cho cơ thể trước, bởi vì cơ sở phải được bảo vệ trước, gốc phải được an toàn trước đã. Gốc không chắc thì chẳng có hoa. Nếu ăn không đủ thì đòi hỏi thông minh làm gì? Từ bi, bác ái còn cao hơn nữa.

Phật Thích Ca và Mahavira xuất hiện khi Ấn Độ còn trù phú. Kể từ đó đã có nhiều cái-gọi-là thánh nhân, nhưng chẳng có Phật Thích Ca nữa. Bởi vì sự nở hoa đó chỉ có thể có khi có nhiều năng lượng dư thừa, năng lượng không cần thiết. Năng lượng thừa thải ấy sẽ khởi động chính nó. Và khi năng lượng tự khởi động, nó sẽ quay vào trong và trở thành thiền định. Một vị Phật được sinh ra từ đó; chân lý được hé mở từ đó.

Nếu thiếu nước thì hoa sẽ héo trước tiên, sau đó đến lá, rồi cành; rễ thì chết sau cùng, bởi vì nếu rễ còn thì cây có thể sống lại được. Cho nên cây phải bảo vệ gốc của nó bằng mọi giá. Gốc thấp nhất, nhưng cái thấp nhất phải được bảo vệ vì đó là nền tảng. Khi mưa thuận gió hoà thì chồi sẽ mọc lại, lá sẽ xanh và hoa sẽ thắm lại. Trật tự ấy cũng áp dụng cho bạn.

Cho nên nhân đức phải vì năng lượng của bạn mà có, không nên vì yếu đuối. Mà tôi không nói bạn phải bắt lương. Ác độc cũng cần năng lượng như lòng tốt vậy. Bạn không thể tồi tệ mà không có năng lực, cũng không thể tốt mà thiếu năng lực – bởi vì cả hai đều có thực. Bạn có thể làm gì mà thiếu năng lượng không? Có thể bạn chỉ có cái mặt giả dối, chỉ có cái mã bên ngoài; bạn chỉ biết lừa đảo, ma quái. Những gì bạn làm thì ma cũng chê, quỷ cũng hờn. Bạn sẽ tốt một cách giả dối, kịch cỡm. Bạn nghĩ bạn là người thánh thiện vì bạn không làm gì xấu cả, chẳng phải vì bạn đã hội nhập được với thánh linh.

Khi bạn đã hội nhập được với thánh linh thì đó là một thành tích lớn lao. Bạn trở nên như thần thánh mà không cần phải cố gắng, bởi vì nó xảy ra một cách tự nhiên. Nếu bạn chống lại ý tưởng xấu thì đó là cách tiêu cực. Nếu bạn chống lại thì có sự thèm muốn, và nếu ước muốn của bạn xấu thì bạn đã phạm tội rồi (8). Đó là sự khác biệt giữa tội của tôn giáo và của pháp luật.

Pháp luật căn cứ vào hành động. Bạn có thể nghĩ về đủ mọi tội ác, nhưng không tòa nào xử bạn được, vì tòa chỉ có thẩm quyền trên thể xác của bạn; nó bó tay với những ý tưởng của bạn. Tôi có thể nghĩ, có thể nói rằng tôi sẽ giết mọi người, nhưng chẳng hề liên lụy với pháp luật vì tôi chưa thực hiện điều đó. Tòa án chỉ phán quyết hành động mà không xét về ý tưởng.

Tôn giáo không phân biệt hành động và ý tưởng của bạn; mào mống của nó đã có rồi; nó đã xảy ra hay không không phải là vấn đề. Nếu nó trở thành hành động, pháp luật sẽ can thiệp. Nhưng nếu có ý nghĩ thì bạn đã phạm tội trong tư tưởng; đối với tòa án lương tâm, bạn đã phạm tội, bạn đã sa ngã. Nhưng nói rằng những con chiên lạc có nhiều ý chí hơn những người không hề sa ngã thì khó mà nghe lọt tai. Những người “lạc đường” luôn luôn là những người ưu tú nhất. Bạn sẽ thấy những người thông minh nhất trong nhà thương điên. Trong hơn bảy chục năm cuối của thế kỷ hai mươi, phần lớn người điên là người thông minh nhất, không phải những người tầm thường. Nietzsche (9) là một trong

những người cực kỳ thông minh nhất của nhân loại đã bị điên. Ông ta có quá nhiều năng lượng, nhiều đến nỗi không thể kiềm chế được và đã thành thác lữ; cuối cùng ông ta đã điên. Nietzsche đã điên. Nijinsky (10) đã điên. Nhìn qua bảy chục năm đó bạn sẽ thấy những thiên tài, những người thông minh nhất đã điên (11), còn những người tầm thường thì vẫn vậy.

Điều này có vẻ vô lý: tầm thường thì vẫn vậy, mà thiên tài thì điên. Tại sao người tầm thường không thay đổi? Vì họ không có sức, không có can đảm để xông xáo. Một đứa trẻ trở nên hư khi năng lượng của nó tràn trề; nó không thể ngồi yên được. Những đứa nhát gan thì quanh quẩn trong xó nhà; nếu bảo nó đọc kinh thì nó sẽ ngoan ngoãn nghe theo; nếu bảo nó lặn lội thì nó sẽ làm theo ngay. Nhưng gặp đứa ngang ngược thì nó sẽ nói, “Tôi không đọc kinh đâu! Tôi phải đi chơi, hoặc làm gì khác!”

Cuộc sống là sinh lực. Chỉ một tâm trí nhu nhược, thiếu sức sống mới không đi lạc, bởi vì trước hết phải có sinh lực đã; thiếu can đảm thì sao dám nhảy rào, dám vượt qua hổ thẳm được? Nhưng người đi lạc, nếu tìm ra lối đi riêng, sẽ trở thành Phật, thành tiên thánh. Nếu Nietzsche biết tìm đường tu thì đã thành Phật rồi. Ông ta có trí thông minh và năng lực để điên, thì cũng sinh lực ấy sẽ giúp ông ta đạt đạo; cũng năng lực ấy, nhưng khác chiều. Người có tiềm năng đạt đạo sẽ bị điên nếu ông ta không trở thành tiên thánh. Bởi vì năng lực sẽ biến đi đâu? Nếu năng lực không được dùng cho sự sáng tạo, nó sẽ trở thành hủy diệt. Bạn sẽ thấy những người thông minh nhất trong nhà thương điên vì họ không tầm thường; họ điên vì họ có thể thấy xa hơn bạn, thấy sâu hơn bạn. Và khi họ thấy sâu hơn bạn, ảo tưởng biến mất.

Toàn bộ cuộc sống sẽ trở nên mơ hồ vì, nếu bạn có thể hiểu thấu đáo hơn thì khó mà không có thay đổi. Bạn không thay đổi vì bạn không thấy rõ; bạn chỉ thấy được hai phần trăm của đời sống, còn chín mươi tám phần thì các nhà tâm lý nói đã bị che lại (12), bởi vì nếu thấy được bạn sẽ không chịu đựng được; bạn sẽ phát điên, sẽ nổi khùng.

Một số nhà tâm lý đã khảo cứu sâu rộng về điên, chẳng hạn R. D. Laing (13) và nhiều người khác, đã khám phá nhiều điều quan trọng. Một trong những điều ấy là người điên đều là những người thông minh nhất, và những tội phạm đều là những người bình thường nhất. Họ có thể trở thành thánh nhân (14), mà nếu Valmiki trở thành thánh nhân thì cũng không có gì lạ. Valmiki là một tướng cướp khét tiếng, chuyên nghề giết người, cướp của. Rồi ông ta đạt đạo một cách bất thành linh.

Một hôm tên lục lâm đại đạo ấy gặp một thánh nhân trên đường của hắn. Ngài hỏi hắn, “Ông sẽ làm gì đây?”

Valmiki nói, “Tao sẽ lột tất cả những gì mà mày có!”

Ngài nói với hắn, “Nếu ông có thể làm được thì tôi sẽ khen ông là tài, bởi vì bảo vật tôi có thì nằm tận bên trong. Nếu ông lấy được thì cứ tự tiện.”

Valmiki không hiểu nhưng nói, “Tôi chỉ lấy những cái bên ngoài thôi.”

Ngài nói, “Vậy thì chúng chẳng có giá trị gì nhiều. Mà tại sao ông lại làm thế?”

Valmiki nói, “Vì tôi có mẹ già, có vợ, và một đàn con phải nuôi. Nếu tôi không làm thế thì họ sẽ chết đói hết. Tôi chỉ biết ăn cướp mà thôi.”

Ngài nói với hần, “Hãy trói tôi vào gốc cây kia đi để tôi không trốn được. Sau đó ông về hỏi mẹ, và vợ con xem khi bị đầy xuống địa ngục thì họ có chịu tội chung với ông không?”

Lần đầu tiên trong đời Valmiki suy nghĩ rồi nói, “Chắc ông nói đúng đấy. Để tôi hỏi họ xem sao.”

Valmiki hỏi vợ thì bà ấy nói, “Sao tôi phải chịu chung với anh chứ? Tôi có làm gì đâu. Tội ai người ấy chịu chứ!”

Mẹ của Valmiki cũng nói, “Sao tao phải chịu tội chung với mày? Tao là mẹ mày nên mày có bốn phận phải nuôi tao.”

Valmiki tỉnh ngộ. Chẳng ai chịu tội chung với hần cả. Hần trở lại tìm vị thánh ấy, quỳ xuống dưới chân ngài và nói, “Xin hãy cho con cái bên trong. Con không quan tâm đến cái bên ngoài nữa. Con muốn tìm cái bên trong ấy vì nay con đã hiểu là chính con phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình, không ai có thể thay thế được. Con đã sinh ra một mình thì cũng chết một mình, và không một ai có thể gánh trách nhiệm cho con được. Cho nên con muốn tìm vào bên trong (15) để biết con là ai. Con đã chán ngấy tất cả rồi.” Valmiki cải tà quy chánh ngay lúc đó (16).

Một chuyện tương tự cũng đã xảy ra trong đời Đức Phật. Có một tên nữa điên nửa khùng. Y thề sẽ giết đủ một ngàn người mới thôi vì hần quá hận đời. Y muốn trả thù bằng cách giết đủ một ngàn người. Và cứ giết một người thì hần chặt một ngón tay treo trên cái vòng đeo cổ. Đủ một ngàn ngón mới thôi. Vì thế Y được tặng cái biệt danh là Angulimala (Thiên Chi Vương) – nghĩa là người có râu chuỗi bằng tay người.

Y đã giết được chín trăm chín mươi chín người rồi. Còn một người nữa y phải giết bằng mọi giá. Cho nên khi thấy bóng của y, mọi người bỏ chạy hết.

Đức Phật một hôm đi ngang qua khu rừng ấy. Dân làng đều nói với Ngài, “Xin đừng đi! Tên Angulimala hiện đang ở đó. Nó chẳng biết phải trái là gì. Nó cũng bất kể Ngài là ai. Nếu Ngài muốn qua đường thì xin đi lối khác!”

Đức Phật nói, “Nếu ta không vào hang cọp, ai sẽ vào? Mà hần chỉ cần một ngón nữa thôi nên ta phải đến.”

Ước nguyện của Angulimala sắp thành tựu. Hần là người có nhiều nghị lực; một mình dám chống lại cả xã hội; hần đã giết cả ngàn người rồi. Quân binh cũng phải e dè. Chính quyền cũng bó tay. Nhưng Phật nói, “Hần cần sự giúp đỡ của tôi nên tôi phải liệu một phen vậy. Hoặc là hần sẽ giết tôi, hoặc là tôi sẽ độ cho hần.” Đó là việc mà các thánh nhân vẫn thường làm (17). Phật đến gặp hần. Ngay cả các đệ tử thân cận nhất của Ngài cũng lùi lại đằng sau. Cho nên Đức Phật một thân một mình đến gặp Angulimala lúc hần đang ngồi trên một tảng đá. Y nhìn con người hồn nhiên ấy mà cảm thấy tội nghiệp thay. Y tự nghĩ, “Người này hần không biết ta là ai nên mới đến đây nạp mạng như thế. Nhưng ông ta là người rất đáng thương. Ta không nỡ giết ông ta. Vậy ta sẽ tha cho ông ấy và chờ người khác vậy.”

Y nói với Đức Phật, “Dừng lại! Đừng bước thêm một bước nữa. Hãy quay lại và trở về. Ta là Thiên Chi Vương đây. Râu chuỗi của ta đã có chín trăm chín mươi chín rồi. Ta cần

một ngón nữa là đủ. Thậm chí nếu mẹ ruột ta đến đây, ta cũng giết bà ấy để hoàn thành lời hứa của ta. Đừng đến gần đây. Ta cảnh cáo ngươi đó. Ta chẳng tin thần thánh. Ta bắt kẻ ông là ai. Ông có thể là một tu sĩ, một thánh nhân, nhưng ta chẳng cần biết. Ta chỉ cần một ngón tay nữa thôi. Của ông hay của ai cũng được. Vậy đừng đến gần nữa, không thì chớ trách ta.” Đức Phật vẫn tiến tới.

Angulimala nghĩ bụng, “Chắc là tên này điên hay là điên rồi!” Y hét lên, “Đứng lại! Đừng đến gần ta!”

Đức Phật nói, “Ta đã dừng lại từ lâu rồi. Thiên Chi Vương, ông mới là người còn vọng động. Ta đã ngưng rồi vì chẳng còn gì thúc đẩy ta nữa. Ta đã dừng lại rồi vì chẳng còn tham vọng gì nữa. Ta chẳng có chủ đích nào nữa. Ông mới là người còn nhiều vọng động đấy. Cho nên ta nói với ông: hãy đứng lại!”

Angulimala cười ngất. Y nói, “Ông thật là điên rồi! Tôi đang ngồi đây mà ông bảo tôi đứng lại! Ông đang đi mà lại nói đã dừng lại rồi. Hoặc là ông điên, hoặc là khùng. Ông thuộc loại nào vậy?”

Đức Phật đến gần và nói, “Nghe nói ông cần một ngón tay nữa. Cái thân già của lão đây cũng vô dụng. Khi ta chết đi thì nó sẽ bị đốt đi, chẳng giúp gì cho ai cả. Vậy ông cứ giết ta đi rồi lấy ngón tay của ta mà hoàn thành lời hứa. Đây là cơ hội cuối cùng để cho thân xác của ta có thể được dùng cho một lợi ích nào đó, trước khi nó hóa ra tro bụi.”

Angulimala nói, “Ông nói sao? Ta cứ tưởng ta là người điên duy nhất ở đây. Đừng có đóng kịch với ta, vì ta vẫn có thể giết ông đấy!”

Đức Phật nói, “Ta có một ước nguyện trước khi chết. Xin ông hãy cắt cành cây kia cho ta.” Angulimala vung dao lên. Một cành cây to đổ xuống. Đức Phật nói tiếp, “Xin hãy gắn nó lại!”

Angulimala nói, “Điên thật rồi mà! Ta có thể chém đứt nhưng không thể gắn lại được.”

Đức Phật cười sặc sụa và nói, “Vậy là ông chỉ biết phá hoại mà không biết xây dựng. Phá hoại thì con nít cũng làm được, có gì mà anh hùng chứ? Cành cây này con nít cũng cắt được, nhưng chỉ có thánh mới gắn lại được. Mà nếu cành cây mà ông không gắn lại được, sao ông dám cắt cổ người ta? Ông đã nghĩ về việc đó chưa?”

Angulimala nhắm mắt lại. Y quỳ xuống chân Đức Phật và nói, “Xin hãy nhận con làm đệ tử!” Và truyền thuyết nói rằng ngay lúc đó Angulimala đã chứng nghiệm được chân lý.

Hôm sau Angulimala theo Đức Phật vào thành khát thực. Nhà nhà đều khóa chặt cửa. Mọi người nói, “Mặc dù y đã là đệ tử của Phật, nhưng ai mà biết được. Nó rất nguy hiểm.” Dân chúng vẫn còn sợ. Chẳng ai dám ra đường. Khi Angulimala gõ cửa, không ai dám mở cửa vì tất cả đều sợ. Nhiều người đứng trên lầu nhìn xuống. Có người lấy đá mà liệng vì nhiều gia đình đã có người bị hắn giết chết.

Angulimala ngã quỳ xuống đường, máu me đầy mình, thương tích chỗ nào cũng có. Đức Phật và các đệ tử khác hỏi, “Angulimala, Ông có sao không?”

Angulimala mở mắt ra và nói, “Con cảm ơn Thầy. Họ có thể giết con, nhưng không thể chạm đến con được. Con đã giết nhiều người, nhưng nay mới nhận ra điều đó.”

Đức Phật nói, “Angulimala đã đắc đạo; ông ấy là một Bà La Môn, người biết rõ về Brahma.”(18)

Nó có thể xảy ra trong một nháy mắt, nếu có đủ năng lực, nếu không thì khó khăn lắm. Mục đích duy nhất của yoga là tạo ra năng lượng, càng nhiều càng tốt. Những phương pháp của Mật Tông là khơi lại những năng lượng bên trong của bạn, làm cho bạn tràn ngập năng lượng. Nhưng đó là con dao hai lưỡi.

Chúa Giê-Su nói, “*Con lớn nhất bị lạc.*”

Chỉ những con lớn nhất, tốt nhất mới đi lạc. Những kẻ có tội rất đáng thương, nhưng họ có thể trở thành thánh nhân bất cứ lúc nào (19). Một số nhỏ hoặc là thánh nhân, hoặc tội lỗi. Nhưng phần lớn ở giữa. Họ chẳng có gì đáng nói cả, bởi vì họ thiếu nghị lực, thiếu năng lực. Những người thiếu năng lượng là những người đã chết rồi; họ là những thầy ma đang chờ trước mộ phần của mình.

Tại sao những người tốt nhất, vĩ đại nhất lại đi lạc? Có một bí mật cần phải biết: tiến trình tăng trưởng là trước hết bạn phải có cái tôi. Nếu cái tôi của bạn không được kết tinh, bạn không thể quy phục được. Có vẻ mâu thuẫn, nhưng lý và sự phải thế. Trước hết, cái tôi của bạn phải được kết tinh, sau đó bạn phải vất bỏ nó. Nếu cái tôi không được kết tinh, bạn không thể quy phục được. Bạn không có gì cả, lấy gì mà loại bỏ, mà quy phục?

Người giàu có có thể từ bỏ của cải, nhưng tên ăn mày lấy gì mà từ bỏ? Một học giả có thể vất bỏ trí năng của mình, nhưng người đàn độn lấy gì mà bỏ? Hẳn không thể bỏ đi những gì hẳn không có. Là người hiểu biết, bạn có thể trở nên khiêm tốn, nhưng nếu bạn là người đàn độn thì nhún nhường với ai?

Socrates có thể nói, “Tôi không biết gì cả.” Đó là phần hai; ông ấy biết quá nhiều, và nhận thức được rằng mọi tri thức đều là vô ích (20). Nhưng người tầm thường không thể nói thế được. Trí năng cần phải được huấn luyện; tri thức cần phải có; cái tôi cần phải được kết tinh. Đó là phần đầu của cuộc sống. Khi có dư tiền, bạn mới có thể từ bỏ được. Khác nhau là chỗ đó.

Một tên ăn mày và Đức Phật cùng khát thực như nhau, nhưng phẩm chất đôi bên khác hẳn. Đức Phật ăn xin do sự lựa chọn của Ngài. Chẳng ai bắt buộc Ngài cả; Ngài tự chọn như thế. Ngài xin ăn vì từ trên đỉnh cao của danh vọng, Ngài đã thấy cái vô vị của nó; Ngài đã sống qua mọi đam mê và thấy được cái vô dụng của chúng, vì Ngài đã nhận ra rằng vương quốc của trần gian này chẳng đem lại bình an cho tâm hồn. Cho nên sự khát thực của Đức Phật có một hào quang của nó, mà không một ông hoàng nào có thể so sánh được, bởi vì họ mới đi được nửa vòng, còn Đức Phật thì đã hoàn tất.

Một tên ăn mày cũng xin ăn ở xó chợ vì chẳng biết gì khác cả; y chưa hề biết nhưng lựa là gì. Sao y có thể không ham muốn cho được? Sao y có thể nói lâu cao gác tía là thừa thãi được? Sao y có thể nói đàn bà đẹp là vô ích được? Chỉ có qua kinh nghiệm bạn mới biết được bản lĩnh của mình. ^{Thiếu} kinh nghiệm thì bạn chỉ tự an ủi mình, như mọi người nghèo vốn thường làm.

Nếu không có vợ đẹp mà bạn cứ lải nhải, “Có gì đâu? Xác thịt là xác thịt; đó chỉ là chỗ thần chết nằm chờ.” Nhưng thật sâu bên trong là chỗ núp của ham muốn, mà ham muốn chỉ có thể hết khi bạn đã từng trải, kinh nghiệm. Cho nên bạn chỉ tự an ủi chính mình.

Người nghèo có thể tự an ủi mình rằng cung điện chẳng là gì cả, nhưng anh ta biết rõ lắm, không thì sao ai cũng đâm đầu vào đó vậy? Anh ta bị ám ảnh và nổi điên vì nó: đêm đêm anh ta mơ thành ông vua, nhưng mở mắt ra thì thấy mình là tên ăn mày. Cho nên anh ta mới lắm bầm, “Tôi không cần, tôi chẳng quan tâm, tôi đã từ bỏ tất cả rồi!” Tự an ủi thế cũng chẳng giúp được gì; nó rất nguy hiểm, rất giả dối.

Phần đầu của một người trưởng thành một cách đúng đắn là kết tinh cái tôi của mình. Và phần còn lại là loại bỏ nó.

Một đứa trẻ chỉ trưởng thành được khi nó cưỡng lại cha mẹ nó, khi nó chống đối lại cha mẹ nó (21), khi nó thoát khỏi ảnh hưởng của họ (22), khi nó có cái tôi mạnh mẽ. Nếu cứ bám vào cha mẹ nó, nếu cứ theo đuôi họ, nó sẽ chẳng làm nên tích sự gì cả (23). Nó sẽ bị lạc, bởi vì nó chỉ học được qua kinh nghiệm. Nó phải tự lập. Nó phải trả giá bằng nước mắt của nó. Nó phải tranh đấu, vì qua đó nó mới biết được khả năng của nó. Đó là một vòng tròn: bạn biết khả năng của mình, bạn sẽ cố gắng hơn, bạn cố gắng hơn nữa, bạn tự tin hơn nữa, bạn biết rõ mình hơn. Đứa trẻ trưởng thành thực sự khi nó hoàn toàn độc lập. Vì sự độc lập này, nó phải đi lạc (24).

Kẻ có tội muốn độc lập với xã hội, với cha mẹ, nhưng hấn đi lộn đường. Thánh nhân cũng tìm sự độc lập, nhưng đi đúng đường. Chánh, tà là hai đường khác nhau, nhưng đường tà thên thang hơn. Trở thành thánh nhân thì khó hơn, vì bạn phải là kẻ có tội trước đã. Để tôi giải thích. Kẻ có tội không cần phải là thánh nhân trước, nhưng muốn là thánh nhân bạn phải nếm mùi tội lỗi trước. Nếu không thì sự thánh thiện của bạn rất nghèo nàn, nhạt nhẽo, buồn chán, thiếu sự sống, như thể con kinh đã cạn, không phải con sông mùa lũ.

Con lớn nhất đi lạc.

Con lớn nhất nghĩa là con tốt nhất. Bởi vì con chiên lớn nhất là con khỏe nhất, to nhất, có nhiều lông nhất, to béo nhất, mắc tiền nhất, đắt giá nhất. Càng to càng mắc, càng nhỏ càng rẻ. “Lớn nhất” nghĩa là tốt nhất. Con tốt nhất đã đi lạc. Đó là biểu tượng.

Chủ chiên bỏ lại chín mươi chín con – vì chúng chẳng giá trị gì cả.

Tại sao Chúa Giê-Su chọn chủ chiên và chiên? Biểu tượng mà Ngài dùng rất có ý nghĩa. Tâm trí của người trong đám đông chẳng khác gì con chiên; họ sống trong đám đông. Hãy quan sát đàn chiên: chẳng có con nào độc lập cả, chẳng có ý chí riêng tư nào cả, chẳng con nào dám rời khỏi đàn. Chúng sống vì đám đông.

Tôi nghe kể: thầy giáo hỏi đám trẻ, “Có mười con chiên. Một con nhảy rào. Còn lại mấy con?”

Một đứa nói, “Không còn con nào!”

Thầy hỏi nó, “Sao vậy? Đây là bài toán đố mà em lại nó gì thế? Mười con tất cả. Một con nhảy rào. Còn lại mấy con?”

Nó trả lời, “Thầy biết bài toán, nhưng em biết chiên. Không còn con nào. Vì một con nhảy rào thì tất cả nhảy theo.”

Chủ chiên bỏ lại chín mươi chín con kia và đi tìm con bị lạc.

Chúa nói Thượng Đế sẽ đi tìm kẻ có tội, chẳng thiết gì đến kẻ tầm thường, bởi vì họ chẳng xứng đáng gì. Hơn nữa, họ đã theo đường của đám đông rồi; họ không thể đi lạc, chẳng cần phải tìm làm gì. Đó là lý do tại sao chủ chiên bỏ chín mươi chín con lại giữa rừng, trong đêm tối, mà đi tìm con lạc đàn: bởi vì nó đã trở thành cá nhân, cái tôi của nó đã kết tinh; chín mươi chín con kia vẫn chưa có cái tôi; chúng vẫn là một với đám đông.

Hãy nhìn lại chính mình: bạn là đám đông, hay bạn đã có cái tôi? Nếu đã có cái tôi, Thượng Đế sẽ lên đường tìm bạn về vì bạn rất xứng đáng. Bạn đã đi hết nửa vòng tròn; nửa còn lại là quy phục; nửa còn lại là hội nhập với Thượng Đế. Nửa đầu là trách nhiệm của bạn; nửa còn lại là của thánh linh. Nếu bạn đã có cái tôi, thì ở nơi nào đó, trong hình thức nào đó, Thượng Đế sẽ tìm bạn vì nhiệm vụ của bạn đã xong; bạn đã trở thành tách biệt. Nếu bỏ được sự tách biệt ấy, bạn trở nên huyền đồng cùng vạn vật (25).

Đó là sự khác biệt: trước khi là một cá nhân, bạn chỉ là một đám đông, nên khi đạt được cá nhân tính, bạn trở nên độc lập, bạn có cái tôi lớn, và khi đánh mất được cái tôi ấy, bạn trở thành đại dương, bạn trở thành toàn thể. Hiện giờ bạn chưa thể thành toàn thể. Bạn ở giữa một đám đông; bạn chỉ là một con số trong đám đông ấy, như thể trong quân đội, bạn là một, hai, ba, bốn... bạn chẳng có tên tuổi vì bạn không có gì cả; bạn chưa xứng đáng. Bạn chỉ là một con số, cho nên khi có người chết, họ sẽ thông báo là con số đó đã ngã xuống. Bạn chỉ là con số, mà số thì được thay thế dễ dàng. Khi số một gục ngã, nó sẽ được thay thế bởi người khác. Trong quân đội chỉ có chiến, có cừ. Và nhà binh là một xã hội toàn hảo, như thể đàn kiến vậy. Nếu muốn biết tâm trí đám đông, hãy nhìn vào quân đội: bạn sẽ được huấn luyện thành thực, cho đến khi bạn mất hẳn tính độc lập mới thôi. Lệnh là lệnh, không thể bàn cãi. Họ nói, “Quay phải!” bạn phải quay phải. Nó sẽ ăn sâu vào tâm khảm của bạn.

Có một chuyện thú vị về một ông tướng. Vợ ông rất khó chịu, vì mỗi khi ngủ ông ấy ngáy như trâu. Mà không phải ngáy như người ta đâu. Ông tướng ngáy mà! Ông ấy ngáy như thể rống lên vậy, cho nên bà ấy không thể nào ngủ được. Lạ một cái là khi nghiêng qua bên phải thì ông ta hết ngáy. Bà ấy hỏi ý bác sĩ tâm lý. Ông ấy nói, “Vậy thì dễ rồi! Khi ông ấy ngáy thì lăn ông ấy qua bên phải.”

Bà ấy nói, “Không dễ thế đâu! Ông ấy nặng lắm, lại hay cộc nữa. Nếu tôi lay thì ông ấy sẽ nổi giận. Cả đêm cứ vậy hoài.”

Bác sĩ tâm lý nói, “Vậy thì hãy ri vào tai ông ấy, ‘Tay phải, quay!’ là ông ấy sẽ làm theo.” Hiệu nghiệm như thần. Lệnh là lệnh – nó đã đi sâu vào tận vô thức.

Xã hội là một đám đông. Bạn có thể bị biến thành một chiến binh rất dễ dàng. Đó là tại sao Hitler đã biến Đức Quốc Xã thành một trại lính. Mao cũng đã làm vậy. Xã hội chỉ sống bề ngoài nên bạn có thể thay đổi dễ dàng: chỉ cần một ít kỷ luật là cả nước làm lính. Chẳng có cá nhân tính, vì nó không cho phép điều ấy; bạn không thể khẳng định chính mình. Đó là đàn kiến, tâm trí kiến.

Bạn có suy tư của riêng mình không? Hay bạn là một phần tử của xã hội nơi bạn được sinh ra? Bạn là người Ấn, người Hồi, người Sikh (26), nhưng bạn có phải là người không? Không thể nói bạn là một cá nhân vì cá nhân không có xã hội. Socrates là một cá nhân. Chúa Giê-Su là một cá nhân. Nanak là một cá nhân. Bạn thì không! Bạn thuộc về đám đông, nhưng một cá nhân không dựa vào ai cả; người ấy tự lập, tự cường. Cho nên

Chúa Giê-Su nói: *Con lớn nhất đi lạc*. Và khi con lớn nhất đi lạc, chủ chiên bỏ lại chín mươi chín con kia để đi tìm đến khi thấy nó mới thôi.

Bạn cầu nguyện, nhưng Thượng Đế chẳng đi tìm bạn, nên bạn cầu cũng vô ích. Trước hết, hãy trở thành chính bạn; Ngài sẽ đi tìm bạn. Chẳng cần phải tìm Ngài – vì biết đâu mà tìm? Bạn chẳng có địa chỉ, chẳng biết Ngài ở đâu. Bạn chỉ biết những sáo ngữ, những lý thuyết vớ vẩn; chúng chẳng giúp được bạn.

Tôi nghe kể về một tu sĩ đến nhiệm sở mới. Hôm ấy tài xế taxi đình công, mà ông phải đến đền thờ vì chiều hôm ấy có bài giảng. Ông nhờ đứa trẻ dẫn ông đến. Khi đến nơi ông cảm ơn nó và nói, “Cảm ơn con đã giúp ta nhé. Không những con đã chỉ đường cho ta, mà còn đến đây với ta nữa. Nếu con muốn biết Thượng Đế ở đâu, chiều nay hãy đến nghe ta giảng. Ta sẽ nói về con đường tìm về với Ngài.”

Thằng nhóc cười và nói, “Ngài không biết đường đến đền thờ, sao lại biết đường về với Thượng Đế? Con không đến đâu!”

Nhưng tôi nói với bạn là dù bạn biết đường đến đền thờ chẳng nữa cũng chẳng ích gì. Người nào cũng biết đường đến đền thờ, nhưng cũng chẳng có gì khác cả, vì đền thờ không phải là chỗ Ngài trú ngụ. Bạn không thể tìm được Ngài, vì bạn không biết về Ngài. Nhưng Ngài có thể tìm bạn, vì Ngài biết bạn. Và đó là một trong những lời dạy cơ bản nhất của Chúa: rằng con người không thể tìm đến thánh linh, nhưng thánh linh có thể đến với con người. Và Ngài luôn luôn xuất hiện khi bạn đã sẵn sàng (27).

Cho nên vấn đề không phải là đi tìm Ngài, mà phải sẵn sàng và chờ đợi. Mà việc đầu tiên để sẵn sàng là trở thành cá nhân, nghĩa là ‘đi lạc’. Đầu tiên là phải nổi dậy, vì chỉ có thế bạn mới có cái tôi. Trước hết là phải bỏ rơi đám đông – đó là ý nghĩa của ‘đi lạc’ – nghĩa là vượt qua những giáo điều, những hình thức bề ngoài của xã hội. Bởi vì bên ngoài đó là cái hoang vu, là sự huyền bí của Thượng Đế.

Xã hội chỉ làm mất sự huyền bí ấy. Nó không có thực thể, mà do người tạo ra. Mọi định chế đều do người bày vẽ ra; những gì bạn gọi là nhân đức, là tội lỗi, đều tùy thuộc mỗi xã hội mà thay đổi. Cho nên bạn không biết rõ nhân đức là gì. Từ ‘nhân đức’ (virtue) có gốc La-Tinh, nghĩa là ‘mạnh mẽ’, là ‘đầy nam tính’; nó không có nghĩa là ‘tốt’.

Hãy khẳng định chính mình, đừng dựa vào ai cả. Đừng để bị đám đông đè bẹp. Hãy suy nghĩ, hãy sống cho chính mình. Và hãy theo con đường riêng của mình (28) – đừng trở thành chiên.

Chín mươi chín con chiên có thể để lại trong rừng mà chẳng phải lo gì cả. Chúng chẳng dám đi lạc, vì chúng quây quần với nhau, cho nên chúng có thể được tìm lại bất cứ lúc nào. Chúng không phải là một mối ưu tư, nhưng con lớn nhất đi lạc mới là vấn đề. Khi một con đã dám bỏ đàn thì nó phải có sức mạnh, nó chẳng sợ rừng sâu, chẳng ngại ác thú, nó bất chấp tất cả. Vì gan dạ đầy mình nên nó mới dám bỏ đàn mà đi. Dũng cảm là bước đầu để chuẩn bị.

Cái tôi là bước đầu tiên để quy phục. Điều đó có vẻ mâu thuẫn hoàn toàn. Có thể bạn nghĩ là tôi điên rồi, vì bạn nghĩ rằng khiêm tốn mới là cái cần thiết. Không! Tôi nói cái tôi mới cần, không thì khiêm tốn chỉ là giả dối. Trước hết, phải có cái tôi mạnh mẽ và sắc như nước. Nó đưa lại cho bạn một vẻ độc đáo, một sắc thái đặc biệt cần thiết để bạn có

thể vất bỏ nó sau này. Khi đó bạn sẽ khiêm tốn, và sự khiêm tốn ấy có một đặc tính khác thường; nó không phải sự khiêm tốn của một người nghèo, không phải khiêm tốn của một kẻ yếu. Đó là khiêm tốn của một kẻ mạnh, của một người có uy quyền. Lúc đó bạn có thể nhượng bộ, không phải đầu hàng.

Ông ta bỏ lại chín mươi chín con mà đi tìm con lạc, cho đến khi tìm ra được mới thôi.

Và đừng quên rằng bạn không cần phải đi tìm Thượng Đế; Ngài sẽ đến với bạn. Nếu bạn xứng đáng, Ngài sẽ xuất hiện; Ngài sẽ tìm đến với bạn. Một ngày nào khi thử thách đó kết tinh, mọi sinh lực thiêng liêng sẽ hội tụ vào người ấy. Có thể Ngài đến với bạn trong thân xác của một thánh nhân (29), có thể một đạo sư – Ngài có thể đến với bạn qua nhiều cách khác nhau (30). Và đó không phải là quan tâm của bạn. Đó là chuyện của Ngài. Bạn chỉ cần có cái tôi, trở nên sẵn sàng, trở nên một cá nhân, thì thánh linh sẽ đến với bạn.

Khi tìm được rồi, ông ấy nói với nó, “Ta thương mày hơn chín mươi chín con kia.”

Chúa nói Thượng Đế yêu người bướng bỉnh hơn. Các thầy tu sẽ nói, “Nhảm nhí! Chúa nào yêu kẻ lầm lạc?” Họ không thể tin được điều ấy, nhưng xưa nay vẫn thế. Chúa Giê-su là con chiên đã đi lạc. Phật là con chiên đã đi lạc. Mahavira đã đi lạc. Đám đông luôn luôn thoả mãn với cái bình thường của nó, trong khi Mahavira, Chúa, Phật được Thượng Đế sủng ái.

Điều đó xảy ra cho Phật lúc Ngài ngồi dưới gốc bồ đề; Ngài đã bỏ lại sau lưng mọi xiềng xích của xã hội, văn hóa và tôn giáo, và hoàn toàn tự tại. Thế rồi chân lý hiện đến với Ngài từ mọi hướng, từ mọi phía, và Phật đã trở thành một thánh nhân. Và Ngài là người đã phủ nhận Thượng Đế, bởi vì Ngài đã là một con chiên ‘đi lạc’. Ngài từng nói, “Chẳng có Thượng Đế. Ta chẳng tin Thượng Đế nào cả.” Ngài nói không có xã hội, chẳng có tôn giáo. Ngài phủ nhận kinh Vệ Đà (31), Ngài tẩy chay hệ thống đẳng cấp. Ngài bác bỏ toàn bộ cấu trúc của Ấn. Ngài nói, “Ta không theo đạo Ấn, và Ta chẳng thuộc xã hội nào cả. Ta không tin một lý thuyết nào cả. Nếu không tự chứng nghiệm chân lý, Ta sẽ không tin gì cả.”

Ngài chối bỏ tất cả. Ngài trở nên cô độc tuyệt đối khi mọi liên hệ đều bị cắt đứt. Ngài trở nên một hoang đảo, hoàn toàn trơ trọi. Dưới gốc bồ đề đó, cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, Thượng Đế đổ xô đến với Ngài, với con chiên này, từ mọi hướng, và nói: “*Ta thương mày hơn chín mươi chín con kia.*” Thượng Đế cũng nói như vậy với Chúa Giê-su. Xưa nay đều vậy cả. Đó là luật cơ bản. Thượng Đế đến với con người, chẳng phải người đến với Thượng Đế (32). Con người phải chờ đợi.

Sẵn sàng bằng cách nào? Trở thành cá nhân; chối bỏ tất cả. Mặc kệ xã hội, hãy dũng cảm, bẻ gãy mọi xiềng xích, mọi quan hệ. Hãy cô độc, và sống như thể bạn là cái rốn của vũ trụ. Thế thì Thượng Đế sẽ nhảy sỏ đến với bạn. Và trong sự đổ xô tới ấy, cái tôi của bạn biến mất, hoang đảo sẽ chìm vào đại dương – bỗng nhiên bạn biến mất hoàn toàn (33).

Xã hội phải bỏ lại trước đã. Đó là lối vận hành của nội tâm, bởi vì cái tôi của bạn do xã hội mà có. Nếu bạn kiên trì loại bỏ xã hội, thì tới một lúc nào đó cái tôi sẽ trơ trọi một

mình, bởi vì xã hội đã biến mất. Mà không có xã hội, cái tôi cũng chẳng tồn tại được, vì cái tôi do xã hội mà có. Nếu bạn khước từ xã hội, dần dần nền móng sẽ sụp đổ. Khi không có ‘người’ thì ‘ta’ cũng chẳng tồn tại. Cuối cùng ý tưởng ‘ta’ biến mất vì ‘người’ không còn nữa. Khi ‘người’ không còn nữa, ‘ta’ cũng mất theo. ‘Ta’ theo ‘người’ mà triệt tiêu. Khi ‘người’ bị loại bỏ trước, ‘ta’ trở nên sắc bén hơn, kết tinh, tập trung, mạnh mẽ. Cường độ cực mạnh ấy sẽ nghiền nát cái tôi – đó là sự đổ xô tới của thánh linh.

Chúa Giê-Su bị đóng đinh vì những câu này. Ngài bị tố cáo là đã đầu độc con người, đã khuyến khích họ bỏ đạo. Ngài nói rằng Thượng Đế thích những người đi lạc – người tội lỗi, phản động, ích kỷ. Người Do Thái không thể chịu được. Họ tìm mọi cách để bịt miệng Ngài, “Tên này phải bị trừng trị; y đã đi quá xa rồi; y sẽ phá hủy xã hội!” Ngài đã tạo ra những tình huống mà các tu sĩ không thể chấp nhận được; Do Thái Giáo cảm thấy bị thách thức.

Ngài đã chống lại đám đông. Và đám đông ấy bao vây bạn, nên nó lo sợ triền miên. Họ nghĩ, “Người này là kẻ thù của xã hội, hắn sẽ phá hủy tất cả. Nếu không có đám đông, sao chúng ta có thể sống được?” Ngài khuyến khích chín mươi chín con chiên kia đi lạc, nên chúng còn kết bè mạnh hơn nữa. Rồi chúng sẽ báo thù; chúng sẽ giết Ngài.

Chúng ta sống trong đám đông, là một phần của đám đông. Chúng ta không thể sống đơn độc vì chúng ta không biết sống cách nào khác. Chúng ta luôn luôn hiện hữu với người khác, không thể thiếu người khác. Không có người khác thì bạn là ai? Nét đặc thù của bạn sẽ mất.

Vấn đề là ở chỗ đó: chín mươi chín con chiên tạo ra mọi tôn giáo, mà tôn giáo thực sự chỉ xảy ra với con chiên đã đi lạc.

Hãy can đảm! Hãy bỏ sự quang đăng của đám đông mà tìm nơi hoang dã. Đời sống chờ bạn ở đó, để bạn tăng trưởng. Sẽ có đau đớn, bởi vì không có tăng trưởng nào không đau đớn. Sẽ có thánh giá, có thể sẽ có đóng đinh, bởi vì không thể có tăng trưởng mà không có nước mắt. Xã hội sẽ báo thù bằng thập tự giá – hãy nhận lấy. Nhất định điều ấy sẽ xảy ra, bởi vì khi con chiên ấy trở về, chín mươi chín con kia sẽ nói, “Nó là tội phạm. Nó đã đi lạc; nó không cùng loại với chúng ta; nó không phải là người của chúng ta.”

Và chín mươi chín con chiên kia không thể tưởng tượng được rằng chủ chiên đã vác nó trên vai – bởi vì con chiên lạc này đã được tìm lại.

Chúa nói rằng chủ chiên sẽ trở về nhà, và sẽ mời thân hữu đến ăn mừng vì con chiên đi lạc đã được tìm lại. Chúa nói rằng mỗi khi kẻ tội lỗi trở về thì cả thiên đường sẽ vui mừng, chỉ vì con chiên lớn nhất đi lạc và đã được tìm lại (34).

Chú Thích:

1. Chiên, dịch từ sheep của Anh ngữ. Từ điển Việt Nam thường dịch sheep và lamb là cừu. Chiên được dùng ở đây vì người Công Giáo Việt Nam gọi mình là con chiên; các vị lãnh đạo giáo hội được gọi là chủ chiên; Chúa Giê-Su được gọi là Con Chiên Thiên Chúa (Lamb of God).

². Đoạn văn này tương tự nhưng ý nghĩa hơi khác, so với thánh kinh cách thức. Xin xem Luca 15:3-6

3. Tâm Lý học Miền Sâu (Depth Psychology), do Carl Jung sáng lập, là phương pháp tâm lý để quan sát những kinh nghiệm ẩn tàng và thâm sâu trong tâm linh con người.

4. Socrates, 469-399 BC, ông tổ của triết học tây phương, bị xử tử bằng thuốc độc vì bị cáo là đã đầu độc giới trẻ.

5. Đối với Do Thái Giáo thì Chúa Giê-Su đã lạc đường. Với Ấn Độ Giáo thì Đức Phật là đứa con hoang.

6. Thánh Agut-Ti-Nô (Agustine), trước khi theo đạo, từng sống với một phụ nữ không hề cưới và có một con trai. Câu nói để đời của Ngài là, “Lạy Chúa! Xin cho con đức tình khiết. Nhưng khoan đã!” Đóng góp quan trọng của Ngài cho giáo hội là sự phối hợp tín lý Công Giáo với triết học Plato, và Ngài đã hàng phục tất cả tà giáo thời ấy, đặc biệt là Machianism mà trước đó Ngài là một tín đồ.

7. Lord Acton (1834-1902), thi sĩ kiêm sử gia nổi tiếng người Anh.

8. Chúa Giê-Su nói, “Nếu người nhìn vào người đàn bà mà có lòng ham muốn thì người đã phạm tội tà dâm rồi. (Mat-Thêu 5:28). Phật Giáo cho rằng hành động (thân), lời nói (khẩu) và ý tưởng đều tạo ra nghiệp.

9. Friedrich Nietzsche là triết gia quan trọng nhất của tây phương. Những triết gia trong hai phái Hiện Đại (Modernism) và Hậu Hiện Đại (Post-Modernism) đều là đồ đệ của ông. Ông ấy đã xét lại toàn bộ văn minh tây phương và cho rằng Hy Lạp đã phạm một lỗi lầm nghiêm trọng là đã chọn con người tính toán của Appolo mà bỏ con người bản năng của Dionysus.

10. Nijinsky là vũ công nổi tiếng người Nga.

11. Dịch, hào sáu, Quẻ Truân, viết, “Thừa mã ban như. Khấp huyết liên như.” Nghĩa là “đã lên ngựa mà còn dùng dằng. Huyết lệ đôi dòng còn chảy mãi.” Đã lên ngựa là đã sẵn sàng cho một hành trình lớn. Còn dùng dằng là chẳng biết đi về đâu. Đó là nỗi truân chuyên của nhiều khách tài hoa: Nietzsche, Wittgenstein (có 3 anh em trai tự tử), Wolf, Goethe, van Gogh, Hemingway...

12. Các nhà khoa học nói rằng ta chỉ dùng khoảng năm phần trăm bộ óc của ta; ngay cả Einstein cũng chỉ dùng khoảng mười lăm phần trăm.

13. R. D. Laing (1927-1978), một nhà tâm lý nổi tiếng người Tô-Cách-Lan.

14. Thánh Phao-Lô (Paul), trước khi bị Chúa quật ngã khỏi ngựa trên đường đến Damascus, từng đi lùng bắt và khủng bố những người theo đạo. Xin xem Tông Đồ Công Vụ (Acts of Apostles).

15. Chúa Giê-Su nói, “Nước Trời ở trong lòng các ngươi.” (Luca 17:21)

16. Mã Tổ quy phục tên thợ săn San Ping cũng trong trường hợp tương tự như vậy.

17. Chúa Giê-Su cũng nói, “Không có tình yêu nào cao quý hơn là sự hy sinh mạng sống cho bạn của mình.” (Gio-An 15:13)

18. Brahma = Thượng Đế của Ấn Giáo.

19. Mai-Đê-Liên (Magdalene) là một kỹ nữ bị bắt quả tang. Chiếu theo luật Mai-Sen, bà bị dân chúng ném đá. Bất ngờ Chúa đi ngang, Ngài nói với họ, “Người nào chưa hề phạm tội, xin hãy lấy đá ném bà ấy.” Họ bèn bỏ đi. Chúa nói với bà, “Họ không kết tội cô sao?” Bà ấy nói, “Thưa Ngài, không!” Chúa nói, “Còn ta, ta cũng chẳng kết tội cô.” (Gioan 8:3-11) Kể từ đó Magdalene đi theo Chúa đến hơi thở cuối cùng. Bà là người đã theo Chúa lên đồi Golgotha để bị đóng đinh, và là người đầu tiên đã được Chúa hiện ra sau khi sống lại từ cõi chết.

20. Hà Bá khi thấy được sự mệnh mông của biển cả bèn nói với thần Bắc Hải, “Kẻ biết ít, không cho ai bằng mình. Câu nói ấy phải để tôi nói mới đúng.” Bắc Hải nói, “Ếch ngồi đáy giếng không thể nói về biển cả; nó chỉ biết cái hang của nó thôi. Con trùng mùa Hạ không thể nói về băng tuyết; nó chỉ biết cái mùa của nó thôi. Bọn tu sĩ không thể nói về Đạo, vì họ bị trói buộc trong giáo lý của họ. Vạn vật lấy số muôn mà nói thì người chỉ được số một mà thôi. Đối với vạn vật, cái biết của người chỉ là một sợi lông trên mình ngựa.” (Trang Tử, Nam Hoa Kinh, Thu Thủy).

21. Kinh Dịch, Sơn Thủy Mông, hào hai, viết, “Bao mông, nạp phụ cát. Từ khắc gia.” nghĩa là, “Bao dung những người còn non nớt, tối tăm, trẻ thơ và phụ nữ thì tốt. Đặc biệt những đứa ngỗ nghịch, chống đối cha mẹ.” Cha mẹ tượng trưng cho thẩm quyền của xã hội, tôn giáo và gia đình. Đứa ngỗ nghịch là người đi lạc; nó chẳng biết trên đầu có ai; nó sẽ phủ nhận mọi giá trị, mọi thẩm quyền và vạch ra một con đường mới cho chính nó. Đó là hình ảnh của một triết gia với chiếc búa trên tay mà Nietzsche đã nói đến; anh ta phải đập phá để xây dựng. Đôi khi những đứa ngỗ nghịch ấy bị thu phục bởi một thánh nhân có biện tài vô ngại. Và trong số ấy sẽ có đứa phản thầy, đưa đến sự tổn thương cho thầy. Thí dụ Phật với Đề Bà Đạt Ma, Chúa với Juda, Osho với Sheela. Cho nên Kinh Dịch, quẻ Khôn, hào sáu viết, “Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng.” nghĩa là, “Rồng đánh nhau ở đồng nội, máu đen, máu vàng lai láng.”

22. Chúa Giê-Su nói, “Nếu kẻ nào không ghét cha mẹ mình, anh em mình, vợ con mình, và ngay cả mạng sống của mình, kẻ ấy xứng đáng là đệ tử của ta.” (Luca 14:26)

23. Người Mỹ khi con tới 18 tuổi thì bắt chúng tự lập là vì lý do ấy. (James Hall, *Philosophy of Religion*, The Teaching Company, Virginia, 2003).

24. Kinh Dịch, Quẻ Càn, hào ba, viết, “Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược. Lẻ. Vô cửu.” Nghĩa là “quân tử ngày đêm hăng hái tự cường, đêm tối vẫn còn thận trọng như lo sợ. Nguy hiểm nhưng không lỗi.” Đó là tiến trình phát triển của cái tôi. Người ấy phải vất vả ngày đêm, phải tranh đấu mạnh mẽ, phải vào sinh ra tử nhiều phen. Nguy hiểm là anh ta sẽ phải ném đủ mùi cay đắng, và sẽ phải lăn lộn trong luân hồi qua rất nhiều kiếp. Nhưng không có lỗi, vì khi thành đạo anh ta sẽ giúp được nhiều người hơn, bởi vì đã từng trải, kinh nghiệm, lịch lãm, lại lâu thông kinh sử, và quán triệt mọi ý hệ và học thuyết. Đó là con đường của một vị bồ tát. Cho nên không có lỗi. Ngược lại những người không có cái tôi mạnh cũng có thể thành đạo được, nhưng không giúp được nhiều người. Phật gọi họ là A-La-Hán - chỉ giúp được chính mình mà không giúp được người khác.

25. Huyền đồng vật ngã là cùng đích của mọi tôn giáo.

1. Xem Tề Vật Luận, Trang Tử, Nam Hoa Kinh
2. Chúa Giê-Su nói, “Nếu các ngươi không nên như con trẻ thì không vào được nước Trời” (Mark 10:15)
3. Phật gọi là vô ngã (anatta).
4. Áo Nghĩa Thư có chuyện ngàn lẻ một con bò. Một thanh niên tìm thầy học đạo. Thầy gửi anh ta đi để học những bộ kinh Vệ Đà và những bộ kinh khác. Sau nhiều năm anh trở về, thầy nói với anh ta. “Nay anh đã trở nên ngạo mạn về sự biết nhiều, hiểu rộng của anh. Ta vô cùng bất mãn. Ta có mười con bò. Anh hãy dẫn chúng vào rừng sâu. Khi chúng thành một ngàn con thì hãy trở về. Sau nhiều năm rông rã, anh quên cả ngày về, quên cả loài người, quên cả chính mình. Khi nghe đám bò nói với anh là chúng đã đủ một ngàn con rồi, anh dẫn chúng trở về gặp thầy. Có người đếm được đúng 1,000 con bò, họ la lên, “1,000 con bò!” Thầy anh nhìn anh và đàn bò, nói, “1,001 con!”
26. Sikh là một tôn giáo của Ấn Độ, do đại sư Nanak thành lập.
27. Người Ấn có câu, “Khi đệ tử đã sẵn sàng, thầy sẽ tự xuất hiện. Và Thượng Đế là vị thầy tối cao.”
28. Lời dạy cuối cùng của Đức Phật trước khi nhập niết bàn là, “Hãy trở thành ánh sáng soi đường cho chính mình. Hãy là hải đảo cho chính mình.”
29. Thánh Phao-Lô nói, “Không phải tôi sống nữa, mà chính Chúa Ki-Tô đang sống trong tôi” (Galatians 2:20)
30. Kinh Dịch viết, “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”. Nghĩa là sự hội nhập với Thượng Đế của mỗi người luôn luôn khác nhau (nguyên), hanh thông (hanh), lợi ích (lợi) và chính đáng (trinh).
31. Vệ Đà (Veda=kiến thức) là bốn bộ kinh của Ấn Độ Giáo, gồm có: Rig-Veda, Sama-Veda, Yajur-Veda, và Atharva-Veda.
32. Đó là ý nghĩa của dụ ngôn mười trinh nữ canh thức để chờ chú rể (Mat. 25:1-13)
33. Sự biến mất này Phật gọi là vô ngã (anatta); Kabir gọi là ‘Đại dương đã biến trong giọt nước’; Osho gọi là ‘Tự do khỏi cái ta.’
34. Luca 15:7

Kho Báu Vững Chắc

Chúa Giê-su nói: Nước Trời giống như một thương gia khôn ngoan tìm được ngọc quý. Vì thận trọng nên ông ấy đã bán tất cả hàng hóa để mua viên ngọc ấy. (1)

Các người cũng nên tìm loại bảo vật không thể hư mất, mà mỗi một không thể làm mục nát, và giun để không thể phá hủy (2).

Nếu nhìn ra ngoài, bạn chỉ thấy thế giới hỗn tạp. Nếu nhìn vào trong, bạn sẽ thấy thế giới của nhất thể. Nếu lặn lội bên ngoài, bạn có thể thành công nhiều, nhưng đánh mất nhất thể đó. Mà nhất thể ấy là trung tâm của bạn; nếu mất nó, bạn sẽ mất tất cả. Bạn có thể rất thành công, nhưng cuối cùng cũng bị bỏ lại, bởi vì nếu không tìm được chính mình, thì cũng như không đạt được gì cả.

Nếu bạn không tìm được chính mình, cả thế giới cũng không thỏa mãn bạn được. Nếu không tìm được bản thể của mình, tiền tài danh vọng chỉ làm bạn nghèo hơn. Lý do là càng giàu thì bạn càng cảm thấy thiếu thốn, vì bạn có cái để so sánh; của cái bên ngoài làm cho cái bên trong có vẻ nghèo nàn hơn. Cho nên mâu thuẫn của người giàu có là càng giàu càng cảm thấy nghèo; càng có nhiều càng cảm thấy trống rỗng, bởi vì sự trống rỗng bên trong không thể lấp được bởi cái bên ngoài. Chúng không thể đi vào bản thể của bạn. Khoảng trống bên trong chỉ có thể làm đầy khi bạn nhận ra chính mình. Phải phân biệt cho rõ. Thế giới bên ngoài là của đám đông, nhưng ở đó thiếu nhất thể tính. Mà nhất thể đó là mục tiêu; nó nằm bên trong bạn, vì vậy nếu tìm bên ngoài, bạn sẽ không thấy. Không có gì giúp được bạn cả; bất cứ bạn làm gì đều thất bại.

Tâm trí sẽ tiếp tục cho bạn hy vọng, “Được cái đó thì bạn sẽ mãn nguyện.” Khi đạt được rồi nó sẽ nói, “Thêm cái kia nữa thì sẽ thỏa mãn.” Nó sẽ nói, “Bạn không thành công vì bạn không làm hết mình. Bạn hụt hẫng vì bạn không đủ nhanh.” Lý luận của nó có vẻ hợp lý nhưng không đúng (3), mà nếu nghe theo nó thì dù bạn có cong lưng mà chạy, cực vẫn theo sau; cuối cùng chỉ còn cái chết.

Thế giới của đám đông là vương quốc của thần chết. Mà thế giới của nhất thể không biết chết là gì. Người đi tìm chính là kẻ phải tìm, không phải vật thể bên ngoài, mà chính nội tâm của bạn. Bạn phải quay trở vào trong; bạn phải đổi chiều, bạn phải đổi hướng, bạn phải quay trở lại. Đôi mắt bạn nhìn ra ngoài sẽ chiếu sáng bên trong. Nhưng nó diễn tiến ra sao?

Trừ phi bạn hoàn toàn chán nản với thế giới bên ngoài, nó sẽ không xảy ra. Nếu còn một tia hy vọng, bạn vẫn tiếp tục cố gắng. Thất bại ở đời thì tốt, và khi đã chán nản với thế giới bên ngoài thì một hành trình mới bắt đầu (4). Thất bại bên ngoài càng sớm càng tốt.

Chán nản càng sớm càng tốt – bởi vì thất bại bên ngoài là bước đầu để hướng về bên trong (5).

Trước khi bàn về lời của Chúa, một số chi tiết quan trọng cần phải biết. Thương gia khôn ngoan ấy là ai? Là người đã dám đổi tất cả để lấy ngọc quý. Vậy thì ai là người ngu xuẩn? Là người đã bỏ quên chính mình mà đi tìm những vớ vẩn ở đời, là người làm tội tở cho của cải thế gian (6).

Tôi nghe như vậy. Bạn của Nasruddin rất giàu có. Và khi giàu thì thường người ta muốn tìm lại bạn cũ, trở về xóm cũ, vườn xưa, để mang áo gấm về làng. Cho nên anh ta từ tỉnh trở về làng cũ. Gặp Nasruddin tại nhà ga, anh ta nói, “Nasruddin, anh biết không, tôi đã thành công rồi! Bây giờ tôi giàu lắm, không thể tưởng tượng nổi! Nhà của tôi có năm trăm phòng, đúng là một lâu đài!”

Nasruddin nói, “Tôi cũng biết vài người có nhà năm trăm phòng.”

Người bạn nói, “Tôi có hai sân gôn, mỗi sân mười tám lỗ, ba hồ tắm và vườn nhà tôi rộng cả chục mẫu tây.”

Nasruddin nói, “Tôi biết một người ở làng bên cạnh có hai sân đánh gôn và ba hồ tắm.”

Người bạn hỏi, “Ồ trong nhà sao?”

Nasruddin nói, “Anh biết không - có thể anh giàu có lắm, nhưng tôi cũng không đến nỗi quá tệ: Tôi có lừa, có ngựa, có heo, có trâu, có bò, có gà.”

Người bạn cười ngất và nói, “Nasruddin, thiếu gì người có lừa, có ngựa, có bò, có gà!”

Nasruddin ngắt lời anh ta và nói, “Ồ trong nhà sao?”

Nhưng dù có gì chẳng nữa - sân gôn mười tám lỗ, ba hồ tắm và năm trăm phòng, hoặc có lừa, có ngựa, có bò - bất cứ những gì bạn có bên ngoài sẽ không làm bạn thỏa mãn, bởi vì cái nhà thật sự của bạn vẫn còn trống không, bạn vẫn trắng tay. Chẳng có gì vào được nhà của bạn; chúng vẫn nằm ngoài, bởi vì chúng thuộc về bên ngoài - không có cách nào mang chúng vào được. Cho nên bên trong bạn vẫn nghèo nàn. Nếu nó nằm ngoài thì nói làm gì.

Nếu sự trống rỗng thuộc về bên ngoài, ở ngoại vi, thì bạn có thể lấp đầy bởi nhà to, xe đẹp, hoặc những cái khác. Nhưng sự trống rỗng lại cảm thấy bên trong; bạn cảm thấy sự vô nghĩa ở bên trong. Không phải là bạn không có nhà to, xe đẹp, mà đó mới là đầu mối của mọi rắc rối. Bạn cảm thấy bên trong hoàn toàn vô nghĩa. Sao vậy? Sinh ra làm gì? Sống làm gì? Cùng đích của đời người là gì?

Mỗi sáng bạn thức dậy ra đi mà chẳng biết về đâu! Mỗi ngày trang điểm, quần áo chỉnh tề, nhưng chiều đến bạn chẳng gặt hái được gì, chẳng đạt được đích gì cả. Tối đến bạn lăn ra ngủ đi rồi hôm sau lại tiếp tục như trước. Cái vòng luẩn quẩn cứ thế mà lăn. Bên trong bạn cảm thấy trống vắng hoàn toàn, vì chẳng có gì cả. Cho nên bề ngoài thì bạn có thể lừa dối người khác được, nhưng chính mình thì không. Sao bạn có thể đánh lừa chính mình được?

Tích lũy càng nhiều thì càng lãng phí cuộc sống, bởi vì giá phải trả là chính đời sống của mình. Bạn thiếu sống động hơn. Thần chết đã gần kề mà rác rưởi ngày càng chồng chất,

trong lúc bên trong của bạn ngày càng thu lại. Tới một lúc bạn hoảng hồn và tự hỏi, “Ta đã đạt được gì? Ta đã đi đến đâu? Ta đã làm gì cho đời ta?”

Nhưng đã lỡ làng rồi. Thời gian bỏ phí không trở lại với bạn nữa. Bạn không thể đòi lại được nữa. Dù có hối hận thì cũng đã trễ rồi. Cho nên chợ chiều nào cũng buồn bã cả. Nỗi buồn ấy không phải do tuổi già gây ra, mà vì bạn nhận thức được những gì bạn làm cho chính mình. Mua được một căn nhà mà bạn nghĩ đã thành công, đã giàu. Bạn thấy được những cặp mắt thán phục của người khác, nhưng trong mắt của chính mình thì sao?

Bây giờ bạn cảm thấy nỗi đau của một đời lãng phí, sự nhức nhối của thời gian để mất. Cái chết đang đến gần, và chẳng mấy chốc bạn sẽ ra đi với hai bàn tay trắng. Hố thẳm này thuộc về bên trong. Bạn không thể lấy của cái bên ngoài mà lấp đầy nó được -- trừ phi bạn tìm ra chính bạn. Cho nên Chúa Giê-Su nhắc đi nhắc lại mãi, “Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Trời.” (7) Tại sao? Giàu thì có sao đâu?

Giàu chẳng có gì sai cả. Chúa muốn nói về những người phí cả đời để làm tôi cho của cái thế gian. Những người đó không thể vào Nước Trời được, bởi vì nơi đó chỉ dành cho những người đã tìm ra nội tâm của mình (8). Tại cửa thiên đường anh ta không thể đánh lận con đen. Anh ta không thể vào được vì anh ta đã lãng phí, đã thối rữa, đã mục nát. Nơi đó anh ta không thể nhảy múa, không thể ca hát. Anh ta không thể vào với những tầm phào đã đạt được khi còn sống. Anh ta đã bật gốc; anh ta tích lũy được nhiều, nhưng đánh mất chính mình - Và đó là cái nghèo của anh ta. Nếu sở hữu chính mình thì bạn giàu, thật sự giàu. Nếu không sở hữu chính mình, dù là một hoàng đế thì bạn vẫn nghèo (9).

Thêm một điều cần phải hiểu là tại sao ta muốn tích lũy mọi thứ. Sự thật quá rõ ràng, nhưng chúng ta chẳng thêm để ý. Chẳng ai nghe Chúa, nghe Phật cả, mà dù bạn có lắng nghe, thậm chí bạn cảm thấy bạn hiểu, bạn cũng chẳng hề làm theo. Phải có lý do rất sâu sắc nào đó. Cho nên bạn lơ hẩn Phật, phớt tỉnh Chúa, và tiếp tục việc làm của bạn. Đôi khi bạn cũng nghi ngờ, nhưng chỉ thế thôi; sau đó thì lại dấn vào đó. Phải có gì đã bén rễ rất sâu mà ngay đến cả Phật, đến cả Chúa cũng không lay được, không nhổ được. Cái đó là gì vậy?

Chúng ta sống vì người khác. Nét đặc thù của chúng ta do quan điểm của người khác mà có. Họ là gương để chúng ta nhìn vào; chúng ta thấy chúng ta trong mắt người khác. Vấn đề là ở đó, vì họ không thể nhìn được bản thể bên trong của bạn. Không gương nào có thể phản chiếu được nội tâm của bạn. Chỉ có cái bên ngoài của bạn mới có thể phản chiếu được; nó chỉ áp dụng cho những cái bên ngoài, những cái có hình, có sắc. Dù bạn đứng trước cái gương tốt nhất, nó cũng chỉ phản chiếu được thể xác của bạn. Không có mắt nào có thể phản chiếu được phần bên trong của bạn.

Cho nên mắt người đời phản chiếu tiền bạc của bạn, thành công của bạn trên đường đời. Nhưng họ không thể phản chiếu bạn được. Và khi thấy người khác nghĩ bạn nghèo vì quần áo không đẹp, nhà không to, xe không bóng, bạn phải đua đòi bằng được mới thôi. Bạn lam lũ cả ngày chỉ vì đôi mắt của người khác. Chúng thúc đẩy bạn trở nên giàu có hơn nữa, nhiều quyền lực, nhiều uy tín hơn nữa. Con người của bạn chỉ là những phản xạ của người khác, nhưng người khác có thể chỉ phản chiếu cái bên ngoài, chúng không thể phản chiếu bạn. Vì vậy, tĩnh tâm (10) rất là cần thiết.

Tình tâm nghĩa là đóng đôi mắt bạn lại, không nhìn hình phản chiếu nữa, mà nhìn vào bản thể của chính mình. Không thì cả ngày bạn đã va chạm với người khác rồi, mà đêm tối thì hoặc bạn ngủ như chết, hoặc bạn dây dưa với người khác trong mơ. Nghĩa là bạn không thể tránh được người khác. Bạn được sinh ra trong một xã hội, sống với xã hội, chết với xã hội - Trọn cả cuộc sống của bạn chỉ gồm có xã hội. Và xã hội là những đôi mắt ở xung quanh.

Sự phản chiếu của những đôi mắt đó tạo ấn tượng cho bạn. Được người khen là tốt thì bạn cảm thấy thích thú. Nếu bị chê bai thì bạn thấy xấu hổ. Nếu người khác nói bạn điên thì bạn nổi điên. Bạn sống vì người khác; bạn bị người khác thôi miên. Hãy tìm nơi thanh vắng - Sống với người khác, nhưng đừng để người khác làm què quặt chính mình.

Mỗi ngày chỉ cần nhắm mắt lại một giờ. Nhắm mắt nghĩa là để xã hội lại bên ngoài, chỉ còn lại mình bạn thôi – để bạn có thể giáp mặt chính bạn một cách trực tiếp. Mỗi năm một lần dành một vài ngày tìm nơi hoang vắng, chỗ không người, chỉ một mình bạn, để nhận rõ chân tướng của mình. Bằng không thì sống mãi với người khác bạn sẽ bị thôi miên. Đó là lý do tại sao bạn muốn được người khác tán phục, cho họ có ấn tượng tốt về chính mình. Bạn chẳng quan tâm đến đời sống của mình, mà chỉ muốn người khác nghĩ rằng bạn giàu. Đó là sự khác biệt giữa sống cho mình và sống cho người khác.

Người khác tán phục bạn vì những gì bạn sở hữu, không phải vì con người của bạn. Nếu gặp Alexander trong quần áo của người ăn xin, bạn sẽ không nhận ra ông ta, nhưng nếu thấy tên ăn mày ngồi trên ngai vàng, bạn sẽ quỳ xuống chân ông ta; bạn nhận ra ông ấy vì quần áo!

Chuyện xảy ra cho Ghalib, một nhà thơ lớn của Ấn. Ông được nhà vua mời dự tiệc. Thực khách có đến năm trăm người. Ghalib là một người nghèo, như phần lớn những nhà thơ khác – khó mà giàu trong mắt người đời.

Nhiều người có hảo ý nói, “Ghalib, anh nên mượn bộ áo khác, đôi giày, và cái dù. Áo của anh phai màu quá rồi, dù thì đã rách nát, giày thì lủng lỗ. Đi dự tiệc như thế thì ai coi!”

Nhưng Ghalib nói, “Mặc đồ của người khác thì tôi không cảm thấy thoải mái, bởi vì tôi chưa mượn của ai bao giờ. Tôi chưa từng nhờ vả ai cả. Trời sinh ra sao thì tôi sống như vậy. Chỉ vì miếng ăn mà phải phiền phức như vậy thì không nên.”

Trong bộ áo cũ kỹ ấy Ghalib đến dự tiệc vua mời. Khi ông ấy đưa thiệp mời thì lính canh cười ngất và nói, “Ông đã ăn cắp của ai vậy? Cút đi ngay lập tức, không thì sẽ bị bắt!”

Ghalib không thể tin được. Ông ấy nói, “Tôi đã được mời mà. Cứ hỏi nhà vua thì biết!”

Lính canh nói, “Tên ăn mày nào cũng nói nó được mời. Và ông không phải người đầu tiên. Nhiều người đã đến đây rồi. Đi chỗ khác chơi đi! Đừng nán nã ở đây nữa, bởi vì quan khách sắp đến rồi.”

Ghalib trở về. Vài người bạn của ông đã tiên liệu chuyện gì sẽ xảy ra, nên họ để sẵn áo choàng, một đôi giày, một cái ô. Khi ông ấy trở lại thì lính canh cúi chào và nói, “Xin mời ông vào!”

Ghalib là một nhà thơ rất nổi tiếng. Nhà vua rất ái mộ ông ấy nên đã mời ngồi ngay bên cạnh. Khi tiệc bắt đầu thì Ghalib có cử chỉ rất lạ. Nhà vua nghĩ ông ấy có vẻ điên điên.

Ông ấy để đồ ăn lên áo và nói, “Áo ơi! Hãy ăn đi! Vì mày đã đến dự tiệc, không phải tao.”

Nhà vua hỏi, “Ông không sao chứ, Ghalib?”

Ghalib nói, “Không sao. Trước đây tôi đã đến, nhưng không được vào. Bây giờ nhờ chiếc áo này mà tôi được vào. Tôi phải đi theo, bởi vì nó không thể đến một mình. Không nhờ nó thì tôi không có mặt ở đây.”

Điều này xảy ra cho mọi người: bạn được người khác nhận ra vì quần áo của bạn. Vì vậy bạn mới phải quan tâm mãi về những cái bên ngoài.

Tình tâm giúp bạn tạm ngưng giao thiệp với người khác, giúp bạn tránh đôi mắt của người khác, gương của người khác. Hãy tạm quên tất cả! Hãy lấy vài phút mà nhìn vào trong. Nó sẽ giúp bạn nhận ra được những vết thương bên trong, rằng bạn trống rỗng bên trong. Rồi bạn sẽ đổi mới. Nó sẽ giúp bạn tìm kiếm những kỳ quan của nội tâm – cái bảo vật mà bạn đã có từ lâu, thay vì những của cải bên ngoài.

Của cải bên ngoài thì rất nhiều, nhưng bảo vật bên trong chỉ có một. Bạn bị lôi, bị kéo về mọi hướng bên ngoài, nhưng tình thức là mục đích duy nhất bên trong.

Chúa Giê-Su nói: Nước Trời giống như một thương gia khôn ngoan tìm được ngọc quý. Vì thận trọng nên ông ấy đã bán tất cả hàng hóa để mua viên ngọc ấy.

Chuyện xảy ra như thế này. Một thương gia bôn ba khắp nơi để kiếm tiền. Ông ta mua bán đủ mặt hàng và kiếm được nhiều tiền, nhưng cuối cùng gặp được một viên ngọc. Ông ta bán tất cả hàng hóa để mua một viên ngọc ấy. Trên đường về nhà, tàu bị đắm. Nhưng vì chỉ có một viên ngọc nên ông ta có thể bơi vào bờ và trở về nhà, và nhờ vậy mà gia sản vẫn còn nguyên vẹn.

Đây là câu chuyện mà Chúa Giê-Su nói đến. Người đó chỉ có một món, thay vì nhiều, cho nên khi tàu chìm thì không gì bị mất. Chỉ có một thứ thì dễ, nhiều thì khó mà giữ được tất cả. Khi tàu đắm, nếu chỉ có một viên ngọc, bạn sẽ có thể mang nó bơi vào bờ, nhưng nếu có nhiều, bạn sẽ không có thể mang theo tất cả. Một viên ngọc thì dễ, nhưng nhiều hàng hóa quá thì mang theo cách nào?

Chúa Giê-Su nói: Nước Trời giống như một thương gia khôn ngoan tìm được ngọc quý. Vì rất thận trọng nên ông ấy...

Ông ấy là người khôn ngoan, bởi vì đổi một vật quý để lấy nhiều thứ khác thì thật là ngu ngốc. Lời khuyên của Chúa là: đổi nhiều thứ rẻ tiền để lấy một vật quý. Ngọc quý là biểu tượng của vật quý duy nhất: nội tâm của bạn.

Vì thận trọng nên ông ấy đã bán tất cả hàng hóa để mua viên ngọc ấy.

Các người cũng nên tìm loại bảo vật không thể hư mất, mà mỗi một không thể làm mục nát, và giun để không thể phá hủy

Vậy hãy bắt chước thương gia ấy, thận trọng và khôn ngoan. Bất cứ gì bạn gom góp được trong thế giới này sẽ bị lấy đi hết. Bạn không nhận thấy là bạn không thể chiếm hữu được bất cứ cái gì trên thế gian này sao? Bạn chỉ cảm thấy thế thôi. Có cái này là của bạn, nhưng trước đây thuộc về người khác, khi bạn chưa sinh ra. Chẳng mấy chốc khi bạn chết, những cái của bạn lại vào tay người khác. Sự sở hữu của bạn giống như một cơn mơ, lúc thì có, lúc thì không. Chuyện tương tự đã xảy ra.

Vua Ebrahim một đêm nghe một tiếng ồn trên mái nhà. Ông ta hỏi, "Ai đó?"

Người kia nói, "Xin hãy yên tâm! Con lạc đà của tôi bị mất, và tôi đang đi tìm."

Ebrahim cười và nói, "Thằng khùng kia, đi xuống mau! Lạc đà nào lên tận mái nhà mà lạc! Đi về đi!"

Nhưng Ebrahim không ngủ được, vì ông ta là người suy nghĩ sâu xa, "Có thể người ấy không điên mà nói tượng trưng. Biết đâu người ấy là một người huyền môn, vì cứ nghe giọng của người ấy thì rõ. 'Xin hãy yên tâm!' Nghe có vẻ êm ái và dịu dàng quá, không thể là của một người điên. Và người ấy nói, 'Con lạc đà của tôi bị mất, và tôi đang đi tìm.' Lời ấy có vẻ sâu sắc, hình như muốn chỉ báo gì đó. Sáng mai ta phải tìm người ấy! Ta phải coi người ấy là ai, liệu là người điên, hoặc một thánh nhân. Không rõ người ấy lên mái nhà vì điên, hay được sai đến để đưa cho mình một thông điệp."

Cả đêm Ebrahim không thể chớp mắt. Hôm sau ông ta sai người đi tìm người có giọng nói ấy. Nhưng tìm khắp nơi cũng không ra người ấy, vì sao có thể căn cứ vào giọng nói mà tìm ra người được? Khó lắm!

Rồi đúng giữa trưa ngoài cửa thành có sự lộn xộn. Một khát sĩ xuất hiện và nói với người gác cửa, "Xin cho tôi tạm trú trong quán trọ này vài ngày."

Người gác cửa nói, "Đây không phải là quán trọ. Đây là cung vua."

Nhưng khát sĩ nói, "Rõ ràng đây là một quán trọ. Du khách đến đây, ở lại ít lâu rồi ra đi. Ở đây không có ai là chủ cả. Xin hãy cho tôi vào. Tôi sẽ nói chuyện với ông vua. Có lẽ là ông ta là người dốt nát."

Ebrahim nghe được nên cho gọi khát sĩ đến. Vua rất giận dữ và hỏi, "Ông đã nói gì thế?"

Người ấy nói, "Hãy nghe đây! Lần trước tôi đến đây, nhưng người khác ngồi trên ngai vàng này. Ông ta cũng thuộc loại ngu ngốc như ông vậy đó, và ông ta nghĩ đây là dinh của ông ấy. Bây giờ ông cũng nghĩ đây là dinh của ông!"

Nhà vua nói, "Sao mà ngu thế! Và đừng có hỗn! Người ấy là cha của tôi, và nay người đã quá vắng rồi!"

Khát sĩ nói, "Và sau này, khi tôi trở lại, sẽ không thấy ông ở đây. Sẽ có người khác thay chỗ ông. Người đó sẽ là con trai của ông, và anh ta sẽ nói, 'Đây là dinh của tôi!' Dinh thự nào mà kỳ lạ vậy? Người đến, rồi đi. Cho nên tôi mới gọi nó là một quán trọ."

Giọng nói này quen quá! Nhà vua nói, “Vâng ông là người điên đã tìm lạc đà trên mái nhà!”

Khất sĩ nói, “Vâng, tôi cũng điên như ông vậy. Nếu ông tìm chính mình qua những hào nhoáng bên ngoài, ông cũng đi tìm lạc đà trên mái nhà!”

Nhà vua xuống khỏi ngai vàng và nói với khất sĩ, “Xin ngài hãy ở lại đây, và để tôi đi. Tôi ở đây vì tôi tin rằng đây là dinh thự của tôi, đây là nhà của tôi. Nếu đây chỉ là một quán trọ, tôi phải đi tìm nhà của tôi, trước khi quá trễ”

Ebrahim đã trở thành nhà huyền môn. Và khi được mọi người biết đến, khi ông đạt đạo, ông ấy thường sống ngoài phố - ngay giữa kinh đô của mình. Trước đây cung điện thuộc quyền sở hữu của ông ấy. Nay nó chỉ là một quán trọ. Ông ấy thường sống bên ngoài, và đôi khi có người hỏi, “Bati đâu rồi?” Bati nghĩa là thành phố, nhưng nó cũng có nghĩa là “nơi người ta sống”. Nhưng Ebrahim sẽ chỉ ra nghĩa trang. Ông ấy sẽ nói, “Queo tay phải, bạn sẽ gặp bati, nơi người ta sống.”

Có người đến đó. Lúc trở về họ giận dữ nói, “Ông thuộc loại người nào vậy? Chúng tôi hỏi bati, nơi có người ở, mà ông lại chỉ ra nghĩa trang!”

Ebrahim cười và nói, “Vâng là chúng ta hiểu lầm nhau rồi, bởi vì một khi đã vào đó thì không ai ra nữa. Đó mới là bati thực sự. Ở đó ông không bao giờ đổi địa chỉ, vì ông sẽ ở đó mãi mãi và vĩnh viễn. Cho nên ông không hỏi về thành phố thực sự, mà hỏi về thành phố này. Mà đó là một nghĩa trang, vì người người đang chờ để chết. Có người chết hôm nay. Mai thì người khác. Một thì lại người khác nữa. Lúc nào cũng có người chờ chết. Vậy mà ông gọi đó là ‘bati’? Ông gọi đó là thành phố sao? Tôi thì gọi đó là nghĩa trang, vì đó là nơi người ta chờ chết, nơi đó chẳng có gì ngoài sự chết.”

Nếu đời sống tồn tại, đó chẳng qua chỉ là đang chờ cái chết. Mà sao sự sống lại là chờ cái chết? Sao đời sống có thể chóng qua như thế? Sao nó lại giống như một giấc mơ như thế? Nó xuất hiện, rồi lại biến đi. Cuộc sống phải là cái gì vĩnh cửu. Nhưng nếu muốn tìm cái vĩnh cửu, hãy làm như thương gia thận trọng kia; hãy bán tất cả những gì mà bạn có. Hãy bán đi và mua lại một thứ duy nhất. Đó là viên ngọc của bản thể bên trong. Nó không thể bị chìm, không thể bị lấy đi, bởi vì nó chính là bạn. Bạn chỉ có thể sở hữu được chính mình, ngoài ra không gì có thể sở hữu được cả.

Bạn có thể sống trong ảo tưởng. Đó là chuyện khác. Qua ảo tưởng bạn nghĩ bạn sở hữu căn nhà này, người vợ này, chồng này, con cái này, nhưng cũng chỉ là ảo tưởng. Chẳng chóng thì chầy giấc mơ cũng hết. Bạn chỉ có thể sở hữu chính mình, vì cái đó sẽ không bao giờ mất đi. Bản thể ấy thường hằng, vĩnh cửu; nó mãi mãi là của bạn. Nó không thể bị tước đoạt bao giờ.

Đây là sự khác nhau giữa tìm kiếm của tôn giáo và của thế gian. Tôn giáo tìm cái vĩnh cửu, mà thế gian tìm cái vô thường. Thế gian thuộc về thời gian, mà tôn giáo vượt thời gian. Hãy quan sát một sự kiện đơn giản này. Là khi bạn nhắm mắt lại, và khi ý tưởng không còn, thời gian cũng mất theo. Khi ý tưởng trở lại, thời gian cũng xuất hiện. Mỗi khi có sự vật là có thời gian.

Thời gian tồn tại xung quanh bạn, cả khỏi thời gian. Nhưng bên trong bạn là vĩnh hằng, bất tận. Cho nên những người đạt đạo đều nói rằng khi bạn đã vượt trên thời gian, khi bạn đã ra hẳn ngoài thời gian, bạn đã gặp lại chính bạn, bạn đã về nhà.

Có một chuyện như vậy. Một anh nghèo làm trong một nhà máy. Anh ta thường đi làm bằng con lừa. Mà anh thường về trễ nên vợ luôn luôn giận dữ. Cuối cùng anh ta phải giải thích, “Vấn đề là thế này. Khi tiếng còi cuối cùng vang lên, con lừa này trở nên quá quen với tiếng còi, đến nỗi nếu tôi ra trễ một hai giây, là nó tự ý bỏ đi, chẳng biết có tôi hay không. Mà lúc đó người nào cũng đổ xô ra về! Ai cũng muốn về nhà ngay tức thì, cho nên nhiều lần tôi ra khỏi sở thì nó đã bỏ đi rồi! Nó chỉ chờ hai hay ba giây là cao. Nếu tôi ra kịp thì không sao, bằng không thì tôi phải lội bộ một mình. Rắc rối là chỗ đó.” Anh ta nghĩ vợ sẽ hài lòng nên hỏi lại, “Bà có hiểu đầu đuôi của câu chuyện hay không?”

Vợ anh nói, “Hiểu chứ. Con lừa cũng còn biết khi nào phải về nhà mà!”

Con lừa cũng biết tới giờ phải về nhà, nhưng bạn chưa ý thức được nhà của bạn ở đâu, và lúc nào phải về. Bạn lang thang mãi; bạn cứ gõ cửa nhà người khác; bạn quên bằng nhà của bạn ở đâu. Vì vậy nếu bạn cảm thấy bồn chồn thì cũng chẳng lạ. Nếu bạn không bao giờ thấy thoải mái thì cũng dễ hiểu thôi. Bạn ngao du hết nơi này đến nơi khác. Cái bệnh điên đó từ đâu mà có vậy? Bạn tìm gì? Được dịp là ai cũng đi. Người ta làm việc, để dành tiền rồi đi vòng quanh thế giới. Tại sao? Bạn có đạt được gì không?

Tôi nghe kể về một thợ săn người Mỹ đi thám hiểm núi lửa ở Hy Lạp, vào thẳng trung tâm của núi lửa. Anh ta nói với hướng dẫn viên, “Trời đất! Như là địa ngục vậy!”

Hướng dẫn viên nói, “Người Mỹ các anh – các anh đã đi khắp nơi! Nếu có đủ phương tiện thì cả địa ngục cũng không từ!”

Nhưng sao có sự bồn chồn này? Sao con người có máu lang thang như vậy? Bởi vì nhà của bạn đã mất nên bạn đi tìm. Bạn đi sai hướng, vì sự bất an của bạn cho thấy như vậy. Bất cứ nơi nào bạn đến, đều không phải nhà của bạn (11). Khó khăn là ở đó. Cho nên bạn tiếp tục tìm kiếm, thậm chí cả địa ngục bạn cũng mò tới, nhưng bạn không sẽ tìm thấy bất cứ ở đâu, bởi vì nó nằm bên trong bạn. Thậm chí con lừa cũng biết lúc nào phải quay về!

Tới giờ rồi. Đã trễ rồi. Bạn đã chờ quá lâu. Đừng tìm bên ngoài, đừng tìm nơi người khác, đừng tìm trong đồ vật – nơi đó bạn sẽ gặp những cái hỗn tạp, những cái đa dạng mà người Ấn gọi là maya. Maya (12) là cái hỗn tạp, đa dạng. Bạn tiếp tục tìm kiếm trong vô vọng. Đó là thế giới của những bóng ma. Maya nghĩa là ma lực của những cái hỗn tạp. Ma lực che mắt bạn. Bạn tìm mãi mà không thấy gì, vì đó là thế giới của ma quái; mỗi khi bạn đến gần thì nó lùi lại đằng sau, như thể cầu vòng. Từ xa nhìn lại thì đẹp. Nó sẽ hấp dẫn bạn, làm bạn điên đảo, làm bạn mơ màng, làm bạn ham muốn; bạn muốn giữ lại cầu vòng trong tay. Mà bạn càng tiến gần, nó càng lùi về sau.

Mỗi bước bạn đặt chân đến, bạn chẳng thấy gì cả. Cầu vòng ấy như thể cơn mơ, như thể ảo ảnh. Người Ấn gọi thế giới hỗn tạp này là maya – thế giới của mộng tưởng, như thể do một ảo thuật gia dựng lên (13). Bạn tạo ra nó bằng sự ham muốn của mình; bạn đã sáng tạo ra những ham muốn đó – bạn là tác nhân của thế giới hỗn tạp ấy.

Hãy lấy chiếc xe làm thí dụ. Nếu mặt đất này không có người, nó có giá trị gì không? Ai sẽ là người yêu thích nó? Ai quan tâm về nó? Chim chóc chẳng thèm nhìn; trâu bò cũng

chẳng thêm ngó đến. Chẳng ai chú ý đến nó. Nó sẽ rỉ sét, sẽ biến thành là rác rưởi. Nhưng nếu có người thì nó thành quý giá. Vậy giá trị ấy do đâu mà có? Nó là kết quả của lòng ham muốn; nếu bạn muốn có, nó trở thành có giá; nếu bạn không thêm nó, giá trị của nó biến mất. Tự nó chẳng có giá trị gì. Lòng ham muốn của bạn đem lại giá trị cho nó.

Cung và cầu là quy luật cơ bản của kinh tế học. Có đòi hỏi (cầu) là có cung ứng theo sau. Nhưng quy luật ấy đã thay đổi hoàn toàn. Có cung là sẽ có cầu. Bạn có nghĩ rằng trong thời Đức Phật có người mơ tưởng đến xe hơi không? Vấn đề không được đặt ra vì xe không có thì lấy gì mà mơ tưởng. Ngày nay cung cấp sản phẩm mới là một doanh nghiệp lớn. Trước hết tạo ra hàng mới, rồi quảng cáo, sau đó ham muốn sẽ theo sau. Rồi bạn đổ xô đến để xem, “Đây là cái mà tôi đang chờ cả đời. Nếu có được thì tôi sẽ thỏa mãn.”

Nhưng sản phẩm mới được phát minh liên tục; quảng cáo tiếp tục tạo những ao ước mới. Năm nào cũng có xe mới, nhà mới, mục tiêu mới. Sản phẩm mới luôn luôn được cung cấp để bạn hướng ra ngoài; bạn không có khoảng trống để suy nghĩ. Xe của bạn vẫn còn tốt, nhưng kiểu mới đã xuất hiện. Vậy nếu cứ chạy xe cũ thì cái tôi sẽ bị tổn thương. Kiểu mới có thể không tốt hơn - thậm chí có thể tệ hơn - nhưng không có kiểu mới thì không được. Bạn phải có vì ông hàng xóm đã có, vì mọi người đang bàn về nó.

Một phụ nữ đến nói với bác sĩ, “Hãy mổ cho tôi đi!”

Bác sĩ nói, “Cái gì? Bà đã điên chưa? Tại sao phải mổ? Bà hoàn toàn khỏe mạnh mà!”

Bà ấy nói, “Khổ một cái là mỗi lần tôi đến câu lạc bộ thì nghe bà này cắt ruột dư, bà kia cắt amidan. Chỉ có tôi là không bình thường - không có gì để khoe cả! Vậy hãy cắt cái gì đi; tôi muốn có gì để khoe với mọi người.”

Bệnh tật mà cũng có cạnh tranh! Bạn phải dẫn đầu mọi người, bất kể hậu quả ra sao; bạn phải chiếm giải nhất.

Ba hành khách đầu lảo lảo trên xe lửa. Một người đem vợ ra khoe, “Vợ chồng tôi kết hôn đã mười năm, vậy mà mỗi đêm nhà tôi ra tận nhà ga để đón tôi về.” Không thể tin được!

Người thứ hai nói, “Tin được chứ! Vì tôi đã kết hôn được hai mươi năm mà vợ tôi vẫn còn ra đón tôi tại nhà ga mỗi đêm.”

Người thứ ba nói, “Tôi may mắn hơn! Vợ tôi đến đón tôi đã ba mươi năm rồi. Mặc dù tôi chưa hề kết hôn với bà ấy, bà ấy vẫn đến đón tôi. Tôi may mắn hơn hai vị!”

Dù biết người khác đang khoác lác, bạn cũng phải hơn họ mới xong; bạn phải đứng đầu - bất cứ chuyện gì. Nếu thời trang thay đổi, bạn cũng đua đòi cho được, dù kiểu mới có đẹp hay không. Không một ai ở nhà, vì người nào cũng gõ cửa nhà khác.

Đó là những lời Chúa nói:

Nước Trời giống như một thương gia khôn ngoan tìm được ngọc quý. Vì thận trọng nên ông ấy đã bán tất cả hàng hóa để mua viên ngọc ấy.

Các người cũng nên tìm loại bảo vật không thể hư mất, mà mốiicot không thể làm mục nát, và giun để không thể phá hủy.

Hãy tìm cái bất tử và luôn luôn tinh tảo. Đừng phí thời giờ với những cái không bền. Đừng chạy theo những cái sẽ thay đổi, trong thế giới luôn luôn thay đổi.

Vậy thì bạn nghĩ những gì sẽ tồn tại mãi mãi? Trong đời bạn đã gặp những gì đã cho bạn một cảm giác rằng chúng sẽ tồn tại mãi mãi chưa? Thế giới hữu hình ở quanh bạn – chẳng có gì tồn tại cả. Vật sẽ đổi, sao sẽ đời; chúng sẽ già, sẽ chết; thậm chí trái đất này cũng sẽ biến mất.

Hi Mã Lạp Sơn chưa có trong thời Vệ-Đà (14), vì kinh Rig Veda không hề nhắc đến chúng. Nếu Hi Mã từng sống ở đó thì không thể không nhắc đến, dù chỉ một lần! Sao bạn có thể không chú ý tới rặng núi đó được? Mà kinh nói về mọi thứ khác, nhưng không hề nhắc đến chúng. Vì lý do ấy nên học giả Tilak cho rằng kinh Vệ-Đà đã có ít nhất bảy mươi lăm nghìn năm. Điều ấy có vẻ hợp lý. Có thể chúng không được viết đã lâu như thế, nhưng chắc đã được truyền miệng cả nghìn năm rồi. Đó là vì sao Hi Mã chưa được đề cập ở đó.

Các nhà khoa học nói rằng Hi Mã xuất hiện cách đây không lâu lắm; chúng là rặng núi cao nhất, nhưng trẻ nhất. Chúng vẫn còn cao, vẫn còn trẻ -- mỗi năm mỗi cao hơn.

Vindhya là núi có nhiều tuổi nhất - Có lẽ vì vậy nó khòm như lưng ông già sắp chết. Người Ấn có một giai thoại thú vị về Vindhya.

Tiên tri Agastya đi về hướng nam. Hồi đó mỗi lần phải qua Vindhya là một việc lớn. Truyền thuyết nói rằng khi Agastya đến, Vindhya cúi xuống để hôn chân ông ấy, và tiên tri nói, “Tôi sẽ trở lại ngay. Hãy giữ tư thế đó để tôi đi qua cho dễ!” Đến nay Vindhya còn uốn mình nằm chờ, mà tiên tri không hề quay lại nữa. Ông ta chết ở phía nam. Nhưng chuyện ấy rất thú vị. Vindhya, ngọn núi cổ nhất của trái đất, lưng còng như một ông già.

Thậm chí những ngọn núi trẻ sẽ già đi. Chúng chết đi thì ngọn khác lại sinh ra. Không có gì thường hằng ở thế giới bên ngoài. Hãy nhìn cây cối, sông núi: chúng có vẻ tồn tại mãi mãi, nhưng xem kỹ lại thì cảm giác ấy biến mất.

Sau đó hãy quay vào trong và quan sát ý tưởng của bạn. Chúng còn phù du hơn nữa. Chúng liên tục thay đổi; không một ý nghĩ nào kéo dài. Mới đây bạn giận dữ và bị ý tưởng giận dữ tràn ngập; ít lâu sau thì bạn cười vui vẻ và những ý tưởng giận dữ đó biến mất hoàn toàn, như thể chúng chưa hề có mặt. Tựa mây trên bầu trời; chúng đến và đi; chúng liên tục thay đổi hình dạng, giống hệt như những đám mây -- chúng y hệt như mây.

Suy ngẫm về mây bạn sẽ nhìn thấy hình tướng của chúng thay đổi liên tục. Nếu không quan sát thì bạn không thấy, mà nếu quan sát bạn sẽ thấy chúng thay hình đổi dạng luôn luôn; không một khoảnh khắc nào hình dạng của mây không thay đổi. Tâm trí của bạn cũng thế: ý tưởng cũng có đặc tính y hệt một đám mây, nó thay đổi không ngừng. Đó là lý do tại sao bạn không thể tập trung, bởi vì tập trung nghĩa là ý tưởng nào đó không được thay đổi. Vấn đề ở chỗ đó, vì ý tưởng liên tục thay đổi. Nó thay đổi mãi mãi, bất kể bạn làm gì: ý nghĩ này chuyển tay ý nghĩ khác, hình thù này nối tiếp hình thù kia. Thế giới của tư duy thay đổi không ngừng.

Đồi núi, mây nước thay đổi, chỉ bầu trời vẫn còn lại mãi mãi - nó kéo dài. Nội tâm của bạn cũng thế: mọi thứ thay đổi xung quanh bạn, ý tưởng thay đổi bên trong bạn - ngoại trừ bầu trời của tâm thức: quan sát viên bên trong, là không thay đổi. Đó là viên ngọc quý mà Chúa nói đến. Đó là nhân chứng của mọi thay đổi xung quanh. Vì không có hình dáng rõ rệt nên nó không thể thay đổi. Có hình tướng tất có thay đổi. Hình hài không có thì thay đổi cách nào? Nó không có hình dáng rõ rệt. Người Ấn gọi là *nirakar* - vô định hình.

Nếu bạn tìm đến cái vô định hình này bên trong, ban đầu nó có vẻ trống rỗng, vì bạn chưa hề biết cái vô định hình ấy bao giờ, bạn chỉ cảm thấy trống không. Nhưng đừng lo, đừng sợ, hãy đi vào. Khi bạn đã quen với nó, khi bạn đã ổn định trong đó, thì trống không không phải là trống không nữa: nó trở thành vô định hình. Khi đạt được vô định hình này, bạn có viên ngọc quý. Nghĩa là bạn đã đổi cái nhiều để lấy cái một. Hiện giờ, bạn đang đổi cái một để lấy cái nhiều. Mà cái một là ngọc quý, và cái nhiều chỉ là những hòn sỏi. Chúng có vẻ rất quý, nhưng không phải, vì chúng không thể lâu bền.

Lâu bền và vĩnh cửu là tiêu chuẩn của chân lý - hãy nhớ rõ điều này. Chân lý là gì? Là cái lâu bền và kéo dài vô tận. Mơ là gì? Là cái có mở đầu và có đoạn kết; là cái không thể kéo dài mãi mãi. Vậy hãy tìm cho được viên ngọc quý mà không ai có thể cướp đi được, ngay cả thần chết nữa. Lúc chết thì thân thể chết đi, và ý tưởng sẽ biến mất. Nhưng bạn thì sao? - Bạn sẽ tiếp tục mãi mãi.

Sự chết xảy ra quanh bạn, nhưng không bao giờ xảy ra cho bạn. Nó xảy ra ngoài ngoài vì, nhưng tại trung tâm thì không; nó xảy ra ở bên ngoài. Bạn sẽ không bao giờ chết, không thể chết. Đồi núi biến mất, mây đến rồi đi, nhưng bầu trời vẫn thế. Và bạn là bầu trời. Tính trời của bạn giống như bầu trời: trống rỗng, tuyệt đối trống rỗng, không có hình thù rõ rệt. Tất cả xảy ra bên trong nó, nhưng không gì phá hủy được nó. Đây là những gì Chúa muốn nói.

Các người cũng nên tìm loại bảo vật không thể hư mất, mà mỗi một không thể làm mục nát, và giun để không thể phá hủy.

Chú Thích:

1. Mat-Thiêu 13:45
2. Thánh kinh cách thức không có câu này.
3. Theo Lý Luận Hình Thức (formal logic), một lý luận được coi là đúng nếu hợp đủ hai điều kiện: 1. Phải hợp lý (sound), 2. Phải đúng sự thật (true).
4. Kinh Dịch, quẻ Sơn Phong Cổ, viết, “Cổ: nguyên, hanh, lợi thiệp đại xuyên”, nghĩa là đổ vỡ thì tốt; qua sông lớn rất có lợi. Qua sông lớn, nói theo thuật ngữ của Phật Giáo, nghĩa là qua bờ bên kia: bờ của giác ngộ, giải thoát.
5. Chúa Giê-Su nói, “Kẻ đứng cuối cùng là kẻ đứng đầu” (Mat-Thêu 20:16)

6. Chúa Giê-Su nói, “Nếu được cả thế gian mà mất linh hồn thì cũng vô ích.” (Lu-Ca 9:25)
7. Mat-Cô 10:25.
8. Chúa Giê-Su nói, “Nước Trời trong lòng các ngươi.” (Luca 17:20)
9. “Nếu được cả thế gian mà mất linh hồn mình thì phỏng có lợi gì?” (Mat-Thiêu 10:26)
10. Meditation thường được dịch là “thiền quán”. Từ mà người Công Giáo quen dùng là “tĩnh tâm”.
11. Chồn có hang, chim có tổ, nhưng ta chẳng có nhà, thậm chí một chỗ để gối đầu.” (Mat-Thêu 8:20)
12. Maya là ma lực che mắt con người, không cho thấy thực tướng của sự vật, tương tự vô minh của Phật Giáo.
13. Người Ấn nói rằng toàn thể vũ trụ này chỉ là một vở kịch – leela – mà trong đó mỗi người chúng ta thủ một vai trò nào đó, và nếu ta tự đồng hóa với vai trò ấy, tức là ta đã bị maya che mắt, và ta sẽ rước lấy đau khổ cho chính mình. Nghiệp dữ do cũng sự tự đồng hóa ấy mà có.
14. Kinh Vệ-Đà của Ấn đã có ít nhất mười ngàn năm

8

Biến Hai Thành Một

Chúa Giê-Su chỉ những đứa trẻ đang bú sữa mẹ và nói với các môn đệ, “Những người vào được Nước Trời cũng giống như những đứa trẻ đang bú sữa mẹ kia.”

Họ nói với Ngài, “Vậy thì chúng tôi có nên trở thành con trẻ để được vào Nước Trời chăng?”

Ngài nói với họ, “Khi các ông biến hai thành một, và khi các ông làm cho cái bên trong như bên ngoài, và bên ngoài như bên trong, trên như dưới, và khi các ông làm cho nam và nữ trở nên một, để cho nam không còn là nam, và nữ không còn là nữ, thì các ông sẽ vào được Nước Trời.” (1)

Đây là một trong số những câu thâm thúy nhất của Chúa, và là một trong điều cơ bản nhất mà một hành giả cần phải hiểu. Nó cũng là một trong những cái khó đạt được nhất, vì nếu đạt được những điều ấy thì không phải làm gì nữa cả. Trước khi bàn qua những lời kinh ấy, chúng ta cần phải hiểu một số vấn đề.

Nếu một người sống với tâm trí, anh ta không thể có sự hồn nhiên - và thánh linh chỉ xuất hiện với những tâm hồn mộc mạc, hồn nhiên, hoặc tâm hồn ấy vươn lên được với thánh linh. Hồn nhiên là cánh cửa. Tâm trí lấu cá, tính toán, xảo quyệt, và vì sự lấu lĩnh này bạn đã lỡ dịp - bạn không vào được Nước Trời. Với tâm trí, bạn có thể thành công ở đời này, bởi vì ở đó càng xảo quyệt càng tốt. Bạn phải lươn lẹo; càng xảo quyệt thì bạn càng thành công lớn; càng tính toán càng hữu hiệu trong thế giới này.

Nhưng đường dẫn về nước Chúa thì trái ngược hoàn toàn. Ở đó không cần tính toán, không cần xảo quyệt. Tâm trí không được dùng đến, bởi vì tâm trí chỉ là một bộ máy để tính toán nên phải nhiều mưu mẹo. Nếu chẳng cần phải xảo quyệt, chẳng cần phải tính toán, tâm trí trở thành vô dụng. Thế thì con tim trở thành nguồn cội của bản thể của bạn, và con tim thì hồn nhiên.

Tại sao chúng ta phải xảo quyệt? Tại sao tâm trí luôn luôn nghĩ cách để lừa dối? Vì đó là cách duy nhất để thành công trong xã hội này. Cho nên người muốn thành công trong đời này sẽ thất bại ở đời sau. Nếu chấp nhận sự thua thiệt của bạn ở thế gian này, bạn sẽ sẵn sàng để vào thế giới kia. Một khi nhận ra rằng bạn chẳng cần phải thành công trên thế giới này, rằng bạn không phải sống chết cho nó, lập tức một sự chuyển hướng xảy ra, một sự đổi chiều bắt đầu. Tâm thức sẽ không hướng ra ngoài nữa, mà di chuyển vào trong.

Chúa không ngừng nhấn mạnh về sự hồn nhiên. Cho nên Ngài nói mãi về nét đẹp của trẻ con, về sự trinh trắng của hoa, về sự hồn nhiên của chim chóc. Nhưng sự hồn nhiên ấy sẽ không giúp được bạn, vì bạn đã đánh mất nó rồi. Vì vậy đừng bắt chước Ngài một cách máy móc; đừng hiểu theo nghĩa đen, bởi vì đó chỉ là một biểu tượng.

Bạn không thể trở thành trẻ con được nữa – bằng cách nào? Một khi biết được thiện và ác thì bạn mất sự ngây thơ. Bạn có thể vượt quá, nhưng không thể trở lại được, không có cách nào để quay lại nữa. Bạn có thể đi tới, có thể vượt qua, nhưng không thể vòng lại phía sau – chẳng có cách nào cả. Bạn không thể trở thành trẻ em một cách bình thường nữa. Một khi thiên đường đã mất rồi, bạn không thể tìm lại được nữa. Nhưng bạn có thể đi xa hơn, có thể siêu việt lên trên.

Hãy nhớ điều này, vì nếu bạn trở nên như con trẻ một cách gượng ép thì sự bắt chước đó sẽ là xảo quyệt, tính toán... bởi vì khi nghe Chúa nói, “Hãy nên như con trẻ,” bạn sẽ tập dượt để trở thành một đứa trẻ. Nhưng trẻ con không hề tập dượt. Một đứa trẻ chỉ là một đứa trẻ, nó cũng chẳng biết nó là một đứa trẻ, nó không ý thức được sự ngây thơ của nó. Nó ngây thơ, nhưng không ý thức được điều đó. Nhưng nếu bạn thực tập, bạn sẽ ý thức được sự gượng ép ấy. Thơ ấu như thế chỉ là giả dối. Bạn có thể làm trò, nhưng trở nên như con trẻ thì không.

Một vị thánh, một hiền giả, trở thành hồn nhiên theo một ý nghĩa hoàn toàn khác. Ông ta đã vượt qua, vượt lên trên tâm trí, vì ông ta đã hiểu được sự vô ích của nó. Ông ta đã thấy được mặt trái của sự thành công ở đời này; ông ta không mong muốn được thành công nữa, không cần phải gây ấn tượng với những người khác nữa. Ông ta không ao ước được trở thành vĩ đại, trở thành quan trọng nhất nữa; Ông ta đã mất hẳn ham muốn được thỏa mãn cái tôi. Ông ta đã hiểu được sự vô ích tuyệt đối của nó. Chính sự hiểu biết ấy đã giúp ông ta siêu việt lên trên. Chính sự hiểu biết ấy đưa bạn vào một chiều kích mới ngay lập tức.

Rồi một thời thơ ấu mới được mở ra, và được gọi là thời thơ ấu thứ hai. Người Ấn gọi giai đoạn đó là “sinh lần thứ hai”, *Dwij*. Bạn được sinh ra một lần nữa, nhưng lần sinh này khác hẳn, không phải do cha mẹ (2). Lần này bạn sinh ra chính mình, không phải do sự gặp gỡ của hai thân thể, không phải do âm dương mà thành. Bạn sinh ra chính mình.

Đó là ý nghĩa về sự giáng sinh của Chúa. Rằng Ngài được sinh ra từ một trinh nữ. Nhưng người ta hiểu tất cả theo nghĩa đen nên sai hết. Từ ‘một trinh nữ’ nghĩa là từ nhất thể: ở đó không có cái thứ hai thì lấy gì mà bị ô nhiễm? Ai có thể vào đó được? Sự trinh bạch ấy tuyệt đối thuần khiết, vì ở đó không có gì khác cả. Nếu có gì khác ở đó thì trinh bạch không còn nữa. Nếu tâm trí có đối tượng thì sự trinh trắng đã mất. Nếu bạn thấy có người, có ta thì sự trong trắng không còn nữa (3). Lần sinh thứ hai này từ nhất thể mà có; lần đầu do máu huyết của cha mẹ mà thành - không có cách nào khác cả.

Chúa cũng được sinh ra từ huyết nhục như mọi người, và phải như vậy mới đúng. Ngài cũng như bạn khi còn là một hạt giống, nhưng Ngài tuyệt đối khác bạn vì Ngài đã nở hoa thật lộ liễu, bởi vì lần sinh thứ hai đã xảy ra cho Ngài; một người mới đã xuất hiện (4). Chúa, con của Mẹ Maria, không còn nữa, Ngài đã tự sinh ra chính mình. Phái Essene cổ xưa nói rằng khi một người đã đạt đạo, người ấy trở thành mẹ của chính mình. Cho nên

khi Chúa nói rằng Ngài không có mẹ (5), nghĩa là Ngài đã trở thành là mẹ của chính mình. Điều này có vẻ vô lý, nhưng sự thật là thế.

Lần sinh thứ hai từ sự đồng trinh - bạn lại trở nên ngây thơ, và sự hồn nhiên này quý giá hơn của đứa trẻ, bởi vì nó sẽ đánh mất sự hồn nhiên ấy. Đó là một quà tặng của tạo hóa, không phải do nỗ lực mà có, vì vậy nó sẽ phải mất đi; nó sẽ đánh mất khi nó trưởng thành. Và nó phải trưởng thành! Nhưng sự ngây thơ của một thánh nhân còn mãi. Sự ngây thơ ấy không thể được mất đi, bởi vì đó là đỉnh cao, là cực điểm của tăng trưởng; ở đó không có sự tăng trưởng nào hơn nữa. Nếu còn sự tăng trưởng nữa thì còn thay đổi; Nếu bạn đã một điểm mà ngoài đó không còn gì nữa thì không thể có thay đổi nữa. Một đứa trẻ phải tăng trưởng mỗi ngày: nó sẽ đánh mất sự ngây thơ, nó sẽ ném mùi đời; nó sẽ phải học hỏi, sẽ trở thành lấu lỉnh, tính toán. Nhưng nếu bị ám ảnh quá nhiều bởi bộ phận tính toán của mình, bạn chưa thoát khỏi lần sinh thứ nhất - do máu huyết, do nhị nguyên. Ở đó luôn luôn có một xung đột bên trong - Vì bạn là hai.

Để được thanh lặng, nhất thể phải có, vì vậy bạn phải sinh ra một lần nữa - Đó là những gì Chúa nói với Nicodemus. Nicodemus hỏi Ngài, “Sao chuyện ấy có thể xảy ra được?” (6)

Chúa nói với Nicodemus, “Trước hết bạn phải được sinh ra lần nữa. Rồi khi đó bất cứ điều gì có thể xảy đến. Ngay bây giờ, như bạn, không gì có thể làm được.”

Tôi cũng nói với bạn như vậy: Ngay bây giờ, trong hiện trạng của bạn, không thể làm gì được. Trừ phi bạn được tái sinh, trừ phi bạn trở thành cha của chính mình, trừ khi nhị nguyên tính của bạn biến mất, và bạn trở nên một, không thì không thể làm gì được. Khi người nữ bên trong và người nam bên trong của bạn gặp nhau, họ trở thành một (7). Họ không đấu tranh, họ biến mất, họ triệt tiêu lẫn nhau, và chỉ còn lại nhất thể (8). Nhất thể tính ấy là sự đồng trinh.

Đó là điều Chúa muốn nói, “Hãy nên như con trẻ.” Đừng hiểu theo nghĩa đen. Nhưng tại sao “như con trẻ”? -- vì khi một đứa trẻ được hình thành, vài tuần đầu thì nó chưa có giới tính. Nếu hỏi nhà sinh học, ông ta sẽ nói rằng nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Trong vài tuần không phải đực cũng không phải cái - nó là cả hai hoặc không thuộc phái nào cả: sự phân biệt chưa rõ ràng (9). Vì vậy, bạn có thể đổi giống, nếu muốn. Một ít hoóc-môn sẽ thay đổi hẳn, bởi vì đực và cái đã có sẵn rồi. Sự cân bằng sẽ bị mất; người nam thì nam tính trội hơn, mà nữ thì nữ tính mạnh hơn. Và phần nào trội hơn sẽ quyết định giới tính của đứa trẻ. Nhưng lúc đầu thì cân bằng, nhưng cả hai đã có đủ (10). Nó sẽ phụ thuộc vào những hoóc-môn lúc đó.

Nếu có nhiều hoóc-môn nam, đứa trẻ sẽ là nam; nếu nhiều hoóc-môn nữ thì nó sẽ là nữ. Giới tính có thể được thay đổi, vì nó thuộc về bên ngoài; nó không thuộc về bản thể mà chỉ nằm ở ngoại vi, ở thể xác; nó thuộc về vật chất. Bản thể chẳng dính dáng gì với giới tính cả. Nhưng chẳng bao lâu sự phân biệt sẽ xuất hiện: đứa trẻ sẽ trở thành là hoặc là nam, hoặc nữ.

Lúc ban đầu có sự hợp nhất. Rồi khi được sinh ra, đứa trẻ sẽ có xác của một người nam, hay người nữ. Nhưng nó vẫn chưa phân biệt được, vẫn chưa ý thức được, hoặc nó là trai, hay là gái. Khi được một vài tháng thì sự phân biệt sẽ in vào tâm trí của nó. Từ đó trở đi mỗi đứa sẽ có một triển vọng khác nhau – nó sẽ có ý niệm về chính nó ngay tức thì.

Ban đầu thân thể chỉ có một loại, rồi được phân ra nam và nữ. Nhưng lúc thân thể đã được phân biệt, đứa trẻ vẫn là một; nó chưa biết rõ giới tính của nó. Rồi khi biết nó là trai hay gái thì nhất thể biến mất; nó sẽ nhận ra nó là nam hay nữ, và điều đó kéo dài trong suốt cuộc đời của nó. Nghĩa là nó không thể tìm trở về nguồn được nữa, vòng tròn đã bị đứt quãng. Một thánh nhân tìm lại được cội nguồn, vòng tròn đã hoàn tất. Và sự phân biệt mất trong tâm trí trước – nhưng trái chiều!

Ở đứa trẻ sự phân biệt xuất hiện trong thân thể trước, rồi đến tâm trí. Ở một thánh nhân, sự phân biệt biến mất trong ý thức trước, rồi đến thân thể, và trước khi chết, ông ta lại trở nên một. Đây là thời thơ ấu thứ hai: ông ta trở nên ngây thơ - nhưng sự ngây thơ này tràn đầy sự khôn ngoan.

Sự ngây thơ của một trẻ nhỏ rất nghèo nàn, bởi vì chưa có kinh nghiệm; sự ngây thơ của một đứa trẻ chỉ là sự vắng mặt của cái gì đó. Nhưng sự ngây thơ của một thánh nhân có tất cả, không thiếu gì cả. Ông ta biết đường đi nước bước của thế gian, ông ta đã di chuyển, ông ta đã từng trải, đã học được tất cả những gì cần phải học. Ông ta đến tận đáy địa ngục, đã là người có tội, đã lục lọi mọi xó xỉnh, ông ta hưởng thụ tất cả, đã nếm đủ mùi vị của thế giới này, và nay không có gì ám ảnh ông ta nữa. Sự hồn nhiên của ông ấy rất sung mãn, vì ông ta đã trải qua tất cả. Bạn không thể phá hủy nó được, bởi vì ông ta đã biết tất cả những gì cần phải biết. Bạn có thể phá hủy nó bằng cách nào? Bạn không thể thúc đẩy ông ấy nữa, mọi động lực đã vô hiệu rồi.

Nếu bạn đến được giai đoạn này - lúc ban đầu bạn là một đứa trẻ, cuối cùng bạn lại trở thành một đứa trẻ - bạn đã đi hết một vòng tròn, trọn vẹn; ta gọi đó là sự hoàn thiện. Nếu không tìm về cội nguồn được nữa, cuộc sống của bạn không trọn vẹn. Không hoàn thành là một nỗi khổ. Đó là điều mà Đức Phật gọi là đau khổ, dukkha (11). Nếu vòng tròn chưa hoàn thành là có đau khổ; nếu được trọn vẹn thì bạn sẽ thỏa mãn.

Thánh nhân chết trong mãn nguyện, chẳng cần phải trở lại nữa, bởi vì ngài không còn nhu cầu để phải học bất cứ gì nữa. Bạn chết không trọn vẹn, và vì không trọn vẹn nên bạn phải sinh ra nhiều lần nữa. Bản thể của bạn sẽ tiếp tục tồn tại, để được hoàn thành; và trừ phi hoàn thành, bạn sẽ phải rong ruổi qua nhiều lần sinh tử. Người Ấn gọi đó là bánh xe luân hồi. Thánh nhân đã bước ra khỏi bánh xe ấy, vì ngài đã hoàn tất một vòng rồi nên không cần bánh xe nào nữa.

Nhưng tâm trí bình thường thì sao? Sự phân biệt tồn tại cho tới cùng; dục thì đến chết mới hết. Thậm chí khi thể xác đã kiệt quệ rồi mà tâm trí vẫn tiếp tục - và dục là tính nhị nguyên cơ bản. Cho nên, trừ phi không còn dục nữa thì nhất thể, và hội nhập với Thượng Đế không thể xảy ra. Mà đừng quên rằng bất nhị (nondual, advaita), Thượng Đế không phải là một giả thuyết, không phải là một học thuyết. Đó không là triết lý để tranh cãi, không phải tín điều - nó là dục đã được siêu việt. Đó là một hiện tượng siêu sinh lý học, nó có sức mạnh chuyển hoá, vì toàn thân của bạn cần phải thay đổi.

Ba ông già tán gẫu về cảnh nghèo - vì già thường không có gì khác để nói. Ông bảy mươi ba tuổi nói, “Tôi bị lãng rồi. Dù có hét vào tai thì tôi cũng chỉ nghe câu được câu chăng.”

Ông bảy mươi tám tuổi nói, “Mắt của tôi kém lắm rồi. Tôi không nhìn rõ nữa. Thậm chí người đẹp hay xấu tôi cũng chẳng phân biệt được!”

Rồi họ hỏi ông thứ ba, “Nasruddin, ông có gì phàn nàn không?”

Nasruddin, chín mươi ba tuổi, nói, “Tôi bị rắc rối hơn hai bận nhiều. Tối qua, sau bữa cơm chiều, tôi dùng ly rượu nhỏ, rồi dựa vào ghế và thiu thiu ngủ. Khoảng nửa giờ sau thức giấc thì vợ đã đi ngủ rồi. Vì vậy tôi vào phòng nói với bà ấy, “Xích lại một ít để tôi nằm với, rồi mình cùng tâm sự nhé.” Bà ấy nói, “Lộn xộn quá đi! Mới chưa đầy hai mươi năm phút mà muốn tâm sự nữa rồi!”

Thế rồi ông ta quay lại nói với hai người kia, “Tôi lú mất rồi!”

Dục tiếp tục theo đuổi bạn cho tới cùng, tới lúc lâm chung. Và có thể bạn không để ý, có thể bạn đã không nghĩ về nó, nhưng nếu người nào còn bị tâm trí ràng buộc, thì ý tưởng cuối cùng trước khi chết sẽ là dục - vì nó là yếu tố đầu tiên khi người ấy được sinh ra. Cho nên dục là ý tưởng cuối cùng cũng là tự nhiên thôi. Hãy thử đi!

Khi bạn đi ngủ hãy quan sát ý tưởng cuối cùng – ý tưởng tận cùng trước khi bạn thiếp đi. Hãy nhớ ý tưởng đó, và khi thức dậy bạn sẽ ngạc nhiên: đó sẽ là ý tưởng đầu tiên của bạn sáng hôm sau - nếu bạn quan sát. Hoặc làm ngược lại: hãy quan sát ý tưởng đầu tiên khi bạn thức giấc và hãy nhớ nó. Tối đó nó sẽ là ý tưởng cuối cùng, vì cuộc sống tuần hoàn. Dục xuất hiện trước tiên trong cuộc sống nên nó sẽ là thứ sau cùng. Nếu không vượt qua được, bạn sẽ là nạn nhân của nó, và sẽ không thể làm chủ đời mình.

Bạn biết chuyện gì xảy ra cho người bị treo cổ không? Nếu là người nam thì dịch hoàn tiết ra ngay lập tức. Cái đó xảy ra trong mọi nhà tù, mỗi khi có người bị treo cổ. Khi anh ta chết thì việc cuối cùng là dịch hoàn được phóng thích. Sao vậy? Điều đó có ý nghĩa gì không? Đời sống tuần hoàn; nó tự kết thúc: cái đầu tiên mà người ấy dùng để sinh ra, sẽ là cái cuối cùng người ấy dùng để bước vào thế giới bên kia (12).

Một thánh nhân vượt qua dục - nhưng ông ấy không kiềm chế nó, vì kiềm chế thì không phải là vượt qua nữa. Nếu bạn kiềm chế, bạn vẫn bị nó ám ảnh; nếu bạn kiềm chế, bạn vẫn bị chia đôi. Một thánh nhân chẳng kiềm chế gì cả. Mà ngược lại, năng lượng nam và nữ của ông ấy đã trở thành một; ông ta không phải là nam, cũng không phải là nữ nữa. Họ là những người mà Chúa đã gọi là “hoạn quan của Nước Trời” (13). Đó là ý nghĩa mà người Ấn diễn tả trong tượng Shiva – ardhanarishwar, bán nam, bán nữ. Đó là biểu tượng của nhất thể. Người Ấn còn gọi Shiva là vị thần hoàn hảo nhất, vĩ đại nhất -- Mahadeva. Tại sao vậy? - Bởi vì ông ta có cả nam tính, lẫn nữ tính. Và khi bạn ý thức mình vừa là nam, vừa là nữ thì hai năng lượng đó trở thành một và cả hai biến mất. Nhị nguyên không còn nữa, chỉ còn lại nhất thể (14).

Chúa nói về nhất thể tính này – ardhanarishwar, một nửa là nam, một nửa là nữ. Thế thì bạn không thuộc phái nào cả, rồi một thời thơ ấu mới bắt đầu, thời thứ hai; bạn trở thành *dwij*, sinh hai lần. Một sự ngây thơ mới được khám phá.

Chúng ta hãy bàn về lời của Chúa.

Chúa Giê-Su chỉ những đứa trẻ đang bú sữa mẹ và nói với các môn đệ, “Những người vào được Nước Trời cũng giống như những đứa trẻ đang bú sữa mẹ kia.”

Họ nói với Ngài, “*Vậy thì chúng tôi có nên trở thành con trẻ để được vào Nước Trời chăng?*”

Môn đệ thường hiểu lầm; họ hiểu theo nghĩa đen, họ hiểu rõ từng câu, từng chữ mà quên cả ý. Họ bám sát quá nhiều vào câu, vào chữ. Họ cụ thể hóa những lời của Chúa, trong khi Ngài rất uyển chuyển, rất linh động. Ngài dùng lời để chuyển ý nên không thể hiểu một cách máy móc. Chúng chỉ là những bảng chỉ đường, những ngón tay chỉ mặt trăng; chúng không nói gì cả.

Khi nghe Chúa nói: *Những đứa trẻ này... cũng giống như những người vào được Nước Trời*, họ lập tức nghĩ rằng họ phải trở nên giống như những đứa trẻ này thì mới có khả năng, mới có thể vào được Nước Trời.

Họ nói với Ngài, “*Vậy thì chúng tôi có nên trở thành con trẻ để được vào Nước Trời chăng?*”

Nhưng Chúa nói: “Không! Chỉ trở thành trẻ con cũng không đủ.”

Ngài nói với họ, “*Khi các ông biến hai thành một, và khi các ông làm cho cái bên trong như bên ngoài, và bên ngoài như bên trong, trên như dưới, và khi các ông làm cho nam và nữ trở nên một, để cho nam không còn là nam, và nữ không còn là nữ, thì các ông sẽ vào được Nước Trời.*”

Trở thành là con trẻ mới là ý mà Ngài muốn nói. Hãy cố hiểu từng câu một: *Khi các ông biến hai thành một....*

Đây là vấn đề cơ bản. Bạn có biết rằng nếu một tia sáng trắng chiếu qua một lăng kính, lập tức nó trở thành bảy màu (15)? Đó cũng là màu của cầu vồng. Nó xuất hiện mỗi mùa mưa, khi khí trời ẩm ướt, hay nhiều mây. Hơi nước ấy lơ lửng trong không khí làm thành một lăng kính. Và khi nắng trời chiếu vào thì nó phân thành bảy màu ngay lập tức - Đó là cách mà cầu vồng xảy ra. Trong mỗi mùa mưa, khi mặt trời khép nép bên màn sương thì cầu vồng xuất hiện. Nắng trời trắng phau, nhưng xuyên qua một lăng kính, nó biến thành bảy màu; sắc trắng ấy bị mất, nhường chỗ cho bảy màu.

Tâm trí của bạn hoạt động như một lăng kính; thế giới là một, vũ trụ là màu trắng, nhưng tâm trí của bạn phân nó ra nhiều thứ. Nhìn qua tâm trí thì một sẽ thành nhiều. Nếu thực sự tỉnh thức, bạn sẽ nhận ra bảy thành phần (16) trong mỗi khái niệm. Tâm trí chia cắt như một lăng kính – chia làm bảy. Một tuần có bảy ngày là vì vậy. Mahavira, căn cứ vào đặc tính này của tâm trí, đã lập ra luận lý học có bảy đoạn. Chúng được gọi là “Bảy khía cạnh của logic”, và nếu hỏi Mahavira một câu, bạn sẽ có bảy câu trả lời.

Bạn chỉ hỏi một câu. Ông ta cho bạn bảy câu trả lời! Bạn sẽ rất bối rối, bởi vì chỉ hỏi một câu mà bạn được bảy câu trả lời. Bạn sẽ bối rối hơn trước khi hỏi. Và vì hệ thống luận lý ấy mà chẳng mấy người hiểu được Mahavira; có thánh mới hiểu được ông ấy. Nhưng không nhất thiết là ông ấy sai, lý do là bạn hiểu qua tâm trí nên ông ấy phải lấy tâm trí mà

trả lời – mà tâm trí chia mọi thứ ra làm bảy. Không những thế, bảy câu ấy lại mâu thuẫn nhau. Nhất định phải vậy, bởi vì chân lý chỉ có một, không thể có bảy.

Khi bạn phát biểu trong bảy cách khác nhau, mâu thuẫn là điều không thể tránh được. Nếu bạn hỏi Mahavira liệu Thượng Đế có hiện hữu không, ông ta nói, “Có, Ngài hiện hữu”; rồi ông ta nói, “Không, Ngài không tồn tại”. Rồi ông ta nói, “Có và không, cả hai – Ngài vừa tồn tại vừa không tồn tại”; và sau đó ông ta nói, “Không tồn tại và cũng không không tồn tại” - và cứ tuần tự như thế ông ta cho bạn bảy trường hợp khác nhau (17).

Tâm trí hoạt động như một lăng kính. Khi bạn nhìn sự việc qua tâm trí, mọi thứ trở thành bảy. Nếu thông minh thì bạn nhìn ra bảy, không thì chỉ có hai. Một người bình thường sẽ nói, “Chỉ có hai trường hợp. Hoặc là Thượng Đế hiện hữu, hoặc không hiện hữu - chỉ có hai trường hợp.” Nhưng anh ta không nhận ra năm mệnh đề kia, vì anh ta không tỉnh táo. Có bảy trường hợp khả hữu, không phải hai. Như vậy hai là tối thiểu, và bảy là tối đa.

Chúa nói: *Khi các ông biến hai thành một...*

Ngài đang nói với những người bình thường, trong khi Mahavira đang nói với những người thông thái và những nhà luận lý. Tất cả đều tùy thuộc người nghe: Chúa nói với đám đông, với những người rất nghèo, bình dân. Trong khi Mahavira nói với một thiểu số được lựa chọn. Với những người ấy Mahavira có thể nói về bảy trường hợp. Chúa chỉ nói có hai – nhưng Chúa và Mahavira cùng nói về một việc (18).

Chúa nói: *Khi các ông biến hai thành một...* thì Mahavira sẽ nói, “Khi các ông biến bảy thành một, khi nào bảy biến mất mà chỉ còn lại một, bạn đã đắc đạo.” Chúa nói, “Khi nào hai biến mất và chỉ còn lại một, bạn đã nhận ra chân lý.” Khác nhau vì người nghe mà có, nhưng ý nghĩa chỉ là một.

Làm cách nào để hai biến mất? Bạn phải làm gì? Bạn không thể dùng đến tâm trí, vì có tâm trí là có ít nhất hai. Làm sao để cầu vòng biến mất? Nó biến mất bằng cách nào? Bỏ lăng kính đi thì cầu vòng biến mất; chỉ cần vén bức màn sương thì cầu vòng không còn nữa. Không dùng đến tâm trí thì thế giới hỗn tạp biến mất; nhìn qua tâm trí, nó lại xuất hiện.

Đừng nhìn qua tâm trí. Hãy để nó sang một bên mà nhìn. Trẻ con không nhìn bằng tâm trí, bởi vì tâm trí cần có thời gian để phát triển. Thân thể có trước, tâm trí phải mất vài năm mới xuất hiện. Ngay đầu tiên khi đứa trẻ được sinh ra, nó nhìn thế giới và chỉ thấy có một, bởi vì sự phân biệt chưa xảy ra cho nó. Phân biệt bằng cách nào? Nó không thể nói, “Cái này xanh, và kia là đỏ.” Nó không biết đỏ, nó không xanh; nó chỉ biết nhìn mà không biết phân biệt. Nó cũng không biết có sự khác biệt giữa thân thể của nó và của mẹ nó.

Jean Piaget (19) đã nghiên cứu rất nhiều về sự phát triển tâm trí của một đứa trẻ. Ông ta đã dày công nghiên cứu và đã có rất nhiều khám phá quan trọng: trẻ em không biết có sự khác biệt giữa thân thể của nó và ngoại vật. Cho nên nó mút ngón chân, nó nhai bất cứ gì mà nó vớ được, vì nó chưa biết phân biệt. Nó ăn cả phân của nó nữa - nó chẳng biết xấu, tốt là gì. Chúng ta nói, “Bẩn quá!” Nhưng vì không biết phân biệt nên nó không thể làm được gì.

Vì lý do này, mà ở Ấn Độ, qua nhiều thế kỷ, rất nhiều người đã cố bắt chước trẻ em. Có những người chẳng biết vệ sinh là gì; họ ăn ngay tại chỗ họ đi cầu mà lại được nhiều người coi là thánh nhân, đại sư. Họ bắt chước trẻ em, họ không muốn phân biệt - nhưng họ đã phân biệt; không thì chẳng cần phải bắt chước. Họ tạo ra sự phân biệt nhưng giả mù sa mưa. Phật sẽ không làm thế, Chúa sẽ không làm thế, Krishna sẽ không làm thế. Nhưng bạn có thể gặp những đại thánh giả bịp bợm này ở khắp mọi nơi - Họ ép buộc sự bất phân biệt cho chính họ.

Nhưng dù phân biệt, hoặc cố không phân biệt, tâm trí vẫn không được tự do: sự phân biệt núp bên dưới, nhưng bạn cố đè nén nó. Bạn xử sự như một trẻ thơ, nhưng thiếu sự hồn nhiên.

Khi hai trở thành là một... như một trẻ con. Khi đứa trẻ mở mắt chào đời - nó nhìn, nhưng nó không thể suy nghĩ; cái nhìn đến trước, suy nghĩ theo sau. Nó phải mất một thời gian, đôi khi nhiều năm, trước khi nó biết phân biệt. Một em bé dành đồ chơi của em khác, và bạn nói, “Đừng làm thế! Hư quá đi, đồ chơi đó không phải của con!” Bạn đang phân biệt tài sản, vì bạn tin vào quyền tư hữu. Bạn nghĩ, “Cái này của tôi, cái kia không phải của tôi.” Một đứa trẻ không biết có sự phân biệt nào cả - đồ chơi là đồ chơi. Nó không thể nghĩ sao cái đó không phải của nó. Nếu nó lấy được cái gì thì cái đó là của nó. “Của tôi” và “của người” vẫn chưa rõ ràng đối với nó.

Trẻ em không thể phân biệt giữa mộng mơ và thực tế. Khi thức dậy có thể nó khóc vì nó mơ có đồ chơi: nó sẽ khóc và đi tìm cho được. Mộng và thực không rõ ràng đối với nó. Nó chưa biết phân biệt. Nó ngây thơ bởi vì nó không biết có sự khác biệt.

Và thánh nhân ngây thơ vì ông ta đã bỏ mọi phân biệt sau lưng. Không phải ông không thấy rằng xanh là xanh và đỏ là đỏ, không phải là ông không biết đây là đồ ăn và kia là đá - Nhưng ông ta đã buông rơi tâm trí. Bây giờ ông ta thông qua cái nhìn và không dừng đến ý tưởng. Vì vậy người Ấn gọi triết học của họ là darshanas. Darshan nghĩa là nhìn, không phải nghĩ; và dịch darshan là triết học thì không đúng lắm, vì triết học có hàm ý là suy nghĩ - ngược hẳn với darshan.

Darshan nghĩa là nhìn (20), mà triết học là suy tư. Chúng khác nhau hoàn toàn, chẳng có liên hệ nào cả. Darshan nghĩa là cái nhìn của một đứa trẻ (21), khi không còn một phân biệt nào nữa: *Khi bạn biến hai thành một, và khi bạn biến bên trong như bên ngoài... và “trong” và “ngoài” là có phân biệt.*

Tôi có thể nói: hãy bỏ bên ngoài và đi vào trong; hãy đi vào trong, và bỏ cái bên ngoài ở ngoài. Nhưng bạn có thể hiểu lầm tất cả, vì khi bạn cái bên ngoài thì cái bên trong sẽ không tồn tại được. Khi bên ngoài không còn nữa, làm sao bên trong đứng vững được? Chúng nương vào nhau mà có: bên trong phản chiếu bên ngoài; khi bên ngoài không còn nữa thì bên trong cũng mất theo. Trước hết bỏ cái bên ngoài, bên trong sẽ tự động biến mất; chẳng có “trong”, cũng không có “ngoài” - bạn đã trở thành là một (22). Nếu vẫn có trong và ngoài, bạn vẫn còn là hai, chưa phải một, vẫn còn bị chia cắt.

Đó là vì sao các thiền sư thường nói những câu cổ quái nhất. Họ nói thế giới này là Thượng Đế (23); họ nói cuộc sống thường ngày là đạo (24); họ nói mọi điều tốt đẹp cả. Chẳng có gì phải thay đổi, vì chính ý tưởng thay đã nói lên sự phân biệt rồi: cái phải được thay đổi, và cái phải trở thành; A phải đổi thành B, nhị nguyên đã chen vào. Họ nói thế

giới này là thiêng liêng; đạo không phải xa người, vì ở nơi nào khác là có phân chia. Thượng Đế không phải đáng sáng tạo, và bạn không phải tạo vật - bạn là Thượng Đế (25). Thượng Đế không phải là tạo hóa - chính sự tạo thành này là thiêng liêng, sự sáng tạo chính là Thượng Đế.

Tâm trí luôn luôn phân biệt, đó là đặc tính của tâm trí. Phân biệt càng nhiều càng lạnh lợi. Và tâm trí thường nói rằng nhà huyền môn là những tên dở người, vì họ thường khó hiểu. Đó là lý do họ gọi tôn giáo là huyền môn, và từ huyền môn ấy thường không tốt đẹp gì. Họ nghĩ rằng đó là cái gì đó mập mờ, tối tăm, không được rõ ràng, như mộng, như huyền.

Nhà huyền môn thường bị những nhà luận lý chê là dốt nát (26), bởi vì họ không phân biệt. Mà phân biệt là cái duy nhất cần phải biết; phải biết cái nào ra cái đó! Và logic nghĩ rằng càng mô xê càng nhiều càng đến gần sự thật hơn (27). Đó là lý do khoa học - vốn được xây trên logic, chỉ là ứng dụng của logic - đã đập vỡ nguyên tử để tìm ra những thành phần nhỏ bên trong.

Ngược lại, tôn giáo tìm đến điều tối thượng, nhất thể, bởi vì không phân chia mà kết hợp, xóa đi ranh giới thay vì tạo ra ranh giới. Khoa học đi vào nguyên tử - thể giới của hỗn tạp, vô tận. Trong khi tôn giáo tìm về cái một, cái cội nguồn của tất cả. Phương pháp của khoa học là sử dụng tâm trí, và tâm trí tạo ra biên giới, tạo ra những phân biệt rõ ràng. Tôn giáo thì không sử dụng tâm trí nên ranh giới bị mờ nhạt tất cả, mọi vật nối tiếp nhau, cái này mất hút vào trong cái kia. Cây cối ôm lấy bầu trời, bầu trời ngã vào lòng cây cối; đất giao với trời, trời thông với đất.

Và nếu nhìn sâu trong cuộc sống, bạn sẽ thấy những cái lý của các nhà huyền môn. Ranh giới đều do người làm ra; trong thực tế chẳng có ranh giới nào cả. Chúng hữu ích, thiết thực, nhưng không có thật. Trong những khía cạnh nào đó chúng giúp rất tiện dụng, nhưng lại là những cản trở trong nhiều trường hợp khác.

Hãy xem phân biệt bắt đầu từ đâu. Tuần trước bạn cảm thấy khó chịu. Bạn có thể xác định một cách chính xác cảm giác đó khởi đầu từ lúc nào không? Bạn có thể biết rõ trắng đen không? Bạn có thể nói, “Vào ngày ấy, đúng 9 giờ 30 phút sáng, tôi cảm thấy khó chịu không?” Không, bạn không thể xác định rõ được. Nếu để ý, bạn sẽ thấy tất cả đều mơ hồ, bạn không thể nói khi nào thấy khó chịu. Rồi khi bạn thấy khó chịu – hãy để ý xem khi nào bạn thấy dễ chịu trở lại. Có thể trước đây bạn không để ý, nhưng nay bạn thấy thoải mái, và thỉnh thoảng bạn buồn rầu, bởi vì tâm trí không thể nằm lại trong một trạng thái mãi mãi. Nó không thuộc quyền kiểm soát của bạn. Dù muốn đau khổ triền miên bạn cũng không bó tay. Lúc đó hãy quan sát: tại thời điểm nào đó khi bạn cảm thấy thoải mái lại. Bạn sẽ thấy thoải mái, rồi bạn sẽ không nhận ra khoảnh khắc ấy, bởi vì nó rất mập mờ.

Vậy thì điều ấy có nghĩa gì? Nghĩa là hạnh phúc và đau khổ không phải tách biệt. Đó là vì sao bạn không thể phân biệt được: chúng đan tay nhau, chúng hòa lẫn nhau, những ranh giới của chúng xen kẽ nhau. Thật ra, không có ranh giới thật sự - chúng tựa như con sóng, như đồi núi và thung lũng: thung lũng biến thành đồi; sóng tạo ra chỗ lõm ở giữa. Đồi bắt đầu ở đâu, và thung lũng chấm dứt chỗ nào? Không nơi nào cả! Chúng là một.

Đó là đặc tính của tâm trí, nó nói, “Đây là thung lũng, và kia là đồi.” Có thể có đồi mà không có thung lũng không? Có thể có thung lũng mà không có đồi chăng? Bạn có thể

hạnh phúc mãi mãi mà không có bất hạnh không? Bạn sẽ cố gắng trong vô vọng. Bạn có thể đau khổ mãi mãi mà không có giờ hạnh phúc không? Hãy bởi ý nghĩ đó đi! - vì hạnh phúc và đau khổ là những cảm giác. Sức khỏe và bệnh tật nghiêng về mặt sinh lý hơn. Hãy nhớ lại lúc nào bạn bị bệnh. Bạn có thể biết rõ không? Và khi nào bạn hết bệnh? Không ai có thể biết rõ ranh giới: đau ốm trở thành sức khỏe, sức khỏe biến thành là bệnh; yêu thương biến thành căm thù, căm thù trở thành tình yêu; giận dữ trở thành từ bi, từ bi hóa ra hận thù. Khó mà lường tượng được những điều ấy, nhưng các nhà huyền môn rất chí lý.

Bạn là một đứa trẻ - Khi nào bạn trở thành thiếu niên? Thời thanh niên bắt đầu lúc nào? Bạn còn trẻ, rồi ngày nào đó bạn sẽ già. Hãy ghi vào lịch, “hôm nay là ngày tôi bắt đầu già.” Và nếu không thể phân biệt khi nào già, bạn có thể phân biệt được khi nào bạn sống động, và khi nào bạn trở nên cằn cỗi không? Thậm chí bác sĩ cũng không thể xác định rõ ràng người ta bắt đầu chết lúc nào. Những gì ta biết được cho tới nay chỉ là tiện lợi, không phải thật.

Khi nào có thể công bố là người này chết? Khi người ấy tắt thở phải không? Nhưng đã có những du-già đã được bác sĩ xác nhận là họ có thể ngưng thở được đến mười phút. Vì vậy, không thể lấy hơi thở làm tiêu chuẩn để quyết định sống và chết. Người ấy có thể sẽ không thở lại nữa, nhưng tiêu chuẩn đó không dùng được, bởi vì đã có người không thở được đến mười phút. Người ấy có thể là một du-già. Có thể ông ta không muốn sống trở lại nữa, nhưng bạn không thể công bố rằng ông ta đã chết. Mặc dù vậy, ta phải công bố là người ấy đã chết, bởi vì xác chết phải được mai táng.

Khi nào một người chết thật sự? Khi trái tim ngừng đập? Hoặc khi óc ngưng hoạt động? Hiện giờ một số phòng thí nghiệm khoa học có những bộ óc không có thân thể - mà chúng vẫn hoạt động như thường. Ai biết chúng đang nghĩ gì? - mơ màng? Chúng cũng không biết rằng chúng đã mất thân thể. Và những nhà khoa học nghiên cứu những bộ óc ấy nói chúng cũng có nhịp điệu bình thường: ngủ, thức, ngủ, trần trọc; chúng cho thấy những dấu hiệu là chúng đang mơ, và đôi lúc không mơ; cũng có dấu hiệu là chúng đang nghĩ, là chúng đang giận dữ, đôi khi kích động và căng thẳng, và thỉnh thoảng thư giãn.

Chúng đang nghĩ gì bên trong? Chúng không thể biết được là thân thể không còn nữa, nhưng bạn có thể nói là chúng đã chết không? Chúng vẫn hoạt động bình thường. Vậy lấy gì làm tiêu chuẩn? Lấy lúc nào làm tiêu chuẩn?

Hội đệ nhị thế chiến Nga sô đã làm thí nghiệm, và ít nhất sáu người vẫn còn sống khi họ được công bố là đã chết, bởi vì tim họ ngưng đập bất thành linh. Bác sĩ nói họ đã chết, nhưng khi được tiếp máu, họ tỉnh lại. Sáu người đó sống được vài năm nữa mới chết. Bác sĩ phải thu hồi giấy khai tử.

Có một ranh giới rõ ràng, nơi mà sự sống kết thúc, và cái chết bắt đầu không? Không! Tựa như sóng nước vậy. Sự sống theo chân cái chết, như thể sóng kéo một chỗ lõm vậy. Chúng không tách biệt, chúng chỉ là một - chúng là nhịp điệu của nhất thể.

Các nhà huyền môn nói rằng vì tiện dụng ta có thể phân chia, nhưng thực tại thì bất khả phân. Phải làm gì để biết được thực tại ấy? Chỉ cần gạt sang một bên cái dụng cụ tạo ra chia cắt. Đó là mục đích của tĩnh tâm, của thiền quán. Để tâm trí qua một bên và nhìn; nhìn mà không dùng tâm trí. Hãy ý thức mà không dùng tâm trí. Hãy nhìn! - và không

cho phép ý tưởng xen vào giữa bạn và vũ trụ. Khi không có mây, không có ý tưởng, và khi mặt trời chói sáng với đầy đủ ý thức, thì thế giới là một.

“Khi các ông biến hai thành một, và khi các ông làm cho cái bên trong như bên ngoài, và bên ngoài như bên trong, trên như dưới, và khi các ông làm cho nam và nữ trở nên một, để cho nam không còn là nam, và nữ không còn là nữ, thì các ông sẽ vào được Nước Trời.”

Sự phân biệt nổi bật nhất và rõ ràng nhất là giữa nam và nữ (28). Có khi nào bạn quên, không biết người nào đó là đàn ông, hay đàn bà chưa? Có thể bạn quên tên, có thể quên tôn giáo, có thể quên hân khuôn mặt, nhưng không bao giờ bạn quên liệu người này là đàn ông, hay đàn bà. Không tài nào quên được. Nghĩa là tác động sâu đậm nhất được hân lên ký ức của bạn là sự phân chia.

Bạn biết người nào đó cách đây hai mươi năm: Bạn không nhớ gì nữa - mặt đã khác, tên đã đổi, nhưng người ấy là nam hay nữ?... Cái đó thì không quên được, không phai được. Nó có tác động mạnh nhất; nó là yếu tố đầu tiên mà bạn nhớ về người ấy, hoặc là đàn ông, hoặc đàn bà. Yếu tố đầu tiên mà bạn gặp phải là yếu tố cuối cùng lưu lại với bạn. Có thể bạn không để ý, nhưng cái đầu tiên đập vào mắt bạn là người ấy hoặc là đàn ông, hay đàn bà. Nếu là đàn bà, bạn sẽ niềm nở hơn; nếu là đàn ông, bạn đối xử khác hẳn. Nếu là đàn bà, người đàn ông bên trong bạn sẽ bị kích động, dù bạn biết hay không. Có thể bạn không để ý, nhưng bạn sẽ nhẹ nhàng hơn.

Những chuyên viên quảng cáo biết rõ chuyện này hơn ai hết, họ để các bà tại hầu hết các cửa hàng. Đó là yếu tố tâm lý: nếu người mua là người đàn ông, và nếu người bán hàng là phụ nữ, thì anh ta khó mà từ chối được, nhưng nếu đàn ông bán hàng thì lại khác. Khi bà bán hàng thử giày cho bạn, xỏ giày vào bàn chân của bạn, chạm vào chân bạn – mà bà ấy lại đẹp nữa - thì bỗng nhiên giày không còn quan trọng nữa, nó trở thành thứ yếu. Giày có thể chật ních, nhưng miệng thì nói, “Đẹp quá! Vừa quá!”, rồi bạn móc tiền ra trả. Bạn đã mua cô bán hàng, không phải giày.

Cho nên khi bán hàng – chẳng cần biết là hợp lý hay không, liên quan hay không, thích hợp hay không, dù là bán xe hay bán giày, hoặc bất cứ mặt hàng gì – muốn bán chạy thì phải đặt một cô thật duyên dáng chào khách. Xe thì không mua, mà mua cô bán hàng. Dục là cái được trao đổi, những cái khác chỉ là phụ thuộc.

Thực tế mà nói thì bạn tìm dục - khắp mọi nơi. Chúa nói rằng bạn sẽ không trong sạch, nếu dục vẫn còn ám ảnh bạn. Thế thì bạn vẫn còn bị phân chia: nếu là đàn ông, bạn sẽ tìm một phụ nữ; nếu là một phụ nữ, bạn sẽ tìm người nam. Kết cục là bạn sẽ nhìn ra ngoài để tìm người khác phái; bạn không thể nhìn vào trong, không thể tĩnh tâm, không thể thiền quán. Ma nữ sẽ quấy rầy bạn, sẽ ám ảnh bạn. Nếu bạn chống lại, nếu bạn kháng cự, nếu bạn nhắm mắt lại, cô ấy sẽ càng lộng lẫy hơn nữa, cô ấy sẽ quyến rũ bạn.

Phải làm gì đây? Làm cách nào để vượt qua nhị nguyên tính này? Nhiều phương pháp đã được sử dụng. Phần lớn là gạt gẫm. Có người nói, “Hãy coi mỗi phụ nữ như mẹ của mình,” nhưng cũng chỉ là tự lừa dối mình. “Hãy coi mỗi phụ nữ như chị, hoặc em gái của

bạn” – cũng chẳng khác gì, bởi vì cô ấy vẫn là một phụ nữ. Chị, em gái, mẹ... cũng chẳng khác nhau; cô ấy vẫn là gái, mà bạn là trai. Bạn tiếp tục tìm, và sự tìm kiếm đó nằm quá sâu dưới vùng sinh lý, như thể con suối ngầm, đến nỗi bạn cũng chẳng ý thức được.

Hãy thử đi. Bạn đang ngồi trong phòng, và một phụ nữ đi vào. Hãy quan sát, hãy xem chuyện gì xảy ra. Thành linh bạn thành một người khác. Mà nếu cô ấy đẹp thì đèn pha của bạn bật lên hết. Việc gì xảy ra? Ngay lập tức bạn bị hớp hồn; bạn biến mất rồi, bạn bị bùa mê thuốc lú; hoóc-môn đã chiếm chỗ bạn rồi. Chúng sẽ khởi động, chúng gạt bạn sang một bên, ý thức của bạn bị tê liệt, bạn không còn tỉnh táo nữa, như thể bạn đang say.

Cho đến nay, chúng ta chưa có thể khám phá được loại rượu nào mạnh hơn dục, loại thuốc nào mạnh hơn dục. Nếu tìm được thì tất cả sẽ đảo lộn ngay lập tức. Nếu dùng cần sa, ma túy, bạn sẽ nhìn đời bằng con mắt khác – Dục là một loại ma túy bẩm sinh. Mỗi khi bị kích dục, mọi thứ trở thành sắc sỡ; tất cả có một bộ mặt mới, hấp dẫn hơn hẳn: bạn sống động hơn, bạn không đi nữa mà chạy; bạn không nói mà hát nghêu ngao. Đời của bạn trở thành là một điệu vũ, bạn đang sống trên mây.

Khi không bị dục kích động, thành linh bạn trở lại thế giới tẻ nhạt, thế giới thiếu màu sắc và mờ đục của sự vật. Bạn không hát, không chạy nữa; mọi thứ trở nên lười biếng, uể oải. Mà khi một bà, hoặc một ông đi vào đời bạn, mọi thứ mang theo màu sắc mới, hồn thơ đã lai láng, lãng mạn đã lan tràn. Cái gì đã xảy ra? Và nếu nó liên tục xảy ra, bạn sẽ rơi vào thế giới của nhị nguyên – thâm sâu nhất -- và nó sẽ không cho phép bạn nhìn được chân như, tức là thực tướng của vạn vật. Mà chân như mới thật là phúc lạc, vì nó vắng bóng cả hạnh phúc lẫn bất hạnh.

Chân như nằm ngoài cả hạnh phúc và bất hạnh. Nó không căng thẳng, cũng không thư giãn, không tối cũng không sáng; nó nằm ngoài tất cả (29). Khi mọi phân chia chấm dứt, phúc lạc sẽ đến với bạn. Người Người Ấn gọi là ananda (30) - nghĩa là “bên ngoài nhị nguyên”. Bạn không thể nói thánh nhân hạnh phúc. Ngài không hạnh phúc, bởi vì hạnh phúc sẽ có bất hạnh đi theo. Bạn không thể nói ngài không hạnh phúc. Ngài phúc lạc, vì ngài đã vượt lên trên mọi đối cực. Chẳng có đời, chẳng còn thung lũng nữa, ngài sống trên đất bằng; ngài chỉ biết có một bề mặt. Không có thăng và trầm, vì ‘thăng’ và ‘trầm’ thuộc về thế giới của nhị nguyên (31).

Vì vậy Chúa nói, “Khi không có trên, và không có dưới, không thăng và không trầm (32), khi không đối cực, bạn không thể chọn lựa, bạn chỉ tồn tại.” Và sự tồn tại đó chỉ có một bề mặt: không có sóng, đại dương tuyệt đối phẳng lặng và không một gợn sóng, dù chỉ là một lay động nhỏ, vì không có trên và không có dưới nữa. Đại dương đã trở thành một tấm gương, không một gợn sóng, vì mọi kích động đã đình chỉ.

Toàn bộ kích động do nhị nguyên tính mà có, mà dục là nền tảng của tất cả. Bạn có thể từ bỏ tất cả một cách dễ dàng, nhưng bỏ được dục mới đáng kể. Và đó là cái khó nhất; nó ngấm vào từng tế bào trong cơ thể, từng ngõ ngách trong bản thể của bạn – bạn được sinh ra bởi dục, bạn là hiện thân của dục. Đó là lý do Chúa nói, “Nếu không sinh ra một lần nữa, bạn sẽ không vào được Nước Trời.” Trong hiện trạng của bạn, căng thẳng vẫn còn; kết quả là bạn không tránh được nỗi thống khổ.

“Và khi các ông làm cho nam và nữ trở nên một, để cho nam không còn là nam, và nữ không còn là nữ, thì các ông sẽ vào được Nước Trời.”

Vậy phải làm gì? Một vòng tròn phải được thực hiện bên trong. Chúa đã không nói rõ phải làm gì, bởi vì những bí mật đó không thể được tuyên bố bừa bãi (33); chúng chỉ có thể được dạy cho một số môn đệ. Có lẽ Chúa đã dạy cho một số môn đệ thân tín (34), bởi vì chỉ nói xuông, “Hãy trở nên một!” thì không một ai trở thành một được. Chỉ nói nam trở nên nữ, và nữ trở nên nam, thì chẳng một ai trở thành là một được - bởi vì đó là mục đích. Vậy thì có phương pháp nào không?

Chúa ắt phải giấu phương pháp bí mật đó. Ngài chỉ truyền cho môn đệ như một chìa khóa bí mật, bởi vì những bí mật đó có thể làm cho bạn trở nên một thì cũng rất nguy hiểm. Nếu bạn hiểu sai, nếu bạn dùng sai dù chỉ một chút cũng làm bạn phát điên. Vấn đề là ở chỗ đó. Sự là chỗ đó.

Phần lớn các bạn đều có đối kháng bên trong: phần nam của bạn đi tìm phần nữ bên ngoài, phần âm của bạn tìm phần dương bên ngoài – Đó là mẫu người bình thường. Tất cả phải được chuyển hoá: phần nam của bạn tìm phần nữ bên trong. Nhưng người nam bên trong bạn tìm gặp người nữ bên trong thì rất nguy hiểm, bởi vì thiên nhiên không lo liệu trước việc này. Thiên nhiên đã cho bạn một thôi thúc để gặp người nữ, để gặp người nam, và thôi thúc đó rất tự nhiên. Nhưng tạo ra sự gặp gỡ này bên trong bạn thì không phải tự nhiên. Chìa khóa phải được trao cho một cách cẩn thận. Nó phải được hướng dẫn bởi một đạo sư, và ngài đã đi qua đoạn đường đó rồi. Đó là vì sao những bí mật sâu kín nhất của tôn giáo không thể được truyền qua sách vở (35), chúng chỉ có thể được khẩu truyền, qua điểm đạo.

Tuy nhiên, tôi sẽ gợi ý cho bạn một kỹ thuật. Nhưng phải nhớ kỹ: nếu bạn muốn áp dụng thì làm y hệt những gì tôi nói, không được làm khác, nếu không thì có thể nguy hiểm. Cẩn thận vẫn hơn, bởi vì nhiều hành giả đã bị tẩu hỏa nhập ma. Lý do là bạn có chìa khóa, nhưng bạn không biết cách sử dụng, hoặc dùng sai. Và một khi bạn sử dụng sai chìa khóa thì ổ khóa sẽ bị đảo lộn; lúc ấy sửa lại ổ khóa thì rắc rối lắm.

Những phương pháp này chỉ được thực hiện dưới sự hướng dẫn của một đạo sư, ngài sẽ liên tục quan sát bạn. Tôi sẽ cho bạn một vài chi tiết, và nếu bạn muốn thí nghiệm thì tôi có thể giúp bạn.

Việc đầu tiên: Mỗi khi trong vòng tay của người yêu, đó lúc tốt nhất để tìm kiếm người nữ bên trong, hoặc người nam bên trong. Mỗi khi bạn trong cơn say tình ái, hãy nhắm mắt lại, hãy biến nó thành tĩnh tâm, thiền quán. Người nữ bên ngoài sẽ giúp đánh thức người nữ bên trong. Vì lúc đó năng lực bên trong của bạn, cả âm lẫn dương, sẽ mạnh nhất. Khi bạn cảm thấy hạnh phúc, cảm giác ấy không phải do bạn và người nữ bên ngoài mà có, nó luôn luôn xảy ra giữa bạn và người nữ bên trong.

Vì vậy, nếu bạn cảnh giác, bạn sẽ nhận thức được sự gặp gỡ của hai năng lượng đang xảy ra bên trong. Và mỗi khi nó xảy ra, sự sung mãn sẽ lan khắp thân thể; nó sẽ không bị giới hạn trong vùng cảm giác. Nếu nó bị giam hãm trong vùng cảm giác, thay vì khắp cơ thể, bạn đã làm sai rồi. Sung mãn hoàn toàn nghĩa là khắp châu thân, mỗi tế bào của cơ thể

rung theo nhịp sống mới, với một sinh lực mới, vì nhiều năng lượng được tạo ra bởi cuộc gặp gỡ này. Cuộc gặp gỡ diễn ra bên trong, nhưng nếu bạn chú ý bên ngoài, bạn sẽ không thấy gì cả.

Người nữ bên ngoài, hoặc người nam bên ngoài, chỉ là một hình ảnh của người bên trong. Khi yêu một người nữ, hoặc một người nam, bạn yêu chỉ vì người nữ, hoặc người nam ấy trùng hợp cách nào đó với người bên trong. Đó là vì sao bạn không hiểu được tại sao bạn yêu người này, bởi vì con tim có lý lẽ riêng của nó mà lý trí không biết được (36).

Vì mang một người nữ bên trong, nên khi bạn gặp người nào phù hợp với hình ảnh bên trong đó, bạn bị tiếng sét ái tình đánh trúng. Tình yêu ấy nằm ngoài sự kiểm soát của bạn, bởi vì yêu không phải là hành động tâm trí; nó nằm sâu trong vô thức nên tâm trí không biết được. Người nữ ấy kích động hình ảnh bên trong của bạn, nên bỗng nhiên bạn cảm thấy như đã gặp được người từ trăm năm.

Căn cứ vào đâu để biết cô ấy là người trong mộng? Vì với nhiều người khác, cô ấy không có gì đặc biệt cả. Nhiều người nghĩ cô ấy vô duyên; nhiều người nghĩ cô ấy xấu. Lại có người chẳng thèm ngó đến cô ấy. Cũng có người nghĩ cô ấy rất tâm thương. Có người cười và nói với bạn, “Có điên không? Hết người rồi sao mà mê nó?” Nhưng cô ấy, hay chàng ấy, phù hợp với người bên trong của bạn. Cho nên lý trí không thể xía vào chuyện của con tim. Dù bạn cầu nó cũng chẳng đến, mà bạn đuổi nó cũng chẳng đi.

Khi men tình lên cao vút, năng lượng bên trong của bạn khởi động mạnh nhất, cao nhất. Tại cao điểm đó, hãy quên thế giới bên ngoài, nếu không thì bạn sẽ lỡ một cơ hội, cái gì đó rất huyền bí đang xảy ra bên trong: bạn trở thành một vòng tròn. Hai năng lượng âm và dương đang gặp nhau, bạn đang trở thành ardhhanarishwar – nửa nam, nửa nữ. Trong khoảng khắc ấy, toàn thân của bạn rung lên, từ ngón chân đến tận đỉnh đầu. Từng dây thần kinh rung theo nhịp sống mới, bởi vì vòng tròn lan đi khắp nơi trên thân thể. Nó đưa bạn vào một thế giới mới. Hãy quan sát nó! Hãy quan sát cái đỉnh yêu thương đó, cuộc gặp gỡ của năng lượng bên trong. Rồi quan sát khi ngọn sóng triều lắng xuống, và khi hồ thấm mở ra. Hãy quan sát sự tách rời của hai năng lượng.

Nếu thực hành một vài lần, bạn sẽ nhận ra ngay lập tức rằng bạn không cần người nữ, hoặc người nam bên ngoài nữa. Bạn có thể tìm lại kinh nghiệm ấy mà không cần người khác, bởi vì nó không xảy ra bên ngoài – người ngoài chỉ giúp thúc đẩy tiến trình ấy. Sự thúc đẩy ấy có thể tạo ra bên trong. Và một khi đã quen thì bạn có thể tự làm lấy. Nhưng phải qua cầu bạn mới biết. Tôi không thể nói rõ hơn được. Bạn phải quan sát, phải theo dõi thì mới biết năng lượng khởi động ra sao, rồi chúng tách rời ra sao.

Trong một thoáng nó xảy ra với bạn. Đó là vì sao có người người khổ vì yêu, nhưng vẫn lẫn vào như những con thiêu thân – bởi vì trong khoảnh khắc nhỏ đó bạn trở thành một, nhị nguyên tính biến mất. Trong khoảng khắc ấy tâm trí tạm ngưng hoạt động. Nếu tâm trí còn chủ động, khoảnh khắc ấy không xảy ra. Trong khoảnh khắc ấy không một ý nghĩ nào xuất hiện... lăng kính bị bỏ hẳn sang một bên. Bạn hiện hữu, nhưng không có ý tưởng. Bạn tồn tại, nhưng không có tâm trí. Khoảnh khắc ấy xảy ra rất nhanh nên bạn có thể dễ mất nó dễ dàng; bạn đã đánh mất trong nhiều kiếp sống. Nó quá nhỏ đến nỗi nếu bạn quan tâm đến bên ngoài, bạn sẽ đánh mất nó.

Vì vậy phải nhắm mắt lại mà quan sát cái gì đang xảy ra ở trong. Đừng mong đợi bất cứ chuyện gì, chỉ quan sát những gì đang diễn ra. Dần dần nó sẽ xảy ra, tương tự như khi bạn từ ngoài sáng đi vào phòng. Bạn không nhìn thấy gì, bởi vì mắt của bạn vẫn chưa quen với bóng tối. Hãy ngồi xuống và chờ đợi. Ít lâu sau bóng tối sẽ biến mất, và bạn sẽ thấy được vì mắt của bạn đã quen với bóng tối.

Từ ngoài trở vào trong thì rắc rối hơn, bởi vì mắt của bạn đã quen với bên ngoài. Bên trong có vẻ tối, và khi bạn sẵn sàng, khoảnh khắc ấy đã qua rồi. Vậy hãy tĩnh tâm nhiều hơn bằng cách nhắm mắt lại, và nhìn vào trong để bạn có thể quen với bóng tối bên trong. Nó không phải là bóng tối, nó chỉ có vẻ tối, bởi vì bạn đã quen với ánh sáng bên ngoài. Dần dà một luồng sáng sẽ đến, và mọi thứ trở thành rõ ràng; rồi sẽ tới lúc mọi thứ trở thành sáng chói, đến nỗi khi mở mắt ra, sẽ nhận ra bên ngoài là bóng tối.

Arvind nói, “Lần đầu tiên tôi biết bên trong là gì, ánh sáng bên ngoài trông như bóng tối. Cuộc sống bên ngoài dường như sự chết, vì bây giờ tôi biết có cái cao hơn, lớn hơn, đến từ nguồn đang xảy ra.”

Hãy quan sát hai sinh lực trở thành một như thế nào. Trong sự hợp nhất đó sẽ vắng bóng tâm trí và ý tưởng. Hãy quan sát! – dần dần bạn sẽ thấy được cái gì đang xảy ra. Và một khi bạn biết cái gì đang xảy ra, cái bên ngoài không còn cần thiết nữa – bạn chẳng cần phải bỏ nó, nhưng nó có thể được bỏ rơi.

Người nữ, người nam đều đẹp. Tình yêu thật là tuyệt diệu, chẳng có gì sai cả. Bạn không cần phải bỏ, nhưng nếu muốn, bạn có thể được bỏ được, vì bạn không phải phụ thuộc ai nữa. Khi đó bạn có thể cho phép nó xảy ra ở trong, và sẽ có một lúc hiện tượng này diễn ra mãi mãi. Với giúp đỡ của bên ngoài, nó sẽ không tồn tại mãi mãi, vì sự chia tay sẽ phải xảy ra, phải tách biệt. Nhưng với bên trong thì không có biệt ly; nếu sự hợp nhất xảy ra bên trong thì chẳng có ly tan, bởi vì cả hai đều có sẵn ở đó. Một khi hai luồng sinh lực ấy gặp nhau thì hợp tan không xảy ra nữa. Với bên ngoài, hợp tan là điều không thể tránh được; trong mọi xum họp đều có sẵn mầm biệt ly. Khi vòng sinh lực diễn ra thường xuyên bên trong, bạn đạt đến trạng thái ardhanarishwar - và đó là ngụ ý của Chúa:

“Và khi các ông làm cho nam và nữ trở nên một, để cho nam không còn là nam, và nữ không còn là nữ, thì các ông sẽ vào được Nước Trời.”

Hôn nhân đã xảy ra bên trong; bạn đã hoàn hảo, không bị chia cắt nữa; bạn đã thành bất khả phân. Bạn đã có tự ngã: bây giờ bạn được giải thoát hoàn toàn, không thiếu gì nữa; bạn có đầy đủ bên trong. Trừ phi vòng sinh lực này xảy ra, bạn sẽ thiếu gì đó, và bạn phải dựa vào người khác để được thoả mãn. Đó là vì sao dục là một loại nô lệ. Bạn phải tùy thuộc người khác, và bạn sẽ không thấy vui vì sự phụ thuộc đó. Kết quả là bạn cả khía mãi với người yêu: bạn thấy phần uất, nhưng không thể thiếu người khác, vì bạn bị phụ thuộc. Và không ai muốn phụ thuộc ai cả, vì phụ thuộc nghĩa là bị giới hạn, nghĩa là bị người khác kiểm chế, bị người khác chiếm hữu - Và nếu bị phụ thuộc, bạn phải chịu sự thống trị của người khác, vì bạn sợ hãi. Đây là sự thỏa thuận hồ tương: “Tôi sẽ phải dựa

vào anh, và anh sẽ nhờ tôi, như vậy chúng ta có thể nương vào nhau mà sống, và chúng ta có thể thay phiên mà kiềm chế lẫn nhau, bằng cách này hay cách khác.”

Nhưng không ai muốn bị kiềm chế và bị chiếm hữu. Đó là vì sao tình yêu thường tạo ra địa ngục. Và nếu vừa yêu thương vừa giận hờn một người, sao bạn có thể có hạnh phúc được? Khi giận hờn thì thậm chí người đẹp nhất cũng thành xấu xí.

Mulla Nasruddin đang có khách. Khi vợ của anh ta đến thì người bạn nói, “Phải đây là cục cưng của anh không?”

Mulla Nasruddin lơ đãng nói, “Mụ ấy chỉ là vợ thôi!”

Nỗi chán chường đó luôn luôn đi theo những người yêu nhau, vì không bà nào có thể thỏa mãn hoàn toàn được ông nào cả. Dù có tất cả phụ nữ trên thế giới, bạn cũng không thể thỏa mãn hoàn toàn được, vì cái bên trong lớn hơn tất cả những cái bên ngoài cộng lại. Dù được tất cả đàn ông trên thế giới cung phụng, không bà nào có thể cảm thấy thỏa mãn hoàn toàn - Không. Bà ấy sẽ không vừa lòng, ông này được cái này lại thiếu cái kia, và không một ông nào có thể giống y hệt người bên trong của bà. Và vấn đề thứ hai là thời gian... Hai người chỉ gặp gỡ trong một thời gian ngắn rồi lại phải tách ra, bởi vì không ông nào giống y hệt ông bên trong. Trừ phi đạt được sự hợp nhất bên trong, bạn sẽ chuyển hết từ nỗi khổ này đến bất hạnh kia; từ bà này sang bà kia, từ ông này sang ông kia; từ cơ cực này đến cơ cực kia. Mỗi lần thay đổi là một lần bạn hy vọng. Nhưng tuyệt vọng dường như là một định mệnh.

Khi vòng sinh lực này xảy ra, bạn trở thành một, bạn ngây thơ như một đứa trẻ - còn hơn vậy nữa, hơn bất kỳ trẻ em nào - bạn đã trở thành một thánh nhân.

Hãy suy tư về những lời của Chúa, và thực hành những gì tôi nói. Nhưng nếu bạn muốn thí nghiệm, hãy cho tôi biết. Nếu bạn bắt đầu làm việc với vòng sinh lực bên trong, hãy cho tôi biết ngay lập tức những gì đang xảy ra, vì nếu có gì sai và nếu có trắc trở gì, bạn sẽ phát điên.

Đó là nỗi sợ khi trở thành một thánh nhân: nếu thất bại, bạn sẽ rơi xuống tận cùng, bạn sẽ điên. Nếu thành công, bạn lên tới tận đỉnh, bạn trở thành một thánh nhân. Xưa nay đều như vậy cả. Nếu muốn đi trên những đỉnh cao, bạn phải có can đảm, bởi vì nếu thất bại, bạn rơi xuống tận vực sâu. Bên cạnh những đỉnh cao luôn luôn là vực thẳm.

Cho nên nếu cố gắng cũng phải quân bình (37). Nếu bạn muốn tập theo phương pháp ấy, tôi sẽ chỉ cho bạn, nhưng việc này chỉ có thể được thực hành trực tiếp. Đó là vì sao Chúa nói về mục đích, nhưng không hề nói về phương pháp. Phương pháp thì phải tùy mỗi cá nhân mà trao cho. Đó gọi là điềm đạo.

Chú Thích:

1. Đây là một trong những kỹ thuật bí mật nhất của huyền môn, mà dục giữ vai trò quan trọng. Dục là một năng lượng quan trọng mà thiên nhiên đã cho mỗi người. Phần lớn những hoạt động của con người đều xoay quanh dục, và là đầu mối của mọi bệnh tâm thần. Điều này đã được Sigmund Freud xác nhận. Cho nên mọi pháp môn huyền bí đều lấy dục làm bàn đạp để nhảy vào điều tối thượng. Dục chiếm một phần quan trọng trong

Ấn Độ Giáo và Lão Giáo. Ki Tô Giáo phủ nhận vai trò của dục trong sự cứu độ, nhưng một số học giả cho rằng, có thể ban đầu các phương pháp áp dụng dục đã được dùng trong thời kỳ đầu của giáo hội, nhưng sau này bị cấm. Điều này có thể tìm trong các tài liệu của nhóm Gnostics, tìm được ở làng Nag Hammadi, Ai Cập năm 1945. Ngay trong thánh kinh cách thức, có thể cũng có dấu vết ấy. Thánh Mat-Cô viết rằng trong đêm Chúa bị bắt, có một chàng trai theo Ngài và các môn đệ; anh ta chỉ có một cái mền khoác trên người; và khi bị bắt cùng với Chúa, anh ta bỏ lại cái mền và tẩu thoát (14:51-52). Độc giả muốn tìm hiểu thêm có thể tìm đọc: 1, Joseph Campbell, *The Power of Myth*; 2, Asimov's *Guide to the Bible*; 3, Lloyd Graham, *Deceptions and Myths of the Bible*; 4, Kenneth C. Davis, *Don't Know Much About the Bible*. Dục cũng đóng vai trò quan trọng trong sự thành đạo của Đức Phật và Phật Giáo (Xem 1, John Stevens, *Lust for Enlightenment : Buddhism and Sex*; 2, Joseph Campbell, *Oriental Philosophy*; 3, A.K. Warder, *Indian Buddhism*)

2. Gio-An 3:1-12

3. “Nếu ai đó còn có ý nghĩ về ta, về người, về linh hồn, về mạng sống, thì không phải là bỏ tất.” Kinh Kim Cương.

4. Đức Phật dạy, “Ta là Phật đã thành. Chúng sinh là Phật sẽ thành.” Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

5. Chúa Giê-Su nói, “Ai là mẹ ta? Và ai là anh em ta? Người nào thực hiện ý Cha trên trời thì đó là mẹ ta và anh em ta.” (Mat-Thêu 12:46-50)

6. Gio-An 3:9

7. Dịch nói trong âm có dương, và trong dương có âm. Carl Jung nói trong mỗi người nam có một người nữ (anima), và trong mỗi người nữ có một người nam (animus). Xem Carl G. Jung, Joseph Campbell, *The Portable Jung*, Penguin, 1976

8. Xin đọc “Đi Tìm Huyền Bí” của Osho, Phương Việt dịch, Osho Việt Nam xuất bản 2003. Sách nói về bảy thể, bảy luân xa của mỗi người, và những huyền bí khác.

9. Khoa học nói con người có 23 cặp nhiễm sắc thể (chromosomes); 22 cặp giống nhau hoàn toàn; nam hay nữ do cặp thứ 23 quyết định. Nếu cặp ấy là XY thì nam, mà XX thì nữ.

10. Dịch nói ban đầu là Thái Cực, mà trong đó âm dương chưa bị phân đôi.

11. Bốn chân lý tuyệt diệu (Tứ Diệu Đế) của Phật Giáo gồm có: 1. Khổ (đau khổ, dukkha), 2. Tập (nguồn gốc của đau khổ, samudaya) – do ham muốn mà có, 3. Diệt (chấm dứt đau khổ, nirodha), 4. Đạo (phương pháp để chấm dứt đau khổ, marga); gồm có tám phương pháp, gọi là Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo gồm có: 1. chánh kiến=right understanding, 2. chánh tư duy= right thought, 3. chánh ngữ=right speech, 4. chánh nghiệp=right action, 5. chánh mạng= right livelihood, 6. chánh tinh tấn= right effort, 7. chánh niệm=right mindfulness, 8. chánh định= right concentration.

12. Dùng tôn giáo để giải thích hiện tượng này có lẽ không thích hợp lắm. Nói theo khoa học thì lúc đó máu không dồn về óc được nên cơ thể không còn kiểm soát được các bộ

phận nữa, cho nên chúng có thể tự động xảy ra mà nạn nhân không ý thức được. Độc giả muốn tìm hiểu thêm có thể tìm vào trang này: <http://www.temporaryart.org/96/jorg/ero1.html>.

13. Mat-Thêu 19:12.

14. Dịch nói về nhất thể trong Quẻ Càn, hào Dụng Cửu, “Kiến quần long vô thủ. Cát”, nghĩa là thấy được bầy rồng không đầu. Tốt. Không đầu nghĩa là đã vượt qua tâm trí, không còn cái tôi nữa, không còn phân biệt nữa. Phật Giáo gọi đó là Tâm bình đẳng (sammacittata).

15. Bảy màu đó là: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím

16. Mọi thay đổi đều qua bảy giai đoạn: ánh sáng có bảy màu, nhạc có bảy nốt, bảng tuần hoàn hóa học có bảy tầng. Dịch tóm tắt quy luật ấy trong quẻ Địa Lôi Phục, “Phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục,” nghĩa là cứ bảy ngày thì trở lại. đó là vận hành của đạo.

17. Luận lý học của Mahavira có bảy mệnh đề: 1. A có thể đúng; 2. A có thể không đúng; 3. A vừa đúng vừa không đúng; 4. A bất định; 5. vừa đúng vừa bất định; 6. A vừa không đúng, vừa bất định, 7. A vừa đúng, vừa không đúng, vừa bất định. Xem K.V. Mardia, The Scientific Foundations of Jainism, Motilal, Dehli, 1996.

18. Chúa nói hai. Mahavira nói bảy. Phật nói bốn. Luận lý học Phật Giáo, gọi là tetralemma, gồm có bốn mệnh đề: 1. A đúng, 2. A không đúng, 3. A vừa đúng vừa không đúng, 4. A chẳng đúng cũng chẳng không đúng. Luận lý học này được thiết lập bởi các ngài Long Thọ (Nagarjuna), Thế Thân (Vasubandu) và Trần Na (Dinnaga). Tuy nhiên, bốn mệnh đề này đã có sẵn trong 14 câu hỏi mà Đức Phật đã tuyên bố là Ngài sẽ không trả lời. (Xem 1. T.R.V. Murti, Central Philosophy of Buddhism: A Study of Madhyamika System, Munshirm Manoharlal, 2003; 2. Junijiro Takakusu, The Essentials of Buddhist Philosophy, South Asia Books, 1998)

19. Jean Piaget, 1896-1980, tâm lý gia Thụy Sĩ, là một chuyên gia về tâm lý học phát triển (developmental psychology) và tri thức luận di truyền (genetic epistemology).

20. Ấn Độ gọi những người đã giác ngộ là “người nhìn” (seers).

21. Phật Giáo gọi cái nhìn ấy là chân như (suchness), nghĩa là không bị tâm trí xuyên tạc.

22. Adi Shankara nói rằng không gian bên trong cái bình và không gian bên ngoài không khác nhau; do cái tâm trí phân biệt mà có trong, có ngoài. Xem Jackson, Carl T, Vedanta for the West, Indiana University Press 1994

23. Thiền sư Văn Môn nói, “Phật là que cứt khô!”

24. Thiền sư Dae-Ju nói, “Thiền rất là dễ. Khi đói thì ăn; khi mệt thì ngủ.”

25. Chúa Giê-Su nói, “Chẳng phải có lời chép trong thánh thư ‘Ta nói người là Thiên Chúa’ sao?” (Gio-An 10-30).

26. Chúa Giê-Su cũng bị vua Herod chê là đại dột. (Lu-Ca 23:11)

27. Đó là phương pháp khoa học. Descartes nói, “Gặp những trường hợp phức tạp thì phải cắt ra làm nhiều phần nhỏ để tìm giải đáp.” Xem Discourses On Methods.

28. Dịch tổng quát hóa mọi cặp đối là âm và dương.

29. Lão Tử dạy, “Nhìn không thấy là di; nghe không tỏ là hi; nắm bắt không được là vi. Ba cái ấy không thể vận hội đến cùng. Ở trên không sáng tỏ; ở dưới không mờ tối. Đón nó không thấy đầu; theo nó không thấy đuôi. Cầm giữ đạo xưa để thống trị cái có hiện nay; có thể biết cái ban đầu xưa. Ấy gọi là giềng mối của Đạo.” (Đạo Đức Kinh, chương 14. Nghiêm Toàn dịch)

30. Ananda (phúc lạc) thường đi với sat (chân lý), và chit (tâm thức). Nếu được một thì được cả ba: Sat-chit-ananda.

31. Tâm thức ấy Phật Giáo gọi là tâm bình đẳng (samacittata). D.T. Suzuki viết, “Nếu có người chứng ngộ rốt ráo, người ấy kiên cố và bất động như kim cương, và vì người ấy đã quán thấy vô niệm, nên dù ở giữa rừng gươm oán tặc đe dọa phanh thây vẫn hoàn toàn yên lặng. Ngay cả khi hằng hà chư Phật hiện đến chào đón, tâm y cũng không gọi nên một niềm hoan lạc. Bởi vì bậc tinh tấn dũng mãnh này đã đạt đến không tánh (sunyata) và tâm bình đẳng tánh (samacittata).” Tuệ Sĩ dịch, Thiên Luận, tập hạ, 1973, trang 44. Tâm bình đẳng ấy không phải là của riêng Phật Giáo:

1. Trang Tử nói trong thiên Tiêu Dao Du, Nam Hoa Kinh.

2. Ki Tô Giáo gọi là “Lòng nghèo khó.” Chúa Giê-Su nói, “*Phúc cho những ai có lòng nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.*” (Mat-Thêu 5:3).

3. Trong tất cả những bộ Áo Nghĩa Thư, và đặc biệt bộ kinh Bhagavadgita của Ấn Độ giáo (xem The Bhagavadgita, P. Lal dịch, Oriental Paperbacks, Dehli, 1991, chương The Yoga of Renunciation).

4. Trong Thập Ngưu Đồ là tranh thứ mười. Tranh thứ 9 là giác ngộ; thứ 10 là vượt qua giác ngộ.

5. Trong Dịch là quẻ Hòa Thủy Vị Tế. Thủy Hỏa Ký Tế, đã qua sông, quẻ thứ 63, là đã giác ngộ. Nhưng nếu còn ý niệm về sự giác ngộ thì vẫn chưa giác ngộ rốt ráo. Cho nên sau khi đã qua sông (Ký Tế) mới thấy rằng chẳng có sông nào để qua (Vị Tế). Phật cũng nói tương tự trong Kinh Kim Cương, “*ta phải dẫn vô lượng chúng sinh vào vô dư niết bàn, nhưng thật ra không có chúng sinh nào vào niết bàn cả.*”

32. Đến đây ta hiểu được một trong những câu khó hiểu nhất của Lão Tử, “Có, Không cùng sinh ra nhau. Khó, Dễ cùng làm thành ra nhau. Cao, Thấp cùng nghiêng úp nhau. Tiếng, Giọng cùng trộn lẫn với nhau. Trước, Sau cùng theo nhau.” (Đạo Đức Kinh, chương hai. Nghiêm Toàn dịch).

33. Những bí mật đó có thể tìm trong Vigyan Bhairav Tantra, gồm 112 phép thiền của Shiva. Osho đã giảng rất rõ trong tập The Book of The Secrets (Mật Tông Tâm Pháp), gồm 5 cuốn. Bộ sách này sẽ được Osho Việt Nam xuất bản trong tương lai gần.

34. Đức Phật có hai truyền thừa. Thiền Tông được Ngài truyền công khai qua Ma-Ha-Ca-Diếp (Mahakhasyappa); Mật Tông thì Ngài mật truyền qua con trai là ngài La-Hầu-La (Rahula).

35. Chúa chỉ nói với đám đông bằng dụ ngôn (Mat-Thêu 13:34)

36. Huyền thoại Hy-Lạp nói rằng ban đầu mỗi người đều có hai nửa, trước và sau, bốn tay, bốn chân, bốn mắt; họ có thể chạy tới, chạy lui, nhìn trước, nhìn sau tùy ý; một ngày kia con người nổi loạn, họp nhau chống lại chư thiên, nhưng thất bại, và đã bị chư thiên đã phạt bằng cách cắt đôi mỗi người ra làm đôi; kể từ đó mỗi người đều phải vất vả đi tìm lại cái nửa đã bị thất lạc ấy; và nếu không tìm được đúng nửa ấy thì không thể có hạnh phúc. Xem Plato, The Symposium.

37. Quân bình cố gắng, cũng được gọi là chánh tinh tấn trong Bát Chánh Đạo.

9.

Vợ Tôi Có Sao Không?

Chúa Giê-Su nói, “Hạt bụi trong mắt người khác thì người thấy, nhưng cái xà trong mắt của người thì người không thấy.”

“Khi lấy cái xà ra khỏi mắt người, người sẽ thấy rõ mà lấy hạt bụi ra khỏi mắt người khác.”(1)

Tự biết mình là cái khó nhất -- không phải vì khó, nhưng vì bạn sợ muốn biết về chính mình. Một sự sợ hãi lớn lao. Người nào cũng muốn tránh né, cũng muốn chạy trốn khỏi chính mình. Điều này cần phải được hiểu rõ. Và nếu nỗi sợ này tồn tại, bất cứ gì bạn làm cũng chẳng được kết quả. Có thể bạn nghĩ bạn muốn biết chính mình, nhưng nếu không ý thức được nỗi sợ này, bạn sẽ liên tục tránh né, bạn sẽ cố gắng để lẩn tránh, để tự đánh lừa chính mình. Một mặt bạn cố gắng tìm hiểu chính mình, mặt khác bạn sẽ tạo ra đủ loại chướng ngại để bạn không thể biết mình.

Về mặt ý thức bạn có thể nghĩ, “Tôi muốn biết chính mình,” nhưng vì vô thức (2) lớn hơn, mạnh mẽ hơn ý thức nhiều (3), bạn sẽ không muốn biết về mình. Cho nên sự sợ hãi cần phải được hiểu rõ. Sao bạn sợ? Chỉ một lý do: Nếu đi sâu vào trong, bạn sẽ nhận ra rằng hình ảnh mà bạn phô trương với mọi người là giả dối. Toàn bộ quá khứ của bạn sẽ không có nghĩa gì cả, bởi vì nó chẳng khác một giấc mơ. Bạn đã đầu tư quá nhiều vào nó, đã sống vì nó, nên khi biết rằng tất cả đều là giả dối, bạn cảm thấy đau đớn; rồi bạn thấy rằng bạn đã lãng phí cả đời.

Nếu bạn đang sống một đời không chân thật, thiếu chân thực, nếu bạn chưa bao giờ yêu nhưng chỉ đóng kịch, sao bạn có thể đối mặt với chính mình? Vì bạn sẽ nhận ra mọi sự dối trá của mình: không những chỉ giả vờ rằng bạn yêu, mà bạn còn giả vờ rằng bạn đang có hạnh phúc trong tình yêu. Bạn đã lừa dối chính mình, không phải ai khác. Và nay nghĩ lại và nhìn vào trong, bạn sẽ bị nỗi sợ xâm chiếm.

Bạn nghĩ rằng bạn có một tài năng đặc biệt mà người khác không có. Đó là cái bình thường nhất trên thế gian này, vì người nào cũng nghĩ là mình khác thường, đặc biệt. Nhưng nếu kiểm điểm lại chính mình, bạn sẽ thấy rằng bạn không có gì đặc biệt, rằng chẳng có gì để bạn hãnh diện cả. Vậy thì cái tôi của bạn không thể đứng vững được. Nó sẽ sụp đổ, sẽ thành tro bụi.

Sợ là chỗ đó, vì vậy bạn không dám nhìn vào chính mình. Vì không nhìn vào chính mình, bạn liên tục tiêu diệt những giấc mơ, những hình ảnh đẹp về chính mình. Mà tạo ra hình ảnh thì quá dễ và quá rẻ tiền, nhưng trở thành một cái gì cụ thể thì khó hơn nhiều. Cho

nên người ta hay đi đường tắt và chọn cái rẻ tiền nhất. Bạn cũng thế thôi. Vì vậy nhìn lại chính mình khó vô cùng.

Chủ nhà giận dữ vì điện thoại reo lúc bốn giờ sáng. Ông ta hét lên, “Ông muốn gì?” Người kia nói, “Không có gì cả!”

Chủ nhà giận hơn nữa, “Vậy sao lại quấy rầy tôi giữa đêm khuya như thế?”

Người kia nói, “Bởi vì giờ này giá rẻ”

Dù giá có rẻ hơn, bạn cũng chẳng lợi lộc gì. Mà bạn vẫn thường làm thế. Bạn tạo ra một hình ảnh là bạn độc đáo thì quá rẻ, nhưng độc đáo thật sự thì khó hơn, gian khổ hơn. Phải tranh đấu rất nhiều, phải cố gắng rất nhiều, và phải qua rất nhiều thử thách, bạn mới nhận ra cái nét độc đáo của chính mình (4). Nhưng tin rằng bạn có gì đó đặc biệt thì quá rẻ; bạn có thể làm ngay bây giờ, chẳng cần phải tốn công gì nhiều. Mà bạn đã tin vào các thứ rẻ tiền ấy. Đó là chỗ núp của sợ hãi.

Bạn không thể nhìn vào chính mình. Ở đó bạn sẽ không thấy những gì mà bạn từng nghĩ về chính mình ---- Và bạn biết rất rõ. Ai có thể biết rõ về bạn hơn bạn được? Nếu nghĩ rằng bạn đẹp, bạn sẽ không thể nhìn vào gương, nếu vẻ đẹp này chỉ là một ý tưởng. Và bạn biết rõ! Thay vì nhìn vào gương, bạn sẽ đập bể nó. Khi một người xấu xí nhìn vào gương, người ấy sẽ nghĩ rằng cái gương bị lỗi lôm ---- vì nhận thức rằng mình không là gì cả thì đau lòng lắm.

Bạn cũng là ông nọ, hoặc ông kia trong mắt của mình. Người khác có thể biết rằng bạn không là ai cả, nhưng bạn thì không. Người điên nào cũng nghĩ rằng cả thế giới điên. Người khác nói với hắn, “Ông điên rồi!” nhưng hắn sẽ không nghe, bởi vì sự thật ấy phủ phàng quá. Hắn sẽ cãi lại, và sẽ tìm ra đủ lý lẽ và nói, “Tôi không điên đâu.”

Một hôm Nasruddin đến một nông trại và hỏi một nông dân, “Ông có thấy một bà điên đi qua đây không?”

Người ấy hỏi, “Điện mạo của bà ấy ra sao?”

Nasruddin nói, “Bà ấy cao một thước tám, bự con, và nặng khoảng hai chục ký.”

Người ấy tròn tròn mắt và nói, “Nếu bà ấy cao một thước tám, bự con, làm sao chỉ nặng khoảng hai chục ký?”

Nasruddin cười và nói, “Đừng làm bộ ngây thơ! Tôi đã không nói với ông rằng bà ấy điên sao?”

Người khác bao giờ cũng sai, bao giờ cũng điên. Đó là cách mà bạn bảo vệ cái gọi là lành mạnh của chính mình. Bạn tự bảo vệ như thế. Và không một ai có thể tự xét chính mình, vì không những anh ta sợ nhìn vào chính mình, mà khi nhìn vào người khác, người ấy trở thành gương soi cho anh ta. Khi bạn nhìn vào người khác, người ấy có thể gợi cho bạn ít nhiều ý tưởng về chính mình. Bạn được phản chiếu trong mắt của người khác, vì vậy bạn không dám nhìn người khác. Trước hết, bạn tiểu thuyết hóa chính mình, và về người khác, rồi bạn sống trong mộng ảo. Đó là cách mà mọi người đang sống.

Rồi bạn hỏi cách để được phúc lạc. Ác mộng của bạn là chuyện tất nhiên: Nó là kết quả của những việc làm của bạn. Và bạn hỏi làm sao để được thoải mái. Sống trong mộng ảo

thì không thể thoải mái, mà phải sống thực thì mới được. Dù khó khăn thế nào cũng phải chấp nhận; chỉ sự thật mới có thể làm cho bạn thư giãn; chỉ có cách sống chân thực mới có thể đưa bạn về với chân lý. Nếu bạn sống một cách giả dối, chân lý sẽ không mở ra cho bạn, và đời bạn sẽ lênh đênh mà không bao giờ về tới bến.

Tôi nghe kể rằng: Một bác sĩ đến gặp một nữ bệnh nhân bệnh rất nặng. Ông ta vào phòng. Năm sau phút ông ta trở ra hỏi người chồng, “Đưa cho tôi cái mở nút chai!” Người chồng hơi lo lắng, tại sao phải cần cái mở nút chai. Nhưng năm phút sau đó bác sĩ trở lại, đẩy mở hôi, nói, “Đưa cho tôi cái tua vít!” Người chồng trở nên bối rối hơn nữa nhưng vẫn yên lặng ---- vì bác sĩ biết phải làm gì. Sau năm phút bác sĩ quay lại và nói cần đục và búa. Khi đó thì anh chồng đau khổ ấy chịu không nổi nữa mới hỏi, “Vợ tôi có sao không?”

Bác sĩ nói, “Chưa biết được, vì tôi chưa mở được cái túi của tôi!”

Và tôi nói với bạn, bạn vẫn đang đánh vật với cái túi! Và không phải là bạn không mở được, bạn chẳng muốn mở nó ra. Những cái mở nút chai, tua vít, đục và búa này mà bạn mang theo chỉ là đồ giả. Thậm chí bạn cũng chẳng muốn mở túi ra, bởi vì mở túi rồi bạn sẽ làm gì? Khi đó thì bệnh nhân ---- mà chính là bạn ---- phải được chẩn bệnh, rồi bạn phải kiểm điểm lại chính mình.

Vì vậy người nào cũng chỉ quan tâm về cái túi. Đó là cái tài của bạn, nghề của bạn, ưu tư của bạn. Bạn có thể là một nhà thơ, một họa sĩ, hoặc một nhạc sĩ, nhưng bạn chỉ quan tâm về những cái bên ngoài. Đó là lý do không ai có thể sống một mình, thậm chí chỉ một khoảnh khắc nhỏ. Nó thật đáng sợ, bởi vì khi tâm hồn thình lạng bạn có thể chạm trán với chính mình. Khi chỉ có một mình bạn sẽ làm gì? Bạn sẽ đối diện với chính mình. Khi đó sự thực có thể bùng nổ.

Cho nên tất cả đều cố gắng bạn rộn liên miên, hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Khi bạn rộn, bạn trông có vẻ hạnh phúc, và khi rảnh rỗi thì bạn không vui. Các nhà tâm lý nói, nếu không có gì làm trong một thời gian dài, người ta sẽ hóa điên. Nhưng tại sao? Nếu lành mạnh, tại sao bạn sẽ phát điên nếu bạn quá nhàn rỗi trong một thời gian dài? Nếu bạn lành mạnh thì trong một thời kỳ lười biếng lâu dài, chỉ biết ăn không ngồi rồi, bạn sẽ trở nên lành mạnh, bạn sẽ tăng trưởng hơn. Nhưng tại sao bạn lại trở thành điên rồ, nếu không làm gì trong một thời kỳ dài? – bởi vì bạn đã điên rồ sẵn rồi! sự bận rộn của bạn chỉ che giấu sự thật đó.

Hãy nhìn quanh – bởi vì quan sát chính mình khó hơn (5). Hãy quan sát người khác. Tất cả đều bận rộn về tiền bạc. Họ đang làm gì vậy? Họ chú tâm vào tiền bạc để tìm quên chính mình. Họ luôn luôn nghĩ đến tiền, từ sáng, đến tối, rồi đêm khuya. Thậm chí ngủ rồi mà họ vẫn nghĩ về tiền và trương mục ngân hàng. Họ sẽ làm gì với tiền đó? Cho nên khi có tiền rồi, họ chẳng biết phải làm gì với số tiền đó? Vì vậy khi có được cái mà họ mong muốn, họ sẽ nghĩ về nhiều tiền hơn nữa, bởi vì tiền không phải là cái mà họ thật sự muốn. Không. Khi có tiền rồi, họ phải cảm thấy thỏa mãn, nhưng giàu nứt vách như Rockefeller (6), hoặc Ford (7) cũng không thỏa mãn.

Khi đã có tiền rồi, lập tức bạn muốn nhiều hơn nữa, vì động lực chính không phải tiền, mà là làm sao luôn luôn được bận rộn. Mỗi khi nhàn rỗi thì bạn không thấy thoải mái, bạn cảm thấy bồn chồn. Phải làm gì? Nếu không kiếm được gì làm, bạn sẽ giở chồng báo

cũ ra mà nhai lại ---- cũng tờ báo đã bạc màu ấy. Nếu không có gì để làm, bạn có thể làm những việc không cần thiết chút nào cả, nhưng nó giúp bạn giết thì giờ. Cho nên tất cả các đạo sư đều dạy rằng, nếu bạn có thể ngồi yên một giờ mà không làm gì cả (8), chẳng mấy chốc bạn sẽ chứng ngộ.

Trạng thái nhàn rỗi của tâm trí là tĩnh tâm, là thiền định. Trạng thái bận rộn của tâm trí là thế giới. Chẳng cần biết bận rộn thuộc loại nào -- dù là tiền bạc, hoặc chính trị, hoặc xã hội, hoặc cách mạng, cũng chẳng khác nhau: sự lành mạnh của bạn cũng như nhau. Nếu bắt Lenin (9) ngồi không, ông ta sẽ phát điên: ông ta cần xã hội và cách mạng; nếu không có gì để làm, khó mà ông ta tìm được lý do để sống, sự lành mạnh của ông ta sẽ bị mất. Vì có bạn nên ông ta mới tìm được lẽ sống. Vì quá bẽ bộn với công việc nên bạn mệt mỏi, và nó cho bạn một giấc ngủ ngon.

Những người có tuổi phần đông là lập dị, điên, khùng, và lý do là họ không có gì để làm. Tuổi già không phải là lý do: họ quá nhàn rỗi, và không ai cần đến họ nữa. Những người về hưu phần lớn là kỳ cục. Ít nhiều họ đều khác thường. Thế xác thì không sao cả. Mà nếu là tổng thống, hoặc thủ tướng của một nước, nhưng cho ông ấy về hưu thì sẽ biết gì sẽ xảy ra ngay. Ông ta thay đổi lập tức. Cả thân lẫn tâm của ông ta trở nên suy thoái; ông ta tỏ ra lập dị, điên điên, khùng khùng, vì không có gì để làm, và không ai để ý đến ông ta nữa, không ai quan tâm đến ông ta nữa. Ông ta không tìm được gì để làm, không có chỗ để tập trung tâm trí. Sự rối loạn găm nhâm bên trong -- ông ta bị rối loạn.

Các nhà tâm lý nói rằng những người về hưu thường chết sớm mười năm, nếu không cái gì để làm. Cái gì đã xảy ra? Tại sao bạn không thoải mái với chính mình được? Và bạn luôn luôn nghĩ là người khác phải cảm thấy vui sướng với bạn. Vợ bạn phải hạnh phúc với bạn, chồng của bạn phải hạnh phúc với bạn. Mà bạn không bao giờ cảm thấy hạnh phúc với chính mình. Sao người khác có thể cảm thấy hạnh phúc với bạn được? Bạn cũng chẳng thấy có gì lý thú nơi chính mình. Vậy thì sao người khác có thể chịu đựng bạn được? Họ chịu đựng bạn vì lý do khác -- không phải vì bạn là người dễ thương. Không! Họ chịu đựng bạn vì bạn giúp họ bận rộn. Chồng thì cả ngày điên đầu vì vợ, còn vợ thì bận rộn vì chồng cũng hết ngày. Đây là một sự dối trá hồ tương: họ đồng ý lừa dối lẫn nhau, và giúp đỡ lẫn nhau bận rộn.

Bạn không thể nhìn vào chính mình, không thể nhận ra mình là ai, bởi vì điều ấy rất diệu vợi. Bạn không thể quay lại và nhìn thấy mặt thật của chính mình, và lý do là một hình ảnh giả dối, một quan niệm sai lầm, một ý tưởng dối trá rằng bạn là một nhân vật quan trọng, chính yếu -- cả thế giới sẽ quay cuồng nếu thiếu bạn. Chuyện gì sẽ xảy ra cho thế giới khi bạn vắng mặt? Khi bạn chưa xuất hiện thì sao? Thế giới sẽ hoà bình hơn, thế thôi. Khi bạn không còn nữa, thế giới sẽ ít rắc rối hơn, thế thôi -- vì một người bòn chòn đang gây ra xáo trộn sẽ biến mất. Nhưng vì phải hỗ trợ cái tôi mà biết bao là mộng mị phải theo đuổi.

Napoleon trở thành một tù nhân về cuối đời. Ông ta bị giam trên đảo Helena. Thân đã bại, danh đã liệt rồi nên rất khó mà dẹt mộng. Ông ta là một hoàng đế, một trong những tên xâm lược khét tiếng nhất: “Phải làm gì bây giờ? Làm sao ta có thể chấp nhận thân phận tù đầy như thế này được?” Nhưng ông ta không chấp nhận sự thật; ông ta vẫn sống trong mộng ảo cũ. Trong sáu năm ông ta không thay quần áo, bởi vì nhà tù không cho ông ta trang phục của một hoàng đế. Quần áo của ông ta đã rách nát, phai màu và hôi

hám, nhưng ông ta không chịu thay. Cai tù hỏi, “Tại sao ông không thay chiếc áo này? Nó đã quá bẩn rồi! Chúng tôi có thể cho ông quần áo mới hơn, sạch hơn.”

Napoleon nói, “Đây là y phục của hoàng đế. Nó có thể dơ bẩn, nhưng tôi không thể đổi lấy áo bình thường!” Ông ta đi đứng như thể vẫn còn là một hoàng đế. Mặc dù chẳng ai để ý đến nữa, nhưng ông ta vẫn nói, vẫn ra lệnh như ngày nào. Ông ta vẫn viết thư, vẫn ký sắc lệnh, và giấy viết thư lúc nào cũng có sẵn bên mình. Trong tâm trí ông ta vẫn còn là một hoàng đế.

Cái gì đã xảy ra cho người này? Vì nhàn cư nên tâm bất thiện! Bác sĩ của ông ta ghi lại trong sổ tay, “Tôi thấy ông ta không có bệnh gì cả; bệnh của ông ấy là bệnh nhàn rồi. Đôi khi ông ta than đau dạ dày, đôi khi nhức đầu, đôi khi đau chân. Mà khám thì không sao cả; cơ thể hoàn toàn bình thường. Nhưng ông ta không có gì để bận rộn; cơ thể bây giờ chỉ là cái cớ. Trước đây còn viện cớ chinh phục thế giới; nay thì chẳng còn gì nữa. Bây giờ lấy bệnh tật làm lý do, vì vậy ông ta cứ kêu đau hoài.

Nhiều người lấy bệnh tật làm lý do. Trên thế giới, năm mươi phần trăm cáo bệnh là một nghề nghiệp. Vì bận rộn nên bạn không phải giáp mặt với chính mình. Không thì Napoleon vẫn mạnh khỏe như thường. Nếu chấp nhận sự thật, ông ta đã thấy rằng ông ta chỉ là một người ăn xin – nhưng sự thật phũ phàng quá. Khi chết ông ta cũng phải là một hoàng đế mới xong. Trước khi chết ông ta sắp đặt từng chi tiết là đám tang phải tiến hành như thế nào. Chẳng có ai thi hành những chi tiết đó, bởi vì ai còn quan tâm đến ông ta nữa? Nhưng ông ta vẫn đưa ra chỉ thị, và ông ta phải chết thanh thản vì nghĩ rằng ông ta sẽ có đủ mọi nghi lễ của một hoàng đế.

Với Napoleon thì chấp nhận được, vì ông ta đã là một hoàng đế. Đó cũng là một điều tưởng tượng -- được xã hội hỗ trợ. Napoleon vẫn là Napoleon, nhưng sự hỗ trợ đã mất. Điều này khó mà hiểu được: có những điều tưởng tượng được xã hội hỗ trợ, và có những điều không được ai hỗ trợ. Đó là sự khác biệt giữa lãnh mạnh và không lãnh mạnh. Một người lãnh mạnh vì được xã hội hỗ trợ; ông ta thao túng xã hội để điều tưởng tượng ông ấy được hỗ trợ. Và nếu nó không được ai hỗ trợ, ông ta bị coi là không lãnh mạnh; ông ta chỉ có một mình nên bạn phải tống ông ta vào nhà thương điên.

Nhưng sự hỗ trợ của bạn không thể biến cái gì đó thành hiện thực. Nếu nó là một điều tưởng tượng thì nó là tưởng tượng. Nếu nhìn vào chính mình, lập tức bạn sẽ thấy bạn không là ai cả, không có gì quan trọng. Nhưng khi sự hỗ trợ bị xụp đổ, bạn sẽ rơi xuống vực thẳm. Cho nên tốt hơn là đừng nhìn – cứ tiếp tục giấc mơ của bạn.

Không những không thể nhìn vào chính mình, bạn cũng không thể nhìn vào người khác, vì người khác cũng y hệt như bạn. Cho nên bạn cũng dẹt mộng quanh người khác: qua lòng căm thù bạn tưởng tượng rằng người khác là một con quỷ; qua tình yêu bạn nghĩ người kia là một thiên thần, hoặc thần thánh. Bạn cũng tạo ra những huyền thoại quanh người khác; bạn không thể nhìn trực tiếp, bạn không thể nhìn thấu họ được, vì nhận thức của bạn không chính xác. Bạn sống trong mộng ảo, trong một ảo tưởng tạo ra bởi chính mình. Như vậy những gì bạn thấy đều được phóng đại: nếu bạn ghét một người, anh ta trở thành quỷ dữ ngay lập tức; nếu bạn yêu người nào, anh ta trở thành một thiên thần. Bạn thổi phồng: nếu thấy gì xấu, bạn phóng đại và biến nó thành xấu tận cùng; nếu thấy gì tốt, nó trở thành tốt vô cùng, như thể thần thánh.

Nhưng khó mà chống đỡ những điều tưởng tượng này, vì vậy bạn phải thay đổi dài dài. Tại sao bạn phải phóng đại những gì bạn nhận thức được? Vì sao bạn không thể nhìn một cách thấu suốt được? -- vì sợ hãi nên bạn không muốn nhìn rõ. Bạn muốn có mây mù che phủ để mọi thứ mờ tỏ như sương mù; bạn muốn không biết chính mình. Mà những người đã đạt đạo đều nhấn mạnh: “Hãy biết chính mình!” Phật, Chúa, Socrates luôn luôn nói, “Hãy biết chính mình!” Mọi tôn giáo đều nhấn mạnh chỉ có một điều là hãy biết chính mình (10).

Mà bạn từ chối không muốn biết chính mình. Đôi khi bạn ra vẻ cũng muốn biết chính mình. Tôi đã gặp nhiều người đang chơi trò đó, và họ không muốn biết chính họ. Đây là một trò chơi: họ muốn tạo ra một điều tưởng tượng mới về tôn giáo, và họ tìm tôi để được hỗ trợ. Họ nói, “Tôi đã chứng nghiệm điều này, tôi đã kinh nghiệm điều kia,” và họ nhìn tôi với đôi mắt van xin.

Nếu tôi nói, “Vâng, bạn đã kinh nghiệm điều này,” họ được hỗ trợ và ra đi trong hạnh phúc. Mà nếu tôi nói, “Không,” họ sẽ thất vọng và không bao giờ trở lại với tôi nữa. Họ sẽ biến mất, vì họ phải tìm người khác, một thẩm quyền nào khác. Nhưng sao bạn phải tìm kiếm một thẩm quyền nào đó? Tại sao bạn cần một nhân chứng? Nếu bạn đã chứng nghiệm cái gì đó thì bạn đã chứng nghiệm nó rồi – chẳng cần một uy quyền nào cả, vì kinh nghiệm tự nó là một bằng chứng hiển nhiên.

Nếu đã nhận ra bạn là ai, bạn chẳng cần phải ai ấn chứng, chứng nhận cả. Dù cả thế giới nói bạn chưa giác ngộ cũng chẳng khác gì; chẳng cần phải bỏ phiếu, bạn biết nó đã xảy ra. Nếu một người mù được sáng mắt, anh ta không cần bất cứ ai để chứng thực rằng anh ta có thể nhìn thấy -- anh ta có thể nhìn, thế là đủ rồi. Nhưng nếu người mù mơ rằng anh ta có thể nhìn thấy, anh ta sẽ cần uy quyền nào đó để bảo đảm sự kiện ấy là thật, rằng anh ta có thể nhìn thấy.

Người ta tự lừa dối mình, thậm chí những trò chơi tôn giáo cũng có. Và trừ phi bạn dừng cuộc chơi và nhận thức được rằng mọi hư cấu phải được loại bỏ, và sự thật khắc nghiệt phải được chấp nhận, không thì chẳng có gì xảy ra được -- vì đây là cửa vào. Và nếu không ai hỗ trợ bạn, hãy hỗ trợ chính mình. Mà bạn cũng chẳng phải cho người khác biết chuyện của mình, bởi vì họ không thể hiểu bạn.

Một người đến gặp tôi cách đây vài tháng và nói, “Ông có thể hiểu được, người khác không hiểu tôi, bởi vì tôi đã nhận được thông điệp của Thượng Đế mỗi đêm”. Và ông ta mang theo một chồng hồ sơ – toàn là nhảm nhí! Nhưng ông ta nghĩ đó là những thông điệp của Thượng Đế. Và ông ta nghĩ rằng đây là Kinh Koran mới nhất, rằng kể từ Mohammed tới nay, chưa một ai nhận được những thông điệp như vậy ---- nay Kinh Koran đã lỗi thời. Nếu người Hồi nghe được, họ sẽ giết ông ấy, bởi vì họ tin tưởng vào một tưởng tượng khác mà ông ta lại muốn phá hủy nó (11). Và người đã nhận được thông điệp của Thượng Đế ấy rất bồn chồn và run sợ, chờ để nghe tôi nói gì ---- vì những người mà ông ta gặp đều cười và nghĩ, “Bạn đã điên rồi!” Nhưng ông ta nói với tôi, “Tôi biết ông là người đã giác ngộ” ---- ông ta đang mua chuộc tôi! -- và liên tục cầu xin, “Chỉ cần nói, ‘Đúng, điều này rất đúng.’”

Nhưng tôi nói, “Nếu Thượng Đế trao cho bạn thông điệp, bạn chẳng cần tôi. Thượng Đế đủ rồi.”

Ông ta tỏ vẻ nghi ngờ, lúng túng, và nói, “Nhưng ai biết được? Có thể tâm trí của tôi đang dở trò với tôi”. Điều ấy ông ta biết rất rõ. Mỗi khi bạn dở trò, tự thâm tâm bạn biết rất rõ, và bạn chẳng cần ai để nói với bạn, nhưng bạn vẫn muốn đánh lộn con đen.

Tôi bảo ông ấy, “Đúng là điên!” Ông ta không bao giờ trở lại nữa. Thế là tôi không phải là người giác ngộ nữa! Ông ta muốn trao đổi: nếu tôi nói, “Vâng, bạn đang nhận được thông điệp,” anh ta sẽ nói, “Người này đã giác ngộ!”

Nếu tôi chấp nhận sự tưởng tượng của bạn thì bạn có thể giúp tưởng tượng của tôi; đây là trò chơi mà chúng ta đang chơi chung.

Và bạn rất thích trò chơi này đến nỗi bạn không muốn ngưng. Nhưng một sự bất mãn theo sau như hình với bóng. Nhất định sẽ phải như vậy, bởi vì tất cả chỉ là tưởng tượng.

Một tên ăn mày biết rõ anh ta là một tên ăn mày, nhưng nghĩ rằng anh ta là một hoàng đế. Anh ta nghĩ anh ta là một hoàng đế, giả vờ là một hoàng đế, và biết rõ rằng anh ta là một tên ăn mày. Vấn đề là ở chỗ đó. Anh ta rất thỏa mãn về ngôi hoàng đế, nhưng một sự bất mãn theo sau như hình với bóng: “Tôi chỉ là một tên ăn mày.” Đây là vấn đề của bạn: bạn nghĩ rằng bạn là nhân vật nào đó, và bạn biết rằng điều ấy không đúng.

Bạn không bao giờ yêu, nhưng bạn giả vờ; không hề trung thực, nhưng bạn làm bộ; bạn không bao giờ thành thật, bạn giả vờ -- đời của bạn là một chuỗi dài của những giả vờ. Và bây giờ, vì bạn đã lãng phí cả đời trong đó, nên khi nhận ra rằng tất cả chỉ là tưởng tượng, bạn không thể chấp nhận được. Bạn sẽ nghĩ, “Tôi sẽ cố mang nó tới cùng.” Nhưng nếu bạn không đình chỉ thì dù có mang nó tới cùng, bạn sẽ không được lợi lộc gì. Nó chỉ là một sự lãng phí, và cuối cùng sự thất vọng sẽ nổ ra.

Đó là vì sao chết lại là một cực hình. Chết không có gì là nguy hiểm cả; nó là một trong những hiện tượng đẹp nhất trên thế giới – như thể bạn đi ngủ vậy! Và mọi thứ cần phải nghỉ ngơi: một hạt giống mọc lên rồi thành cây; rồi hạt của cây ấy xuất hiện và rơi xuống, rồi nghỉ ngơi, rồi lại hồi sinh. Sau mỗi hoạt động cần phải nghỉ ngơi. Cuộc sống là hoạt động, mà chết là nghỉ ngơi. Cái chết cho phép cuộc sống mới trỗi dậy. Không có gì đáng sợ trong sự chết, không gì nguy hiểm cả (12).

Nhưng tại sao mọi người quá sợ chết? – bởi vì thần chết sẽ mang theo tất cả những tưởng tượng của bạn; Lúc lâm chung bạn sẽ thấy rằng đời bạn chỉ là một sự lãng phí. Vì sao có người nói rằng lúc chết người ta sẽ thấy cả đời mình? Nó xảy ra và có thật: lúc chết người ta phải nhìn lại cả đời mình (13), vì ở thời điểm đó không có tương lai nữa nên người ấy không thể theo đuổi được nữa.

Tưởng tượng cần phải có tương lai, bởi vì chúng nương vào hy vọng mà tồn tại, chúng sửa soạn cho ngày mai. Cái chết ngăn lối của ngày mai; những ngày mai đã kết thúc, không còn tương lai nữa. Bạn dựa vào đâu mà mơ? Bạn phóng chiếu tưởng tượng về đâu? Hết chỗ rồi! Thành linh bạn bị kẹt. Và cả đời bạn đã từng tạo ra những tưởng tượng cho tương lai. Bây giờ bạn bị kẹt, chẳng còn tương lai nữa. Bạn sẽ hướng về đâu? Bạn phải quay về quá khứ, và tại giờ chết xã hội đã biến mất; bạn phải nhìn vào chính mình, không còn gì nữa cả. Rồi bạn sẽ nhận ra nỗi đau, nỗi thống khổ của một đời lãng phí.

Nếu điều ấy xảy ra cho bạn trước khi chết, bạn trở thành là một thánh nhân. Thánh nhân là người nhận ra trước khi chết, những điều mà người thường hiểu rõ vào lúc chết. Thánh

nhân là người đã nhìn rõ khi vẫn còn sống -- nhìn vào quá khứ, nhìn thấu suốt toàn bộ trò chơi, nhận ra những hư cấu của đời mình ---- nhìn vào chính mình.

Nếu bạn nhìn vào chính mình, một sự thay đổi nhất định sẽ xảy ra, bởi vì một khi hư cấu được nhận ra là hư cấu, nó mất hết hiệu lực. Nếu muốn tồn tại, nó phải là một sự kiện. Nếu cần phải chống đỡ, nó phải được tưởng tượng là thật. Lúc mà bạn nhận thấy rằng điều này không đúng, sự thật sẽ tự phơi bày, nó rơi lả tả -- nó đã tụt khỏi tầm tay của bạn, bạn không thể giữ được nữa. Muốn tiếp tục mơ, bạn phải tin rằng đây không phải là giấc mơ, mà là thực. Một khi bạn ý thức rằng đây là một giấc mơ, nó đã biến mất rồi.

Nhưng bạn cố không muốn biết; bạn tránh nó -- đó là vì sao bạn không bao giờ thư giãn khi bạn một mình. Thậm chí nếu tới Hi Mã, bạn cũng cầm theo radio, và radio mang theo cả thế giới; dù đi tới tuyết sơn, vợ của bạn, bạn của bạn, con của bạn cũng theo với bạn. Bạn lấy ngày nghỉ, nhưng bạn không bao giờ đi -- bạn mang theo cả lũ tới bãi biển, tới đồi núi, và ở đó bạn được vây bọc bởi đủ những loại nhảm nhí.

Chuyện đã xảy ra. Một thủy thủ bị đắm tàu và bị dạt vào một đảo vắng. Đã năm năm anh ta phải sống ở đó vì không có tàu qua lại. Anh ta dựng một lều nhỏ để tránh nắng mưa, nhưng anh ta liên tục nghĩ về xã hội.

Mọi thứ quá yên bình, như chưa bao giờ có. Anh ta không hề biết, không thể tưởng tượng rằng sự an bình như thế có thể có. Đảo hoàn toàn hoang vắng, không một bóng người -- đó là vấn đề duy nhất, không thì mọi thứ đều tốt đẹp. Suối đẹp, cây đầy trái; anh ta có thể ăn, có thể nghỉ ngơi; không có ai để lo lắng, không ai làm phiền. Và anh ta thường nghĩ rằng ngày nào đó anh ta sẽ tới một nơi yên bình ---- thì thành linh anh ta ở đó! Nhưng anh ta chịu không thấu. Sự khủng khiếp của yên lặng, nếu không bền gan chịu đựng, nó có thể giết bạn.

Anh ta không chịu đựng được, nhưng vì là một kiến trúc sư nên anh ta bắt đầu chế những vật dụng nhỏ chỉ để giết thời giờ. Anh ta đắp một con đường nhỏ và đặt tên cho nó; anh ta xây một lúc đến hai nhà thờ ---- một cái gần lều, một cái cuối phố; anh ta lập những phố thương mại để mua sắm. Anh ta thiết kế cả thành phố.

Sau năm năm anh ta rất mừng khi thấy một con tàu hạ neo trong vịnh. Một thuyền trưởng cập bến với chiếc thuyền nhỏ. Từ túp lều anh ta phóng như bay ra bên, rất kích động vì nghĩ rằng anh ta sắp trở về với văn minh rồi. Nhưng anh ta sững sốt khi thấy người kia bước khỏi thuyền với chồng báo lớn. Anh ta hỏi, “Những tờ báo này để làm gì, sao bạn mang đến đây?”

Thuyền trưởng nói, “Trước hết hãy đọc qua đã, hãy xem những gì đang xảy ra trên thế giới, rồi sau đó cho chúng tôi biết liệu bạn còn muốn được cứu nữa hay không!”

Anh ta liệng chồng báo đó xuống biển và nói, “Vô lý! Nhưng trước khi lên thuyền, tôi muốn bạn thấy thành phố của tôi.”

Thuyền trưởng đi xem thành phố, nhưng ông ta lúng túng khi thấy nhà thờ thứ hai. Ông ta nói, “Tôi có thể hiểu bạn đã xây nhà thờ để cầu nguyện, nhưng cái này để làm gì?”

Anh ta nói, “Đây là nhà thờ tôi đi, và nhà thờ kia thì không.”

Bạn cần hai tôn giáo, ít nhất hai tôn giáo, bởi vì tâm trí có lưỡng tính: “Đây là đạo của tôi, và đạo kia thì tôi chống. Đó là tà giáo mà những người lầm lạc tin theo, của những người mà tôi không đồng ý.” Chỉ có một mình, nhưng anh ta đã tạo ra cả một thế giới. Anh ta muốn trở về với văn minh mà không muốn đọc báo. Và anh ta đã quyết định đúng, vì nếu đọc những tờ báo đó, bạn sẽ không muốn được cứu nữa.

Hãy mở báo mà xem! Những gì đang xảy ra trên thế giới? Có đáng sống trong đó không? Nhưng bạn đọc mà không nhìn. Đọc khác với nhìn. Bạn đọc trong lúc ngái ngủ. Bạn không nhận ra những gì đang xảy ra trên thế giới, những gì mà người làm cho người, những gì mà người liên tục gây rối cho người: bạo lực, điên khùng, phá huỷ những gì có ý nghĩa, những gì thuộc về chân, thiện, mỹ. Bạn muốn sống trong đó không? Nếu nhìn thì khó mà bạn quyết định liệu có nên sống trong đó hay không. Cho nên tốt hơn là không nên nhìn, chỉ cần sống như thể bị thôi miên.

Mánh lới để không nhìn chính mình đã được Chúa nói trong lời kinh này, và kỹ thuật đó là: *bói lông tìm vết của người khác để thấy rằng bạn là người tốt.*

Có hai cách để trở nên tốt: tốt thực sự -- cách này khó hơn. Cách thứ hai là chứng minh rằng người khác sai. Bạn không cần phải tốt, chỉ cần chứng minh người khác sai là đủ. Nó cho bạn cảm giác rằng bạn là người tốt.

Vì vậy chúng ta cố chứng minh người này trộm cướp, người khác giết người, người kia độc ác. Và khi đã chứng minh rằng mọi người đều sai, thành linh bạn có cảm giác rằng bạn là người tốt. Đây là một hiện tượng tương đối: không cần phải thay đổi chính mình, chỉ cần chứng minh người khác sai. Và điều này rất dễ -- không có gì dễ hơn nữa. Bạn có thể phóng đại cái xấu của kẻ khác; dù có ít mà xít ra nhiều thì cũng không có ai phản đối. Và trước sự xấu xa được phóng đại đó, bạn trở thành người tốt. Do đó, mỗi khi có người mách lẻo về người khác, bạn không hề cãi lại; bạn mặc nhiên chấp nhận. Không những thế, bạn nói, “Tôi biết chuyện đó lâu rồi!” Nhưng nếu người nào đó được khen thì bạn cãi lại, bạn đòi chứng cứ.

Bạn có biết là hàng triệu người nói, ‘Chúng tôi sẽ tin Thượng Đế, nếu có đủ bằng chứng’ không? Nhưng không có đến một cuốn sách đòi hỏi chứng cứ của ma quỷ! Không một ai yêu cầu chứng minh ma quỷ cả. Không ai nói, ‘Tôi sẽ tin ma quỷ, nếu có đủ bằng chứng.’ Không, bạn biết có ma quỷ ở xung quanh. Chỉ có Thượng Đế là vắng mặt; Ngài không hiện hữu.

Tại sao thiện cần chứng cứ, mà ác thì không? Nếu quan sát xu hướng đó, bạn sẽ thấy một điều rất thú vị, một trong những bí mật của tâm trí con người. Trong thâm tâm ai cũng muốn là người tốt. Nhưng khó khăn quá. Vậy phải làm gì? Chứng minh rằng người khác xấu: “Bạn tệ hơn tôi, vậy thì tôi cũng khá hơn một tí!”

Chúa Giê-Su nói, “Hạt bụi trong mắt người khác thì người thấy, nhưng cái xà trong mắt của người thì người không thấy.”

“Khi lấy cái xà ra khỏi mắt người, thì người sẽ thấy rõ để mà lấy hạt bụi ra khỏi mắt người khác.”

Bạn chỉ thấy sự tối tăm của người khác. Nó sẽ cho bạn một ảo tưởng là bạn sáng sủa, nhưng nó không thể soi đường cho bạn được. Và nếu bạn cố gắng khai sáng người khác, vì nghĩ rằng anh ta bị lạc lối, thì còn bị đất hơn nữa. Đúng là muốn nói ngoa làm cha mà nói! Một mặt bạn bày ra sự tối tăm (14); mặt khác mắt bạn cũng không sáng nên không thể khai sáng người khác được (15).

Cho nên những người cố thay đổi thế là những người ưa sách động; những người muốn thay đổi người khác là người nguy hiểm (16). Họ là những kẻ giết người không gươm giáo, nhưng hành động của họ quá tinh tế nên bạn không nhận ra. Họ không giết bạn trực tiếp, nhưng làm cho bạn tàn phế, làm cho bạn bị phân liệt -- và ‘vì lợi ích của chính bạn’, vì vậy bạn không nhận ra mách khoé của họ. Cái gọi là những thánh nhân của bạn cố xua đuổi bóng tối mà bạn có thể có, có thể không, nhưng họ quả quyết là có. Họ nhìn thấy địa ngục của bạn, vì nhờ đó họ có thể nhận ra và cảm thấy sự thánh thiện của họ (17).

Mulla Nasruddin chết. Anh ta gõ cửa thiên đàng. Thánh Phê--Rô mở cửa, nhìn Nasruddin và nói, “Nhưng tôi không biết có ông tới, vì danh sách hôm nay không có ai cả; hôm nay không có người đến. Vậy thì ...? Ông làm tôi ngạc nhiên. Ông đến đây bằng cách nào? Tên của ông là gì? Xin đánh vần để cho tôi kiểm lại.”

Nasruddin đánh vần tên của anh ta rất to: “M--U--L--L--A N--A--S--R--U--D--D--I--N.”

Thánh Phê--Rô vào phòng và xem lại danh sách, nhưng không thấy một tên nào cả. Ngài trở lại và nói, “Này ông! Hôm nay không phải là ngày chết của ông. Ông có thể sống thêm mười năm nữa. Vậy hãy cho tôi biết, bác sĩ của ông là ai?”

Bác sĩ có thể giết bạn trước kỳ hạn; những người làm việc thiện có thể giết bạn trước kỳ hạn, và họ luôn luôn nguy hiểm. Nhưng tất cả các bạn đều là những người làm việc thiện trong một khía cạnh nào đó, dù nhỏ hay lớn. Mỗi người đều muốn thay đổi người khác, bởi vì họ đều nghĩ kẻ khác sai; Người nào cũng muốn thay đổi thế giới. Và đây là sự khác nhau giữa một đầu óc chính trị và người thánh thiện.

Đầu óc chính trị luôn luôn muốn thay đổi thế giới, bởi vì anh ta không thể nghĩ rằng mình sai -- cả thế giới sai. Nếu anh ta sai, là vì cả thế giới sai, và mọi tình huống đều sai cả. Nó phải sai thì anh ta mới là một vị thánh được. Một người thánh thiện nhìn sự việc qua một góc cạnh khác hẳn. Ông ta nghĩ, “Vì tôi sai nên mọi sự sai hết, bởi vì tôi đã góp phần tạo nên chúng (18). Vì tôi mà cả thế giới điêu linh. Người cần phải thay đổi là chính tôi.”

Chính khách nhắm vào thế giới, nhưng anh ta không bao giờ thành công vì thế giới quá rộng lớn -- và thế giới không có vấn đề gì. Anh ta gây rối nhiều hơn, vì qua chương trình của anh ta mà lợn lành hóa lợn què; nhiều oan trái đã xảy ra qua nỗ lực của anh ta. Người thánh thiện thay đổi chính mình. Người ấy thay đổi chính mình vì đó là điều duy nhất có thể làm được.

Bạn chỉ có thể thay đổi chính mình, và một khi bạn thay đổi thì tất cả thay đổi (19), bởi vì bạn là một phần quan trọng trong đó. Và khi bạn chứng ngộ -- thay đổi, thay đổi hoàn toàn -- phần của bạn còn quan trọng hơn nữa; bây giờ một năng lượng tối cao xuyên qua

bạn. Đức Phật ngồi dưới gốc bồ đề mà thế giới được thay đổi; nó không còn như trước khi Ngài có mặt.

Chúa bị đóng đinh trên thánh giá, nhưng đã trở nên tiêu điểm của lịch sử. Chúng ta nói ‘Trước Chúa Giê--Su’, và ‘Sau Chúa Giê--Su’. Bởi vì trước Chúa đã có một nhân loại; sau Chúa một nhân loại khác đã hình thành. Hiện tượng ấy rất thiết yếu, đến nỗi mỗi khi có người như Chúa, mỗi khi một tâm thức như của Chúa xuất hiện, mọi tâm thức khác đều bị ảnh hưởng tức thì. Chúng cũng vươn lên, cũng có một thoáng nhìn -- và chúng không thể không thay đổi; mức độ xưa kia không còn nữa.

Người thánh thiện thay đổi chính mình, nhưng nó chỉ có thể xảy ra chỉ khi bạn nhìn; sự chuyển hoá chỉ có thể xảy ra khi bạn loại bỏ mọi tưởng tượng. Nếu bạn chẳng quan tâm đến bạn là ai, nếu nhận sự trống không của bạn, nếu nhận ra cuộc sống giả tạo của bạn, thì ngay lập tức nó hết hiệu lực.

Kiến thức là cách mạng -- không phải kiến thức bạn vay mượn qua sách vở, nhưng kiến thức mà bạn có được khi gặp chính mình. Tự thức có sức mạnh biến đổi, ngoài ra không có gì khác cả. Điều này phải được hiểu. Người ta nghĩ, “Trước hết chúng ta phải hiểu, và sau đó sẽ thay đổi”. Không! Một khi bạn hiểu, thay đổi tự xảy ra. Kiến thức tự nó biến đổi; không phải trước hết bạn biết, và sau đó bạn làm gì đó để thay đổi. Kiến thức không phải là phương pháp, không phải là phương tiện; tự nó chính là cứu cánh.

Nhưng khi dùng từ ‘kiến thức’ tôi muốn nói tự thức. Những kiến thức khác chỉ là phương tiện: trước hết bạn phải biết cách thức, và sau đó bạn phải làm gì đó. Nhưng với tự thức thì phẩm chất khác hẳn: bạn biết, và chính sự hiểu biết thay đổi bạn.

Hãy vứt bỏ mọi tưởng tượng. Hãy can đảm để biết chính mình. Đừng sợ và đừng cố chạy trốn chính mình!

Cho nên Chúa nói: *“Khi lấy cái xà ra khỏi mắt người, người sẽ thấy rõ...”* Chỉ khi mọi tưởng tượng bị bỏ lại. Chúng là những cái xà trong mắt của bạn, chúng đã thành sương, thành khói, thành mây che mắt của bạn. Bạn không thể thấy rõ; bạn không thấy gì rõ ràng cả; tất cả mờ đục. Khi cái xà được lấy khỏi mắt, bạn sẽ thấy rõ. Thấy rõ phải là mục đích – cái nhìn thấu suốt cho phép bạn nhìn thẳng và xuyên thấu tất cả mà không phải phóng chiếu gì cả. Nhưng điều này rất khó, bởi vì ngựa đã quen đường cũ, bạn đã quá máy móc rồi.

Nhìn một bông hoa thì lập tức bạn lẩm bẩm: “Hoa đẹp quá, chưa thấy bao giờ.” Một ý thơ vay mượn nào đó lóe lên. Bông hoa bị quên; sự trong sáng không có. Ngôn ngữ ô nhiễm tất cả -- bạn không thể nhìn hoa mà không gọi tên nó được sao? Phải có tên mới được sao? Đặt tên cho nó có giúp được gì không? Nếu bạn có kiến thức thực vật học thì hoa sẽ đẹp hơn không? Một nhà thơ và một nhà thực vật học khác nhau ở chỗ đó (20); nhà thơ biết hoa (21), còn nhà thực vật học biết về hoa (22). Nhà thực vật học thì mù tịt -- ông ta biết nhiều nhưng thường là vụn vặt -- nhà thơ biết rõ (23).

Phạn ngữ có một từ duy nhất dành cho cả nhà tiên tri (rishi) lẫn nhà thơ (kavi). Không cần hai từ, bởi vì họ nói mỗi khi có một nhà thơ thực sự, ông ta cũng là một tiên tri; và một tiên tri thì dĩ nhiên là một nhà thơ. Cái nhìn thấu suốt biến đời sống thành thi ca. Nhưng bạn phải xem hoa mà đừng gọi tên nó -- hoa hồng hay hoa gì vậy?

Sao phải dùng lời? Vì sao bạn nói, “Đẹp quá”? Nhìn thấy vẻ đẹp thì bạn phải nói mới được sao? Có cần phải lặp lại rằng nó đẹp không? Bạn muốn nói gì khi lặp lại vậy? Bạn muốn nói rằng hoa không đẹp nên phải gọi ý rằng nó đẹp; nghĩa là vẻ đẹp do bạn mà có. Bạn không nhìn thấy hoa; nó chỉ là cái phong để bạn phóng vẻ đẹp vào.

Hãy nhìn hoa và đừng nói gì. Khó mà làm thế được. Tâm trí sẽ cảm thấy bồn chồn, bởi vì nó đã thành thói quen. Nó lú lo không ngừng. Hãy dùng hoa mà tĩnh tâm, mà thiền quán. Nhìn cây và không đặt tên nó, đừng nói gì cả. Chẳng cần phải nói gì; cây đứng trơ ở đó -- sao phải nói chứ?

Tôi nghe kể về Lão Tử. Ngài là một thánh nhân của Trung hoa. Ngài thường đi dạo mỗi sáng. Một người hàng xóm thường đi theo Ngài, nhưng người ấy biết Ngài thích yên lặng, vì vậy nhiều năm người ấy đi theo mỗi sáng nhưng không hề nói gì cả. Một hôm người ấy có khách đến thăm, và khách cũng muốn đi theo. Người hàng xóm nói, “Đừng nói gì cả, vì Lão Tử không muốn bị quấy rầy. Đừng nói gì nhé!”

Họ cùng đi dạo; trời quá đẹp, quá yên lặng, tiếng chim hót, và theo thói quen khách nói, “Đẹp làm sao!” Chỉ thế thôi. Trong một giờ mà chỉ nói thế thì không quá đáng: “Đẹp làm sao!” Nhưng Lão Tử nhìn anh ta, như thể đã phạm tội tày trời.

Họ trở về nhà. Tại ngưỡng cửa Lão Tử nói với người hàng xóm, “Đừng theo tôi nữa! Và đừng mang theo người khác -- người này có vẻ nhiều lời quá.” Và anh ta chỉ nói, “Đẹp làm sao!” – nhiều lời quá. Lão Tử nói, “Sáng nay trời đẹp quá, yên lặng quá. Người này làm hư hết cả.”

“Đẹp làm sao!” Khác nào hòn đá khuấy động mặt hồ yên lặng. “Đẹp làm sao!” Như thể hòn đá gọi phong ba lên mặt hồ phẳng lặng.

Hãy dùng cây mà tĩnh tâm. Hãy thiền quán với trăng sao, với sông, với biển, giữa chốn đông người. Đừng nói gì cả, đừng phán đoán, đừng dùng lời -- chỉ cần nhìn. Nếu có thể làm giác quan của bạn sắc bén, bạn sẽ có được cái nhìn thấu suốt, và mọi thứ trở nên rõ như ban ngày. Và một khi đạt được sự thấu suốt này, bạn sẽ nhìn thấy chính mình.

Tâm trí sáng sủa sẽ tự biết mình, không phải tâm trí nặng trĩu với kiến thức, hay một tâm trí đầy những phán đoán xấu và tốt; hay một tâm trí với nhiều thiên kiến, nhưng với một tâm trí biết thỉnh lặng là gì. Tự biết mình xảy ra cho một tâm trí rộng mở. Nó luôn luôn ở đó, bạn chỉ cần một sự thấu suốt để nhận ra nó, và để nó phản chiếu vào bạn; tâm trí của bạn phải như chiếc gương để sự phản chiếu ấy có thể xảy ra (25). Một khi nó xảy ra rồi, bạn có thể giúp đỡ người thân của mình, không thì mù dần mù.

Cho nên đừng làm thầy ai cả. Những lời khuyên của bạn rất nguy hiểm, bởi vì bạn không biết việc bạn đang làm. Đừng cố gắng thay đổi một ai, ngay cả con, ngay cả anh em của bạn. Chẳng ai cần bạn chỉ bảo, bởi vì bạn rất nguy hiểm. Bạn có thể tàn phế, có thể giết, có thể làm hại, nhưng bạn không thể giúp chuyển hoá. Trừ phi đã được chuyển hoá thì đừng xen vào cuộc sống của người khác. Khi mắt sáng thì bạn có thể giúp. Mà thật ra bạn cũng chẳng phải cố gắng gì cả. Sự giúp đỡ của bạn chẳng khác gì ánh sáng từ một ngọn đèn, hoặc hương thơm của một bông hoa, hoặc ánh trăng tỏa sáng về đêm -- mặt trăng chẳng phải làm gì cả, nó xảy ra rất tự nhiên (26).

Có người hỏi thiền sư Mã Tổ, “Hãy nói về bài giảng của thầy. Thầy nói huyền thuyên, mà thầy lại chê những người nói pháp. Thầy nói liên tục, và trong những lần thuyết pháp đó thầy chống thuyết pháp. Vậy thì xin thầy giải thích!”

Bạn biết Mã Tổ nói gì không? Ngài nói, “Người khác cố gắng. Tôi thì tự nhiên!” Khi không cần nỗ lực, tự nó diễn ra. Như thể bông tự nở thành hoa; nó không cố để nở hoa. Mã Tổ nói, Phật nói, Chúa nói -- họ không cố gắng, tự nó xảy ra! Khi Phật, khi Chúa nói thì đó là một hiện tượng tự nhiên. Mà khi bạn nói thì không tự nhiên vì nhiều thứ khác xen vào. Bạn muốn gây ấn tượng với người khác; bạn muốn thay đổi, muốn điều khiển, muốn làm thầy người khác; bạn muốn khoe khoang; bạn muốn lừa người khác rằng bạn là người trí thức -- bạn muốn chứng tỏ cái tôi của bạn. Nhiều thứ khác tham dự nên việc nói của bạn không tự nhiên. Đó là một trò chơi có tính toán khi bạn nói; bạn có một chiến lược, một chiến thuật hẳn hoi.

Nhưng khi Mã Tổ nói (27), ngài chia sẻ. Nếu người nào lắng nghe thì sẽ được lợi. Nhưng mục đích không phải là vì lợi ích của người khác; lợi ích xảy ra một cách tự nhiên. Hoa không nở vì bạn. Nếu đến gần, bạn sẽ ngửi được hương thơm; bạn có thể thưởng thức nó, có thể cảm thấy thích thú, có thể biết ơn -- nhưng hoa không nở vì bạn; nó nở cho chính nó.

Phật nói tự nhiên, Chúa nói tự nhiên, và cả thế giới được hưởng lợi. Nhưng bạn luôn luôn cố gắng làm lợi cho người khác, và không những không ai được lợi mà còn hại là khác. Thế giới sẽ đẹp hơn nhiều nếu không có những người muốn sửa đổi và cải cách nó. Những cuộc cách mạng chỉ làm thiệt hại, và những cuộc cải cách chỉ đưa đến xáo trộn nhiều hơn thôi.

D.H. Lawrence (28) một lần gợi ý rằng trong một trăm năm chúng ta nên ngưng mọi cuộc cách mạng, đóng cửa mọi trường đại học, ngưng tất cả các cuộc cải cách và những bàn cãi về chúng, và trong một trăm năm chúng ta phải sống như người tiền sử. Đề nghị ấy rất độc đáo. Con người có thể trở nên sống động lại; sinh lực có thể mạnh mẽ hơn, và họ có thể có cái nhìn thấu suốt.

Ngôn ngữ không còn ý nghĩa nữa; chúng đã trở nên quá nặng nề, và bạn đã nặng trĩu với nhiều kiến thức đến mức bạn không thể tung bay được nữa; gánh nặng quá lớn của bạn không cho phép bạn tung cánh tự do. Những ham muốn của bạn đã trở thành nhà tù của bạn, bởi vì bạn nghĩ rằng chúng rất quý giá. Chúng không có giá trị gì cả, và không những không giá trị mà còn nguy hiểm nữa: thánh thư, kiên thức, chủ nghĩa, giáo điều đều làm bạn tê liệt. Sự thấu suốt không thể nhờ chúng mà có (29). Hãy gạt tất cả qua một bên; hãy dẹp mọi phán xét vào một xó.

Hãy nhìn đời như một đứa trẻ không biết nó đang nhìn cái gì -- và cái nhìn đó sẽ cho bạn một nhận thức mới. Sự nhận thức mới đó chính là ngụ ý của Chúa. Tôi sẽ lặp lại lời của Ngài:

“Hạt bụi trong mắt người khác thì bạn thấy, nhưng cái xà trong mắt của bạn thì bạn không thấy.”

“Khi lấy cái xà ra khỏi mắt bạn, bạn sẽ thấy rõ mà lấy hạt bụi ra khỏi mắt người khác.”

Chỉ có thể thì mới hữu ích. Nếu mắt của bạn sáng tỏ thì mới giúp được người khác. Nhưng đó là hào quang của bạn, và mọi người sẽ được hưởng lợi – dù là họ biết hay không biết. Bạn trở thành một phúc lành.

Chú Thích:

- 1 Mat--Thêu 7:3--5
- 2 Sigmund Freud chia tâm thần (psyche) con người ra làm hai phần: ý thức (consciousness) và vô thức (unconsciousness). Ý thức là những gì ta biết được, như suy nghĩ, cảm giác, ước muốn... Vô thức là phần mà ta không biết được, vì nó nằm thật sâu bên dưới. Một thí dụ thường được dùng là một tảng băng. Phần thật nhỏ nhô trên mặt nước là ý thức; phần lớn hơn chìm bên dưới là vô thức. Freud tin rằng ta không thể biết được vô thức, và nó điều khiển mọi hoạt động của ta. Cho nên nhiệm vụ của nhà phân tâm là lôi ra ánh sáng những gì còn ẩn khuất trong vô thức. (Xin đọc: 1. [The Interpretation of Dreams](#) và 2. [Civilization and Its Discontents](#))
- 3 Đó là lý do Thánh Phao--Lô viết, “Tôi không hiểu tôi đang làm gì, bởi vì tôi không thực hành những điều tôi muốn làm, mà lại làm những điều mà tôi ghét.” (Romans 7:15). Ngài viết tiếp, “...Vì tôi biết rõ rằng trong thể xác của tôi chẳng có gì tốt lành cả. Vì tôi có ước vọng muốn làm việc tốt, nhưng lại không có khả năng thực hiện.” (Romans 7:18).
- 4 Jean--Paul Sartre nói rằng con người sinh ra không có yếu tính (essence), và phải qua nhiều thử thách mới nhận ra yếu tính của mình. (Xem Being and Nothingness).
- 5 Đạo sư Gurdjeff nói nhìn được lầm lỗi của người khác dễ hơn của chính mình, và khi thấy được lầm lỗi của người khác, mình sẽ nhận ra đó cũng chính là lầm lỗi của mình. Cho nên trốn vào rừng chưa hẳn đã hay hơn. (Xem P. D. Ouspensky, In Search Of The Miraculous).
- 6 John Rockefeller, tỷ phú người Mỹ, một trong những người giàu nhất thế giới.
- 7 Henry Ford, người Mỹ, chế ra xe hơi.
- 8 Thiền có câu nổi tiếng, “Ngồi yên, không làm gì cả, khi xuân tới, cỏ sẽ tự nhiên mọc.”
- 9 Vladimir Ilyich Lenin, 1870--1924, lãnh tụ cộng sản Nga.
- 10 Thiền Tông gọi là kiến tánh.
- 11 Hồi giáo tin rằng Mohammed là tiên tri cuối cùng, và kinh Koran là thông điệp cuối cùng của Thượng Đế.
- 12 Trang Tử nói rằng một cô công chúa kia lấy chồng xứ lạ. Khi đến cửa ải thì khóc như mưa, vì không muốn xa cha mẹ. Nhưng khi ở với chồng thì cô quên cả cha mẹ. Vậy biết đâu cái chết cũng thế? (Xem Hàn Phi Tử, bản dịch của Nguyễn Ngọc Huy).
- 13 Xin đọc “Sách cho người chết của Tây Tạng” (Tibetan Book Of The Death). Nhiều người chết đi rồi sống lại cũng ghi lại những kinh nghiệm tương tự.
Xem: <http://www.nderf.org/>,
<http://www.near--death.com/>,
<http://www.mindspring.com/~scottr/end.html>,
<http://iands.org/index.php>
- 14 Chúa Giê-Su nói, “Nếu mù dẫn mù, cả hai sẽ rơi xuống hố.” (Mat--Thêu 15:14)
- 15 Nhiều người vẫn còn mê hoặc nhưng thích làm thầy người khác. Bồ Đề Đạt Ma gọi những người ấy là vua ma, và người nghe họ là dân ma (Xem Huyết Mạch Luận).
- 16 Dịch, quẻ Khôn, nói, “Tiên mê. Hậu đắc” nghĩa là nếu dẫn đường thì bị lạc, mà nếu chịu tìm thầy hướng dẫn thì được lợi, vì muốn làm thầy người khác là tâm lý chung

của người đời.

- 17 Chúa Giê-Su gọi những người ấy là tiên tri giả (Mat--Thêu 7:15, 14:11, 24:24)
- 18 Almustafa nói, “Tựa như khi một chiếc lá trở nên vàng thì cả cây đều biết. Cho nên một người làm gì xấu đều được tiếp tay ngầm bởi mọi người khác.” (Xem Kahil Gibran, *The Prophet, On Crime And Punishment*).
- 19 Ramana Maharshi, 1879 –1950, dạy, “Không cho tâm trí được phép lang thang qua ngoại cảnh và những điều mà người đời ưa chuộng. Dù người khác xấu xa thế nào chẳng nữa ta cũng không nên ghét bỏ họ. Cả ham muốn lẫn ghen ghét đều phải tránh. Những gì muốn làm cho người khác thì hãy làm cho chính mình. Khi tâm mình được chứng nghiệm thì tất cả được chứng nghiệm. Khi tâm mình trong sạch thì tất cả trong sạch.” (Xem: *Who Am I?*)
- 20 Khoa học ‘nhìn’ bằng nửa óc bên trái, chủ về lý luận, phân tích. Thi ca ‘nhìn’ bằng nửa bên phải, nghiêng về tổng hợp. Lý luận, phân tích chỉ thấy được những chi tiết vụn vặt mà quên hẳn đại cương, lấy lượng mà quên phẩm. Cho nên Lão Tử nói, “Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiêu. Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu.” Nghĩa là ham muốn (phân tích) thì chỉ thấy được sự chia lìa; không ham muốn (tổng hợp) thì thấy được sự kỳ diệu. (Đạo Đức Kinh, chương một).
- 21 Nửa óc bên trái kiểm soát nửa người bên phải; nửa bên phải kiểm soát nửa người bên trái. Cho nên bên trái là hướng của trái tim, nơi có sức mạnh tổng hợp, của lòng từ bi, bác ái, và tha thứ. Người có tâm đạo phải lấy con tim (bên trái) làm trọng (tả nhậm). Quy luật này được Dịch coi là quan trọng nhất. Quẻ Khôn viết, “Tây nam đắc bằng. Đông bắc tắng bằng.” nghĩa là theo hướng trái tim (tây) và khiêm nhường (nam) thì tìm được thấy (bằng); mà ngược lại (đông bắc) thì mất nghĩa thầy trò. Quẻ Phong Thiên Tiểu Súc nói, “Mật vũ bất vân. Tụ ngã tây giao.” nghĩa là mây đen mà không mưa. Ta phải tìm về hướng tây (trái tim).
- 22 Martin Heidegger nói rằng khoa học chỉ là sự diễn giải về thực tại mà không phải thực tại (Xem *Being And Time*). Einstein cũng nói nếu toán học chính xác thì nó không phải là thực tại, mà nếu là thực tại thì nó không chính xác (Xem Bart Kosko, [*Fuzzy Thinking: The New Science of Fuzzy Logic*](#))
- 23 Biết về là biết qua lý thuyết, qua lý luận. Biết rõ là biết trực tiếp, biết bằng trực giác, không qua tâm trí. Cho nên Chúa Giê-Su nói, “Tai của họ không còn nghe được nữa, và mắt họ đã nhắm lại. Không thì họ có thể nhìn với mắt của họ, và nghe được với tai của họ, và hiểu được bằng con tim. Và Ta có thể chữa lành cho họ được.” (Mat--Thêu 13:15)
- 24 Phương pháp tĩnh tâm của Gurdjieff là ra ngay giữa chỗ đông người và quan sát mọi cái đang diễn ra, nhưng lúc nào cũng nhớ chính mình (self--remembrance). (Xem P. D. Ouspensky, *In Search Of The Miraculous*.)
- 25 Theo Thiền tông thì ngoài tâm không có Phật, và ngoài Phật không có tâm. (Xem D.T Suzuki, *Essays in Zen Buddhism*, three volumes.)
- 26 Lão Tử nói, “Hành bất ngôn chi giáo.” Nghĩa là dạy mà không dùng lời (Đạo Đức Kinh, chương hai).
- 27 Mã Tổ, 709--788, là một thiền sư quan trọng nhất kể từ Lục Tổ Huệ Năng. Dưới sự hướng dẫn của Ngài hàng ngàn người đã chứng nghiệm được chân lý. Sự xuất hiện của Ngài đã được báo trước hàng trăm năm trong câu sấm, “Dưới chân người sẽ xuất hiện một con ngựa (mã) đạp chết nhiều người trong thiên hạ.” (Xem Pháp Bảo Đàn Kinh)
- 28 D.H. Lawrence, 1885--1930, là một văn sĩ rất nổi tiếng người Anh.
- 29 Đó là lý do Thiền tông chủ trương “Không lập văn tự. Chỉ thẳng nhân tâm. Kiến tánh thành Phật.” (Xem D.T Suzuki, chú thích 15)

10.

Hãy Tận Hưởng

Chúa Giê-Su nói: “Không ai có thể cưỡi một lúc hai ngựa, và không thể giương hai cung cùng một lúc; Và không ai có thể làm tôi hai chủ, vì anh ta sẽ yêu người này và ghét người kia.” (1)

Người nào chẳng cưỡi hai ngựa, và chẳng giương hai cung? Không phải hai mà nhiều hơn nữa. Bảo sao bạn không thông khổ? Bảo sao bạn không lo lắng triền miên? Lo âu là dấu hiệu bạn đang cưỡi hai ngựa một lúc. Sao bạn có thể thoải mái được? Không thể được. Vì mỗi con đi mỗi chiều nên chúng chẳng đưa bạn về đâu cả.

Một ngựa thì được; bạn có thể đi đây, đi đó, nhưng hai thì vô dụng; chúng sẽ giằng co lẫn nhau nên bạn cứ mãi tiến thối lưỡng nan. Lo âu là thế. Bạn chẳng làm gì xong cả. Đầu mối của thống khổ là: cuộc sống đang tuột khỏi tay của bạn, trong lúc tuổi già đang đến gần, khi thần chết đang rình rập đâu đó mà bạn vẫn chưa hoàn thành được gì. Bạn chẳng khác gì giòng nước đã bị ứ đọng, đang cạn dần, cạn dần rồi sẽ chết. Bạn không còn mục đích, không còn gì để thỏa mãn nữa. Nhưng tại sao vậy? Vì bạn đã cố làm những chuyện không tưởng.

Nếu hiểu được tâm trí hoạt động ra sao, bạn sẽ hiểu được những gì Chúa muốn nói. Bạn muốn được tự do như một người nghèo, bởi vì chỉ nghèo mới có tự do - anh ta không phải lo lắng, không có cái gì để bảo vệ, không có gì để bị cướp đoạt. Anh ta không sợ hãi. Bạn không thể lấy bất cứ gì của anh ta, bởi vì anh ta không có gì cả. Vì không có gì nên anh ta rất thoải mái. Vì không sở hữu gì nên anh ta không sợ bị trộm cắp viếng. Anh ta không có kẻ thù, bởi vì anh ta chẳng tranh với ai, vì anh ta không có ai là đối thủ cả.

Bạn muốn được tự do như một người nghèo, như một tên ăn mày, nhưng lại muốn được an toàn như một người giàu, như một hoàng đế. Giàu thì an toàn, thì được bảo vệ, anh ta cảm thấy tất cả đều ổn định. Mặt ngoài thì tất cả đều chu đáo, anh ta không có nhược điểm gì. Thần chết muốn thăm anh cũng khó khăn; anh ta không thể bị giết một cách dễ dàng, vì anh ta luôn luôn đề phòng. Và bạn thích tự do như một tên ăn mày, lại muốn được bảo vệ như một hoàng đế. Đó là hai con ngựa của bạn, và điều đó không thể thực hiện được.

Bạn yêu một người, nhưng muốn coi người đó như một đồ vật, hoàn toàn trong sự kiểm soát của bạn. Nhưng bạn không thể yêu đồ vật, vì đồ vật thì vô tình và không tâm sự được với bạn. Do đó nếu là người, người đó không thể bị sở hữu; người ấy như thể thủy ngân: bạn càng cố gắng giữ

trong tay, người ấy càng muốn thoát thân -- bởi vì người nào cũng muốn được tự do. Nếu người ấy là người, bạn không thể sở hữu được; nếu để cho bạn làm chủ, người ấy không còn là người nữa, mà bạn cũng chẳng muốn yêu người ấy. Người ấy chỉ là một cái xác không hồn. Ai muốn yêu người như thế?

Bạn cười trên hai con ngựa. Bạn muốn coi người yêu như thể đồ vật, vốn không thể xảy ra! Bạn chỉ muốn yêu một người sống động. Nhưng sống động là phải được tự do. Nhưng bạn muốn kiểm soát người đó nên bạn muốn chiếm hữu, rồi bạn giết người ấy, đầu độc người ấy. Nếu người ấy thuận theo ý của bạn, sớm hay muộn người ấy sẽ chỉ là một đồ vật. Theo cách đó mà vợ trở thành đồ trang trí trong nhà, và chồng trở thành người giữ nhà. Tình yêu theo đó mà bay. Điều này cũng xảy ra trên mọi lãnh vực.

Bạn nghi ngờ, bởi vì nó có những lợi ích riêng: nó giúp bạn tính toán, nó làm cho bạn dè dặt hơn, không ai có thể lừa dối bạn dễ dàng. Bạn nghi ngờ là vậy. Nhưng nỗi gót nó là lo lắng, bởi vì bạn không thấy chắc chắn. Nó là một căn bệnh. Trừ phi tin tưởng, bạn không thể thư giãn, vì nghi ngờ nghĩa là do dự, mà do dự thì bòn chôn. Nghi ngờ nghĩa là, “Phải làm gì - cái này hay cái kia?” Nghi ngờ nghĩa là, “sống, hoặc không sống?” Không thể nào quả quyết được.

Còn nghi ngờ thì dù một việc nhỏ cũng không thể quyết định được. Bất quá thì quyết định của bạn nghiêng theo phần mà tâm trí chiếm đại đa số. Nhưng thiểu số vẫn có, và nó không phải là một phần nhỏ. Và vì bạn đã chống lại thiểu số, nó sẽ tìm cơ hội để chứng tỏ là bạn đã sai. Được dịp là nó sẽ nổi loạn; nó làm bạn rối beng bên trong.

Nghi ngờ thì không thể yên tâm. Nó là một căn bệnh, như mọi căn bệnh khác. Nó là một tâm bệnh. Cho nên người nào nghi ngờ thì ngày càng yếu đuối. Nhưng bạn không thể lừa dối người ấy một cách dễ dàng, vì người ấy ranh mãnh hơn, vì người ấy biết rõ đường đi nước bước của thế gian. Bạn không qua mặt nổi người ấy, vì bạn tám lạng thì người ấy nửa cân. Như vậy thì nghi ngờ có lợi -- người ấy không thể bị lừa - nhưng có một sự mất mát rất lớn. Giá phải trả rất cao: người ấy sẽ do dự, bòn chôn, không thể quyết định. Mà nếu người ấy quyết định, đó chỉ là lấy đa số để chống thiểu số. Người ấy bị chia cắt và luôn luôn có xung đột.

Bạn cũng muốn tin cậy. Bạn cũng muốn có tín ngưỡng, bởi vì nó ban cho bạn sức mạnh; bạn sẽ không lưỡng lự, sẽ chắc chắn hoàn toàn. Sự quả quyết mang lại cho bạn niềm hạnh phúc: không đắn đo, không dao động; bạn không bị chia cắt mà nguyên vẹn. Nguyên vẹn thì hồn nhiên. Tin tưởng làm cho bạn hồn nhiên, nhưng nhược điểm của nó là bạn dễ bị lừa. Nếu bạn tin, sẽ có nhiều rủi ro, vì những người xung quanh sẽ sẵn sàng lợi dụng bạn, và họ chỉ có thể lợi dụng nếu bạn tin cậy. Nếu bạn nghi ngờ, họ không thể giở trò.

Đó là cách bạn cười lên hai con ngựa - nghi ngờ và đức tin - nhưng bạn đang làm chuyện không tưởng. Bạn sẽ lo lắng và thống khổ triền miên; bạn sẽ yếu dần. Hai con ngựa tranh thắng sẽ giết chết bạn. Chẳng chóng thì chầy sự xung đột sẽ nổ ra. Bạn sẽ bị kẹt ở giữa. Trước khi bạn đạt đến đích thì màn đã hạ rồi; bạn sẽ tàn úa trước khi được khai hoa, nở nhụy; bạn sẽ thành thiên cổ trước khi biết cuộc sống là gì, ý nghĩa của đời sống là gì. Sự sống đã biến mất.

Chúa Giê-Su nói: “Không ai có thể cười một lúc hai con ngựa...”

Nhưng người nào cũng cố làm những chuyện hoang đường; đó là tại sao không ai không bị rắc rối. Rắc rối trong mọi phương diện. Không những chỉ có hai, mà cả hàng triệu con, nên mỗi khoảnh khắc của bạn đầy rẫy những mâu thuẫn. Tại sao vậy? Nếu hiểu được sự hoạt động của nó, bạn có thể loại bỏ nó được. Cơ chế của nó ra sao? Cách mà trẻ em được dưỡng dục là nguyên nhân. Cách mà trẻ em được ném vào trong thế giới điên loạn là đầu mối. Họ tạo ra những sự mâu thuẫn, họ dạy bạn những điều trái ngược nhau.

Ví dụ, họ nói: Hãy yêu cả nhân loại, hãy coi mọi người như anh em mình, hãy yêu mọi người như chính mình. Và đồng thời bạn đã được dạy, được giáo dục, được điều kiện hóa để tranh thắng, để đấu tranh với mọi người. Khi bạn tranh đua, người khác là kẻ thù, không phải bạn bè. Anh ta phải bị đánh bại, phải bị chinh phục; nghĩa là, anh ta phải bị phá hủy. Và bạn phải tàn nhẫn, không thì người khác sẽ phá hủy bạn. Nếu bạn là một đối thủ, cả xã hội sẽ là kẻ thù, không ai là người thân, không ai là huynh đệ. Bạn không thể yêu, phải căm ghét, phải ghen tị, phải giận dữ. Bạn phải sẵn sàng để đấu tranh và chiến thắng, và đó là một cuộc tranh chấp gian khổ. Nếu mềm lòng, bạn sẽ bị thua.

Cho nên phải mạnh mẽ, tàn bạo và hiếu chiến. Trước khi người khác tấn công, bạn phải ra tay trước. Bạn phải tấn công và chiến thắng trước khi quá muộn. Nếu không bạn sẽ thua cuộc, bởi vì cả triệu người cũng muốn cùng thứ đó, không phải chỉ mình bạn. Và làm sao một tâm trí chỉ biết háo thắng có thể yêu người khác được? Điều đó không thể xảy ra được! Nhưng bạn được huấn luyện trong cả hai cách ấy: bạn đã được dạy rằng thành thực là cách xử sự tốt nhất, và đồng thời công việc là công việc! Cả hai cùng một lúc. Hai con ngựa được đưa cho bạn cùng một lúc. Và vì không ý thức được cách thức của thế giới, đứa trẻ không thể nhận ra và cảm thấy sự mâu thuẫn.

Muốn thấy được mâu thuẫn thì phải tuyệt thế thông minh, như Chúa, như Phật. Một đứa trẻ không ý thức được lẽ lỗi của thế giới, và những huấn luyện viên - cha, mẹ, gia đình - những người mà nó yêu mến. Nó thương họ - sao nó có thể nghĩ họ đang tạo ra những mâu thuẫn cho nó? Thậm chí nó cũng không thể tưởng tượng được, vì họ là ân nhân của nó: họ tử tế với nó, dưỡng dục nó. Họ là sự sống của nó. Cho nên họ tạo ra mâu thuẫn để làm gì? Cha mẹ nào chẳng thương con, nhưng vấn đề là họ cũng được dưỡng dục như thế nên họ không biết gì hơn là lặp lại. Họ được cha mẹ dạy ra sao, họ dạy con như thế. Họ đang trao bệnh mà không biết; bệnh được chuyển từ

thế hệ này sang thế hệ khác. Bạn có thể gọi là ‘di sản’, ‘truyền thống’, nhưng cũng chỉ là một căn bệnh. Nó là một căn bệnh, bởi vì không một ai nhờ nó mà được lành mạnh.

Toàn bộ xã hội ngày càng điên loạn. Và vì quá đơn giản, quá ngây thơ nên đứa trẻ có thể dễ dàng bị điều kiện hóa trong những hoàn cảnh éo le. Khi nó nhận ra mâu thuẫn thì đã quá muộn màng. Và khi bạn nhận thức được thì định mệnh hầu như đã an bài, và bạn không hề biết rằng bạn đang cười trên hai con ngựa. Hãy suy tư về mâu thuẫn này, và hãy tìm cho ra, hãy cố tìm ra nó trong cuộc sống của bạn. Bạn sẽ tìm thấy cả triệu những mâu thuẫn ở đó. Bạn bị lẫn lộn, bị xáo trộn, bị hỗn loạn.

Nhiều người đến với tôi và hỏi về tĩnh tâm. Tôi nhìn vào họ mà thấy thương, bởi vì gần như tôi không thể giúp được gì. Tĩnh tâm chỉ có thể đạt được khi không còn mâu thuẫn. Nó đòi hỏi nhiều nỗ lực, rất thông minh, hiểu biết, và chín chắn. Đang bị xáo trộn mà chỉ lặp lại vài câu kinh là bạn sẽ được tĩnh tâm hay sao? Nếu dễ như vậy, thế giới này chẳng có chiến tranh. Bạn nghĩ chỉ cần đọc như vẹt là được tĩnh tâm sao? Đang cười trên cả triệu con ngựa mà đọc vài câu kinh là được tỉnh lặng sao? Những câu kinh đó chỉ là thêm một ngựa nữa mà thôi - hỗn độn kéo theo hỗn độn. Nếu thêm một ngựa nữa, bạn còn bối rối hơn nữa.

Hãy xem những người đạo đức giả: ông ta còn rối rắm hơn người đời, bởi vì ông ta có nhiều ngựa hơn. Người sống giữa chợ, giữa trần thế ít phức tạp hơn, vì có thể họ có nhiều ngựa, nhưng chúng đều thuộc về thế giới này; ít nhất thì chúng tương tự nhau - chúng hoàn toàn thuộc về thế giới này. Và người đạo đức giả này cũng có nhiều ngựa mà có những con thuộc về thế giới này, và một vài con mới mà ông ta có thêm lại không thuộc về thế giới này. Ông ta đã tạo ra một mối bất hòa lớn hơn: thế giới bên kia, Thượng Đế, Nước Trời, và ông ta vẫn sống trong thế giới này. Ông ta trở nên rối rắm hơn, nhiều xung đột hơn xảy ra từ bên trong. Ông ta bị chẻ ra nhiều phần, ông ta bị phân tán; mỗi mảnh rơi một nơi; cảm giác hòa hợp của ông ấy bị tiêu tan. Cái đó gọi là loạn thần kinh.

Bạn đã được dưỡng dục một cách sai lầm, nhưng chuyện đó đã qua rồi, bởi vì bạn đã được giáo dục rồi, bạn không thể quay lại nữa. Nên bạn phải hiểu mà loại bỏ nó. Nếu bạn bỏ nó vì tôi nói thế, bạn sẽ thêm nhiều ngựa nữa. Nếu bạn bỏ nó vì hiểu biết - vì bạn hiểu toàn bộ nên nó tự bị loại bỏ - thế thì ngựa mới không được thêm vào. Mà ngược lại, ngựa cũ (2) sẽ được phóng thích, để chúng có thể tìm về mục đích của chúng... và bạn có thể tìm đến mục đích của chính mình (3).

Không phải chỉ mình bạn đang gặp khó khăn, ngựa của bạn cũng đang lờng lộn bởi vì bạn; chúng cũng đang giậm chân tại chỗ. Hãy tội nghiệp cho chúng, và cho cả bạn nữa. Nhưng điều này cần phải thực hiện qua việc hiểu biết - sự hiểu biết của bạn, không phải lời dạy của tôi, hoặc của Chúa, hoặc của Phật. Họ có thể dẫn đường, nhưng nếu theo một cách mù quáng, bạn sẽ không thể đạt đến mục đích (4).

Hãy cố gắng hiểu lời của Chúa.

Chúa Giê-Su nói: “Không ai có thể cười một lúc hai ngựa, và không thể giương hai cung cùng một lúc. Và không ai có thể làm tôi hai chủ, vì anh ta sẽ yêu người này và ghét người kia.”

Tại sao không thể làm được, và cái gì không thể làm được? Không thể làm được không phải là rất khó khăn. Việc gì dù khó đến đâu cũng có thể làm được, có thể thực hiện được. Không thể làm được nghĩa là dù cố gắng đến đâu, bạn vẫn không thể thực hiện được, không có cách nào làm được. Khi Chúa nói không thể làm được, Ngài nhấn mạnh là không thể làm được; Ngài không muốn nói là rất khó - và cái bạn đang làm chẳng khác gì đội đá, vá trời. Cái gì sẽ xảy ra? Không thể làm được, nhưng bạn vẫn thoa muối vào vết thương. Không thể làm được, nhưng cái gì sẽ xảy ra cho bạn, khi bạn cố sức làm chuyện điên rồ ấy? Bạn sẽ bị phân liệt. Vẫn biết không thể làm được, nhưng bạn vẫn làm, bạn đang hủy hoại cuộc sống của chính mình. Điều này sẽ xảy ra, và đã từng xảy ra.

Hãy xem những người hay nghi ngờ. Bạn đã thấy người nào nghi ngờ mà không có đức tin chưa? Nếu thấy người nào chỉ biết nghi ngờ thôi, bạn sẽ thấy rằng anh ta không thể sống, không thể nào sống được. Hãy tới nhà thương điên; bạn sẽ thấy những người nghi ngờ đủ mọi thứ. Thậm chí họ không làm gì được, bởi vì chuyện không đáng họ cũng nghi ngờ.

Tôi biết một người hoài nghi đến nỗi anh ta không dám ra chợ, mà chợ chỉ cách nhà có một vài bước. Khi gần đến nơi, anh ta trở về để xem cửa đã khóa chưa. Mà lũ trẻ mới thật quỷ quái! Anh ta đi được nửa đường thì chúng hỏi, “Ông đã khóa cửa chưa?” Anh ta giận dữ nhưng vẫn quay về. Vì chỉ có một mình nên anh rất sợ! Lúc anh ta tắm sông thì có người hỏi, “Nhà đã khóa chưa?” Anh ta rất giận dữ, nhưng đang tắm nửa chừng, anh ta lập tức chạy vội về nhà. Đây là người hoài nghi siêu đẳng. Nghi ngờ quá nhiều sẽ dẫn đến nhà thương điên, bởi vì ở đó tha hồ mà bạn nghi ngờ. Đó là những người nhìn đời mình qua từng mảnh vụn.

Mà nếu tin tưởng tuyệt đối, bạn trở thành mù quáng. Thế thì ai nói sao bạn nghe làm vậy; bạn chẳng có tí thông minh nào, chẳng biết trắng đen là gì. Thuộc hạ của Hitler là loại người này - họ đã tin và đã bị đánh bại vì lòng tin ấy.

Vì hai lý do ấy nên bạn muốn làm chuyện không tưởng. Bạn muốn thỏa hiệp. Bạn không muốn đến cực đoan kia, bởi vì đó là cầm địa của điên khùng; bạn không muốn tới cực đoan này, vì ở đó mù quáng sẽ xảy ra. Vậy phải làm gì? Bạn sẽ suy luận rất là đơn giản, “Trung dung thì tốt, mỗi bên một ít – nghi một chút, tin một chút.” Nhưng thế thì bạn cười hai ngựa một lúc. Có cách nào để sống mà chẳng nghi ngờ, cũng chẳng tin không?

Có thể chứ! Thật ra, đó là cách duy nhất để trưởng thành: sống mà không hoài nghi ngờ, cũng không cần lòng tin; Chỉ cần sống đơn giản, tự phát, và tỉnh thức. Và đó là ý nghĩa thật sự của tin tưởng - không phải tin người khác, mà tin vào cuộc sống: bất cứ nơi nào nó đưa tới (5), chẳng nghi ngờ, chẳng tin gì cả, bạn sẽ đáp ứng một cách hồn nhiên.

Người hoài nghi không thể hành xử một cách hồn nhiên. Mỗi khi làm gì anh ta sẽ tính toán, và đôi khi tính toán nhiều quá nên anh ta thiếu quả quyết và lỡ cơ hội. Đó là vì sao những nhà tư tưởng không bao giờ làm gì nhiều. Họ không thể hành động, họ chỉ biết suy tư. Bởi vì trước khi hoạt động, họ phải quyết định, phải quyết liệt; và họ không thể quả quyết, sao họ có thể hành động được (6)? Vậy thì tốt hơn là đợi, thay vì hành động. Nhưng đời sống sẽ không chờ bạn (7).

Cách khác là tin tưởng như một người mù. Rồi ai cũng được, chính khách, người điên, hay giáo sĩ nào cũng có thể đưa bạn đến bất cứ nơi đâu. Chính họ cũng mù nên khi mù dẫn mù thì thảm họa khó mà tránh được. Phải làm gì đây? Đương nhiên là bạn phải thỏa hiệp.

Tâm lý gia B.F. Skinner (8) có một thí nghiệm đáng nhớ. Ông ta thí nghiệm với một chuột trắng. Vì đã bị bỏ đói hai hoặc ba ngày nên nó rất đói, đói đến nỗi gặp gì thì dón cái ấy. Nó được đặt trên một cái bục. Ngay dưới bục là hai cái hộp tương tự, cùng màu, cùng cỡ, và cả hai đều chứa thức ăn. Nó có thể nhảy vào hộp bên phải, hoặc bên trái. Nó nhảy ngay lập tức, chẳng phải suy nghĩ lồi thoi. Nhưng nhảy vào hộp bên phải, nó sẽ bị điện giật, và ở đó có cửa sập đẩy nó qua hộp khác không có thức ăn. Nếu nhảy vào hộp bên trái, nó sẽ không bị điện giật, không bị cửa sập, và lấy được thức ăn. Chỉ hai, ba ngày là nó nằm lòng: nó nhảy vào hộp bên trái và tránh bên phải.

Lúc đó thì Skinner thay đổi vị trí của hai hộp. Chuột nhảy vào hộp bên trái thì bị điện giật. Nó phân vân, đôi dằng phải làm sao đây? Cho nên trước khi nhảy nó run rẩy, do dự, và nghi ngờ. Triết gia là thế đấy - một con chuột trắng, run sợ (9), nghi ngờ phải làm gì, trái hay phải, và chọn làm sao đây? Và ai mà biết..? Nhưng rồi nó lại thích ứng được. Skinner lại thay đổi nữa! Chuột ta bối rối đến nỗi, mặc dầu đói, nó sẽ đợi, run sợ, nhìn vào hộp này và hộp kia - quyết định sao đây? Rồi nếu là bạn, bạn cũng làm như nó: nhảy giữa hai hộp - nhưng không có thức ăn thì cũng như không. Và sau vài tuần thí nghiệm chuột ta hóa điên.

Đó cũng là những gì đang xảy ra với bạn: bạn bị bối rối - làm, hay không làm? Bạn sẽ nhận ra là đang trong thế kẹt là khó mà chọn cái này, nhưng chọn cái kia cũng khó nữa. Cho nên tốt hơn là phải thỏa hiệp, chỉ cần giữ thái độ trung dung. Nhưng ở đó không có thức ăn. Tất nhiên là không bị điện giật, nhưng cũng không có thức ăn.

Bạn bỏ lỡ cuộc sống nếu đứng giữa. Nếu chuột ta có thể nhảy lên cả hai hộp, nó đã làm rồi. Chỉ có hai trường hợp khả hữu: cưỡi cả hai ngựa, hoặc

nhảy vào giữa. Cần phải có một trí tuệ sắc sảo và rất bén mới hiểu được vấn đề rằng chẳng có giải pháp nào khác. Tôi sẽ không đưa ra một giải pháp nào. Chúa hay Phật cũng không thể cho bạn một giải pháp nào. Chỉ cần hiểu rõ vấn đề mới là giải pháp. Khi bạn hiểu rõ vấn đề, tự nó sẽ biến mất.

Có thể sống mà không cần đức tin, cũng không cần hoài nghi, và không cần phải thỏa hiệp chẳng? Vì thỏa hiệp sẽ biến thành chất độc; những trái ngang ấy sẽ biến đời của bạn thành những mâu thuẫn, và nếu có mâu thuẫn, bạn sẽ bị chia cắt, bị chia ra từng mảnh; phân liệt sẽ là kết quả cuối cùng.

Mà nếu chọn bên này và bỏ bên kia, bạn sẽ mất những lợi ích của bên kia. Nghi ngờ giúp bạn tránh khỏi bị lợi dụng. Đức tin giúp bạn quả quyết. Bỏ cái này thì lợi ích của nó cũng mất. Mà nếu chọn cả hai, bạn lại cười trên hai ngựa. Nhưng nếu thỏa hiệp, bạn sẽ tạo ra sự rạn nứt bên trong - bạn là hai; bạn trở thành một đám đông. Vậy phải làm gì đây?

Chỉ cần hiểu vấn đề và bước xuống cả hai ngựa - không cần phải thỏa hiệp. Được vậy thì một phẩm chất khác sẽ nảy sinh, một tâm thức mới sẽ xảy ra. Nhưng sao bạn không làm thế? Bởi vì phẩm chất đó cần sự cảnh giác, đòi hỏi bạn phải tỉnh thức. Thế thì bạn không cần phải nghi ngại gì, bạn chỉ cần tỉnh thức triệt để. Khi bạn cảnh giác, chẳng ai dám lợi dụng.

Nếu bị một người hoàn toàn tỉnh táo nhìn, bạn không thể lừa dối; chính cái nhìn xuyên thấu ấy sẽ tước vũ khí của bạn. Và nếu bạn lợi dụng được, không phải vì bạn xảo quyệt và lừa đảo được, nhưng vì người ấy tử tế và cho phép bạn. Bạn không thể lừa đảo một người hoàn toàn tỉnh táo. Bạn không thể qua mặt được, vì người ấy nhìn thấu tim đen của bạn; tâm thức của người ấy biến bạn thành trong suốt. Nếu người ấy cho phép bạn lừa đảo, đó là vì lòng thương của người ấy. Bạn không thể gạt người ấy được.

Có được tâm thức đó là một điều khó khăn nên bạn đã chọn điều không thể xảy ra được. Nhưng không thể xảy ra là không thể xảy ra. Bạn tự nghĩ rằng nó có thể xảy ra. Nó chưa hề xảy ra, và sẽ không bao giờ xảy ra. Bạn đã chọn điều không tưởng vì nó có vẻ dễ hơn. Thỏa hiệp luôn luôn có vẻ dễ hơn. Mỗi khi gặp khó khăn, bạn thỏa hiệp. Nhưng thỏa hiệp chỉ làm rối ren thêm, vì thỏa hiệp nghĩa là hai điều trái ngược cùng tồn tại bên trong bạn; chúng sẽ luôn luôn xung đột, và chúng sẽ chia cắt bạn. Và một người bị chia cắt không thể có hạnh phúc.

Đó là những gì Chúa muốn nói, nhưng Ki Tô hữu đã hiểu lầm Ngài. Họ hoàn toàn không hiểu Chúa, vì tâm trí luôn luôn xuyên tạc. Xuyên tạc như thế nào? Họ nghĩ rằng Chúa nói, “Chọn một ngựa thôi! Hoặc thế giới này, hoặc thế giới kia - chỉ chọn một! Đừng cười hai ngựa, vì bạn sẽ không thể thực hiện được. Vì vậy hãy chọn một ngựa thôi.” Đó là điều họ giải thích và kết luận.

Tôi đã nghe rằng: một đêm vợ của Nasruddin thấy bụng còn cào nên tìm đồ lót dạ, nhưng không có gì cả, ngoài cái bánh quy của chó. Cô ấy ném

thử, thấy ngon, nên ăn hết. Cô ấy thích quá đến nỗi sáng hôm sau bảo chồng mua thêm. Nasruddin mua thật nhiều loại bánh ấy.

Chủ tiệm nói, “Bạn làm gì thế? Tôi biết chó của bạn rất nhỏ, bạn không cần mua nhiều như vậy.”

Nasruddin nói, “Không phải cho chó, mà cho vợ tôi.”

Chủ tiệm nói, “Tôi phải nhắc cho bạn rằng bánh quy này dành cho chó. Nếu vợ bạn ăn phải, cô ấy sẽ chết - Chúng có độc.”

Sáu tháng sau vợ chết. Nasruddin đến nói với chủ tiệm, “Vợ tôi chết rồi!”

Chủ tiệm nói, “Tôi đã cảnh cáo bạn rồi, rằng bánh đó sẽ giết bà ấy.”

Nasruddin nói, “Chúng không giết bà ấy. Bà ấy chết vì đuổi theo xe hơi, không phải tại bánh!”

Tâm trí của bạn khur khur với kết luận của nó, vì khi một kết luận bị bề, niềm tin của bạn bị khủng hoảng. Vì vậy bạn sống chết với kết luận của mình, bất kể tình huống nào. Nó cho cái tôi của bạn và tâm trí của bạn một chỗ đứng.

Một hôm Nasruddin đang bách bộ với một cây gậy rất lớn, lại quá dài đối với anh ta. Một người bạn gợi ý, “Nasruddin, vì sao bạn không cắt một vài phân từ đầu kia đi?”

Nasruddin nói, “Không được đâu. Đầu đó dài lắm.”

Suy luận của bạn có thể là tự sát (10). Thật vậy! Bạn nghĩ bạn đang suy luận, nhưng không phải suy luận, mà chỉ là lừa dối -- lừa dối chính bạn. Nhưng bạn không muốn yếu hèn; bạn muốn được tự tin; nhưng tự tin của tâm trí là giả dối, bởi vì tâm trí không thể cho bạn tự tin. Nó chỉ có thể cho bạn những cái giả dối, nó chỉ có thể làm cho bạn điên đảo. Nó đã không thể cho bạn cái thực; nó chỉ là một cái bóng. Tâm trí chỉ là những ý tưởng, những cái bóng; nó không có thực thể. Nhưng nó có thể tiếp tục chơi trò duy lý, và bạn cảm thấy thích thú.

Ki Tô hữu hiểu sai Chúa hoàn toàn. Họ nghĩ rằng Chúa nói, “Hãy chọn lựa!” Chúa không thể nói “Hãy chọn lựa!” – Ngài muốn nói không lựa chọn... Vì nếu bạn chọn, thì tâm trí chọn lựa ấy được làm mạnh thêm, không phải bị phá hủy; nó trở thành mạnh mẽ hơn xuyên qua sự lựa chọn. Không, vấn đề không phải là lựa chọn. Và nếu lựa chọn, bạn không còn trọn vẹn nữa, vì bạn đã từ chối cái gì đó.

Nếu chọn lòng tin, bạn sẽ phải từ chối nghi ngờ. Nó sẽ biến đi đâu được? Nó không phải là cái gì bên ngoài mà bạn có thể bỏ đi, nó nằm sâu bên trong bạn. Nó đi về đâu? Bạn chỉ có thể nhắm mắt làm ngơ; bạn chỉ có thể nhét nó vào trong vô thức. Nhưng nó vẫn ở đó, như một ký sinh trùng ăn mòn ý thức của bạn. Nó nằm chờ ở đó, để rồi ngày nào đó sẽ tái xuất hiện. Bạn có thể làm gì không? Bạn có thể loại bỏ nó như thế nào? Nếu chọn nghi

ngờ, bạn sẽ để đức tin ở đâu? Nó là một phần của bạn. Vì vậy bạn phải thỏa hiệp: bạn sẽ trở thành là một mớ hỗn độn của nhiều thứ được kết lại với nhau; không phải là một tổng hợp, mà là một thỏa hiệp.

Chúa nói ngược lại hẳn. Ngài muốn nói, “Đừng chọn lựa.”

Không ai có thể cưới một lúc hai con ngựa, và không thể giương hai cung cùng một lúc; Và không ai có thể làm tôi hai chủ, vì anh ta sẽ yêu người này và ghét người kia.

Hãy bàn câu cuối cùng: vì *anh ta sẽ yêu người này và ghét người kia*. Nếu bạn chọn một, bạn sẽ yêu người này và ghét người kia. Và phần bị ghét của bạn sẽ báo thù, nó sẽ chống đối.

Nghi ngờ là nguyên tắc của khoa học (11). Nghi ngờ tất cả; niềm tin không có chỗ đứng. Nhưng bạn đã biết, và đã từng quan sát các nhà khoa học chưa? Ngoài phòng thí nghiệm họ rất có lòng tin; bạn không thể tìm được người nào tin tưởng hơn các nhà khoa học; họ bị lừa dễ hơn người khác, bởi vì phần nghi ngờ của họ hoạt động trong phòng làm việc, nhưng bộ phận tin tưởng lại hoạt động bên ngoài. Bên ngoài họ cũng bình thường như mọi người, nhưng trong phòng thí nghiệm thì họ rất khéo léo và thông minh.

Bạn có thể lừa một nhà khoa học rất dễ, nhưng khó mà lừa được những người đạo đức giả. Trong miếu họ có đức tin tuyệt đối, nhưng ngoài đời họ rất xảo quyệt. Ngoài đời bạn không thể lừa họ; không có cách nào để lừa đảo, hoặc lợi dụng họ; nhưng trong miếu họ rất đơn giản. Họ sử dụng phần tin tưởng ở đó; phần nghi ngờ họ hướng ra bên ngoài. Họ kinh doanh rất giỏi, họ biết cách làm giàu - họ trục lợi cả thế giới.

Nhà khoa học không thể là một doanh nhân giỏi, không thể là một chính khách có tài. Điều đó không thể xảy ra, vì phần nghi ngờ chỉ sống động trong phòng thí nghiệm; bên ngoài thì niềm tin chủ động. Nhà khoa học ở nhà hoàn toàn khác với nhà khoa học trong phòng làm việc. Có thể bạn đã nghe nhiều chuyện về sự lơ đãng của họ. Đó là những chuyện có thật, không phải bịa đặt (12). Vì ông ta chú ý trong phòng thí nghiệm, nhưng bên ngoài lại lơ đãng -- ông ta đã sử dụng một phần, ra khỏi phòng là hết. Vì thế ông ta có cuộc sống song trùng: khi làm việc ông ta rất lưu ý, nhưng ngoài đời ông ta trở thành đãng trí.

Có một chuyện về Albert Einstein (13). Ông ta đến thăm một người bạn, và họ cùng ăn tối. Họ tán gẫu về đủ đề tài. Einstein không phải là người ngồi lê đôi mách, và ông ta cũng ít nói. Người bạn cảm thấy buồn chán. Lúc ấy đã mười một giờ đêm. Người bạn muốn Einstein về nhà. Nhưng không biết phải nói sao với một vĩ nhân như thế, vì vậy ông ta đợi mãi. Đôi khi ông ta nhắc khéo, “Đêm nay đen như mực,” và, “đường như bây giờ mười một

giờ ruỗi rồi.” Nhưng Einstein chỉ nhìn và ngáp dài; ông ta muốn đi ngủ. Đến khoảng mười hai giờ người bạn nói, “Tôi nghĩ ông đang cảm thấy buồn ngủ, vì ông đang ngáp.” Đó là gợi ý cuối cùng.

Einstein nói, “Vâng, tôi buồn ngủ lắm rồi, nhưng tôi đợi khi ông về thì tôi sẽ đi ngủ.”

Người bạn nói, “Ông đang nói gì thế? Ông đang ở nhà tôi mà!”

Einstein đứng lên và nói, “Xin lỗi! Tôi cứ thức mãi mãi, ‘Khi nào người này ra về để tôi có thể đi ngủ?’”

Trong phòng làm việc, nhà khoa học chú ý hoàn toàn, cảnh giác hoàn toàn. Nhưng phần đó chỉ được sử dụng lúc đó; bên ngoài thì ông ta là một người hoàn toàn khác, trái ngược hẳn.

Đó là vì sao bạn thấy có sự mâu thuẫn của những người đạo đức giả. Cũng tự nhiên thôi. Hãy nhìn vào mặt họ, khi họ cầu nguyện trong miếu. Họ quá ngây thơ, mắt của họ đắm lệt và tràn đầy cảm xúc sâu xa. Nhưng bạn không thể tưởng tượng cũng người đó bên ngoài, điệu bộ của anh ta, cách anh ta bán hàng, cách anh ta sẽ xử sự khi ở cửa hàng.

Phản cảm xúc, phản tin tưởng, đã kết thúc ở trong miếu thờ, trong giáo đường; khi ra về, anh ta gạt nó qua một bên. Ở đó anh ta nghi ngờ chẳng kém một nhà khoa học nào, càng hoài nghi càng tốt.

Đây là cách chúng ta sống một cách nhị trùng; đây là một thỏa hiệp. Chúa không nói, “Chọn một trong hai.” Nếu bạn chọn phần này, phần kia sẽ bị xúc phạm, và nó sẽ báo thù. Nó sẽ làm khó dễ với bạn; nó sẽ làm cho bạn khó mà sống hạnh phúc được. Bạn càng cố gắng sống với một phần, phần kia càng cố làm đảo lộn những dự tính của bạn, những kế hoạch của bạn; hồng keo này nó sẽ bày keo khác. Vậy phải làm gì?

Cách hay nhất là không chọn gì cả (14). Chìa khoá là phải hiểu rõ mọi mâu thuẫn nội tại của bạn. Không chọn lựa gì cả; không chọn phần này mà bỏ phần kia – cũng như bạn không thể bỏ một mặt của đồng tiền.

Đồng tiền có hai mặt. Bạn không thể bỏ một khía cạnh, hay một mặt của nó. Có thể bạn không thích mặt kia, nhưng phải mang cả hai; nếu muốn mang một, bạn phải mang cả hai; đồng tiền sẽ đeo với bạn. Điều duy nhất bạn có thể làm là che giấu phần mà bạn không thích, và phần mà bạn thích có thể được trưng ra ngoài. Đó là sự khác nhau giữa ý thức và vô thức.

Ý thức là phần, là con ngựa mà bạn thích. Còn vô thức là con ngựa, là phần mà bạn không thích. Ý thức là phần mà bạn chọn; vô thức là phần mà bạn gạt bỏ. Đó là hai đèn thờ - một cái bạn đến, và một cái không đến. Nếu không thì cả ý thức lẫn vô thức đều biến mất, bởi vì chúng do chọn lựa mà có. Muốn bỏ thì bỏ cả đồng tiền, chứ không thể bỏ một nửa được.

Nghi ngờ và tin tưởng là hai mặt của cùng một đồng tiền. Giống như nóng và lạnh; chúng có vẻ trái ngược nhau, nhưng chúng nương vào nhau.

Chúng là những đối cực của một toàn thể, như thể điện dương và điện âm, như thể nam và nữ. Chúng có vẻ đối chọi nhau, nhưng là hai đối cực của cùng một hiện tượng. Bạn không thể bỏ điện âm mà không bỏ điện dương, không thể giữ cái này mà bỏ cái kia. Nếu làm như thế, bản thể của bạn sẽ bị chia cắt: phần bị bỏ, bị đàn áp, bị từ chối sẽ thành vô thức; và phần được chấp nhận, được ưa thích sẽ thành ý thức. Kết quả sẽ là sự giằng co triển miên giữa ý thức và vô thức (15).

Nhưng bạn hãy còn cười trên hai ngựa. Cách duy nhất là bỏ tất cả, và chìa khoá không nằm trong sự chối bỏ. Vì chối bỏ cũng là một lựa chọn. Điều này thật là phức tạp và tinh tế nhất: bạn có thể chối bỏ, nhưng lại chọn chối bỏ mà không chọn không chối bỏ. Thế là lại có hai ngựa. Không, điều này chỉ có thể thực hiện được qua sự hiểu biết. Vấn đề không phải là chối bỏ; quan trọng là sự hiểu biết.

Phải hiểu toàn bộ vấn đề: bạn đã làm gì cho chính mình, đã cho phép những gì xảy ra cho chính mình, và những loại mâu thuẫn nào bạn đã tích lũy - chỉ cần nhìn thấu suốt tất cả. Đừng chống, đừng thuận, đừng kết án, đừng phán xét (16) - chỉ cần nhìn thấu suốt con người của mình. Đừng che giấu, đừng xúc phạm, đừng xét đoán: “Cái này tốt. Cái kia xấu.” Đừng đánh giá. Đừng phán xét. Hãy là một người qua đường thờ ơ, một quan sát viên vô tư. Chỉ cần nhìn thẳng vào chính mình, có sao thì thấy vậy. Bất kể những rác rưởi mà bạn đã tạo ra, hãy nhìn thẳng vào đó. Thành linh, một sự hiểu biết phát khởi, và nó biến thành sự chối bỏ. Chẳng khác gì khi bạn cố gắng đi qua bức tường, và thành linh bạn nhận ra rằng đó là bức tường không có cửa. Bạn có cần phải bỏ nỗ lực không? Bạn sẽ tìm lối khác, chẳng chống, cũng chẳng thuận. Bạn biết rõ là cố gắng mấy cũng vô ích. Đó là ý của Chúa: chỉ cần nhìn rõ; không thể đạt được, vậy hãy tìm lối khác. Không cần chọn lựa. Chẳng cần cố gắng.

Nếu hiểu thật sự thì không cần nỗ lực. Và khi nào làm gì mà không cố gắng thì rất đẹp, bởi vì được trọn vẹn. Nếu cần phải công sức thì lại xấu, vì chỉ được một phần mà không trọn vẹn. Cố gắng nghĩa là có trở ngại nào đó. Trở ngại gì? Cái mà bạn vẫn còn nuôi tiếc. Kẻ thù có cái mà bạn không thích, giống như bạn bè vậy – nhưng đối nghịch nhau, và hấn vẫn ám ảnh bạn. Mà bạn đã bao giờ nghĩ rằng khi kẻ thù của bạn chết, cái gì đó ở trong bạn cũng chết ngay lập tức không? Không phải bạn chỉ buồn vì cái chết của của bạn bè, bạn cũng buồn vì cái chết của kẻ thù - bạn không thể như xưa nữa.

Điều đó đã xảy ra ở Ấn Độ. Mohammed Ali Jinnah và thánh Gandhi (17) chống đối nhau liên tục. Khi Gandhi bị giết, Jinnah nói, “Tôi rất buồn. Tôi cảm thấy như đã chết nửa người.” Còn ai để Jinnah cạnh tranh đây? Ai có thể tranh đấu với ông ta được đây? Cái tôi khó mà tồn tại nếu kẻ thù không còn nữa. Bạn là một ô hợp của bạn bè và kẻ thù - bạn là một mâu thuẫn.

Chỉ có người trọn vẹn mới không có bạn, không có thù; người ấy không chọn lựa, không nghiêng bên này, ngả bên kia; người ấy sống từng khoảnh khắc một với sự tỉnh thức mà không chọn lựa (18), và người ấy thuận theo dòng sống một cách tự nhiên. Người ấy không biết đấu tranh là gì, và hoàn toàn buông lơi. Nếu hiểu được điều này, bạn sẽ hiểu được ý nghĩa của Chúa:

Không ai có thể cười một lúc hai con ngựa, và không thể giương hai cung cùng một lúc; Và không ai có thể làm tôi hai chủ, vì anh ta sẽ yêu người này và ghét người kia.

Ý nghĩa bình thường sẽ là, “Chọn một chủ thôi. Đừng chọn hai.” Nhưng nếu phải lựa chọn, bạn sẽ được cái này mà mất cái kia, cho nên vấn đề không phải là chọn chủ này mà bỏ chủ kia, bởi vì bạn bị ràng buộc, không thể được tự do. Bạn chỉ được tự do khi không có sự lựa chọn (19). Bạn không chọn lựa, và không phải nỗ lực. Khi bạn hiểu rõ thì nỗ lực không cần thiết nữa. Khi đó bạn là chủ nhân.

Người Ấn gọi các hành giả là swami. Swami (20) nghĩa là chủ của chính mình, nghĩa là người không còn chọn lựa nữa, nghĩa là không có ai là chủ cả. Và đây không phải là ngạo mạn, mà là một sự hiểu biết sâu sắc, là nếu phải chọn giữa những mâu thuẫn, bạn là một nạn nhân; nếu phải chọn giữa những điều trái ngược, bạn sẽ bị chia cắt vì những oan trái đó. Một hành giả không ưa thế giới này và ghét thế giới kia; người ấy chẳng theo, cũng chẳng chống. Người ấy chẳng biết bạn, thù là ai.

Một chuyện về Thiên rất hay (21).

Xưa có một người đang đứng trên một đỉnh đồi cao. Ba người bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ xa và bắt đầu cãi nhau.

Một người nói, “Có lẽ ông ta lạc mất con gia súc mà ông ta ưa chuộng.”

Người kia cãi lại, “Không đâu, chắc là ông ta đang chờ người bạn đầy thôi.”

Người thứ ba không đồng ý: “Ông ta lên đứng đó để thưởng thức không khí trong lành đó mà.”

Ba người bộ hành chẳng ai đồng ý với ai. Họ tiếp tục cãi nhau cho đến khi đến đỉnh đồi, chỗ người kia đang đứng.

Người thứ nhất lên tiếng hỏi, “Này bạn, đứng trên đỉnh đồi trông ngóng, phải chăng bạn bị lạc mất gia súc nào chăng?”

“Thưa Ông, tôi không lạc mất gia súc nào cả.”

Người thứ hai nói, “Thế chắc là ông bị lạc mất người bạn chứ gì?”

“Thưa Ông, tôi cũng chẳng có người bạn nào bị lạc cả.”

Người thứ ba hỏi, “Như vậy chắc bạn đang đứng hóng gió?”

“Không phải vậy đâu, thưa Ông.”

“Tất cả các câu hỏi của chúng tôi bạn đều trả lời là không phải, vậy bạn đứng đây làm gì vậy?”

Người ấy trả lời: “Tôi chỉ đứng ở đây thôi.”

Nhưng đó là tinh tâm, là thiên quán, và là ý nghĩa của hành giả: chỉ hiện hữu. Thế thì bạn được tự do - tự do với bạn bè, với kẻ thù; với giàu, với nghèo, với thế giới này và thế giới kia, với vật chất và tâm trí - tự do với mọi lựa chọn và chia cắt. Khi đó những cái không tưởng bị bỏ rơi; bạn trở thành tự nhiên; bạn sẽ là một với Đạo, sẽ nổi theo dòng.

Khi không còn đánh vật với những điều không tưởng nữa, lo âu biến mất, thống khổ không còn nữa. Chúng sẽ nhường chỗ cho phúc lạc. Phúc lạc không phải là cái phải đạt được. Bạn chỉ phải tạo điều kiện cho nó xảy ra. Khi bạn không đau khổ, phúc lạc xảy ra. Bạn đã tạo điều kiện. Như thế bạn mở cửa ra thì nhà sẽ sáng. Hiện giờ thì bạn có đủ lo lắng, bị chia cắt, đang cỡi trên hai con ngựa, cô giương hai cung cùng một lúc; bạn bị phân liệt, bệnh hoạn và do dự. Hoặc, cùng lắm thì bạn thỏa hiệp, và bạn sẽ bị thác loạn.

Một người bình thường sống đời một cách bình thường; họ không bị thác loạn; họ biết thích nghi. Thế thôi. Nhưng cũng chẳng giá trị gì. Dù biết thích nghi, dù là người gương mẫu, một người bình thường, bạn cũng chẳng biết ngất ngây là gì. Bạn cũng không hài lòng, và dù đạt được gì đi nữa, bạn cũng không hài lòng. Hãy nhìn những người đã thành công, những người khá hơn bạn, những người trên tột đỉnh vinh quang, bạn sẽ thấy họ buồn rầu hơn những người kém may mắn - vì họ chẳng còn hy vọng gì nữa.

Trời còn sáng mà Nasruddin đã đi chợ, mặt có vẻ rất buồn bã. Một người bạn hỏi, “Chuyện gì thế?”

Nasruddin nói, “Đừng hỏi! Tôi buồn và quá thất vọng đến có thể khóc được.”

Người bạn hỏi lại, “Nhưng sao vậy? Tôi chưa hề thấy bạn buồn rầu như vậy. Bạn đã qua nhiều khó khăn, từ tài chính đến những chuyện khác, nhưng tôi chưa thấy bạn buồn và thất vọng như vậy. Vấn đề gì? Chuyện gì đã xảy ra?”

Nasruddin nói, “Hai tuần trước đây, chú của tôi chết và đã để lại một trăm nghìn đồng cho tôi.”

Người bạn nói, “Nasruddin, bạn điên rồi, phải không? Nếu chú đã để lại cho bạn một trăm nghìn đồng, bạn phải vui chứ, sao lại buồn rầu?”

Nasruddin nói, “Vâng, đúng như vậy. Nhưng tuần rồi ông chú khác chết và đã để lại cho tôi hai trăm nghìn đồng.”

Người bạn nói, “Vậy là hết thuốc rồi! Bạn phải nhảy múa, phải vui mừng, phải ăn mừng chứ, vì chẳng có lý do gì để mà buồn cả! Bạn là người hạnh phúc nhất trong làng này!”

Nasruddin nói, “Tôi biết chứ. Nhưng tôi không còn chú nào nữa. Điều đó làm tôi buồn.”

Điều đó xảy ra cho những người thành công: khi bạn không còn chú nào nữa, thì thành công, hết hy vọng. Một người thất bại vẫn còn hy vọng, có thể hy vọng; vẫn còn chú khác, khả năng vẫn còn. Càng thành công, càng lo lắng, vì thành công sẽ tăng cường loạn thần kinh lên, sẽ để lộ sự phân liệt của bạn ra. Đó là lý do tại sao ở Mỹ nhiều người bị phân liệt hơn, nhiều khủng điên hơn bất kỳ nước nào khác, vì Mỹ đã thành công ở trong mọi mặt.

Một nước nghèo chẳng có mấy người điên. Họ vẫn còn hy vọng. Và khi còn nước thì còn tát, thua keo này bạn sẽ bày keo khác. Khi mục đích đã đạt được, bạn sẽ ngừng và sẽ phải nhìn vào chính mình, vào những xáo trộn, và những hỗn loạn mà bạn tạo ra trong bản thể của mình. Bất thành công bạn cảm thấy mình ngớ ngẩn. Bạn luôn luôn ngớ ngẩn, nhưng nó chỉ lộ ra khi bạn thành công, vì khi không có gì để mơ mộng, bạn đối mặt với chính mình. Trong hiện trạng của bạn, phúc lạc xa tầm với, hạnh phúc ngoài tầm tay, và bạn có thể chỉ hy vọng. Bạn phải chấp nhận đau thương do chính bạn đã gây ra.

Nhưng phúc lạc có thể có; nó đã xảy ra với Chúa, với Phật. Nó cũng có thể xảy ra với bạn - nhưng bạn phải gạt điều không thể đạt được qua một bên. Hãy nghĩ về những điều tự nhiên, có thể làm được, dễ dàng. Đừng nghĩ về điều không thể đạt được, khó khăn, đầy thử thách. Cái tôi luôn luôn thích những cái không thể đạt được, nhưng thất bại là cái chắc, nhất định phải thất bại. Nhưng cái tôi thích vá trời, vì bạn cảm thấy bạn có gì đặc biệt. Chính phục được cái không thể đạt được sẽ biến bạn thành là một chiến sĩ vĩ đại.

Mà tôn giáo thì rất đơn giản, dễ dàng, tự nhiên - không cần phải cưỡi ngựa nào cả. Chẳng khác gì đi bộ khi trời sáng. Đi bộ tự nó là cứu cánh, không có gì đặc biệt cả, chỉ cần thưởng thức gió ban mai, mặt trời, chim chóc - chỉ cần tận hưởng.

Chú Thích:

- 1 Mat-Thêu 6:2
- 2 Ngựa cũ có thể là những nhu cầu cần thiết cần phải có, như ăn uống...
- 3 Đức Phật trong sáu năm đã hành xác đủ kiểu. Cuối cùng Ngài nhận ra rằng Ngài không thể thắng nổi những nhu cầu căn bản của thể xác. Và khi những nhu cầu ấy được thỏa mãn, Ngài trở nên thư giãn hoàn toàn. Trong sự thanh thoi ấy Ngài đã chứng nghiệm được chân lý.
- 4 Lời cuối cùng của Đức Phật, “Hãy là ánh sáng cho chính mình. Hãy là hải đảo cho

- chính mình.” Nikos Kazantzaki, tác giả tập sách nổi tiếng Zorba The Greek, cũng nói, “Chúa Giê-su không đến để cứu chúng ta, nhưng Ngài đã chỉ cho chúng ta một con đường để tự cứu mình.”
- 5 Bất cứ nơi nào nó đưa tới, không kháng cự, không tranh thắng, tựa như nước ở chỗ mọi người đều ghét nên gần với Đạo. Đó là tóm tắt toàn bộ giáo lý của Lão Tử. Đạo Đức Kinh, chương tám.
 - 6 Soren Kierkegaard là tổ sư của triết học Hiện Sinh. Ông ta yêu một cô gái và cô ấy cũng yêu ông ta. Cô ấy muốn lấy ông ta, nhưng ông ta suy nghĩ rất nhiều, và sợ rằng nếu cưới cô ta thì có thể sẽ mất tự do. Cuối cùng từ chối và hối hận cả đời.
 - 7 Emmanuel Kant là trong những triết gia nổi tiếng nhất. Một học trò yêu và ngỏ ý muốn cưới ông ta. Ông ta bỏ ra ba năm suy nghĩ có nên lấy vợ hay không. Khi ông trở lại tìm thì cô ấy đã có chồng rồi.
 - 8 Burrhus Frederic Skinner, 1904-1990, là một nhà Hành Vi Học (Behaviorist) nổi tiếng nhất. Phần lớn những ý tưởng của ông về con người đều được suy diễn từ những thí nghiệm với thú vật. Vì vậy, đối với ông, chỉ có bản năng và điều kiện hóa mới đáng kể; tự do và nhân phẩm không có chỗ đứng. Đó là tựa đề cuốn sách nổi tiếng của ông, Beyond Freedom And Dignity (Bên ngoài Tự Do Và Nhân Phẩm). Những ý tưởng của ông ngày nay không được coi là quan trọng nữa. Gần đây một số học giả, điển hình là nhà ngữ học lừng danh Noam Chomsky, cho rằng mô hình (model) của René Descartes thích hợp hơn, vì tâm trí có chỗ đứng trong mô hình ấy. Xem James Hall, Philosophy Of Religion. The Teaching Company.
 - 9 Ludwig Wittgenstein, 1889-1951, là một trong những triết gia quan trọng nhất của thế kỷ hai mươi. Ảnh hưởng của ông rất sâu rộng trong triết học, tôn giáo và khoa học. Có ít nhất hai trường phái triết học được thiết lập do ảnh hưởng của ông. Một trường phái ấy là chủ nghĩa Thực Chứng (Logical Positivism). Khi về già ông được mời qua Mỹ để thuyết trình tại các đại học. Trong thời gian ở Mỹ, ông bị bệnh vì không quen khí hậu. Ông sợ chết đến nỗi phải la lên, “Tôi là người Âu Châu. Tôi qua đây làm gì vậy?” Xem Ray Monk, The Duty Of A Genius.
 - 10 Suy luận chỉ có một giá trị rất nhỏ. Những người suy nghĩ nhiều thường do dự, không dám có những quyết định lớn. Những quyết định quan trọng, táo bạo đều phải nhờ vợ, bởi vì suy luận là sống bằng óc não, bằng phần óc bên trái. Các bà dám quyết định vì họ sống bằng con tim, bằng phần óc bên phải. Cho nên Dịch, quẻ Phong Thiên Tiểu Súc (lợi nhỏ), viết, “Mây đen mà không mưa. Ta phải đi về hướng tây.” Lý luận cũng như gió (phong) ở trên trời (Thiên) đưa mây về nhưng không thể mưa được. Ta phải nghe theo tiếng nói của con tim (hướng tây).
 - 11 René Descartes, tổ sư của triết học hiện đại, nói rằng khi không còn một mảy may nghi ngờ, ta mới chấp nhận, và có thể những ý tưởng của ta do một con quỷ nào đó gợi cho, nhưng nếu, “Tôi suy nghĩ, tôi hiện hữu.” Đó là câu nói nổi tiếng nhất của ông ta. Xem Discourses on Methods.
 - 12 Archimedes trần truồng, chạy ra đường la lên, “Eureka! Eureka!” Adam Smith, tổ sư Kinh Tế học, ra đường nói nhảm như một người điên. Thomas Edison, hồi trẻ nhất thế chiến, quên cả tên mình khi được gọi trình diện. Isaac Newton có hai con mèo, và đã khoét hai lỗ để cho chúng ra vào tự do trong phòng làm việc của ông ta....
 - 13 Albert Einstein tác giả của thuyết tương đối. Đoạt giải Nobel Vật lý năm 1927.
 - 14 Không lựa chọn tức là thuận theo tự nhiên, tựa như người say vì không chống lại nên tuy mang tật mà không chết. Trang Tử gọi là “ẩn mình nơi Trời”. Nam Hoa Kinh, thiên Trụy Xa (tế xe) viết, “Người say rượu tế xe, tuy mang tật mà không chết. Gân cốt thì giống mọi người, mà bị hại sao lại khác mọi người? Là vì nó giữ được toàn cái thân của nó. Lên xe cũng không biết, tế xe cũng không hay: sống, chết, kinh hãi, sợ sệt không sao vào được trong lòng. Cho nên dù có chống lại với vật mà không biết sợ. Đó là kẻ đã hòa được với rượu mà còn như thế, huống chi kẻ đã hòa được với Đạo.

- Bậc thánh nhân *ẩn mình nơi Trời* nên không gì hại nổi. Mình bị thương, chẳng lẽ lại bẻ gươm mà trả thù. Dù là kẻ nóng tính cũng không oán miếng ngói rớt trên đầu mình.”
- 15 Ý thức và vô thức – xem chú thích 2, chương 9.
 - 16 Đừng chống, đừng thuận, đừng kết án, đừng phán xét là ý nghĩa của câu nói của Chúa Giê-Su, “Phúc cho những người có lòng nghèo khó (poor in spirit), vì Nước Trời là của họ.” (Mat-Thêu 5:3) Lão Tử cũng nói, “Làm cùn cái bén nhọn, cời cái khúc mắc, hòa với ánh sáng, cùng chung với bụi bặm.” Đạo Đức Kinh, chương bốn.
 - 17 Jinnah và thánh Gandhi là hai lãnh tụ cùng tranh đấu dành độc lập cho Ấn Độ từ Anh Quốc. Jinnah là lãnh tụ của những người Hồi giáo, và thánh Gandhi của những người theo Ấn Độ giáo.
 - 18 Không chọn lựa nghĩa là trong mọi việc làm chỉ có việc làm mà không có người làm. J. Krishnamurti gọi là sự chọn lựa không lựa chọn (choiceless choice). Lão Tử nói, “Người đức cao không cần đức nên có đức. Kẻ đức thấp không bỏ mất đức nên không có đức. Người đức cao không làm nên không có gì để làm. Bậc đức thấp làm nên mới có cái để làm.” Đạo Đức Kinh, chương 38.
 - 19 Mô đen của Descartes có chỗ cho tâm trí (xem chú thích 8). Vì có tâm trí nên có sự lựa chọn, có tự do. Nhưng tâm trí được tự do lựa chọn, và lựa chọn trong lẫn lộn – giữa nhiều cái biết phải chọn cái nào cho đúng. Điều đó đưa đến trách nhiệm, và nó làm ta sợ hãi vì nếu chọn sai sẽ phải chịu hậu quả. Vì vậy, Jean-Paul Sartre nói tự do ấy bị nguyên rủa; Kierkegaard gọi là run rẩy. Cho nên tự do ấy chưa phải là tự do thực sự, bởi vì có tự do nhưng cái tôi vẫn còn. Osho phân biệt hai loại tự do: tự do của cái tôi (freedom of the self) và tự do khỏi cái tôi (freedom from the self). Tự do của cái tôi là loại tự do bị nguyên rủa. Tự do khỏi cái tôi mới là tự do thật sự, cái tôi không còn nữa thì ai ở đó mà lựa chọn trong lẫn lộn, để bị nguyên rủa, để run rẩy. Đức Phật gọi tự do ấy là vô ngã (anatta). Xem Osho, Bát Nhã Tâm Kinh, Vạn Sơn chuyển ngữ.
 - 20 Hành giả nam gọi là swami, nữ là ma.
 - 21 Ý nghĩa của câu chuyện Thiền này đã được Osho giải thích trong tập, “Thiền: Con Đường Nghịch Lý, tập I”, chương 7, Lê Công Đa chuyển ngữ.